THẦN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Húy Dương Hoán, cháu gọi Thánh Tông bằng ông, cháu gọi Nhân Tông bằng bác, con của Sùng Hiền hầu, do phu nhân họ Đỗ sinh ra. Khi mới lên 2 tuổi, được nuôi trong cung, lập làm hoàng thái tử. Nhân Tông băng, bèn lên ngôi báu. Ở ngôi 11 năm [1128 - 1138], thọ 23 tuổi [1116 - 1138] băng ở điện Vĩnh Quang. Vua khi mới lên ngôi hãy còn trẻ dại, đến khi lớn lên, tư chất thông minh, độ lượng nên việc sửa sang chính sự, dùng người hiền tài, thủy chung đều chính, nhiệm nặt khúc nôi, không gì sai lệch. Tuy thân mang ác tật nhưng rồi chữa lành, cũng là nhờ có ý trời cả. Song quá thích điềm lành, tôn sùng đạo Phật, chẳng đáng [28b] quý gì.

Mậu thân, Thiên Thuận[1] năm thứ 1 [1128], (Tống Kiến Viêm năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, Bính Tuất, đổi niên hiệu, đại xá. Tôn mẹ nuôi là Trần Anh phu nhân làm Hoàng Thái hậu.

Xuống chiếu rằng: Phàm dân có ruộng đất bị sung công cùng là bị tội phải làm điền nhi thì đều được tha cả. Các tăng đạo và dân phải làm lộ ông[2] cũng được miễn.

Cho sáu quân thay phiên nhau về làm ruộng, theo chế độ xưa.

Ngày Mậu Tý, tôn thụy hiệu cho Đại Hành Hoàng Đế là Hiếu Từ Thánh Thần Văn vũ Hoàng Đế, miếu hiệu là Nhân Tông.

Ngày Kỷ Sửu, biếm Đại liêu ban Lý sùng Phúc vì khi đi qua cửa thành Tây Dương, người tuần lại hỏi mà không trả lời.

Ngày Tân Mão, xuống chiếu rằng nước đang có tang, dân chúng không được cưỡi ngựa và đi võng màu lam, xe che màn.

Ngày Canh Tý, vua bắt đầu ngự kinh diên [nghe giảng học].

Ngày Tân Sửu, lấy Nội **[29a]** vũ vệ Lê Bá Ngọc làm Thái úy, thăng tước hầu; Nội nhân hỏa đầu Lưu Ba, Dương Anh Nhĩ làm Thái Phó, tước Đại liêu ban; Trung thừa Mâu Du Đô làm Gián nghị đại phu, thăng trật chư vệ; Nội nhân hỏa đầu Lý Khánh, Nguyễn Phúc, Cao y làm Thái Bảo, tước Nội thượng chế; Nội chi hậu quản giáp Lý Sơn làm Điện tiền chỉ huy sứ, tước Đại liêu ban; Linh nhân[3] Ngô Toái làm Thượng chế; Ngự khố thư gia Từ Diên làm Viên ngoại lang. Lại ban tiền lụa cho Bá Ngọc, [Lưu] Ba và [Mâu] Du Đô đến tận nhà đem lễ vật của Nhân Tông ban cho Sùng Hiền hầu.

Ngày Quý Mão, sai người ở Hoà Trại cáo phó với nhà Tống và báo việc lên ngôi. (Khi ấy Tống Cao Tông lánh người Kim qua sông [Trường Giang] đóng đô ở phủ Lâm An[4]. Ngày Giáp Thìn, xuống chiếu cho Đô phi kỵ mang di **[29b]** chiếu của Nhân Tông và việc vua lên ngôi sang báo cho Chiêm Thành. Phát vàng và lụa trong kho ban cho các quan theo thứ bậc khác nhau.

Ngày Mậu Thân, trường Quang lang dâng 9 chiếc thuyền của người buôn nước Tống trôi giạt.

Đỗ Vũ Thắng là Quách Ti dâng cây đào cao 4 tấc có hoa.

Ngày Kỷ Dậu, cho Đào Thuấn làm Trung thư sảnh viên ngoại lang hành tây thượng cáp môn sứ, Thượng thư sảnh viện ngoại lang Lý Bảo thần hành đông thượng cáp môn sứ, Phạm Thưởng, Đỗ Lục,

---

[1] Đại Việt Sử Lược chép niên hiệu này là Đại Thuận (Q.3, 1a)

[2] Điền nhi và lộ ông: Cương Mục dẫn lời Ngô Thì Sĩ chua rằng: Điền Nhi và Lộ Ông đều là những người bị tội đồ dịch. Còn phép phối dịch ra sao bây giờ không thể khảo được (CMCB4, 19a).

[3] Linh Nhân: tương truyền thời Hoàng Đế có người tên là Linh Luân chế tạo ra âm nhạc, vì vậy đời sau gọi là nhạc quan và các diễn viên ca kịch là "linh nhân"

[4] Nay là Hàm Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

Khổng Nguyên, Phạm Bảo, Kim Cát, Lý Khái, Đào Lão, Nguyễn Hoàn làm Viên ngoại lang thượng thư sảnh; Lương Cửu, Đào Sâm, Quách Thục, Nguyễn Nhân, Nguyễn Khánh, Đào Tương, Quách Cự Tầm, Nguyễn Thối làm Trung thư hoả; Lý Ngũ, Kiểu Nghĩa, Lý Cá, Nguyễn Biếm, Nguyễn Bộc, Nguyễn Khoan, Đào Lục, Đỗ Ký, Kiểu Thiệu làm Chi hậu thư gia.

Ngày Quý Sửu, xuống chiếu cho Gián nghị đại phu Mâu Du Đô chọn quân Long Dực cũ làm các quân tả hữu Ngọc Giai, Hưng Thánh, Quảng Thành, vũ **[30a]** Đô.

Ngày Giáp Dần, hơn 2 vạn người Chân Lạp vào cướp bến Ba Đầu ở châu Nghệ An. Xuống chiếu cho Nhập nội thái phó Lý Công Bình đem các quan chức đô cùng người châu Nghệ An đi đánh.

Tháng 2, ngày Ất Mão, xuống chiếu tha cho cá tội nhân ở phủ Đô hộ. Ngày Nhâm Tuất, xuống chiếu tha cho 130 người bị biếm truất.

Ngày Quý Hợi, Lý Công Bình đánh bại người Chân Lạp ở bến Ba Đầu, bắt được chủ tướng và quân lính.

Ngày Ất Sửu, các quan dâng tôn hiệu là Thuận Thiên Quảng Vận Khâm Minh Nhân Hiếu Hoàng Đế. Vua bảo các quan rằng: "Trẫm còn trẻ thơ, nối nghiệp lớn của tiên thánh, mà thiên hạ yên tĩnh, trong cõi sợ uy, đều là nhờ sức của các khanh. Các khanh nên cẩn thận giữ chức, chớ có lười biếng qua quít để giúp cho trẫm những chỗ còn thiếu sót".

Lập Lý thị làm Hoàng hậu. Trước đó vua sai Viên ngoại lang Lý Khánh Thần và **[30b]** vợ đi đón con gái của Điện tiền chỉ huy sứ Lý Sơn, Viên ngoại lang Trần Ngọc Độ và vợ đi đón con gái của Lê Xương là cháu chú bác của Thái úy Lê Bá Ngọc, sách lập con gái của Sơn làm Lệ Thiên Hoàng hậu, con gái của Xương làm Minh Bảo phu nhân. Thăng trật ký hầu cho Lý Sơn coi việc quân sự ở lạng Châu, ban cho [Lê] Xương tước Đại liêu ban.

Mưa dầm.

Ngày Đinh Mão, các quan dân biểu mừng vua lên ngôi.

Lá phướn của hai chùa Thiên Long và Thiên Sùng không gió mà tự lay động như múa. Vua ngự xa giá đến hai chùa ấy để lễ tạ.

Thư báo thắng trận của Lý Công Bình đến kinh sư.

Ngày Mậu Thìn, vua ngự đến hai cung Thái thanh, Cảnh Linh và các chùa quán trong thành để lễ tạ ơn Phật và Đạo đã giúp ngầm cho Công bình đánh được người Chân Lạp.

> Lê Văn Hưu nói: Phàm việc trù tính ở trong màn trướng, quyết định được chiến thắng ở ngoài nghìn dặm, đều là **[31a]** công của người tướng giỏi cầm quan làm nên thắng lợi. Thái phó Lý Công Bình phá được quân Chân Lạp cướp châu Nghệ An, sai người báo tin thắng trận. Thần Tông đáng lẽ phải cáo thắng trận ở Thái Miếu, xét công ở triều đường để thưởng cho bọn Công Bình về công đánh giặc. Nay lại quy công cho Phật và Đạo, đi các chùa quán để lạy tạ, như thế không phải là cách để ủy lạo kẻ có công, cổ lệ chí khí của quân sĩ.

Ngày Canh Ngọ, vua ngự điện thiên an xem quốc nhân hội thề ở Long Trì[1]. Nhân đó xuống chiếu phát quần áo, tiền lụa trong Nội phủ để ban cho.

Ngày Giáp Tuất, xuống chiếu cấmgia nô và tạo lệ của các quan không được lấy con gái lương dân.

Hoàng hậu Lệ Thiên và phu nhân Minh Bảo về thăm nhà.

Sai Gián nghị đại phu Mâu Du Đô đến phủ Thiên Đức chọn đất tốt để xây sơn lăng của Nhân Tông.

---

[1] Nguyên văn: "quan quốc nhân minh vu Long Trì" (xem người trong nước thề ở Long Trì). Hai chữ "quốc nhân" trong câu này không được xác định rõ, thường hiểu là số đông người thuộc nhiều tầng lớp xã hội.

Tháng 3 **[31b]** Lý Công Bình đem quân về kinh sư, dâng tù 169 người.

Cho nội lệnh thư gia Phí Công Tín làm Phụng nghị lang, Nội thư gia Ngụy Quốc Bảo làm Tả ty. Vua xem đại hội Linh quang, cho Công Tín và Quốc Bảo làm Nội thường thị.

Mùa hạ, tháng 4, hạn. Vua trai giới ăn chay cầu đảo, được mưa.

Tháng 5, độ cho lão binh đô tào là bọn Vũ Đại bốn người làm tăng.

Xuống chiếu miễn thuế dịch cho 100 người họ của Thần Anh thái hậu có biên tên ở sổ.

Xuống chiếu rằng những việc kiện tụng đã phán xử dưới các triều Tổ, Tông[1] rồi thì không được đem bàn tâu lên nữa, làm trái thì bị tội.

Tháng 6, xuống chiếu cho đại thần và các quan chức đô hội thề ở ngoài cửa Đại Hưng. Dự định làm lễ đưa táng Nhân Tông.

An táng Nhân Tông ở lăng Thiên Đức.

Lấy ngày sinh nhật của vua là tiết Thiên thụy.

Mùa thu, tháng 7, tiết Trung nguyên, vua ngự điện Thiên An, các quan dâng biểu mừng. Vì [hôm ấy] là ngày lễ Vu Lan **[32a]** bồn cầu siêu cho Nhân Tông nên không đặt lễ yến.

Tháng 8, xuống chiếu cho Lưu Khánh Đàm và Mâu Du Đô chọn các quan chức đô.

Ngày Giáp Tuất, đưa di chiếu của Nhân Tông cho các quan xem (chiếu này đã chép ở trên).

Người Chân Lạp vào cướp hương Đỗ Gia[2] ở châu Nghệ An, có đến hơn 700 chiếc thuyền. Xuống chiếu sai bọn Nguyễn Hà Viêm ở Thanh Hoá và Dương Ổ ở châu ấy đem quân đánh, phá được.

Mùa đông, tháng 11, lấy Thái uý Lê Bá Ngọc làm Thái sư, đổi làm họ Trương.

Đày người [phạm tội] ở châu Quảng Nguyên đến phủ Thanh Hoá.

Châu Nghệ An đệ tâu một phong quốc thư của nước Chân Lạp, xin sai người sang sứ nước ấy. Vua không trả lời.

Kỷ Dậu, [Thiên Thuận] năm thứ 2 [1129], (Tống Kến Viêm năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, nhập nội điện trung là Lý An Dậu dâng hươu trắng. Cho An Dậu tước Đại liêu ban.

Thái úy Dương Anh Nhĩ dâng hươu trắng.

Mở **[32b]** hội khánh thành 8 vạn 4 nghìn bảo tháp ở gác Thiên Phù[3].

Ngày Giáp Ngọ, tôn thân phụ là Sùng Hiền hầu làm Thái thượng hoàng và thân mẫu Đỗ thị làm Hoàng thái hậu, ở tại cung Động Nhân.

> Lê Văn Hưu nói: Thần Tông là con người tông thất, Nhân Tông nuôi làm con, cho nối đại thống, đáng lẽ phải coi Nhân Tông làm cha mà gọi cha sinh là Sùng Hiền hầu làm hoàng thúc, phong mẹ để là Đô thị làm Vương phu nhân, như Tống Hiếu Tông đối với Tú An Hy Vương và phu nhân Trương thị, để tỏ ra một gốc mới phải. nay lại phong Sùng Hiền hầu làm Thái thượng hoàng, Đỗ thị làm hoàng thái hậu,chả hoá ra hai gốc ư? Bởi Thần Tông bấy giờ còn trẻ thơ mà các công khanh trong triều như Lê Bá Ngọc, Mâu Du **[33a]** Đô lại không biết lễ nên mới như thế.

Tháng 2, vua trai giới để cầu mưa.

---

[1] Chỉ các đời vua Thái Tổ, Thánh Tông và Nhân Tông đời Lý

[2] Đỗ Gia: tên hương thời Lý, nay là huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

[3] Đây là những cái tháp nhỏ bằng đất nung cao 20 - 50 cm, thường tìm được trong các di tích thời Lý

Thân vương ban Lý Lộc tâu ở núi Tản Viên có hươu trắng. Vua sai Thái úy Dương Anh Nhĩ đi bắt được. Cho Lộc tước Đại liêu ban.

Xuống chiếu tha cho những người phạm tội trong nước.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhân Tông thường nhân việc mở hội [Phật] mà tha cho người có tội, là không phải lẽ, nhưng mà còn mượn tiếng hội Phật. Còn như vua [Thần Tông] thì không có việc gì mà cũng tha bổng. Phàm người có tội phạm pháp, có kẻ nặng người nhẹ, năm bậc hình phạt, có trên có dưới, sao lại có thể tha bổng được, nếu nhất loạt tha cả thì kẻ tiểu nhân may mà được khỏi tội, đó không phải là phúc cho người quân tử. Cho nên thời xưa nói về đạo trị nước, tuy nói rằng không thể không xá tội, nhưng cũng cho rằng xá tội là có hại. Tha lỗi **[33b]** thì được, tha tội thì không được. Kinh dịch nói: "tha lỗi,giảm tội" Kinh thư nói: "Lầm lỗi thì tha cho, cố phạm thì trị tội". Thế là phải.

Tháng 3, Lý Tử Khắc dâng tâu rằng, rừng ở Giang Để[1] có hươu trắng. Vua sai Thái úy Lưu Khánh Đàm đi bắt được. Thăng Tử Khắc làm Khu mật sứ, xếp vào hàng tước minh tự, được đội mũ bảy cầu.

Lê Văn Hưu nói: Phàm người xưa gọi là điềm lành, là nói việc được người hiền và được mùa, ngoài ra không có gì đáng gọi là điềm lành cả. Huống chi chim quý thú lạ không nuôi ở quốc đô cũng là lời khuyên răng của tiên vương để lại. Thần Tông nhân Nguyễn Lộc và Nguyễn Tử Khắc (Lộc và Tử Khắc nguyên là họ Lý, Văn Hưu kiêng huý nhà Trần nên gọi là họ Nguyễn) dâng hươu trắng, cho là vật điềm lành, cho Lộc tước đại liêu ban, cho Tử Khắc tước **[34a]** minh tự, thì cả người thưởng và người nhận thưởng đều sai cả. Tải sao vậy? Thần Tông vì dâng thú mà cho quan tước, thế là lạm thưởng. Lộc và Khắc không có công mà nhận thưởng, thế là dối vua.

Đại thủ lĩnh châu Tây Nông là Hà Văn Quảng dâng hai khối vàng sống cộng nặng 33 lạng 5 đồng cân.

Mùa Hạ, tháng 6, Nhập nội Long đồ là Mâu Du Đô dâng ngựa trắng bờm đen, bốn chân có cựa.

Cho Nội thường thị Phí Công Tín làm Tả ty lang trung, Ngụy Quốc Bảo làm Viên ngoại lang.

Mùa Thu, tháng 8, làm thần chủ của Nhân Tông Hoàng Đế ở Linh Điện. Rắn thanh trúc quấn ở ngai báu.

Tháng [8] nhuận, ngày Nhâm Ngọ, rước thần vị của Nhân Tông Hoàng Đế vào thờ ở Thái Thất.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tiên vương đặt lễ thờ người chết cũng như hầu hạ khi còn sống, cho nên làm [mộc] chủ để tượng trưng cho thần, thế thì [mộc] chủ là chỗ dựa của thần. Tế ngu rồi mới làm thần chủ, tế luyện rồi mới đổi thần chủ, **[34b]** đổi thần chủ xong rồi mới thờ chung vào Thái Miếu, lễ tiết là như thế. Nhân Tông đã chôn từ tháng 6 năm trước, đến đấy đã mười bốn tháng, kỳ tế luyện cũng quá lâu rồi mà bây giờ mới làm thần chủ để thờ chung vào Thái Miếu, thế là để chậm và bất kính quá lắm.

Ngày Giáp Thân, người nung ngói ở cung Động Nhân là Nguyễn Nhân dâng con rùa mắt có sáu con ngươi, trên ức có hai chữ " Phổ nhạc".

Xuống chiếu rằng nô tỳ của vương hầu và các quan không được cậy thế đánh đập quan quân và bách tính, kẻ nào phạm thì gia chủ phải tội đồ, nô sung làm quan nô.

Mùa Đông, tháng 10, thăng cho Tả ty Phí Công Tín làm Chư vệ, ban cho họ Lý.

Tháng 12, người giữ voi là Chu Hội dâng rùa trắng.

Lấy Nội thường Đỗ Nguyên Thiện làm Tham tri chính sự, giữ phủ Thanh Hoá; Ngự khố thư gia Phạm Tín làm Viên ngoại lang.

---

[1] Nguyên bản in là Giang Để, có thể là Để Giang, tức sông Đáy, Để Giang cũng là tên đất. Theo cương mục, từ thời Trần trở về trước gọi là Để Giang, nhà Lê đổi gọi là huyện Sơn Dương, tỉnh Hà Tuyên.

[35a] Canh Tuất, [Thiên Thuận] năm thứ 3 [1130], (Tống Kiến Viêm năm thứ 4).

Mùa Xuân, tháng giêng, xuống chiếu cho con gái các quan không được lấy chồng trước, đợi sau khi chọn sung vào hậu cung, người nào không trúng tuyển mới được lấy chồng.

> Lê Văn Hưu nói: Trời sinh ra dân mà đặt vua để chăn dắt, không phải để cung phụng riêng cho vua. Lòng cha mẹ ai chẳng muốn con cái có gia thất, thánh nhân thể lòng ấy còn sợ kẻ sất phu sất phụ không được có nơi có chốn.

Cho nên Kinh Thi tả sự ấy trong thơ "Đào yêu" và thơ "Siếu hữu mai" để khen việc lấy chồng kịp thì và chê việc để lỡ thì vậy. Thần Tông xuống chiếu cho con gái các quan phải đợi xong việc tuyển người vào cung rồi mới được lấy chồng, thế là để cung phụng cho riêng mình, đâu phải lòng làm cha mẹ của dân?

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua bấy giờ chưa đến tuổi hai mươi, ra lệnh ấy là muốn tuyển con gái các quan sung vào hậu cung thôi. Việc ấy chưa lấy gì làm quá. Còn như đánh được giặc mà **[35b]** quy công cho Phật, dâng hươu mà làm đem tước trật cho người đều là do tính trẻ thơ mà không ai giúp can ngăn. Nếu có người lấy chí thành mà cảm, dùng lời nói khéo mà khuyên, thì vua vốn tư chất thông minh, tất thế nào cũng nghe theo.

Quản giáp nội tác là Chu Thủy dâng cá diếc vàng. Lấy ngự khố thư gia Lương Cải giữ phủ Thanh Hoá.

Tháng 3, người nước Chiêm Thành là Ung Ma, Ung Câu sang quy phụ.

Tháng 5, quản giáp Phù Thu Liễu là Phí Nguyên dâng chim sẻ trắng.

Thái thượng hoàng băng, thụy là Cung Hoàng.

Tháng 6, hạn, làm lễ cầu mưa.

Mùa Thu, tháng 9, mưa dầm, làm lễ cầu tạnh.

Vua ngự điện Linh Quang xem đua thuyền.

Xuống chiếu tha tù giam ở phủ Đô hộ.

Mùa Đông, tháng 10, vua ngự điện Thiên Linh duyệt sáu quân, định các cấp bậc.

Nhà Tống sai sứ mang ấn báu và sắc vàng sang phong vua làm Giao Chỉ Quận Vương[1].

Tháng 11, Chiêm Thành sang cống.

Tháng 12, vua đánh cầu ở Long Trì, cho sứ nước Chiêm Thành vào hầu xem. Mở hội khánh thành chùa Quảng Nghiêm Tư Thánh. Tha cho những người có tội. Sai Viên ngoại lang là Lý Phụng Ân và Lệnh thư gia là Doãn Anh Khái sang nước Tống đáp lễ.

Tân Hợi, [Thiên Thuận] năm thứ 4 [1131], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, dựng hai gác ở trong điện Diên Hòa.

Tháng 2, Hoàng đệ là Tinh chết (con của Sùng Hiền hầu).

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cấm gia nô cuả các vương hầu, công chúa và các quan không được lấy con gái của các quan chức đô và bách tính.

Cấm con gái dân gian không được bắt chước kiểu búi đầu tóc như cung nhân.

Tháng 5, hạn, cầu đảo được mưa to.

---

[1] Việc Nhà Tống phong Lý Thần Tông làm Giao Chỉ Quận Vương, Toàn thư chép hai lần: ở đây (năm 1130) và ở BK3, 37b (năm 1132). Có lẽ Toàn thư ghi thừa ở năm 1130, vì Tống sử (q.488) cũng ghi việc này vào năm 1132. Việt sử lược ghi việc nhà Tống phong tước Quận Vương cho Lý Thần Tông vào năm Tân Hợi, 1131 (q.3, 1b) có lẽ cũng không chính xác.

Chủ đô Nhiễm hoành là Hà Nhi dâng chim sẻ trắng.

Dựng nhà cho đại sư Minh Không.

Mùa thu, tháng 7, các quan dâng biểu mừng **[36b]** được mùa.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói:Các triều thần bấy giờ xiểm nịnh quá lắm! Tháng 5, đại hạn, cầu đảo may mà được mưa, đến tháng 7, thì lúa hè đã quá vụ, mà lúa thu chưa chín, đã vội cho là được mùa, dâng biểu chúc mừng. Nếu đến tháng 9, tháng 10, mà gặp lụt hạn hay bị sâu cắn thì đối với tờ biểu mừng ấy thế nào?

Tháng 9, mở vườn bảo hoa.

Xuống chiếu cho Mâu Du Đô coi châu Nghệ An.

Tháng ấy mưa lâu ngày, làm lễ cầu tạnh.

Muà đông tháng 10, Ngự tiền chỉ huy sứ là Vương Cát tâu là có dấu vết thần giáng ở Long Trì trước lầu chuông bên tả, dấu dài 9 tấc 5 phân, rộng 5 tấc.

Hoàng đệ là Chu Cá chết.

Tháng 12, người ở hương Thái Bình là Nguyễn Mãi dâng hươu trắng. Người lính ở Tả Vũ Tiệp là **[37a]** Đỗ Khánh dâng cá xương công (tức là cá hầu)[1] sắc vàng. Vua cho là điềm lành, xuống chiếu cho các quan chúc mừng. Cáp môn sứ Lý Phụng Ân tâu rằng:"con cá ấy là vật nhỏ mọn mà bệ hạ lấy làm điềm lành. Nếu có lân phượng đến thì bệ hạ cho là vật gì?". Vua khen lời nói phải.

Nhâm Tý, [Thiên Thuận] năm thứ 5 [1132], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 4, đêm có rồng vàng từ điện Vĩnh Quang hiện ra ở cung Lệ Quang[2].

Tháng 5, ngày mồng 1, hoàng thứ trưởng tửlà Thiên Lộc sinh, sau phong làm Minh Đạo Vương.

Tháng [5], nhuận, hoàng trưởng nữ sinh, rồi chết.

Tháng ấy, gió bão làm đắm thuyền Diên Chương.

Mùa thu, tháng 7, người nước Chiêm Thành là bọn Cụ Bàn trốn về nước, đến trại Nhật Lệ[3] bị người trại ấy bắt được, giải về Kinh sư.

Tháng 8, Chân Lạp và Chiêm Thành đến cướp châu Nghệ An.

Hỏa đầu quân Tã Vũ Lâm và Đỗ Quảng dâng cá xương công.

Xuống chiếu cho Thái uý Dương Anh Nhĩ đem người ở phủ Thanh Hóa **[37b]** và châu Nghệ An đi đánh quân Chân Lạp và Chiêm Thành, phá tan.

Châu mục châu Chân Đăng là Lê Pháp Quốc dâng hươu đen.

Tháng 9, Lệnh hỏa đầu ở đô Phụng vệ là Đinh Ngưu dâng hươu trắng.

Lệnh thư gia châu Nghệ An là Trần Lưu dâng ba người Chiêm Thành. Trước đây bọn người này thường ẩn nấp ở chổ hiểm yếu, bắt người châu Nghệ an đem bán cho người nước Chân Lạp, Lưu đặt phục binh ở chổ ấy, bắt được đem dâng.

Mùa đông, tháng 10, sai Viên ngoại lang Lý Phụng Ân và Phụng nghị lang Doãn Anh Khái sang nước Tống đáp lễ.

---

[1] Xương công ngư: lời chú nguyên bản nói cá "xương công" tức là cá "hầu". Cương mục cũng chép việc này, nhưng chua rằng "xương" và "công" là hai loài cá khác nhau. Cá Xương tức cá hầu, phần trên đầu gồ lên liền với sống lưng, mình tròn, chỉ có 1 xương sống, thịt mềm, ăn được; cá Công là loài cá giống như con cua, ăn được (CMCB4, 28b).

[2] Nguyên bản khắc sai nét chữ "cung" thành ra hình như chữ "quản".

[3] Nhật Lệ: là tên sông ở tỉnh Quảng Bình, trại Nhật Lệ chỉ miền ấy.

Dựng điện Cảm Linh và gác Phụng Thiên.

Tháng 12, vua đón xuân ở đình Quảng Văn. Khánh thành điện Cảm Linh, ban yến cho các quan.

Thượng thư Lý Nguyên bị tội, chết ở trong ngục, vì con gái của Nguyên là thứ phi Chương Anh có lỗi.

Nhà Tống phong vua làm Giao Chỉ Quận Vương.

[38a] Giáp Dần, Thiên Chương Bảo Tự năm thứ 2 [1134], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, cho Viên ngoại lang Ngụy Quốc Bảo tước Đại liêu ban.

Dựng hai chùa Thiên Ninh, Thiên Thành và tô tượng Đế Thích. Vua ngự đến xem.

Lệnh thư gia Nguyễn Mỹ dâng con ngựa màu hoa đào, đầu xanh, bốn chân mọc sáu cựa (hai chân trước đều một cựa, hai chân sau đều hai cựa).

Tháng ấy mưa lâu, làm lễ cầu tạnh.

Tháng 3, vua ngự đến quán Ngũ Nhạc.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cấm các viên chi hậu và nội nhân hỏa đầu không được tự tiện ra ngoài, ai trái thì khép tội nặng, nếu có việc công phải tâu trước rồi mới được ra.

Tháng 5, khánh thành điện Vĩnh Quang mới sửa chữa.

Phạm Tín ở châu Nghệ An và Lệnh tư gia là Trần Lưu dâng hươu trắng.

Hỏa đầu quân Hữu Ngự Long là Quách Tư dâng ngọc thiềm thừ[1] hình dạng như **[38b]** mắt cá. Vua nói: "Đó là vật nhỏ mọn, không đáng quý". Không nhận.

Người lính ở quân Hữu Hưng Vũ[2] là Vương Cửu dâng con rùa mắt có sáu con ngươi, trên ức có nét chữ Trựu[3], xuống chiếu cho các học sĩ và các tăng đạo biện nhận, đọc thành tám chữ: "Thiên thư hạ thị thánh nhân vạn tuế".

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Rùa là vật linh thiêng vì nó có thể báo điềm trước, nhưng đời nào cũng thường có, không như rồng phượng và kỳ lân ít thấy. Thế mà đương thời cho rùa là điềm lành mà đem dâng cho nhiều thế là làm sao? Còn như trên ức có nét chữ chỉ là những vết trắng, nét đen xen nhau mà thôi, bầy tôi nhận là văn tự, đó là chiều ý vua mà nói nịnh thôi, có phải thực có chữ đâu. Cho nên người làm vua phải cẩn thận sự ưa chuộng.

Táng 6, Hoàng bà là Vương Bà Lịch chết.

Mùa thu, tháng 7, rồng vàng ban đêm hiện ở điện Vĩnh **[39a]** Quang.

Mùa đông, tháng 11, sửa lại điện Diên Sinh và quán Ngũ Nhạc.

Tháng 12, Thành Đạo hầu (không rõ tên) chết.

Bầy tôi dâng thêm tôn hiệu là Thuận Thiên Duệ Vũ Tường Linh Cảm Ứng Khoan Nhân Quảng Hiếu Hoàng Đế. Đại xá cho thiên hạ.

Ất Mão, [Thiên Chương Bảo Tự] năm thứ 3 [1135], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Ngự khố thư gia là Dương Chưởng giữ phủ Thanh Hóa.

Tháng 2, hai nước Chân Lạp và Chiêm Thành sang cống.

---

[1] Thiềm thừ châu: cũng như ở trên đã nói đến tân lang châu (ngọc cau), ở đây nói thiềm thừ châu (ngọc cóc), chưa rõ là thứ ngọc gì (chú thích 2, tr. 291).

[2] Nguyên bản in là Thạch Hưng Vũ. Tên cai đội quân thường có chữ Tả, Hữu; ở đây chữ Thạch do chữ Hữu khắc lầm.

[3] Trựu văn: tức là chữ đại triện (tương truyền là do quan thái sử Sử Trựu đời Chu Tiên Vương, Trung Quốc, đặt ra.

Tháng 3, Khánh Thiện hầu (không rõ tên)[1] chết.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cho Tả ty lang trung Lý Công Tín ra vào cung cấm để tâu việc, không được ngăn cấm.

Vua ngự đến quán Ngũ Nhạc để khánh thành tượng Tam tôn[2] bằng vàng bạc.

Cho Viên ngoại lang Ngụy Quốc Bảo làm Tả y lang trung.

Từ mùa xuân đến mùa hè không mưa.

Tháng 5, ngày mồng 1, có mưa.

Tháng 6, Chi hậu thư gia là Lý Xương và nhà sư ở chùa Quán Đính[3] là Nguyễn Minh đều **[39b]** dâng chim sẻ trắng.

Xuống chiếu rằng những người đã bán ruộng ao không được trả tăng tiền lên mà chuộc lại, làm trái thì phải tội.

Mùa thu, tháng 7, Thái sư Trương Bá Ngọc[4] chết.

Mùa đông, tháng 12, mở hội độ tăng[5] ở Nghênh Tiên đường.

Mở đàn chay khánh thành ở điện Diên Sinh.

Đóng 3 chiếc thuyền Nhật Đỉnh, Thanh Lan, Diên Minh.

Bính Thìn, [Thiên Chương Bảo Tự] năm thứ 4 [1136], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, mở vườn Diên Quang tại hương Lãnh Kinh[6].

Thấy chuông lớn thời xưa.

Tháng 2, Thành Hưng hầu (không rõ tên) chết.

Tháng 3, Thái uý Lưu Khánh Đàm chết.

Vua bệnh nặng, chữa thuốc không khỏi. Nhà sư Minh Không chữa khỏi, phong làm quốc sư. Tha thuế dịch cho vài trăm hộ. (Tục truyền khi nhà sư Từ Đạo Hạnh sắp trút xác, trong khi ốm đem thuốc niệm thần chú rồi giao cho học trò là Nguyễn Chí Thành tức Minh Không, dặn rằng 20 năm sau nếu thấy quốc vương bị bệnh lạ thì đến chữa ngay, có lẽ là việc này).

Mùa hạ, tháng 4, Hoàng bà là Lã A Mãi ốm chết.

> **[40a]**Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Sách chép các đế vương chưa có chỗ nào chép việc hoàng bà chết, mà trong đời Thần Tông thấy chép hai lần, có lẽ là vua đặt cách gia phong ân tứ trọng hậu cho các bảo mẫu, cho nên sử thần theo đó mà chép chăng ?

Hoàng trưởng tử Thiên Tộ sinh. Các quan dâng vàng bạc tiền lụa và biểu mừng.

Tháng 6, cho Tả ty lang trung Lý Công Tín[7] làm Thiếu sư, tước Minh tự.

---

[1] Khánh Thiện hầu mà Toàn thư ghi tại đây là Tăng thống Khánh Hỷ có tiểu truyện trong Thiền uyển tập anh (tờ 61a); chữ Thiện và chữ Hỹ, nét chữ gần giống nhau, có thể chép lầm.

[2] Tam tôn: thường là tượng phật A Di Đà và tượng hai bồ tát Quan Thế Âm, Đại Thế Chi.

[3] Theo Thiền uyển tập anh, chùa Quán Đính ở núi Không Lộ, lại theo Đại Nam nhất thống chí (tỉnh Sơn Tây, núi Không Lộ ở địa phận huyện Thạch Thất, trên núi có chùa Lạc Lâm, là chỗ Thiền sư Không Lộ trút xác mà hóa. Như thế thì chùa Quán Đính còn có tên là chùa Lạc Lâm và núi không Lộ, tức là Sài Sơn (núi Thầy), nay ở huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

[4] Trương Bá Ngọc: tức là Lê Bá Ngọc, do Lý Thần Tông đổi làm họ Trương (xem BK3, 32a).

[5] Nguyên văn: "độ nhân hội", tức lễ độ cho những người đủ tư cách tăng nhân.

[6] Hương Lãnh Kinh: có lẽ là miền Thị Cầu, thị xã Bắc Ninh ngày nay, xem thêm chú thích (4) tr.260.

[7] Lý Công Tín: tức Phí Công Tín, được ban họ Lý (BK3, 34b).

Mùa thu, tháng 9, Gián nghị đại phu Mâu Du Đô bị bãi chức.

Mùa đông, tháng 10, Thái uý Dương Anh Nhĩ chết.

Tháng 12, ngày lập xuân, vua ngự điện Sùng Uyên, các quan dâng biểu mừng. Ngày ấy gặp ngày quốc kỵ, cho nên lại đặt biểu này.

Hỏa đầu đo Tả Hưng Thánh là Tô Vũ dâng rùa thần, ở ức có nét chữ Trựu. các quan nhận ra bốn chữ "Nhất Thiên Vĩnh Thánh".

Vua ngự đến **[40b]** phủ Thanh Hóa xem bắt voi.

Đinh Tỵ, [Thiên Chương Bảo Tự] năm thứ 5 [1137], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, châu Nghệ An chạy trạm tâu việc tướng nước Chân Lạp là Phá Tô Lăng[1] cướp châu ấy. Xuống chiếu cho thái uý Lý Công Bình đem quân đi đánh.

Tháng 2, châu Nghệ An động đất, nước sông đỏ như máu. Công Bình sai Nội nhân hỏa đầu Đặng Khánh Hương về Kinh sư đem việc ấy tâu lên.

Công Bình đánh bại người Chân Lạp.

Tháng 3, Đại liêu ban Nguyễn Công Đào dâng rùa trắng.

Vua ngự đến chùa Báo Thiên, làm lễ Phật Pháp Vân để cầu mưa. Đêm ấy mưa to.

Mùa hạ, tháng 4, hoàng tử thứ ba (không rõ tên) sinh.

Tháng 5, Thiếu sư Lý Công Tín dâng một khối vàng sống, nặng 47 lạng.

Tháng 6, hạn xuống chiếu cho Nguyễn Công Đào đến Vu đàn[2] ở phía nam làm lễ cầu mưa.

Mùa thu, tháng 9 , mở hội khánh thành chùa Linh Cảm, tha **[41a]** người có tội trong nước.

Xuống chiếu rằng: Trong ngoài kinh thành cứ ba nhà làm một bảo, để giám sát các quan chức đô coi triều ban không được đem con mình cho người khác nuôi làm con để nhờ cậy nhà quyền thế. Kẻ nào không có quan ấm[3] mà can phạm thì bắt giữ tâu lên. Người một bảo mà không giám sát nhau thì cùng một tội với can phạm.

Mùa đông, tháng 10, ngày Nhâm Ngọ, vua ngự đến hành cung Ly Nhân xem gặt.

Ngày Ất Sửu, hoàng nữ thứ hai sinh, sau phong làm Thuỵ Thiên công chúa.

Tháng 12, vua về đến Kinh sư.

Cho Ngự khố thư gia coi phủ Thanh Hóa là Dương Chưởng làm Viên ngoại lang.

Mậu Ngọ, [Thiên Chương Bảo Tự] năm thứ 6 [1138], (từ tháng 10 về sau là niên hiệu của Anh Tông, Thiệu Minh năm thứ 1; Tống Thiệu Hưng năm thứ 8). Muà hạ, tháng 5, Nội nhân hỏa đầu là Hứa Viêm dâng một khối vàng sống nặng 66 lạng.

Tháng 6, hạn, sai Nhập nôi tả ty lang trung là Nguỵ Quốc Bảo triệu các quan hội bàn. Chư vệ là Phạm Tín **[41b]** xin đến Vu đàn làm lễ cầu mưa. Vua y theo.

Mùa thu, tháng 7, không mưa. Vua sai Hửu ty làm lễ cầu ở Vu đàn và chùa Báo Thiên.

Ban cho các quan aó mùa đông.

Tháng 9, vua không khỏe.

---

[1] Việt sử lược chép là Tô Phá Lăng và chép việc vào năm 1136 (q.3, 2a).

[2] Vu đàn: đàn tế trời để cầu mưa. Theo Công Dương truyện, vua thân đến đàn Nam Giao cầu đảo, cho đồng nam đồng nữ vừa múa vừa hô "Vu! Vu!...", vì thế gọi là "Vu đàn".

[3] Quan ấm: theo chế độ cũ, con cháu các nhà quan có công với triều đình hoặc chết vì việc nước, được bổ làm quan, gọi là quan ấm.

Lập Hoàng trưởng tử Tiên Tộ làm Hoàng thái tử. Trước vua đã lập Thiên Lộc làm con nối. Đến đây ốm, ba phu nhân là Cảm Thánh, Nhật Phụng và Phụng Thánh muốn đổi lập thái tử khác, mới sai người đam của đút cho Tham tri chính sự Từ Văn Thông, nói rằng nếu có vâng mệnh thảo di chiếu thì chớ bỏ lời của ba phu nhân. Văn Thông nhận lời. Đến khi vua ốm nặng, sai soạn thảo di chiếu, Văn Thông tuy vâng mệnh vua, nhưng nhớ lời dặn của ba phu nhân, cứ cầm bút mà không viết. một lát ba phu nhân đến, khóc lóc nghẹn ngào nói rằng: "Bọn thiếp nghe rằng đời xưa lập con nối ngôi thì lập con đích chứ không lập con thứ. Thiên Lộc là con của người thiếp được vua yêu, nếu cho nối ngôi thì người mẹ tất sẽ tiếm lấn, sinh lòng nghen ghét làm hại, **[42a]** như thế thì mẹ con bọn thiếp tránh sao khỏi nạn? ". Vua vì thế xuống chiếu rằng:"Hoàng tử Thiên Tộ tuy tuổi còn thơ ấu, nhưng là con đích, thiên hạ đều biết, nên cho nối nghiệp của trẫm, còn thái tử Thiên Lộc thì phong làm Minh Đạo Vương".

Ngày 26, vua đăng ở điện Vĩnh Quang, quàn ở thềm phía tây điện ấy. Các quan dâng tôn hiệu là Quảng Nhân Sùng Hiếu Văn Vũ Hoàng Đế, miếu hiệu là Thần Tông.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, Hoàng thái tử Thiên Tộ lên ngôi ở trước linh cữu, bấy giờ mới lên ba tuổi. đổi niên hiệu là Thiệu Minh năm thứ 1. Đại xá cho thiên hạ. Tôn mẹ là Cảm Thánh phu nhân họ Lê làm Hoàng thái hậu.

Hội thề quốc nhân ở Long Trì.

Sai sứ sang cáo phó với nhà Tống.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thần Tông nối nghiệp lớn của tiên vương, làm thiên tử đời thái bình **[42b]**, bỏ con đích trưởng còn bú mớm, muốn lập con thứ đã trưởng thành, là lấy việc lầm lỗi khi trước mình còn non dạ làm răn, nhưng rốt cuộc chí ấy không thành. Việc Từ Văn Thông ăn hối lộ thì đã rõ ràng. Lời nói của ba phu nhân thế là thẳng thắn, nhưng tiếc rằng khi ấy không gọi ngay kẻ đại thần biết khuông phò xã tắc mà uỷ thác con côi. Than ôi! Bề tôi gian tà giao kết với người ở trong cung đình để đến nỗi làm hỏng việc của người, từ xưa vẫn có. Song việc Từ Văn Thông và ba phu nhân này chẳng còn hơn việc dạy Vệ Vương[1] phải vâng mệnh ư? Tuy thế truyền ngôi cho con đích là lẽ thường xưa nay, nếu được người giúp là bậc hiền như Y Doản, Chu Công giúp Thái Giáp và Thành ương thì để tiếng khen đời sau mãi mãi.

[1] Chỉ Vệ Vương Đinh Toàn, con Đinh Tiên Hoàng.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển IV

[1a]

Anh Tông Hoàng Đế

Tên húy là Thiên Tộ, con đích trưởng của Thần Tông, mẹ là Hoàng hậu họ Lê, sinh tháng 4 năm Bính Thìn, Thiên Chương Bảo Tự thứ 4 [1136], tháng 9 năm Mậu Ngọ [1138] lập làm Hoàng Thái Tử. Thần Tông băng, bèn lên ngôi báu. Ở ngôi 37 năm [1138-1175], thọ 40 tuổi [1136-1175], băng ở điện Thụy Quang. Trong việc phế lập, vua không mê hoặc lời nói của đàn bà, ký thác được người phụ chính hiền tài, có thể gọi là không thẹn với việc gánh vách. Song không phân biệt được kẻ gian tà, hình phạt không sáng suốt, cho nên trời xuống tai biến để răn, giặc cướp nổi lên, giềng mối rối loạn, không thể nói xiết.

Kỷ Mùi, Thiệu Minh năm thứ 2 [1139], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 9)[1]. Nhà tống phong vua làm Giao Chỉ Quận Vương.

Canh Thân, [Thiệu Minh] năm thứ 3 [1140], (Từ tháng 2 về sau là niên hiệu Đại Định năm thứ 1; Tống Thiệu Hưng năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, châu mục châu Chân Đăng là Lê Pháp Viên dâng hươu trắng.

Tháng 2, đổi niên hiệu là Đại Định năm thứ 1.

Tháng 3, Ngọc bệ **[1b]** viên ngoại lang là Nguyễn Nghĩa Minh dâng hươu đen.

Lấy Đỗ Anh Vũ làm cung điện lệnh tri nội ngoại sư. Anh Vũ là em của Đỗ thái hậu, nên Lê thái hậu trao cho chức này.

Mùa hạ, tháng 4, lấy ngày sinh của vua làm tiết Thọ Ninh.

Từ mùa xuân sang mùa hạ, không mưa.

Tháng 5, có mưa.

Mùa đông, tháng 10, được mùa to.

Người thầy bói Thân Lợi tự xưng là con của Nhân Tông[2] đem đồ đảng theo đường thủy đến châu Thái Nguyên[3], từ châu Tây Nông[4] kéo ra, qua châu Lục Lệnh, vào chiếm châu Thượng Nguyên và châu Hạ Nông[1], thu nạp những kẻ trốn tránh, chiêu mộ thổ binh, có đến hơn 800 người, cùng mưu làm loạn.

---

[1] Việt Sử Lược chép năm Kỷ Mùi (1139) là niên hiệu Thiệu Minh thứ 3. Sở dĩ có sự chênh lệch đó, có lẽ là do việc ghi năm mất của Lý Thần Tông. Việt Sử Lược chép Thần Tông chết tháng 9 năm Đinh Tỵ (1137). Toàn Thư chép Thần Tông chết ngày 26 tháng 9 năm Mậu Ngọ (1138). Đến điều chép về năm Tân Dậu (1141) thì không có sự khác biệt ấy: cả hai tài liệu đều chép Tân Dậu (1141) là niên hiệu Đại Định thứ 2.

[2] Theo Việt sử tiêu án của Ngô Thì Sĩ, niên hiệu Thiệu Hưng thứ 9 (1139) đời Tống, Quảng Tây suý ty nói: "Vua Nhân Tông nhà Lý có người con của cung thiếp sinh ra, vua không nhận. Khi Lý Thần Tông lên ngôi, người con ấy chạy sang nước Đại Lý, đổi họ là Triệu, tên là Trí Chi, tự xưng là Nam Bình Vương. Khi Thần Tông mất, [Trí Chi] bèn trở về tranh ngôi với Anh Tông, xin mượn quân của nhà Tống. Quan tỉnh Quảng Tây đem việc ấy tâu lên, vua Tống từ chối". Vậy có lẽ Trí Chi và Thân Lợi chỉ là một người, khi trần tình để xin viện binh của nhà Tống thì nói dối [là con Nhân Tông] để lừa nhà Tống.

[3] Thái Nguyên: tên châu thời Lý, tức đất tỉnh Bắc Thái ngày nay.

[4] Châu Tây Nông: nay là đất huyện Phú Bình, tỉnh Bắc Thái.

Tân Dậu, [Đại Định] năm thứ 2 [1141], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, Thân Lợi tiếm xưng là Bình Vương, lập vợ cả, vợ lẽ làm hoàng hậu và phu nhân, con làm vương hầu, cho đồ đảng quan tước theo thứ bậc**[2a]** khác nhau. khi ấy đồ đảng của Thân Lợi chỉ hơn nghìn người, đi đến đâu nói phao là Lợi giỏi binh thuật để hiếp chế người miền biên giới. Người các khe động dọc biên giới đều khiếp sợ, không dám chống lại.

Tháng 2, quan coi biên giới dâng thư cáo cấp. Xuống chiếu cho Gián nghị đại phu Lưu Vũ Nhĩ[2] đem quân do đường bộ tiến đi, Thái phó là Hứa Viêm đem quân ngược đường thủy để tiến đánh. Khi ấy Vũ Nhĩ sai tướng tiên phong là Thị vệ đô Tô Tiệm và Chủ đô trại Tuyên Minh là Trần Thiềm đem quân đi trước, đóng ở sông Bác Đà[3], gặp thủy quân của Lợi cùng giao chiến. Tiệm thua, bị Lợi giết, Lợi trở về giữ châu Thượng Nguyên, đắp đồn ải ở huyện Bác Nhự để chống quan quân. Vũ Nhĩ đánh nhổ được ải Bác Nhự, tiến đến Bồ Đinh[4], gặp thủy quân của Lợi, đánh lớn, Vũ Nhĩ thua trận, tướng sĩ chết đến quá nửa, phải rút về.

Mùa hạ, tháng 4, ngày Mậu Thìn, Vũ Nhĩ về đến Kinh sư. Ngày Tân Mùi, Lợi ra chiếm châu Tây Nông, sai người ở các châu Thượng Nguyên **[2b]** Tuyên Hóa[5], Cảm Hóa[6], Vĩnh Thông[7] đánh lấy phủ Phú Lương[8]. Lợi chiếm giữ phủ trị, ngày đêm hợp bè đảng mưu cướp kinh sư. Ngày Kỷ Mảo, vau sai thái úy Đỗ Anh Vũ đem quân đi đánh Lợi.

Tháng 5, ngày Tân Mão, quân của Lợi kéo về cướp kinh sư, đóng ở Quảng Dịch[9], gặp quân của Anh Vũ, đánh lớn. Quân của Lợi thua, chết không kể xiết. Anh Vũ sai chém lấy đầu bêu lên ở cạnh đường suốt từ quan Bình Lỗ[10] đến sông Nam Hán.

Bắt được thủ lĩnh châu Vạn Nhai[11] là Dương Mục, thủ lĩnh động Kim Kê là Chu Ái, đóng củi giải về Kinh sư. Lợi chỉ chạy thoát một mình về châu Lục Lệnh. Ngày Nhâm Ngọ, giải bọn Mục và Ái về trói giam ở huyện phủ của chúng. Xuống chiếu cho Anh Vũ chiêu tập bọn tàn tốt của Lợi ở cửa quan Bình Lỗ. Phát muối kho công cho bọn Mục và Ái.

Mùa thu, tháng 8, quốc sư Minh Không chết (sư người xã Đàm Xá, huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, rất linh ứng, phàm khi có tai ương hạn lụt, cầu đảo đều nghiệm cả. Nay hai chùa Giao Thủy và Phả Lại đều có tượng thờ)[12].

[3a]Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, lại sai Anh Vũ đi đánh châu Lục Lệnh, bắt được bọn bè đảng của Lợi hơn 2.000 người. Lợi trốn sang châu Lạng, Thái phó Tô Hiến Thành bắt được Lợi, giao cho Anh Vũ đóng củi giải về kinh sư. Sai Lý Nghĩa lâm chiêu tập vỗ yên dư đảng của Lợi. Xuống chiếu cho quan Đình úy xét tội Lợi. Án xét xong, vua ngự điện Thiên khánh xử tội Lợi và bọn đồng mưu 20 người

---

[1] Châu Hạ Nông: miền Thượng Nông và Hạ Nông huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái. Như vậy châu Lục Lệnh và châu Thượng Nguyên ở vào khoảng giữa huyện Phú Bình và huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái.

[2] Lưu Vũ Nhĩ, Cương mục chép là Lưu Vũ Xứng (CMCB4,25a).

[3] Sông Bác Đà: chưa rõ ở đâu, nhưng chắc chỉ là một đoạn sông Cầu, trong vùng đất các huyện Phú Lương, Bạch Thông ngày nay. Phải chăng là đoạn sông ở vùng Bắc Thắm, chợ mới?

[4] Bác Nhự, Bồ Đinh: chưa rõ ở đâu, nhưng hẳn ở cạnh khúc sông Cầu từ Chợ Mới đến thị xã Bắc Cạn.

[5] Tuyên Hóa: nay là đất huyện Định Hóa, tỉnh Bắc Thái.

[6] Cảm Hóa: nay là đất huyện Ngân Sơn, Na Rì và một phần phía Bắc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái.

[7] Vĩnh Thông: nay là huyện Phú Lương, tỉnh Bắc Thái.

[8] Phú Lương: nay là huyện Phú Lương, tỉnh Bắc Thái.

[9] Quảng Dịch: (trạm Quảng): Việt sử lược chép là Khoảng Dịch (q.3,3a), chưa rõ ở đâu.

[10] Bình Lỗ quan: cửa quan ở sông Bình Lỗ. Sông Bình Lỗ có lẽ là sông Cà Lồ.

[11] Vạn Nhai: nay là đất huyện Võ Nhai, tỉnh Bắc Thái.

[12] Hai chùa này đều gọi là chùa Keo, ở huyện Giao Thủy, tỉmh Nam Định cũ. Chùa Keo Giao Thủy, hay chùa Keo Dưới, nay ở xã Vũ Nghĩa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Chùa Keo Phả Lại hay chùa Keo Trên, nay ở xã Hành Thiện, huyện Xuân Trường, tỉmh Nam Hà.

đều xử trảm, những kẻ còn lại đều theo tội nặng nhẹ mà xử, tha cho những kẻ vì ép buộc mà phải theo. Các quan dâng biểu mừng.

Lưu Vũ Nhĩ dâng hươu trắng, lại dâng ngọc tân lang [ngọc cau].

Sử thần Ngô Sĩ liên nói: Bấy giờ Lưu Vũ Nhĩ có tội về sai quân luật mà bại trận, lại dâng những vật điềm lành để che lỗi, thế mà không một người nào dám bàn đến, có thể biết hình pháp chính sự bấy giờ nhiều việt sai trái. Đỗ Anh Vũ lăng loàn dữ tợn đâu phải không có nguyên do.

[3b] Nhâm Tuất, [Đại Định] năm thứ 3 [1142], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 2, Lưu Vũ Nhĩ dâng ngọc thiềm thừ [ngọc cóc].

Mùa đông, tháng 10, sai thủ Lĩnh phủ Phú Lương là Dương Tự Minh đến châu Quảng Nguyên để chiêu tập người châu ấy.

Tháng 12, xuống chiếu rằng những người cầm đợ ruộng thục[1] trong vòng 20 năm thì cho phép chuộc lại; việc tranh chấp ruộng đất thì trong vòng 5 năm hay 10 năm còn được tâu kiện; ai có ruộng đất bỏ hoang bị người khác cấy cày trồng trọt trong vòng một năm thì được kiện mà nhận, quá hạn ấy thì cấm. Làm trái thì xử 80 trượng. Nếu tranh nhau ruộng ao mà lấy đồ binh khí nhọn sắc đánh chết hay làm bị thương người thì đánh 80 trượng, xử tội đồ, đem ruộng ao ấy trả lại người chết hay bị thương.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Giết người thì phải xử tội chết, đó là phép của đời xưa, nay tôi giết người cũng xử như tội khác thực là không phân biệt mức độ, mất sự cân nhắc nặng nhẹ.

[4a] Xuống chiếu rằng những người bán đoạn ruộng hoang hay ruộng thục đã có văn khế rồi thì không được chuộc lại nữa, ai làm trái bị phạt đánh 80 trượng.

Xuống chiếu tha tội lưu cho các bè đảng của Thân Lợi.

Quý Hợi, [Đại Định] năm thứ 4 [1143], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 13). Mùa xuân, tháng 2, xuống chiếu thiên hạ từ nay về sau cứ ba nhà làm một bảo, không được mổ riêng bò trâu, nếu có việc cúng tế phải tâu xin được chỉ rồi mới cho mổ, kẻ làm trái thì trị tội nặng, láng giềng không cáo giác cũng xử cùng tội.

Từ mùa xuân đến mùa hạ, đại hạn, vua thân làm lễ cầu đảo. Tháng 6, ngày Đinh Sửu, có mưa.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu cho Dương Tự Minh cai quản việc công các khi động dọc theo biên giới về đường bộ.

Tháng 9, xuống chiếu rằng, các nhà quyền thế ngoài đầm ao của mình không được ngăn cấm xằng bậy, làm trái thì có tội.

Mùa đông, tháng 10, sai Thái phó Hoàng Nghĩa Hiền và Viên ngoại lang Khổng Trường đem quân các khe động dọc biên giới về đường bộ đi đãi vàng ở các xứ Như Cá v. v...

Giáp Tý [Đại Định] năm thứ 5 [1144], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 14). Gả công chúa Thiều Dung cho Dương Tự Minh, phong Tự Minh làm Phò mã lang.

Tháng 5, Mâu Du Đô dâng chim sẻ trắng. Cho Mâu Du Đô làm Thái sư, xa lĩnh việc các khe động dọc biên giới về đường bộ.

Ất Sửu, [Đại Định] năm thứ 6 [1145], (Tống thiệu Hưng năm thứ 15). Mùa hạ, tháng 4, mưa dầm, làm lễ cầu tạnh.

[1] Nguyên văn: điển thục điển, điển tức là điển mại, nghĩa là bán nhưng còn có quyền được chuộc lại (khác với tuyệt mại nghĩa là bán đoạn tức là bán hẳn, không được chuộc lại). Thục điền là ruộng đã cày cấy thành thục, khác với ruộng đất mới khai khẩn.

Phụng chức là Nguyễn Phụng dâng rùa mắt có sáu con ngươi, ức có hai hàng chữ triện các quan nhận ra bốn chữ "Vương dĩ công pháp"[1].

Xống chếu rằng những người tranh nhau ruộng ao của cải không được nhờ cậy nhà quyền thế, làm trái đánh 80 trượng, xử tội đồ.

Muà thu, tháng 7, dựng đền thần núi Tản Viên và các đền Bố Cái, Ông Nghiêm, Ông Mẫu.

Tháng 8, kẻ có yêu thuật người nước Tống là Đàm Hửu Lượng trốn sang châu Tư **[5a]** Lang[2], tự xưng là Triệu tiên sinh[3], nói dối là vâng lệnh đi sứ để dụ nước An Nam[4]. Các khe động ở dọc biên giới nhiều người theo. Hữu Lượng bèn đem đồ đảng đến cướp châu Quảng Nguyên. Bấy giờ Kinh lược suý ty lộ Quảng Tây nước Tống đưa thư nhờ đuổi bắt Hữu Lượng. Vua xuống chiếu cho Phò mã lang Dương Tự Minh và văn thần là Nguyễn Nhữ Mai, Lý Nghĩa Vinh đi đánh. Không bao lâu lại sai Thái sư Mâu Du Đô đem quân các khe động dọc biên giới về đường bộ tiếp đánh. Khi ấy Tự Minh đã lấy được ải Lũng Đổ, châu Thông Nông[5] bắt được bè đảng của Hữu Lượng và bọn Bá Đại 21 người, duy có Hữu Lượng chạy thoát, trốn vào núi chằm. Xuống chiếu cho Quản quân sứ là [Lý] Nghĩa Vinh trông coi áp giải bọn Bá Đại giao trả về nước Tống. Trước đó Ung Châu làm cáo sắc giả sai người đi gọi Hữu Lượng, Hữu Lương cho là thực, cùng với bọn thủ lĩnh châu Tự Minh hơn 20 người mang ấn đồng, địa đồ và vật thổ sản quy phụ nhà Tống. Khi đến **[5b]** trại Dương Sơn, viên thủ Ung Châu là Triệu Nguyệt bắt Hữu Lượng và bè đảng giải đến suý ty. Người Tống thấy trong bọn ấy có Dương ở ngực có thích hình rồng đen, và bọn thủ lĩnh ở châu Bồ năm người, biết là người nước Việt ta, đều trả về.

Dựng cung Quảng Từ để hoàng thái hậu ở.

Dựng các chùa Vĩnh Long, Phúc Thánh.

Cấm các thợ bách tác[6] không được làm đồ dùng theo kiểu của nhà nước tự tiện bán cho dân gian.

Bính Dần [Đại Định] năm thứ 7 [1146], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, An Trung hầu (không rõ tên) ở châu Lạng dâng hươu trắng.

Tháng 3, Viên ngoại lang Lý Ngọ dâng hươu trắng.

Thái sư Mâu Du Đô chết.

Muà hạ, tháng 4, trâu và gia súc chết dịch.

Hạn, cầu đảo được mưa.

Sao Chổi mọc.

Tháng 6 nhuận, xuống chiếu cho các ty xử án, kẻ nào tranh bậy không hợp điều luật pháp chế thì xử 60 trượng.

---

[1] "Vương dĩ công pháp" vua theo việc công.

[2] Châu Tư Lang: nay là đất huyện Trùng Khánh và một phần đất huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

[3] Việt sử lược chép là Lữ tiên sinh (q.3, 3b). Hai chữ "Lữ" và "Triệu" có thể lầm với nhau.

[4] Đối chiếu thì thấy một số sự việc từ năm 1140 đến năm 1157, toàn thư phần nhiều chép lùi 2 năm so với Đại Việt sử lược như việc Đàm Hửu Lượng nói ở trên, Đại Việt sử lược (ĐVSL) chép vào năm Quý Hợi (1143); làm kho Thiên Tư, ĐVSL chép năm Giáp Tý (1144), Toàn thư chép vào năm Bính Dần (1146); hoàng hậu họ Đỗ (Chiêu Hiến) mất. ĐVSL chép năm Ất Sửu (1145), Toàn thư chép năm Đinh Mão (1147) v. v... Sở dĩ có sự chênh lệnh như vậy có lẽ vì Toàn thư chép năm Lý Thần Tông mất nuộn một năm với ĐVSL (xem chú BK4, 1a) và về khoảng thời gian này, ĐVSL lại chép sớm lên một năm nữa (Trong bản dịch Việt sử lược Trần Quốc Vượng đã so điều ghi về việc sao Chổi xuốt hiện, ĐVSL chép vào tháng 4 năm Giáp Tý (1144), Mà Tống sử thì ghi tháng 4 năm Ất Sửu (1145), cho thấy ĐVSL chép sớm một năm). Sự chênh lệnh ấy đến năm Mậu Dần (1158), kể từ việc Nguyễn Quốc (ĐVSL chép là Nguyễn Quốc Dĩ) đi sứ về tâu xin làm hộp thơ bằng đồng, lại tiếp tục ăn khớp.

[5] Châu Thông Nông: nay là huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng.

[6] Tức thợ thủ công làm các đồ dùng cho vua và nhà nước.

Mùa thu, **[6a]** tháng 7, dựng 6 sở kho Thiên Tư.

Tháng 8, xuống chiếu rằng các quan quản giáp và chủ đô, phàm sung bổ cấm quân, phải chọn những hộ nhiều người, không được lấy người cô độc, làm trái thì trị tội.

Đinh Mão, [Đại Định] năm thứ 8 [1147], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 17). Mùa thu, tháng 8, đóng hai thuyền Vĩnh Long, Thanh Lan và hai thuyền lớn Trường Quyết, Phụng Tiên.

Tháng 9, thư gia là Lý Chiêu dâng con quạ trắng. Mùa đông, tháng 10,ngày Canh Thìn, tiểu thị vệ là Lý Sùng dâng con rùa mắt có sáu con ngươi, ức có tám chữ triện.

Dựng hành dinh ở trại Yên Hưng[1].

Xuống chiếu cho Đỗ Anh Vũ đi phủ Phú Lương khảo xét quan liêu và định số mục hộ tịch.

Tháng 11, làm nhà cho Công chúa Thuỵ Thiên ở châu Lạng.

Hoàng thái hậu họ Đỗ băng, thuỵ là Chiêu Hiếu hoàng hậu.

Mậu Thìn, [Đại Định] năm thứ 9 [1148], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 18). Mùa xuân, tháng 2, vua ngự đến hành cung ly Nhân cày ruộng tịch điền **[6b]** rồi đến hành cung Ứng Phong.

Mùa hạ, tháng 6, xuống chiếu cấm các thủ lĩnh và quan lang người Man Lý và người Sơn Lão ở hai trấn Đại Thông và Quy Nhân[2] không có việc gì không được về Kinh.

Công chúa Thuỵ Thiên về châu Lạng.

Mùa đông, tháng 10, khánh thành cung quảng Từ.

Kỷ Tỵ, [Đại Định] năm thứ 10 [1149], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 19). Mùa xuân, tháng 2, thuyền buôn ba nước Trảo Oa[3], Lộ Lạc[4], Xiêm La[5] vào hải Đông[6], xin cư trú buôn bán, bèn cho lập trang ở nơi hải đảo, gọi là vân Đồn, để mua bán hàng hoá quý, dâng tiến sản vật địa phương.

Mùa hạ, tháng 4, mở hội Nhân Vương ở Long Trì, đại xá người có tội.

Vua ngự ở Long Trì xem bắt voi.

Mùa đông, tháng 11, Công chúa Thiên Thành mất.

---

[1] Yên Hưng: nay là đất huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Địa danh thời Lý- Trần không thấy tài liệu nào ghi tên Quy Nhân, ngờ là Quy Hóa mà bản in khắc lầm. Quy Hoá là tên phủ thời Lý, cuối thời Trần đổi làm trấn, đầu thời Lê đổi làm lộ, từ đời Hồng Đức (1470- 1497) về sau lại đổi làm phủ: nay thuộc tỉnh Yên Bái, Lao Cai, Đại Thông là tên phủ thời Lý (có ghi trong Lĩnh ngoại đại đáp của Chu Khứ Phi) chỉ miền Hưng Hoá, phía tây sông Hồng. Như vậy, hai trấn Đại Thông và Quy Nhân (sửa là Hoá) đại thể là đất tỉnh yên Bái, Lao Cai, Lai Châu và một phần Vĩnh phú ngày nay.

[3] Trảo Oa: tức đảo Java, (Inđônêxia). Cương mục chép là Qua Oa (CMCB4,33a), cũng tức là Java, theo cách phiên âm thường dùng trong Nguyên sử và Minh sử.

[4] Lộ lạc: chưa rõ chỉ nước nào. Thời trần, có thuyền buôn Lộ hạc đến Vân Đồn. Có lẽ Lộ Lạc chính là Lộ Hạc. Dựa vào âm đọc, có thể cho rằng Lộ Hạc là nước La Hộc được nhắc đến trong thư tịch Trung Quốc thời Nguyên-Minh (xem thêm chú thích về Xiêm la ở dưới). La Hộc là quốc gia Lavo ở Lopburi, Thái Lan. Lộ Hạc có khả năng là nước Locac được nhắc đến trong du ký của Marco Polo.

[5] Xiêm La: quốc gia của người Thái vùng thượng lưu sông Mê Nam thời trung đại. Điểm đáng chú ý là Toàn thư đả chép tên Xiêm La vào năm 1149. Trong khi đó, thư tịch Trung Quốc chỉ nhắc đến nước này vào cuối thế kỷ XIII (xem Nguyên sử, Xiêm quốc truyện) nhưng trong suốt thời Nguyên, chỉ gọi là Xiêm chứ không phải là Xiêm La. Sang thời Minh, từ năm Hồng Vũ thứ 4 (1371), mới thấy nhắc đến tên Xiêm la. Minh sử, Minh nhất thống chí, Quảng Đông thống chí giải thích rằng vào khoảng niên hiệu Chí Chinh (1341-1368), nước Xiêm đầu hàng nước La Hộc (tức Lavo) bên cạnh, hai nước mới hợp nhất thành nước Xiêm La. Nguyễn Thiên Túng chú Dư địa chí của Nguyễn Trãi cũng theo thuyết đó mà nói rằng Xiêm La xưa là hai nước Xiêm La và La Hộc. Nếu đúng như thế thì phải chăng tên Xiêm La chép ở Toàn thư năm 1149 là do Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Lê chữa từ tên xiêm? Nhưng chưa có căn cứ để nói rằng thuyết đó đúng. Nước Xiêm nói trong Nguyên sử rõ ràng là vương quốc Sukhothai hình thành vào thế kỷ XIII ở Thái Lan. Mãi đến thế kỷ XV, Sukhothai mới trở thành thuộc quốc của vương quốc Ayuthya.

[6] Hải Đông: vùng đất tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

Cho trung thư hoả giữ phủ Phú Lương làm Nguyễn Quyền là Trung thư xá nhân, đến Na Dâm Điền ở đầu phía nam châu Văn, hội với Triều phụng lang châu Thất Nguyên là Nông Ngạn Cương **[7a]** để bàn việc, vì người châu Quảng Nguyên bắt Liêu Ngũ ở châu Thất Nguyên.

Dựng hành cung ở Ly Nhân.

Canh Ngọ,[Đại Định] năm thứ 11 [1150], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 20). Mùa xuân, tháng 3, hạn.

Mùa thu, tháng 7, hạn.

Tháng 9, người Chân Lạp cướp châu Nghệ An, đến núi Vụ Thấp[1] gặp nắng nóng ẩm thấp, phần nhiều chết vì lam chướng bèn tự tan vỡ.

Khi trước vua còn trẻ thơ, chính sự không cứ việc lớn, việc nhỏ đều uỷ cho Đỗ Anh Vũ cả. Anh Vũ sai vợ là Tô thị ra vào cung cấm hầu hạ Đỗ thái hậu, do đó mà Anh Vũ tư thông với Lê thái hậu, nhân thế lại càng kiêu rông, ở triều đình thì khoát tay lớn tiếng, sai bảo quan lại thì hất hàm ra hiệu, mọi người đều liếc nhau nhưng không ai dám nói. Điện tiền đô chỉ huy sứ là vũ Đái, Hoả đầu đô Quảng Vũ là Lương Thượng Cá, Hoả đầu đo Ngọc Giai là Đồng Lợi, Nội thị là Đỗ Ất, cùng với bọn Trí Minh Vương, Bảo Ninh hầu, Phò mã lang Dương Tự Minh cùng mưu bắt giam Anh Vũ. Bàn tính xong, bọn Đái**[7b]** đem quân lính đến ngoài cửa Việt Thành hô to rằng: "Anh Vũ ra vào cấm đình, làm nhiều đều ô uế, tiếng xấu đồn ra ngoài, không tội gì to bằng. Bọn thần xin sớm trừ đi, khỏi để mối lo về sau". Bèn có chiếu sai cấm quân đến bắt Anh Vũ trói giam ở hành lang Tả Hưng Thánh, giao cho Đình uý tra xét. Thái hậu sai người mang cơm rượu cho Anh Vũ, ngầm để vàng vào trong đồ đựng món ăn để đút cho Vũ Đái và các người canh giữ. Hoả đầu ở đô Tả Hưng Thánh là Nguyễn Dương nói: "Các ông tham của đút, tôi với các ông tất không thoát khỏi tay Anh Vũ đâu, chi bằng cứ giết trước đi cho khỏi tay hoạ về sau". bèn cầm giáo định đâm. Đô Tả Hưng [Thánh][2] là Đàm Dĩ Mông ôm Dương, cướp lấy giáo, ngăn rằng: "Điện tiền bảo Anh Vũ tội đáng chết, nhưng còn phải đợi mệnh lệnh của vua, không nên tự tiện". Dương giận, chửi: "Điện tiền Vũ cứt chứ chẳng phải Đái! (chữ Cát Đái phương ngôn[3] nói là cứt đái). **[8a]** Sao tham của đút mà không tiếc đến mạng mình!". Nói xong, tự biết không khỏi chết, bèn nhảy xuống giếng tự tử.

Bấy giờ vua xét án của Anh Vũ, đày Anh Vũ làm Cảo điền nhi[4]. Thái hậu lo buồn, cố nghĩ làm thế nào để phục hồi chức nhiệm cho Anh Vũ, mới nhiều lần mở hội lớn để xá cho tội nhân, mong Anh Vũ được dự vào đấy. Anh Vũ được mấy lần xá tội, lại làm Thái uý phụ chính như cũ, càng được yêu dùng hơn, do đấy chuyên làm oai, làm phúc, sinh sát mà lòng báo thù lúc nào cũng tỏ rõ, còn sợ rằng bọn quân lại đi bắt bớ phần nhiều không được như ý, mới dâng hơn một trăm người thủ hạ để làm đô Phụng quốc vệ, người nào phạm tội đều giao cho đô Phụng quốc vệ đi bắt. Anh Vũ mật tâu với vua rằng: "Trước kia bọn Vũ Đái tự tiện đem cấm quân xông vào cung đình, tội ấy không gì to bằng, nếu không sớm trừng trị, sợ một ngày kia sinh biến, không thể lường được". Vua chẳng biết gì cả, **[8b]** bèn chuẩn tâu. Anh Vũ sai đô Phụng quốc về đi bắt bọn Vũ Đái giam vào ngục để trị tội. Hạ chiếu giáng Trí Minh Vương xuống tước hầu, Bảo Ninh hầu xuống tước minh tự, Bảo Thắng hầu xuống tước phụng chức, Nội thị là bọn Đỗ Ất 5 người bị "cưỡi ngựa gỗ"[5], bọn Hoả đầu đô Ngọc Giai là Đồng lợi 8 người bị chém ở chợ Tây Giai, bọn Điện tiền đô chỉ huy Vũ Đái 20 người chém bêu đầu ở các bến sông, bọn Phò mã lang

---

[1] Núi Vụ Thấp: còn gọi là Vụ Ôn, tức là núi Vụ Quang ở huyện Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Nguyên văn: "tả Hưng đô" tức là Tả Hưng thánh đô, "đô" vừa là tên đơn vị đội quân cấm vệ (đô Ngọc Giai đô Quảng Vũ v. v...) vừa là tên quan chức của viên chỉ huy đội quân cấm vệ ấy.

[3] Chỉ cách đọc hai chữ "cát đái" thêm âm Nôm.

[4] Việc này, Cương mục chỉ chép là Đỗ Anh Vũ bị đày làm "điền nhi" (CMCB5, 3a) tức là những người có tội bị bắt buộc phải làm ruộng cho nhà nước. Chữ "cảo", Cương mục chữa làm Tảo và chú thích là "Tảo xả" nay là xã Nhật Tảo huyện Từ Liêm (CMCB6,9). Vậy "Cảo điền nhi" là những người bị tội đày phải cày ruộng cho nhà nước ở địa phương ngày nay là xã Nhật tảo huyện Từ Liêm, Hà Nội. Vùng này BK10, 28a gọi là Cảo Động.

[5] Cưỡi ngựa gỗ (thượng mộc mã): thứ hình phạt thời cổ, đem tội nhân đóng đinh lên tấm ván, đem đi bêu chợ rồi đem ra pháp trường tùng xẻo.

dương Tự Minh 30 người bị tội lưu ở nơi xa độc, những người dự mưu đều bị tội đồ làm điền hoành, khao giáp, quả như lời nói của Nguyễn Dương.

Lê Văn Hưu nói: Đỗ Anh Vũ ra vào cấm đình, tư thông với mẫu hậu, không tội gì to bằng. Bọn Vũ Đái nên tâu bày gian trạng rồi bắt giam vào ngục mà giết đi là phải. Nay lại đem quân đột nhập cửa Việt Thành, hiếp vua nhỏ tuổi, ép lấy chiếu chỉ. **[9a]** Đến khi bắt được Anh Vũ rồi, lại nhận vàng của thái hậu mà không nghe lời nói của Nguyễn Dương, đến sau rốt cuộc bị Anh Vũ giết, liên lụy đến mấy mươi người, thế là nuôi hổ để hoạ về sau vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Anh Vũ là kẻ đại ác. Bọn [Vũ] Đái đã cùng với người tông thất hiệp mưu mà không biết tuyên bố tội trạng ở triều đình để trị tội cho đàng hoàng, lại đem binh lính bắt hiếp vua còn nhỏ tuổi. Ngay lúc bấy giờ. Anh Vũ đã mừng có cớ để nói rồi, biết đâu không lập kế thông với thái hậu để đút lót nhiều cho bọn Đái, mong khỏi chết để thỏa lòng báo thù chăng? May mà Nguyễn Dương bảo rõ tai hoạ. Khi bọn Đái không chịu nghe lời, [Dương] lại nhảy xuống giếng mà chết để cảnh cáo, thế mà vẫn còn không tính, để sau bị tai vạ thì còn trách ai nữa? Thế thì thái hậu không có tội ư? Trả lời rằng: tội nặng lắm. Người không có tài đức quyền **[9b]** vị như Y Doãn, Chu Công mà muốn ngăn sửa thì khó tránh cái lỗi làm việc sửa lớn thì hỏng.

Xuống chiếu cấm bọn hoạn quan không được tự tiện vào trong cung, ai phạm thì bị tội chết. Nếu [canh giữ] không cẩn thận để người khác vào cung cũng bị tội như thế.

Cấm các quan trong triều không được đi lại nhà các vương hầu, ở trong cung cấm không được hội họp nhau năm, ba người bàn luận chê bai, ai phạm thì trị tội. Kẻ nào phạm việc qua lại bên ngoài phía đầu hành lang chứa khí giới của đô Phụng quốc vệ thì xử 80 trượng, tội đồ; nếu vào trong hành lang ấy thì xử tử. Lính Phụng [quốc] vệ ở trong hành lang ấy có chiếu chỉ mới được cầm khí giới, không có chiếu chỉ mà tự tiện mang khí giới đi quá ra ngoài phía đầu [hành lang] thì xử tử.

Tân Mùi, [Đại Định] năm thứ 12 [1151], (Tống thiệu Hưng năm thứ 21). Mùa xuân, tháng giêng, Nội nhân hoả đầu là Đỗ Thì dâng rùa vàng có lông xanh.

Tháng 2, vua ngự đến Long Thủy[1] bắt voi trắng, bắt được, các quan dâng **[10a]** biểu mừng.

Mùa hạ, tháng 4, Đỗ Anh Vũ dâng cây cau một gốc 28 nhánh. Tháng 5, Đỗ Anh Vũ dâng hươu trắng.

Mùa thu, tháng 8, vua ngự đến cung Quảng Từ xem đua thuyền.

Mùa đông, tháng 10, công chúa Thuỵ Minh mất.

Tháng 11, hoàng trưởng tử Long Xưởng sinh ở hành cung Ứng Phong, sau được sách phong là Hiển Trung Vương.

Dựng gác Vĩnh Thanh ở điện phía tây và hai chiếc thuyền Vĩnh Diệu, Thanh Lan.

Nhâm Thân, [Đại Định] năm thứ 13 [1152], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 22). Muà xuân, tháng 2, Nội sư ông là Lý Nguyên dâng rùa ba chân, mắt có sáu con ngươi, trên ức có chữ triện. Các quan nhận thành bốn chữ: "Vương dĩ bát phương"[2].

Mùa hạ, tháng 4, động đất.

Tháng 5, trời mưa cát vàng.

Bá Đại Vương (chưa rõ là ai) mất.

---

[1] Long Thủy: vùng Thác Bờ, tỉnh Hòa Bình.

[2] Nghĩa: vua theo tám phương.

Mùa thu, tháng 7, trời mưa cát vàng.

Mùa đông, tháng 10, thi Điện.

Người nước Chiêm Thành **[10b]** là Ung Minh Ta Điệp[1] đến cửa khuyết xin mệnh cho làm vua nước ấy. Xuống chiếu cho Thượng chế Lý Mông đem hơn 5.000 người ở phủ Thanh Hoá và châu Nghệ An sang Chiêm Thành lập Ung Minh Ta Điệp làm vua. Mông đến Chiêm Thành bị vua nước ấy là Chế Bì La Bút[2] chống cự, bọn Ung Minh Ta Điệp và [Lý] Mông đều chết.

Quý Dậu, [Đại Định] năm thứ 14 [1153], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 23). Dựng cửa Tân Quan.

Giáp Tuất, [Đại Định] năm thứ 15 [1154], (Tống thiệu Hưng năm thứ 24). Muà xuân, tháng giêng, An Trung hầu (không rõ tên) dâng con hoẵng trắng.

Người Sơn Lão ở Chàng Long làm phản.

Từ Dần dâng quạ trắng.

Tháng 2, xuống chiếu cho Anh Vũ đi đánh người Sơn Lão ở Chàng Long, hàng phục được.

Mùa thu, tháng8, thủ lĩnh bọn Sơn lão ở Đại Hoàng giang (nay là phủ Trường yên) là Nông Khả Lai làm phản.

Tháng 9, vua ngự ra cửa Nam Thành Đại la xem đắp đàn Viên Khâu[3].

[11a] Mùa đông, tháng 10, vua nước Chiêm Thành là Chế Bì La Bút dâng con gái, vua nhận[4].

Lê Văn Hưu nói: Các bậc đế vương đối với người Di Địch, nếu họ chịu phục thì lấy đức mà vỗ yên, nếu làm phản thì lấy uy mà tỏ cho biết. Anh Tông sai Lý Mông đem hơn 5 nghìn người để giúp lập Ung Minh Ta Điệp làm Vua nước Chiêm Thành mà bị Chế Bì la Bút giết, đáng lẻ phải đem quân hỏi tội, chọn lập một người khác để thay làm vua nước ấy, thì mới có thể gia uy với cõi xa, mà vua sau phải nhớ đức. Nay lại nhận con gái của họ mà không hỏi tội, có thể gọi là lầm lỗi. Về sau Chiêm Thành và Chân Lạp liền năm vào cướp một lộ Nghệ An, mối hại không kể xiết, thực là do Anh Tông khơi mối vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nước nhỏ nhờ vào nước lớn để cho mình được yên tĩnh mà thôi.**[11b]** Không may gặp loạn, công tử[5] chạy ra ngoài thì cũng có thể đưa về nước, nhưng không chính đáng thì chưa bao giờ nên việc. Nước Lỗ đưa công tử Củ về là thế[6]. Đưa về mà biết không chính đáng thì như việc nước Tấn đưa Tiệp Tri về[7], [Lý] Anh Tông đưa Ung Minh Ta Điệp về, nếu quả là chính đáng mà kẻ kia chống mệnh giết càn ư? Thì không thể không cất quân hỏi tội. Nếu quả là không chính đáng thì sao không tự xét ngay ở mình? Song việc đã đến thì nên sai một sứ giả sang hỏi tội, đợi cho họ phục tình hối lỗi mà tạ tội thì mới phải. Sao lại say đắm tình riêng nữ sắc, quên mất việc lớn của nước nhà, mà những người ăn thịt[8] bấy giờ không ai nói gì là làm sao?

[1] Đại Việt sử lược chép là Ung Minh Điệp (ĐVSL3,5a), tức ông Vangsaraja.

[2] Chế Bì La Bút: tức Jaya Harivarman I (ở ngôi: 1145-1170).

[3] Viên Khâu: đàn tế trời vào tiết Đông Chí hàng năm.

[4] Đại Việt sử lược chép: Chế Bì La Bút nước Chiêm Thành đến cống (ĐVSL3,5b).

[5] Thời Xuân Thu, con các vua chư hầu gọi là công tử vì cha nhận tước công của nhà Chu.

[6] Công tử Củ: em Tề Tương công lánh nạn, nương nhờ nước Lỗ. Sau khi Tương công bị giết. Lỗ Trang công cho quân đưa công tử Củ về lập làm vua, nhưng bấy giờ Tiêu Bạch (là anh của củ) đã lên ngôi (tức Tề Hoàn Công), nước Lỗ phải rút quân về.

[7] Tiệp Tri: con Văn công nước Trâu (mẹ là con vua nước Tấn), sau khi Văn công chết, Tấn cho quân đem Tiệp Tri về nước, nhưng con trưởng của Văn công là Quắc Thư đã nối ngôi, người nước Tấn biết là trái đạo, phải rút về.

[8] Chỉ quan lại.

Tháng 11, ngày Đinh Mùi, vua thân đi đánh Nông Khải lai. Ngày Canh Tuất, xuất phát từ Kinh sư. Ngày Giáp Dần **[12a]** thắng trận. Ngày Bính Thìn, đem quân về. Ngày Kỷ Mùi, về đến Kinh.

Dựng hành cung Ứng Phong, hành cung Ly Nhân và đóng thuyền Vĩnh chương.

Ất Hợi, [Đại Định] năm thứ 16 [1155], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 25). Mùa hạ, tháng 5, công chúa Thiệu Dung mất.

Mùa thu, tháng 8, đua thuyền.

Nước to.

Động đất.

Tháng 9, thu tô ruộng chiêm.

Mùa đông, tháng 10, sao Mộc phạm và sao Kim.

Sai thợ làm phủ đệ ở Phú Lương.

Tháng 11, nước Chiêm Thành sang cống.

Tháng 12, động đất.

Làm cung Lệ Thiên và hành lang triều cận ở điện Long Khánh.

Bính Tý, [Đại Định] năm thứ 17 [1156], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 26). Mùa xuân, tháng 2, ngày tân Mùi, trời mưa cát vàng.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu làm phủ đệ ở châu Quảng Nguyên.

Mùa đông, tháng 12, ngày đinh Mùi, ban đêm kho ngự cháy.

Làm hành cung Ngự Thiên[1], điện Thuỵ Quang, gác Ánh vân, cửa Thanh Hòa, thềm Nghi Phượng, **[12b]** gác Diện Phú, đình Thưởng Hoa, thềm Ngọc Hoa, hồ Kim Liên, cầu Minh Nguyệt và đóng thuyền to bản của ngự trù[2], thuyền to bản của cung nội.

Thái phó Lý Du Đô dâng sớ xin hưu trí, thăng làm Thái sư, ban cho vàng bạc về quê.

Dựng miếu khổng Tử.

Năm ấy đói to, một thăng gạo giá 70 đồng tiền.

Đinh Sửu, [Đại Định] năm thứ 18 [1157], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 27). Xuống chiếu định luật lệnh.

Mậu Dần, [Đại Định] năm thứ 19 [1158], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 28). Mùa xuân, tháng 2, Nguyễn Quốc sang sứ nước Tống về, dâng tâu rằng: "Thần sang nước Tống thấy ở giữa sân vua có cái hòm bằng đồng để nhận các chương tấu của bốn phương, thần xin bắt chước mà làm như thế để bề trên rõ được tình người dưới". Vua y theo, cho đặt cái hòm ở giữa sân để ai có trình bày việc gì thì bỏ thư vào hòm ấy. Bấy giờ có người ngầm bỏ thư nặc danh nói là Anh Vũ làm loạn, tìm xét **[13a]** không biết là ai. Anh Vũ vu cho Quốc làm, đày Quốc đến trại đầu ở Thanh Hóa. Không bao lâu, vua gọi Quốc về. Anh Vũ lại đưa cho Quốc rượu có thuốc độc, Quốc tự nghĩ không khỏi bị hại, bèn uống thuốc độc chết[3].

---

[1] Ngự Thiên: nay là một phần đất huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (vùng huyện Hưng Nhân cũ).

[2] Ngự trù: bếp của nhà vua.

[3] Về việc này, Toàn thư và Cương mục đều chép người đi sứ về là Nguyễn Quốc, nhưng Đại Việt sử lược chép là Nguyễn Quốc Dĩ, giữ chức Tả ty và kể sự việc kỹ hơn: Người giữ việc đọc thư nói lại với Đỗ Anh Vũ về bức thư nặc danh, Anh Vũ nói: "Ông vì ta tâu vua xin xét việc đó". Tìm không ra người viết thư, Anh Vũ tâu rằng: "Thư ấy tất do người xướng xuất ra việc làm hòm viết ". Vua lấy làm phải, sai bắt Quốc Dĩ và em là Nghi Giao cho quan xét xử, sau đó, đày Quốc Dĩ lên trại Quy Hóa (Toàn thư, ghi là Thanh Hóa?). Khi biết vua có ý định cho gọi Quốc Dĩ về, Anh Vũ sai người đem thuốc độc cho Quốc Dĩ (ĐVSL3,6b).

Sai Thiếu bảo Phí Công Tín tuyển dân đinh, định các hạng và lấy người sung việc thờ cúng ở thái miếu và sơn lăng.

Mùa thu, tháng 8, Đỗ Anh Vũ chết.

Kỷ Mão, [Đại Định] năm thứ 20 [1159], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 29). Mùa xuân, cột chùa Thiên Phù chảy máu.

Nước Ngưu Hồng dâng voi hoa.

Mùa hạ, tháng 5, Ngưu Hồng và Ai Lao làm phản. Sai Tô Hiến Thành đi đánh, bắt được người và trâu ngựa voi, vàng bạc châu báu rất nhiều. Phong Hiến Thành làm Thái uý.

Canh Thìn, [Đại Định] năm thứ 21 [1160], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 30). Mùa xuân, tháng giêng làm đền Hai Bà và đền Xuy Vưu[1] ở phường Bố Cái.

Tháng 2, sai Tô Hiến Thành và Phi Công Tín tuyển dân đinh, người mạnh khỏe thì sung **[13b]** vào quân ngũ. Chọn các tướng hiệu, người nào thông thạo binh pháp, am tường võ nghệ thì chia cho cai quản.

Tân tỵ, [Đại Định] năm thứ 22 [1161], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 31). Mùa xuân, sai đem voi thuần sang biếu nhà Tống. Vua Tống bảo các đại thần rằng:

"Trẫm không chuộng thú vật lạ, làm khó nhọc người xa, nên sai suý thần bảo họ từ nay về sau bất tất phải mang vật ấy tiến cống".

Dựng chùa Pháp Vân[2] ở châu Cổ Pháp.

Mùa đông, tháng 10, Thái phó Hoàng nghĩa Hiền chết, nghỉ thiết triều 5 ngày, vì Nghĩa Hiền có công giúp vua lên ngôi, nên đặt ân làm hơn lễ thường.

Tháng 11, vua sai Tô Hiến thành làm Đô tướng, Đỗ An Di làm phó, đem 2 vạn quân đi tuần các nơi ven biển tây nam, để giữ yên miền biên giới. Vua thân đi tiễn đến cửa biển Thần Đầu ở Đại An (nay là cửa biển Thần Phù) mới trở về.

Thái uý Lưu Khanh Đàm chết.

Nhâm Ngọ, [Đại Định] năm thứ 23 [1162], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 32). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu rằng kẻ nào tự hoạn thì xử **[14a]** 80 trượng, thích 23 chữ vào cánh tay bên trái.

Động đất.

Tháng 2, khảo khóa các quan văn võ, người nào đủ niên hạn khảo mà không có lỗi thì thăng trật, định làm phép thường, cứ 9 năm là một kỳ khảo.

Quý Mùi, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 1 [1163], (Tống Hiếu Tông Vĩ, Long Hưng năm thứ 1). Cấm người trong nước không được dùng trân châu giả.

Mùa thu, tháng 8, lính chốn rủ nhau tụ họp thành bọn cướp bóc cư dân trên đường bộ. Vua sai Phu Công Tín đem 10 vạn quân đi đánh dẹp yên được.

Giáp Thân, [Chính Long Bảo Ứng năm thứ 2] [1164], (Tống Hưng Long năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, nước Chiêm Thành sang cống.

Mùa thu, tháng 7, nước to quá mức thường, lúa bị ngập hết.

Nhà Tống phong vua làm An Nam Quốc Vương, đổi Giao Chỉ làm An Nam Quốc Vương đổi Giao Chỉ làm An Nam Quốc Vương.

---

[1] Xuy Vưu: theo truyền thuyết Trung Quốc, là hậu duệ của Viêm Đế, làm vua nước Cửu Lê thời thượng cổ, thua trận ở Trác Lộc, bị Hoàng Đế bắt giết.

[2] Chùa Pháp Vân: tức là chùa Dâu ở xã Thanh Khương,Hà Bắc.

Ất Dậu, 3 [1165], (Chính Long Bảo Ứng năm thứ 3 [1165]), (Tống Càn Đạo năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 6, đại hạn, dân bị nạn dịch lớn, trâu bò gia súc chết nhiều, **[14b]** giá gạo cao vọt.

Mùa thu, tháng8, thi học sinh.

Bính Tuất, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 4 [1166], (Tống Càn Đạo năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, sứ Chiêm Thành đi đến miền Ô Lý, dùng quân phong thủy (ma thuật của thầy tăng) mà vượt biển, cướp bóc nhân dân ven biển nước ta rồi về.

Dân có người dâng con rùa ở ức có bốn chữ "Thiên tử vạn niên", cũng có người dâng quạ trắng.

Đinh Hợi, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 5 [1167], (Tống Càn Đạo năm thứ 3). Mùa thu, tháng 7 , sai Thái uý Tô Hiến Thành đi đánh Chiêm Thành.

Mùa đông, tháng 10, Chiêm Thành sai sứ sang dâng trân châu và sản vật địa phương để xin hoà.

Xuống chiếu cho Tô Hiến Thành đem quân về. Từ đấy nước Chiêm Thành giữ lễ phiên thần, dâng cống không thiếu.

Đóng thuyền Nhật Long.

Mậu Tý, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 6 [1168], (Tống Càn Đạo năm thứ 4). Mùa thu, tháng 8, sứ nhà Tống sang sứ Thát Đạt (tức là sứ của nhà Nguyên), cũng sang[1]. Đều thưởng hậu để dụ, ngầm lấy lễ tiếp đãi cả hai sứ, không cho họ gặp nhau.

[15a] Kỷ Sửu, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 7 [1169], (Tống Càn Đạo năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 3, ngày rằm nguyệt thực. Cá ở cửa biển chết. Sai tăng ni, đạo sĩ các chùa quán ở Kinh và các nơi tụng kinh cầu đảo.

Thái sư trí sĩ là Lý Du Đô chết.

Mùa hạ, tháng 4, làm điện Thanh Hoà để đặt thần vị của tiên đế và tiên hậu, theo thời cúng tế.

Sửa lại chùa Chân Giáo.

Canh Dần, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 8 [1170], (Tống càn Đạo năm thứ 6). Vua tập bắn và cưỡi ngựa ở phía nam thành Đại La, đặt tên là Xạ Đình, sai các quan võ hàng ngày luyện tập phép công chiến phá trận.

Tân Mão, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 9 [1171], (Tống Càn Đạo năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, điện Vĩnh Nguyên vô cớ tự rung động.

Làm miếu điện thờ Văn Tuyên Vương[2] và đền thờ Hậu Thổ.

Vua đi tuần các hải đảo, xem các hình thế núi sông, muốn biết dân tình đau khổ và đường đi xa gần thế nào.

[15b] Nhâm Thìn, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 10 [1172], (Tống Càn Đạo năm thứ 8). mùa xuân, tháng 2, vua lại đi tuần các hải đảo ở địa giới các phiên bang Nam Bắc, vẽ bản đồ và ghi chép phong vật rồi về.

Quý Tỵ, [Chính Lonh Bảo Ứng] năm thứ 11 [1173], (Tống càn Đạo năm thứ 9). Mùa xuân, làm lại cầu Thái Hoà.

Mùa hạ, tháng 5, ngày 25, Hoàng thái tử Long Trát sinh.

Mùa thu, đóng thuyền Ngoạn thủy.

---

[1] Có nhầm lẫn ở điều ghi này của Toàn thư. Phải đến năm 1206 quốc gia Mông Cổ mới thành lập. Sứ đến nước ta bấy giờ có lẽ là sứ nước Kim. Cương mục cũng chữa là sứ thần nước Kim. (CMCB5, 14a).

[2] Văn Tuyên Vương: tức Khổng Tử.

Giáp Ngọ, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 12 [1174], (Từ tháng 2 về sau là niên hiệu Thiên Cảm Chí Bảo năm thứ 1; Tống Thuần Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng động đất.

Tháng 2, đổi niên hiệu là Thiên Cảm Chí Bảo năm thứ 1[1].

Muà thu, tháng 9, Thái tử Long Xưởng có tội, phế làm thứ dân và bắt giam. Trước đó, Long Xưởng thông dâm với cung phi, vua không nỡ bắt tội chết, cho nên có mệnh này. Một hôm, vua gọi tể tướng đến bảo rằng: "Thái tử là gốc lớn của nước, Long Xưởng đã làm điều trái đạo, trẫm muốn Long Trát nối giữ nghiệp lớn, nhưng nó còn nhỏ tuổi, **[16a]** sợ không đương nổi, nếu đợi lớn thì trẫm đã tuổi già suy yếu, biết làm thế nào?". Bấy giờ có nội nhân ẵm Long Trát ra, thấy vua đội mũ, khóc đòi đội, vua chưa kịp tháo mũ đưa cho thì càng khóc to hơn. Vua bèn tháo mũ đội cho, Long Trát cả cười. Vua càng lấy làm lạ, ý lập Long Trát làm thái tử bèn quyết định.

Mùa đông, tháng 11, động đất.

Tháng 12, sao Chổi mọc phương nam.

Ất Mùi, [Thiên Cảm Chí Bảo] năm thứ 2 [1175], (Tống Thuần Hy năm thứ 2). ùa xân, tháng giêng, sách lập long Trát làm Hoàng thái tử, ở đông cung. Phong Tô Hiến Thành làm Nhập nội kiểm hiệu thái phó bình chương quân quốc trọng sự, tước vương, giúp đỡ đông cung.

Mùa hạ, tháng tư, vua không khỏe, cố gượng sai Tô Hiến Thành ẵm thái tử mà quyền nhiếp chính sự.

Mùa thu, tháng 7, ngày Ất Tỵ, vua băng ở điện Thuỵ Quang. Trước đó, khi vua ốm nặng, hoàng hậu lại xin lập Long Xưởng, vua nói: "Làm con **[16b]** bất hiếu còn trị dân sao được". Di chiếu cho Tô Hiến Thành giúp rập thái tử, công việc quốc gia nhất nhất tuân theo phép cũ. Bấy giờ thái hậu muốn làm việc phế lập, sợ Hiến Thành không nghe, mới đem vàng bạc đút cho vợ là Nữ thị. Hiến Thành nói: "Ta là đại thần nhận mệnh tiên đế dặn lại giúp rập vua bé, nay lấy của đút mà làm việc phế lập thì còn mặt mũi nào trông thấy Tiên đế ở suối vàng?". Thái hậu lại gọi Hiến Thành đến dỗ dành trăm cách. Hiến Thành trả lời: "Làm việc bất nghĩa mà được giàu sang, kẻ trung thần nghĩa sĩ đâu có vui làm, huống chi lời của Tiên đế còn ở bên tai, điện hạ lại không nghe việc của Y Doãn, Hoắc Quang hay sao? Thần không dám vâng chiếu". Việc bèn thôi.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Anh Tông nối ngôi tuổi còn thơ ấu, việc của Đỗ Anh Vũ làm gì mà biết được, đến khi tuổi ngoại hai mươi, sai bọn Hiến Thành đem quân đi tuần nơi biên giới, **[17a]** lại thân đi xem khắp tình thế núi sông, muốn biết sự đau khổ của dân gian và đường đi xa[2] gần, về mặt giữ dân giữ nước, quy mô đã thấy rõ. Lại đặt Xạ Đình, sai các quan võ hàng ngày luyện tập phép đánh trận, về mặt sửa binh giãng võ, mưu lược đã thấy rõ. Thái tử Long Xưởng có tội thì phế đi mà lập Long Trát làm thái tử, cho ở đông cung, để lòng người có chỗ gắn bó. đến khi ốm nặng, hoàng hậu xin lập lại Long Xưởng, thì lấy lễ nghĩa mà bác bẻ, không mê hoặc lời nói của đàn bà, lại cố gượng gọi Hiến Thành nhận di chiếu giúp thái tử quyền nhiếp chính sự, phó thác được người giỏi để phòng lo sau, rốt cuộc mưu phế lập của thái hậu không thể làm được, trên yên dưới thuận, không phải là sức của Anh Tông sao? Còn như Cao Tông không phải là người hiền thì ngay lúc bấy giờ đã biết trước thế nào được? Vua chỉ thuận theo lẽ phải mà làm **[17b]** thôi.

Thái tử Long Trát lên ngôi trước linh cữu, bấy giờ mới lên 3 tuổi, tôn mẹ là Đỗ thị làm Chiêu Thiên Chí lý hoàng thái hậu.

Cho Đỗ An Di[3] (em trai hoàng thái hậu) làm thái sư đồng bình chương sự, Tô Hiến Thành làm thái uý[1].

---

[1] Đại Việt sử lược chép đổi niên hiệu vào tháng giêng (ĐVSL3,8a).

[2] Nguyên bản khắc nhầm chữ đạo lý với chử lý (lẽ) đúng ra là chữ lý (dặm đường).

[3] Đại Việt sử lược chép là Đỗ An Thuận (ĐVSL3, 9b).!Chữ Di và chữ Thuận gần giống nhau, dễ lầm lẫn.

Họp quốc nhân thề ở Long Trì.

Cao Tông Hoàng Đế

Tên huý là Long Trát con thứ sáu của Anh Tông, mẹ là hoàng hậu họ Đỗ[2], sinh ngày 25 tháng 5 năm Quý Tỵ, Chính Long Bảo Ứng thứ 11 [1173]. Năm Thiên Cảm Chí Bảo thứ 2 [1175] sách lập làm hoàng thái tử. Anh Tông băng, bèn lên ngôi báu, ở ngôi 35 năm [1176-1210], băng ở cung Thánh Ngọ.

Vua chơi bời vô độ, chính sự hình pháp không rõ ràng, giặc cướp nổi như ong, đói kém liền năm, cơ nghiệp nhà Lý từ đấy suy.

Bính Thân, [Trinh Phù] năm thứ 1 [1176], (Tống Thuần Hy năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, đổi niên hiệu, đại xá thiên hạ.

> **[18a]**Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Cao Tông lên ngôi từ tháng 7 năm ngoái, đến đây mới đổi niên hiệu, là vì có Tô Hiến Thành phụ chính, biết trở lại lễ cổ.

Đinh Dậu, [Trinh Phù] năm thứ 2 [1177], (Tống Thuần Hy năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 3, Chiêm Thành đến cướp châu Nghệ An.

Mậu Tuất, [Trinh Phù] năm thứ 3 [1178], (Tống Thuần Hy năm thứ 5). Hết quốc tang. Chiêu Linh hoàng thái hậu ban yến cho các quan ở biệt điện, bảo rằng: "Hiện nay Tiên đế đã chầu trời, vua nối còn thơ ấu, nước Chiêm Thành thất lễ, người phương Bắc cướp biên. Các khanh chịu ơn nặng của triều đình, nên lo việc của nước nhà. Kế sách ngày nay không gì bằng lập lại thái tử, để vận nước được lâu, lòng dân được yên". Các quan đều chắp tay cuối đầu nói: "Thái phó nhận mệnh lệnh rõ ràng của thiên tử. Bệ hạ cũng đã nhiều lần dỗ bảo rồi, bọn thần không dám trái lệnh". Đều lạy tạ rồi lui ra. Hiến Thành quản Lĩnh cấm binh, nghiêm hiệu lệnh, thưởng phạt công bằng, **[18b]** người trong nước đều quy phục.

Mùa hạ, tháng 5, lấy ngày sinh của vua làm tiết Càn hưng.

Kỷ Hợi, [Trinh Phù] năm thứ 4 [1179], (Tống Thuần Hy năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, tuyển các đinh nam, người nào mạnh khỏe sung vào quân ngũ.

Tháng 2, động đất.

Tháng 3, khảo xét công trạng các quan, người giữ chức siêng năng tài cán nhưng không thông chữ nghĩa làm một loại, người có chữ nghĩa tài cán làm một loại, người tuổi cao hạnh thuần, biết rõ việc xưa nay làm một loại, cứ theo thứ tự mà trao cho chức vụ trị dân coi quân, khiến cho quan chức không lạm nhũng.

Mùa hạ, tháng 6 (không rõ ngày nào), hai mặt trời cùng mọc.

Thái uý Tô Hiến Thành chết. Vua bớt ăn ba ngày, nghỉ thiết triều 6 ngày. Trước đây khi Tô Hiến Thành nằm bệnh, Tham trì chính sự Vũ Tán Đường ngày đêm hầu bên cạnh, Gián nghị đại phu Trần Trung Tá vì bận việc không lúc nào rỗi để tới thăm hỏi. Đến khi bệnh nặng, thái hậu thân đến thăm, hỏi rằng: "Nếu có mệnh hệ nào thì ai là người có thể thay ông?". Hiến Thành trả lời: "Trung Tá **[19a]** có thể thay được". Thái hậu nói: "Tán Đường hàng ngày hầu thuốc thang, sao không thấy ông nhắc đến?". Hiến Thành trả lời: "Vì bệ hạ hỏi người nào có thể thay thần nên thần nói đến Trung Tá, còn như hỏi người hầu dưỡng thì phi Tán Đường còn ai nữa?". Thái hậu khen là trung, nhưng cũng không dùng lời ấy.

---

[1] Năm Đại Định thứ 20 (1159), Tô Hiến Thành đã phong làm thái uý, lúc này lại là đại thần nhận di chiếu của Anh Tông làm phụ chính cho Cao Tông, ở đây lại ghi phong lại chức vụ cũ, Cương mục ngờ rằng Toàn thư có thể chép nhầm (CMCB5, 18a).

[2] Đại Việt sử lược chép hoàng hậu họ Đỗ tên là Thuỵ Châu (ĐVSL3, 8b).

Lấy Đỗ An Di làm phụ chính.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tô Hiến Thành nhân việc ký thác con côi, hết lòng trung thành, khéo xử trí khi biến cố, tuy bị gió lay sóng đập mà vẫn đứng vững như cột đá giữa dòng, khiến trên yêu dưới thuận, không thẹn với phong độ của đại thần đời xưa. Huống chi đến lúc sắp chết còn vì nước tiến cử người hiền, không vì ơn riêng, thái hậu không dùng lời nói của Hiến Thành là việc không may cho nhà Lý vậy.

Xuống chiếu cấm không được đem mắm muối và đồ sắt lên bán đổi ở đầu nguồn.

Canh Tý, [Trinh Phù] năm thứ 5 [1180], (Tống Thuần Hy năm thứ 7). Mùa xuân, định lệ các vương hầu vào chầu.

Mùa thu, tháng 8, nước to.

[19b] Động đất ở hai điện Vĩnh Nguyên, Hội Tiên.

Tân Sửu, [Trinh Phù] năm thứ 6 [1181], (Tống Thuần Hy năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, thái tử củ là Long Xưởng cầm đầu bọn gia thuộc nô lệ trộm cướp bừa bãi, muốn mưu làm loạn.

Mùa hạ, tháng 4, sao Huỳnh Hoặc[1] đi vào chòm Nam Đẩu. Đói to, dân chết gần một nửa.

Nhâm Dần, [Trinh Phù] năm thứ 7 [1182], (Tống Thuần Hy năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu cầu người hiền lương.

Đắp đàn phong tướng, lấy Ngô Lý Tín làm Thượng tướng quân, đem quân thủy bộ đi tuần bắt trộm cướp.

Lấy Lý Kinh Tu làm Đế sư[2], trong thì hầu việc giảng sách, ngoài thì dạy dân trung hiếu, từ đấy Chiêu Linh thái hậu không dám manh tâm mưu khác nữa.

Cấm người trong nước không được mặc áo sắc vàng.

Nước Xiêm La sang cống.

[20a] Quý Mão, [Trinh Phù] năm thứ 8 [1183], (Tống Thuần Hy năm thứ 10).Mùa xuân, tháng giêng, cho Ngô Lý Tín làm Đốc tướng đi đánh Ai Lao.

Mùa đông, tháng 11, ngày mồng 1 Nhâm Ngọ, nhật thực.

Giáp Thìn, [Trinh Phù] năm thứ 9 [1184], (Tống Thuần Hy năm thứ 11). Mùa xuân, tháng 3, nước Chiêm Thành sang cống.

Người buôn các nước Xiêm La và Tam Phật Tề[3] vào trấn Vân Đồn dâng vật báu để xin buôn bán.

Mùa đông, tháng 10, các sách Tư Mông v. v... làm phản, đánh lẫn nhau[4].

Ất Tỵ, [Trinh Phù] năm thứ 10 [1185], (Tống Thuần Hy năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, thi sĩ nhân trong nước, người nào từ 15 tuổi mà thông thi thư thì được vào hầu học ở ngự điện. Lấy đỗ bọn Bùi Quốc Khái, Đặng Nghiêm 30 người, còn thì đều ở lại học.

---

[1] Huỳnh Hoặc: tức sao Hỏa.

[2] Đế sư: thầy của vua.

[3] Tam Phật tề: tức vương quốc Srivijaya ở đảo Smatra, được nhắc đến với tên Thất Lợi Phật Thệ từ thế kỷ VII trong thư tịch Trung Quốc và với tên Tâm Phật Tề từ thế kỷ V trong thư tịch Trung Quốc.

[4] Các sách Tư Mông...: Đại Việt sử lược chép sách Tư Mông, sách Trịnh, sách Ô Mễ, vua sai thái phó Vương Nhân Từ đi đánh. Nhân Từ lấy người trong châu là Phạm Phẩm đóng ở ải Ông trọng, Trương Nhạn, Phạm Đỗ đóng ở hương Bái, Đoàn Tùng đóng ở ải Khả Lão. Khi đến trại La Biều, quan quân bị người Lão đánh úp, thua to, Nhân Từ chết trận. Cuộc hành quân năm sau (1185) do Kiến Khang Vương (Đại Việt sử lược chép là Kiến Ninh Vương) chỉ huy là để báo thù việc thất trận ở La Biều (ĐVSL3,10b,11a). các sách, trại ghi ở đây đều chưa rõ ở đâu, nhưng có khả năng là ở vùng núi Hà Sơn Bình. Đại Việt sử lược chép đến các quan lang họ Đinh ở vùng này.

Mùa thu, tháng 7, sai Kiến Khang Vương Long Ích đem quân đánh người Man ở sách Viêm, dẹp được.

[20b] Bính Ngọ,[Trinh Phù] năm thứ 11 [1186], (Từ tháng 7 về sau là niên hiệu Thiên Tư Gia Thuỵ năm thứ 1, Tống Thuần Hy năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Tống phong vua làm An Nam Quốc Vương, chế thư đại khái nói: "Ngay bắt đầu đã phong cho tước ấp ở một nước yên vui, được theo lệ cha truyền con nối ban sắc mệnh cho được thực thụ tước vượng, cần gì phải đợi thăng dần theo thứ tự"[1]. Đó là lễ đặc biệt.

Tháng 3, sách phong Đàm thị làm An Toàn nguyên phi (Phi là con gái của tướng quân [Đàm] Thì Phụng).

Mùa thu, tháng 7, bắt được voi trắng, đặt cho tên là Thiên Tư. Xuống chiếu đổi niên hiệu là Thiên Tư Gia Thuỵ năm thứ 1.

Sai Lê Hòe Khanh sang nhà Tống đáp lễ.

Đinh Mùi, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 2 [1187], (Tống Thuần Hy năm thứ 14). Mùa hạ, tháng 4, sét đánh nhà Thái Miếu.

Có nhà sư Tây Vực[2] đến. Vua xuống chiếu hỏi sư ấy có tài năng gì, trả lời là có tài phục được hổ. Bảo làm thử, không hiệu nghiệm.

Mậu Thân, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 3 [1188], (Tống Thuần Hy năm thứ 15). Mùa hạ, tháng 5, đại hạn.Vua thân ngự đến chùa Pháp Vân ở Duềnh Bà[3] **[21a]** để đảo vũ,nhân rước tượng phật Pháp Vân về chùa Báo Thiên. (Buổi đầu bản triều [Lê] vẫn còn theo tục cũ này).

Tháng 6, động đất, gió bão.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1 Giáp Tý, nhật thực.

Thái sư Đỗ An Di chết, lấy Thái phó Ngô Lý Tín làm Phụ chính.

Kỷ Dậu, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 4 [1189], (Tống Thuần Hy năm thứ 16). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 1 Tân Dậu, nhật thực, mặt trời mặt trăng sắc đỏ như máu.

Động đất,

Tháng 3, vua ngự đi khắp núi sông, phàm xe vua đến đâu mà có thần linh đều cho phong hiệu và lập miếu để thờ.

Canh Tuất, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 5 [1190], (Tống Thiệu Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, hoàng thái hậu họ Đỗ băng.

Mùa thu, tháng 7, Thái phó ngô Lý Tín chết, lấy Đàm Dĩ Mông làm Thái phó.

Mùa đông, tháng 10, vua lễ yết Sơn Lăng, rước tượng mới tô của Hoàng thái hậu thờ phụ vào Thái Miếu.

Đóng thuyền Ngoạn Dao.

[21b] Tân Hợi, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 6 [1191], (Tống Thiệu Hy năm thứ 2). Mùa xuân, nước Chân Lạp sang cống.

---

[1] Nhà Tống đối với các vua nước ta lúc mới lên ngôi thường chỉ phong tước Giao Chỉ Quận Vương, rồi Nam Bình Vương, sau mới phong An Nam Quốc Vương. Riêng với Lý Cao Tông, ngay lần đầu nhà Tống đã phong tước ấy, vì vậy chế thư có câu: "Tức lạc quốc dĩ triện phong..." (ngay bắt đầu đã phong...). Theo Tống sử (q.488) thì tước ấy đã phong ngay năm đầu khi Cao Tông mới lên ngôi (1177).

[2] tây Vực: chỉ các nước ở miền Trung và Nam Á.

[3] Chùa Pháp Vân: tức chùa Dâu, ở xã Thanh Khương, tỉnh Hà Bắc. Đào Duy Anh chú bản dịch cũ đoán Duềnh Bà là chép nhầm từ chữ Luy Lâu. Nhưng Duềnh bà cũng có thể là tên Nôm thời bấy giờ của vùng này. (Duềnh chỉ sông Dâu, Bà chỉ Bà Dâu, nữ thần thờ ở chùa Dâu).

Mùa đông, tháng 12, sao Huỳnh Hoặc phạm vào sao Thái Bạch[1].

Nhâm Tý, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 7 [1192], (Tống Thiệu Hy năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 6, động đất.

Mùa thu, tháng 7, sét đánh vào điện Vĩnh Ninh hai chỗ.

Người giáp Cổ Hoằng[2] ở Thanh Hóa làm phản, sai tướng đi đánh, dẹp được. Trước đó có người giáp ấy thấy vệt chân trâu [trèo lên] cây muỗm, nhìn lên thấy con trâu bạc, hồi lâu, nó lại theo ngả khác đi xuống. Có người lính ở giáp ấy là Lê Văn đoán rằng: 'Trâu trắng là vật ở dưới, nay lại ở trên cây, thế là điềm kẻ dưới lên ở trên". Nhân đó bèn rủ nhau làm phản. Đến đây đánh dẹp yên được.

Đào sông Tô Lịch.

Quý Sửu, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 8 [1193], (Tống Thiệu Hy năm thứ 4). Khảo khóa các quan văn võ trong ngoài, để rõ nên giáng hay thăng. **[22a]**thi các sĩ nhân trong nước để [chọn người] vào hầu vua học.

Giáp Dần, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 9 [1194], (Tống Thiệu Hy năm thứ 5). Mùa thu, tháng 7, hoàng thái tử Sảm sinh. Phong Đàm nguyên phi làm An Toàn hoàng hậu. Đại xá thiên hạ. ban cho người già từ 70 tuổi trở lên mỗi người một tấm lụa. Mở tiệc rượu hai ngày ở miếu.

Mùa đông, tháng 10, mưa đá, có tảng to bằng đầu ngựa.

Đóng thuyền Thiên Long.

Ất Mão, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 10 [1195], (Tống Ninh Tông Khuếch, Khánh Nguyên năm thứ 1). Nùa xuân, tháng 2, động đất.

sét đánh gác Ly Minh.

Thi Tam giáo, cho đỗ xuất thân.

Đinh Tỵ, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 12 [1197], (Tống Khánh Nguyên năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 6, hạn.

Dựng cung Nghênh Thiềm.

Mậu Ngọ, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 13 [1198], (Tống Khánh Nguyên năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu sa thải các tăng đồ, theo lời tâu của Đàm Dĩ **[22b]** Mông.

Mùa thu, tháng 7, nước lớn.

Sứ Chiêm Thành sang cống và cầu phong.

Người hương cao Xá[3]ở câu Diễn là Ngô Công Lý chiêu tập những kẻ vô lại, cùng với người châu Đại Hoàng là bọn Đinh Khả tự xưng là con cháu của Đinh Tiên Hoàng và Bùi đô đồng thời làm loạn. Đều dẹp yên được.

Kỷ Mùi, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 14 [1199], (Tống Khánh Nguyên năm thứ 5). Mùa thu, tháng 7, nước to, lúa mạ ngập hết.

Đói to.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến phủ Thanh Hóa bắt voi. Sai sứ sang phong vua nước Chiêm Thành.

---

[1] Sao Huỳnh Hoặc tức sao Hỏa. Sao Thái Bạch tức sao Kim.

[2] Cổ Hoằng: nay là đất huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Nay là Diễn Thịnh huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Canh Thân, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 15 [1200], (Tống Khánh Nguyên năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, đem thóc chẩn cấp cho dân nghèo.

Mùa thu, tháng 7, Chiêm Linh Thái hậu băng.

Nhâm Tuất, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 17 [1202], (Từ tháng 8 về sau là niên hiệu Thiên Gia Bảo Hựu năm thứ 1; Tống Gia Thái năm thứ 2).

Mùa xuân, tháng 3, động đất.

Mùa thu, tháng 8, hoàng thái tử Thầm sinh. Đổi niên hiệu là Thiên Gia Bảo Hựu năm thứ 1.

Sai nhạc **[23a]** công chế khúc nhạc gọi là nhạc Chiêm Thành, tiếng trong trẻo, ai oán buồn rầu, người nghe phải chảy nước mắt. Tăng phó Nguyễn Thường nói: "Ta nhge bài tựa Kinh Thi nói rằng: Âm thanh của nước loạn nghe như ai oán giận hờn. Nay dân loạn nước nguy, chúa thượng thì rong chơi vô độ, triều đình rối loạn, lòng dân trái lìa, đó là triệu bại vong".

Quý Hợi, [Thiên Gia Bảo Hựu] năm thứ 2 [1203], (Tống Gia Thái năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, làm nhiều việc thổ mộc, dựng các cung điện.

Mùa hạ, tháng 4, gác Kinh Thiên làm sắp xong, có chim khách vào làm tổ đẻ chim con ở đấy. Các quan can rằng: "Ngày xưa Nguỵ Minh Đế làm gác Lăng Tiêu, có con chim khách đến làm tổ, Cao Đường Long can rằng "Thần từng nghe câu: Chim khách có tổ, chim cưu đến ở[1]. Nay chim khách đến làm tổ nơi cung khuyết, theo ngu kiến của thần thì gác ấy có làm xong nữa tất có người họ khác đến ở". Xin bệ hạ xét lời của Cao Đường Long, **[23b]** trước cốt sửa đức, sau hãy khởi công mới phải". [Nhưng] vua nghe lời của hoạn quan là Phạm Bỉnh Di, giục làm càng gấp, trăm họ khốn khổ.

Mùa thu, tháng 7, Điện tiền chỉ huy sứ tri châu Nghệ An là Đỗ Thanh và châu mục là Phạm Diên tâu rằng: "Vua nước Chiêm Thành là Bố Trì[2] bị chú là Văn Bố Điền[3] đuổi, nay đem cả vợ con đến ngụ ở cửa biển Cơ La[4], ý muốn cầu cứu". Tháng 8 vua sai Đàm Dĩ Mông và Đỗ An đi liệu tính việc ấy. Sắp đến cửa biển Cơ La, đỗ An nói: "Kẻ kia đem quân đến đây, lòng nó khó tin được. Tục ngữ có câu: "Lỗ kiến có thể vỡ đê, tấc khói có thể cháy nhà". Nay Bố Trì há phải là lỗ kiến, tấc khói mà thôi đâu". Dĩ Mông nói lại ý ấy với Thanh và Diên, bảo phải phòng bị. Bọn Thanh nói: "Kẻ kia vì hoạn nạn đến xin cầu cứu, còn phải nghi ngờ gì?". Dĩ Mông giận, đem quân về. Thanh và Diên cùng mưu đánh úp Bố Trì để làm kế tự bảo toàn. Mưu tiết lộ, thành ra bị Bố Trì giết. Quân Nghệ **[24a]** An tan vỡ, chết không xiết kể. Bố Trì thả sức cướp bóc rồi về.

Tháng 9, người ở Đại Hoàng giang[5] lại làm phản. Trước đây người Đại Hoàng giang là Phí Lang và Bảo Lương[6] tâu các tội mọt nước hại dân của Đàm Dĩ Mông, Dĩ Mông giận lấy roi đánh. Bọn Lang vì thế chứa chất oán giận, nhân khi thiên hạ sầu khổ muốn làm loạn, mới cùng nhau phản, Vua sai chi hậu Trần Lệnh Hinh làm Nguyên soái đem quân đi đánh. Lại sai Thượng thư Từ Anh Nhữ đem quân phủ Thanh Hóa đồng thời tiến đánh Phí Lang, giao chiến ở cửa sông Lộ Bố[7], bị thua, [Lệnh Hinh và Anh Nhữ] đều chết cả.

---

[1] câu này dẫn thơ "Thước sào": Duy thước hữu sào, duy cưu cư chi" (Kinh Thi Thiệu nam).

[2] Bố Trì: tức Suryavarmadeva.

[3] văn Bố Điền: tức ôngDhanapatigrama: Đại Việt sử lược (Q3,14b), ghi là Bố Do.

[4] Cơ La: tên cửa biển, thời Trần đổi là Kỳ La, tức là cửa Nhượng ở huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

[5] Đại Hoàng: là tên châu, vừa là tên sông ở châu ấy, nay là sông Hoàng Long ở huyện Hoàng Long, tỉnh Ninh Bình.

[6] Đại Việt sử lược (q.3, 14b) ghi Bảo Lương họ Nguyễn, tức họ Lý (văn bản đại việt sử lược theo lệ kiêng huý đời Trần đổi Lý thành Nguyễn), giữ chức Thượng tướng quân.

[7] Sông Lộ Bố: Cương mục dẫn Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư nói Lộ Bố là sông ở địa phận Y Yên, (CMCB3, 30a). Xác định như vậy khá hợp lý. Dựa vào các chi tiết được chép rõ hơn ở Đại Việt sử lược, có thể cho rằng sông Lộ Bố là đoạn sông Đáy chảy qua huyện Ý Yên, tỉnh Nam Hà và cửa sông Lộ Bố là ở chổ sông Hoàng Long gặp sông Đáy.

Giáp Tý, [Thiên Gia Bảo Hựu] năm thứ 3 [1204], (Tống Gia thái năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai Đỗ Kính Tu đi đánh bọn làm phản ở Đại Hoàng giang, không thắng.

Ất Sửu, [Thiên Gia Bảo Hựu] năm thứ 4 [1204], (Từ tháng 3 về sau là niên hiệu Trị Bình Long Ứng năm thứ 1; Tống Khai Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, đổi niên hiệu làm Trị Bình **[24b]** Long Ứng năm thứ 1.

Người Tống sang cướp ở biên giới. Dân ta mệt nhọc chạy nạn, gặp cướp dần nổi. Vua thì ham thích tiền của, các quan phần nhiều bán quan buôn ngục.

Bính Dần, [Trị Bình Long Ứng] năm thứ 2 [1206], (Tống Khai Hy năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, phong Đàm Dĩ Mông làm Thái bảo, được đội mũ củng thần.

Bấy giờ vua xây dựng không ngớt, rong chơi vô độ, hàng ngày cùng cung nữ dạo chơi làm vui, nghe ngoài thành có trộm cướp thì lờ đi như không biết, tính lại sợ sấm, nghe sấm là kinh hoảng. Người bề tôi được vua yêu là Nguyễn Dư nói mình có phép cấm được sấm. Gặp khi sấm động, vua sai Dư thử phép, Dư ngửa mặt lên trời đọc thần chú, mà sấm càng to thêm. Vua vặn hỏi, Dư trả lời: "Thần răn cấm mãi rồi, nhưng vì trời cao nên nó còn dữ tợn như thế!".

Đinh Mão,[Trị Bình Long Ứng] năm thứ 3 [1207], (Tống Khai Hy năm thứ 3). Mùa Xuân, tháng giêng, giặc cướp nổi như ong. Xuống chiếu chọn các đinh nam, người nào khỏe mạnh, **[25a]** sung vào quân ngũ, sai quan các lộ thống quản để bắt [giặc cướp]. Mùa đông, tháng 10, người Man ở núi Tản Viên châu Quốc Oai[1] làm giặc, cướp bóc hương Thanh Oai[2], bè lũ rất đông, không thể ngăn được.

Mậu Thìn, [Trị Bình Long Ứng] năm thứ 4 [1208], (Tống Gia Định năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, sách lập hoàng tử Sảm làm Hoàng thái tử, ở đông cung.

Đói to, người chết đói nằm gối lên nhau.

Cho Phạm Du coi việc quân ở Nghệ An. Du bèn làm phản, thu nạp những kẻ vong mệnh và trộm cướp, gọi là "hậu nhân"[3], chia đi cướp bóc các nơi. Người châu Quốc Oai cũng đem bè lũ đến đóng ở Tây Kết, đường sá vì thế không thông. Vua sai Thượng phẩm phụng ngự Phạm Bỉnh Di đem quân châu Đằng[4] đến đánh.

Kỷ Tỵ, [Trị Bình Long Ứng] năm thứ 5 [1209], (Tống Gia Định năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, Phạm Bỉnh Di đem người châu Đằng và châu Khoái[5] đi đánh bọn Du. Du thua trận, chạy sang châu Hồng. Bỉnh Di tịch biên gia sản của Du rồi đốt hết. Du oán giận càng sâu. **[25b]** vua sai phụng ngự gọi Du về kinh. Mùa thu, tháng 7, Bỉnh Dư về đến Kinh sư, sắp vào tâu, có người ngăn lại nói rằng: "Lời của Du đã đến tai vua trước rồi, vua còn chưa nguôi giận"[6]. Bỉnh Di nói; "Ta thờ vua hết trung mà bị kẻ gian tặc gièm pha ư? Huống chi là có mệnh vua đòi, ta cón tránh vào đâu?", rồi Bỉnh Di vào. Vua sai bắt, đem giam cùng với con là Phụ[7] ở Thuỷ viện. sắp đem hành hình thì tướng của Bỉnh Di là bọn Quách Bốc nghe tin đem quân đánh trống hò reo tiến vào, đến ngoài cửa Đại Thành bị người coi cửa chống cự. Bọn

---

[1] Quốc Oai: nếu châu Quốc Oai thời Lý tương đương với phủ Quốc Oai thời Lê thì là đất các huyện Hoài Đức, Đan Phượng, Phúc Thọ, Thạch Thất và huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây ngày nay. Nhưng theo đây thì núi Tản Viên cũng thuộc châu Quốc Oai, vậy Quốc Oai thời Lý có một phần đất huyện ba Vì ngày nay.

[2] Thanh Oai: tên hương thời Lý, nay là huyện Thanh Oai, tỉnh Hà tây.

[3] Hậu nhân: người do thám.

[4] Đằng châu: ten châu thời Đinh Lê; năm 1005 Lê Long Đình đổi gọi là phủ, nhà Lý đổi lại là châu, nay là phần đất Hưng Yên (cũ), tỉnh Hải Hưng.

[5] Khoái Châu: nhà Lý tách một phần Đằng Châu đặt ra Khoái Châu, nay là đất các huyện Phù Tiên, tỉnh Hải Hưng.

[6] Cương mục chép: Du ngầm sai người đến kinh đô đem vàng bạc đút lót cho bọn nội nhân để tâu vua rằng Bỉnh Di tàn ác giết người vô tội và bày tỏ oan trạng của mình (CMCB5, 32b).

[7] Cương mục có ý ngờ về điều ghi Phụ là con Bỉnh Di, vì Bỉnh Di là hoạn quan (CMCB5, 33b). Nhưng hoạn quan có thể vẩn có con từ trước khi chưa bị hoạn.

Bốc phá cửa tiến vào. Vua thấy việc kíp quá, sai đem Bỉnh Di và Phụ vào chỗ bệ đá mát[1] lấy xe ngự chở xác Bỉnh Di, lấy chiếu ngự bọc xác của Phụ, theo cửa Việt Thành ra bến Đông Bộ Đầu[2] rồi lại trở vào cung Vạn Diên, lập Hoàng tử Thầm làm vua. Bọn Đàm Dĩ Mông, Nguyễn Chính Lại đều chịu nguỵ chức của Thầm. **[26a]** Vua [lánh] đến miền Quy Hóa giang[3].

Người ở động Trư là Nguyễn Phá Lân đem bộ khúc đêm đến lấy trộm của kho công ở Đội Sơn[4].

Hoàng thái tử [Sảm] đến thôn Lưu Gia[5] ở Hai Ấp nghe tiếng con gái của Trần Lý có nhan sắc, bèn lấy làm vợ. Nhà Trần Lý nhờ nghề đánh cá nên giàu, người quanh vùng theo về, nhân có quân chúng, cùng nổi lên làm giặc. Thái tử đã lấy con gái của Lý, trao cho Lý tước minh tự, phong cho cậu người con gái ấy là Tô Trung Từ làm Điện tiền chỉ huy sứ.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thái tử [Sảm] đi lần này là vì nước loạn mà tránh nạn, sao lại buông lòng dâm dục ở ngoài mà tự tiện phong tước cho người? Bởi cao Tông rong chơi vô độ, giường mối bỏ hỏng, cho nên mới thế. Nhưng họ Lý nhân thế mà vong, họ Trần nhân thế mà hưng, ấy là do trời cả.

Anh em họ Trần họp hương binh để dẹp loạn, rước vua về kinh, khôi phục chính thống. **[26b]** Trừng trị bọn Quách Bốc làm loạn, xử tội theo mức độ khác nhau.

Canh Ngọ, [Trị Bình Long Ứng] năm thứ 6 [1210], (Tống Gia Định năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 3, vua sai Thượng phẩm phụng ngự là Đỗ Quảng đem quân đến nhà Tô Trung Từ đón Hoàng thái tử về Kinh sư, còn người con gái [Trần thị] thì về nhà cha mẹ. [Bấy giờ] trần Lý đã bị bọn giặc khác giết, con thứ là Trần Tự Khánh thay đem quân chúng về Kinh, được phong là Thuận Lưu Bá.

Mùa thu, tháng 7, Đỗ Anh Triệt[6] kể tội Dĩ Mông rằng: "Người làm đại thần mà ôm lòng vô quân, nhận tước phong của giặc, nay lại đứng ngang hàng với ta, ta dù bất tài nhưng mặt mĩi nào mà nhìn người!". Dĩ Mông thẹn sợ mà lui ra.

Sao chổi mọc.

Mùa đông, tháng 10, vua không khỏe, gọi Đỗ Kính Tu và nhận mệnh ký thác. Ngày 28 Nhâm Ngọ, vua băng ở cung Thánh Thọ.

> **[27a]**Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Cao Tông tuổi bé nối ngôi, Chiêu Linh Thái hậu rắp lòng phế lập, thân vua suýt nữa bị nguy. Nhờ có Tô Hiến Thành vốn có quyền vị, nhận ký thác con côi, hết lòng phù hộ, ngôi báu không lay, thiên hạ quy phục, tất phải có mưu hay chước giỏi tâu riêng với vua rồi. Đến khi Hiến Thành chết, Đỗ Kính Tu hầu hạ nơi màn trướng, giúp vua sửa đức, đâu phải là không có người? Thế mà vua mê mãi rong chơi, say đắm thanh sắc, ham tiền của, thích xây dựng, dạy tính lười tham cho các quan, gây lòng oán giận ở trăm họ, làm cho cơ đồ nhà Lý phải hao mòn, đến nỗi mất nước. Kinh thư có câu: "Ở trong mê sắc đẹp, ra ngoài mê săn bắn, ham rượu, thích nhạc, xây nhà cao, trổ tường đẹp, phạm một trong các điều ấy tất phải bại vong". Vua phạm đủ các điều ấy, còn nói gì được nữa?

Lại xét sử cũ [chép việc an táng] các vua triều Lý, chỉ đối với Thái **[27b]** Tổ có chép táng ở Thọ Lăng; với Nhân Tông tuy có chép việc táng nhưng lấy tên đất làm tên lăng. Phàm việc an táng thiên tử là

---

[1] Nguyên văn: "Lương thạch xứ". Đại Việt sử lược có chổ chép là "Lương thạch toạ" (ĐVSL3,30b). Theo mặt chữ có thể hiểu đó là cái bệ đá để ngồi mát, ở bên hoặc gần sát bậc thềm có tên là thềm Kim Tinh (Kim Tinh giai).

[2] Đông Bộ Đầu: tức bến Đông ở Thăng Long, bên sông Hồng, ở vào khoảng gần cầu Long Biên và dốc Hàng Than hiện nay.

[3] Quy Hóa Giang: một tên khác của sông Thao (tức sông Hồng từ Việt Trì trở lên), ở đây chỉ miền núi Vĩnh Phú, Yên Bái. An Nam chí lược (q.12) chép thêm là Cao Tông nương nhờ ở nhà Hà Vạn.

[4] Đội Sơn: còn gọi là núi Long Đội tức núi Đội ở huyện Duy Tiên, tỉnh Nam Hà ngày nay.

[5] Nay là Lưu Xá, huyện Hưng Hòa, tỉnh Thái Bình.

[6] Đại Việt sử lược chép là Đỗ Anh Doãn (ĐVSL3, 20a).

việc lớn của nước, quốc sử không thể không chép được. Có lẽ Lê Văn Hưu thấy đều gọi là Thọ lăng, cho là không đúng lễ nên bỏ đi, nhưng thế không phải là phép làm sử.

Hoàng thái tử Sảm lên ngôi ở trước linh cữu bấy giờ mới 16 tuổi. Tôn mẹ là Đàm thị là Hoàng thái hậu, cùng nghe chính sự. Lại đem thuyền rồng đi đón Trần thị. Anh Trần thị là Trần Tự Khánh cho rằng bấy giờ đương lúc loạn lạc, chưa đưa đi ngay được.

Sai sứ cáo phó với nhà Tống, nhà Tống sai người sang làm lễ tế điếu.

Huệ Tông Hoàng Đế

Tên huý là Sảm[1], con trưởng của Cao Tông, mẹ là hoàng hậu họ Đàm, sinh tháng 7 năm Giáp Dần [1194], năm Mậu Thìn, Trị Bình Long Ứng thứ 4 [1208], tháng giêng, sách lập hoàng thái tử. Cao Tông băng, bèn lên ngôi báu, ở ngôi 14 năm [1211-1224], truyền ngôi cho Chiêu Hoàng, sau bị Trần Thủ Độ [28a] giết, thọ 33 tuổi [1194-1226]. Vua gặp buổi loạn lạc, giặc cướp tứ tung, mình bị bệnh nặng, không biết sớm cầu con nối, họ Lý bèn mất.

Tân Mùi, [Kiến Gia] năm thứ 1 [1211], (Tống Gia Định năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, đổi niên hiệu.

Tháng 2,, vua lại sai Phụng ngự là Phạm Bố đi đón Trần thị. Tự Khánh bèn sai bọn Phùng Tá Chu đưa Trần thị đi. Gặp khi Tô Trung Từ và Đỗ Quảng đang đánh nhau ở [bến] Triều Đông[2], Tá Chu bèn đỗ thuyền ở bến Đại Thông. Đến khi Đỗ Quang bị thua, vua sai Bố và Trung Từ đón Trần thị vào cung, lập làm nguyên phi;cho Trung Từ làm Thái uý phụ chính; phong Thuận Lưu bá Trần Tự Khánh làm Chương Thành hầu[3].

Bấy giờ thừa hưởng thái bình đã lâu ngày, giường mối dần bỏ, dân không biết việc binh, giặc cướp nổi lên không ngăn cấm được. Vua mới lên ngôi, đem việc nước giao cho Thái uý Đàm Dĩ Mông. Dĩ Mông là người không có học thức, không có mưu thuật, lại nhu nhược không quyết đoán, chính sự ngày một đổ nát.

[28b] Nhâm Thân, [Kiến Gia] năm thứ 2 [1212], (Tống Gia Định năm thứ 5).

Mùa xuân, tháng 2, sai người cùng một vú nuôi là Đoàn Thượng chiêu mộ dân châu Hồng đi bắt giặc cướp. Bấy giờ thế nước suy yếu, triều đình không có chính sách hay, đói kém luôn luôn, nhân dân cùng khốn, [Đoàn] Thượng thừa thế tự tiện làm oai làm phúc, không ai dám nói gì. Sau tội trạng tỏ rõ, bị các quan hặc, phải giam vào ngục để hỏi tội. Thượng mới rút gươm, cởi trần chạy về châu Hồng, nhóm họp bè đảng, đắp thành xưng vương, cướp bóc lương dân, triều đình không thể ngăn được.

Quý Dậu, [Kiến Gia] nămthứ 3 [1213], (Tống Gia Định năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, Trần Tự Khánh đem quân xâm phạm cửa khuyết xin đón xa giá. Vua lấy làm ngờ, xuống chiếu lấy quân các đạo đi bắt Tự Khánh, giáng nguyên phi làm ngự nữ.

Giáp Tuất, [Kiến Gia] năm thứ 4 [1214], (Tống Gia Định năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, Trần Tự Khánh đem quân đến [bến] Triều Đông, tự vào quân **[29a]** môn tạ tội, lại xin đón xa giá. Vua

[1] Đại Việt sử lược chép đủ tên huý của Lý Huệ Tông là Hạo Sảm (ĐVSL3, 20b).

[2] Bến Triều Đông: bến sông Hồng ở phía đông Thăng Long. cương mục chép là Đông Bộ Đầu và chú là bến Đông Tân sông Nhị Hà.

[3] Nguyên văn: "dĩ Trung Từ vi Thái uý phụ chính, phong Thuận Lưu bá Trần Tự Khánh vi Chương Thành Hầu". Về việc này, Cương mục chép: "Vua bèn phong cho Tự Khánh tước hầu, cho Tô Trung Từ làm Thái uý, phong tước Thuận Lưu bá" (CMCB5, 35b). Đúng ra Lưu Thuận bá là tước của Trần Tự Khánh (như Toàn thư đã chép ở BK4, 26b) và theo Đại Việt sử lược đến năm này (Nhâm Thân 1212), ngày Canh Tuất tháng giêng "vua cho Tự Khánh lên tước hầu, tước hiệu là Chương Thành hầu" (ĐVSL3, 24a). Như vậy có thể nhận thấy rằng ở câu của Toàn thư (đã dẫn), soạn giả Cương mục đã đặt nhầm một dấu ngắt đoạn ở sau chữ "bá", cho nên mới chép Thuận Lưu bá là tước của Tô Trung Từ.

càng ngờ, bèn cùng với thái hậu và ngự nữ chạy đến núi Trĩ Sơn ở châu Lạng. Tự Khánh nghe tin xa giá long đong mà ngự nữ thì lâu nay bị thái hậu làm khổ, lại đem quân đến xin đón xa giá như trước. Vua cũng chưa tin, lại cùng với thái hậu và ngự nữ chạy sang huyện Binh Hợp[1].

Mùa hạ, tháng 5, Tự Khánh đánh Đinh Khả và Bùi Đô ở châu Đại Hoàng, phá tan được.

Bính Tý, [Kiến Gia] năm thứ 6 [1216], (Tống gia Định năm thứ 9). Mùa xuân, sách phong ngự nữ làm Thuận Trinh phu nhân. Thái hậu cho Trần Tự Khánh là kẻ phản trắc, thường chỉ phu nhân mà nói là bè đảng của giặc, bảo vua đuổi bỏ đi; lại sai người nói với phu nhân bảo phải tự sát. Vua biết mới ngăn lại. Thái hậu bỏ thuốc độc vào món ăn uống của phu nhân. Mỗi bữa ăn vua chia cho phu nhân một nữa và không lúc nào cho rời bên cạnh. Thái hậu lại **[29]** sai người cầm chén thuốc độc bắt phu nhân phải chết. Vua lại ngăn không cho, rồi đêm ấy cùng với phu nhân lẻn đi đến chổ quân của Tự Khánh; gặp khi trời đã sáng, phải nghĩ lại ở nhà tướng quân Lê Mịch ở huyện Yên Duyên, gặp tướng của Tự Khánh là Vương Lê đem binh thuyền đến đón. Vua mới đỗ lại ở bãi Cửu Liên[2]. Truyền cho Tự Khánh đến chầu.

Mùa hạ, tháng 6, hoàng trưởng nữ sinh ở bãi Cửu Liên, sau phong làm công chúa Thuận Thiên.

Mùa đông, tháng 12, sách phong [Thuận Trinh] phu nhân làm hoàng hậu, phong Tự Khánh làm Thái uý phụ chính, cho anh trai Tự Khánh là Trần Thừa (tức thượng hoàng nhà Trần) làm Nội thị phán thủ. Tự Khánh cùng với Thượng tướng quân Phan Lân xếp đặt quân ngũ, chế tạo binh khí, luyện tập võ nghệ, quân thế dần dần phấn chấn.

Vua có bệnh trúng phong, chũa thuốc không khỏi mà chưa có thái tử, trong cung chỉ sinh công chúa mà thôi.

Chiêm Thành và Chân Lạp đến cướp châu Nghệ An, châu bá là Lý Bất Nhiễm đánh phá được.

[30a] Đinh Sửu, [Kiến Gia] năm thứ 7 [1217], (Tống Gia Định năm thứ 10). Mùa xuân, tháng 3, vua dần dần phát điên, có khi tự xưng là Thiên tướng giáng, tay cầm giáo và mộc, cắm cờ nhỏ vào búi tóc, đùa múa từ sớm đến chiều không nghỉ, khi thôi đùa nghịch thì đổ mồ hôi, nóng bức khát nước, uống rượu ngủ li bì đến hôm sau mới tỉnh. Chính sự không quyết đoán, giao phó cả cho Trần Tự Khánh. Quyền lớn trong nước dần dần về tay kẻ khác.

Mậu Dần, [Kiến Gia] năm thứ 8 [1218], (Tống Gia Định năm thứ 11). Mùa xuân, tháng 3, động đất.

Sao chổi mọc ở phương tây nam.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu bắt cư sĩở chùa Phù Đổng là Nguyễn Nộn, vì bắt được vàng ngọc mà không đem dâng.

Tháng 9, hoàng thứ nữ sinh, sau phong làm công chúa Chiêu Thánh.

Mùa đông, tháng 10, Trần Tự Khánh đi đánh người Man ở Quảng Oai[3] không được.

Chiêm Thành và Chân Lạp đến cướp châu Nghệ An, Lý Bất Nhiễm đánh tan được, thăng tước hầu, ban thực ấp 7.500 hộ, thực phong 1.500 **[30b]** hộ.

Kỷ Mão, [Kiến Gia] năm thứ 9 [1219], (Tống Gia Định năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 2, Trần Tự Khánh tâu xin tha cho Nguyễn Nộn, cho đi theo quân đánh giặc để chuộc tội. Vua y cho. Mùa đông, tháng 10, sai Nguyễn Nộn đem quân đi đánh người Man ở Quảng Oai.

Canh Thìn, [Kiến Gia] năm thứ 10 [1220], (Tống Gia Định năm thứ 13). Mùa xuân, tháng 3, Nguyễn Nộn giữ hương Phù đổng, tự xưng là Hoài Đạo Vương, dâng biểu xưng thần, xin đi dẹp loạn để

[1] Huyện Binh Hợp: chưa rõ ở đâu.

[2] Cửu Liên châu: có lẽ là bãi tả ngạn sông Hồng, gần Cửu Cao, trong đất huyện Văn Giang cũ, nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Hưng.

[3] Quảng Oai: vùng đất ở huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây ngày nay.

chuộc tội. Vua sai người đem sắc thư đến tuyên dụ. Song vì vua có bệnh phong, không thể chế ngự được.

Tân Tỵ, [Kiến Gia] năm thứ 11 [1221], (Tống Gia Định năm thứ 14). Mùa xuân, tháng giêng, tìm khắp thầy thuốc trong nước để chữa bệnh cho vua, nhưng không hiệu nghiệm gì. Vua thì ở tít trong cung, giặc cướp bừa bãi, nhân dân ở ngoài thành lưu ly cực khổ lắm.

[31a] Nhâm Ngọ, [Kiến Gia] năm thứ 12 [1222], (Tống Gia Định năm thứ 15). Mùa xuân, tháng 2, chia trong nước làm 24 lộ, lộ chia cho công chúa ở, lấy các hoành nô thuộc lệ và quân nhân bản lộ, chia nhau làm giáp.

Làm đồ binh khí và ghe thuyền để tuần bắt giặc cướp.

Quý Mùi, [Kiến Gia] năm thứ 13 [1223], (Tống Gia Định năm thứ 16). Mùa xuân, tháng 10, hạn, lúa bị sâu cắn.

Tháng 12, thế quân của Nguyễn Nộn ngày càng mạnh.

Trần Tự Khánh chết, truy phong làm Kiến Quốc Đại Vương; lấy Trần Thừa làm Phụ quốc Thái uý, khi vào chầu không xưng tên.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Năm đầu niên hiệu Kiến Gia, giặc cướp đua nhau nổi dậy, Huệ Tông nhu nhược không đánh dẹp được. Trần Tự Khánh vì cớ Huệ hậu bị thái hậu làm khổ mà đem quân phạm cửa khuyết xin đón xa giá. Đương lúc bấy giờ, lòng người không thể không ngờ vực, cho nên Huệ **[31b]** Tông có lệnh bắt Tự Khánh mà không bắt được. Tự Khánh muốn làm cho kỳ được mới nhiều lần làm kinh động đến vua, xa giá phải dời chỗ mấy lần, tội rõ ràng rồi. Nhưng mà Huệ Tông và Huệ hậu rốt cuộc phải nhờ Tự Khánh mới được yên, thì tội ấy không kể đến. Thế là việc tuy là trái nhưng tình thì thuận, sử chép không nêu lên nhưng thực cũng có nêu đấy. Nếu không thế thì chỉ là kẻ đầu sỏ giặc cướp mà thôi.

Giáp Thân, [Kiến Gia] năm thứ 14 [1224], (Từ tháng 10 về sau là niên hiệu cuả Chiêu Hoàng Thiên Chương Hữu Đạo năm thứ 1; Tống Gia Định năm thứ 17). Bệnh của vua ngày càng tăng mà không có con trai để nối nghiệp lớn, các công chúa đều được chia các lộ làm ấp thang mộc, uỷ nhiệm cho một mình chỉ huy sứ Trần Thủ Độ quản lĩnh các quân điện tiền hộ vệ cấm đình.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu lập công chúa Chiêu Thánh làm Hoàng thái tử để truyền ngôi cho. Vua xuất gia ở chùa Chân Giáo trong đại nội. Chiêu Thánh lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Chương Hữu Đạo năm thứ 1, tôn hiệu là Chiêu **[32a]** Hoàng.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đạo trời có khi thường có khi biến. Thánh nhân phối với trời đất, giúp việc hoá dục thì có đạo xử trí lúc biến mà vẫn không mất phép thường. Như Đan Chu con vua Nghêu là kẻ bất tiếu[1], thì vua Nghêu tiến vua Thuấn với trời, mà thiên hạ thịnh trị. Thương Quân con vua Thuấn là kẻ bất tiếu không thể truyền ngôi, thì vua Thuấn tiến vua Vũ với trời, mà xã tắc được yên, đều là xử trí lúc biến mà không mất phép thường cả. Đời sau chỉ truyền ngôi cho con mà không truyền ngôi cho người hiền, vì là không có người nào được như Thuấn và Vũ. Nếu không may mà không có con thì chọn con của người tông thất nuôi làm con mình để nối giữ nghiệp lớn, đó cũng là một cách xử trí trong lúc biến vậy. Lý Nhân Tông đã làm như thế rồi, Huệ Tông sao không xét việc cũ mà làm theo, lại để **[32b]** đến sau lúc tật bệnh mới lập con gái mà truyền ngôi cho, thế có phải lẽ không? Các quan bấy giờ không ai nghĩ gì đến xã tắc, để cho Phùng Tá Chu viện dẫn việc Lữ hậu và Vũ hậu làm cớ mà thành ra việc Chiêu Hoàng nhường ngôi cho họ Trần, ấy là người có tội với họ Lý.

[1] Bất tiếu: không giống, không bằng (như con không giống cha), chuyển nghĩa là không phải người hiền không thể truyền ngôi.

Chiêu Hoàng

Trước tên huý là Phật kim, sau đổi là Thiên Hinh, con gái thứ của Huệ Tông. Huệ Tông không có con trai nối, lập làm hoàng thái tử để truyền ngôi[1], ở ngôi được 2 năm [1224-1225] rồi nhường ngôi cho họ Trần.

Ất Dậu, Thiên Chương Hữu Đạo năm thứ 2 [1125], (Từ tháng 12 về sau là niên hiệu Trần Thái Tông Kiến Trung năm thứ 1; Tống Lý Tông Hú, Bảo Khánh thứ 1). mùa ông, tháng 10, xuống chiếu tuyển con em của quan viên trong ngoài sung vào các sắc dịch trong nội, như lục hỏa thị cung ngoại, Chi hậu, Nội nhân thị nội[2], ngày đêm thay phiên nhau chầu hầu. Điện tiền chỉ huy sứ Trần Thủ Độ coi giữ mọi việc quân sự trong ngoài thành thị. Cháu gái Thủ Độ bằng chú là Trần Bất Cập làm Cận thị thự lục **[33b]** cục chi hậu[3], Trần Thiêm làm Chi ứng cục, Trần Cảnh làm Chính thủ (Cảnh sau là Trần Thái Tông). Cảnh lúc ấy mới lên 8 tuổi, chực hầu ở bên ngoài. Một hôm phải giữ việc bưng nước rửa, nhân thế vào hầu bên trong. Chiêu Hoàng trông thấy làm ưa, mỗi khi chơi đêm cho gọi Cảnh đến cùng chơi, thấy Cảnh ở chỗ tối thì thân đến trêu chọc, hoặc nắm lấy tóc, hoặc đứng lên bóng. Có một hôm, Cảnh bưng chậu nước hầu, Chiêu Hoàng rửa mặt lấy tay vốc nước té ướt cả mặt Cảnh rồi cười trêu, đến khi Cảnh bưng khăn trầu thì lấy khăn ném cho Cảnh. Cảnh không dám nói gì, về nói ngầm với Thủ Độ. Thủ Độ nói: "Nếu thực như thế thì họ ta thành hoàng tộc hay bị diệt tộc đây?". Lại một hôm, Chiêu Hoàng lại lấy khăn trầu ném cho Cảnh, Cảnh lạy rồi nói: "Bệ hạ có tha tội cho thần không? Thần xin vâng mệnh". Chiêu Hoàng cười và nói: "Tha tội cho ngươi. Nay ngươi đã biết nói khôn đó". Cảnh lại về nói với Thủ Độ. Thủ độ sợ việc **[33b]** tiết lộ thì bị giết cả, bấy giờ mới tự đem gia thuộc thân thích vào trong cung cấm. Thủ Độ đóng cửa thành và các cửa cung, sai người coi giữ, các quan vào chầu không được vào. Thủ Độ loan báo rằng: "Bệ hạ đã có chồng rồi". Các quan đều vâng lời, xin chọn ngày vào chầu. Tháng ấy, ngày 21, các quan vào chầu lạy mừng. Xuống chiếu rằng: "Từ xưa nước Nam Việt ta đã có đế vương trị thiên hạ. Duy triều Lý ta vâng chịu mệnh trời, có cả bốn biển, các tiên thánh truyền nối hơn hai trăm năm, chỉ vì thượng hoàng có bệnh, không người nối dõi, thế nước nghiêng nguy, sai trẫm nhận minh chiếu, cố gượng lên ngôi, từ xưa đến giờ chưa từng có việc ấy. Khốn nổi trẫm là nữ chúa, tài đức đều thiếu, không người giúp đỡ, giặc cướp nổi lên như ong, làm sao mà giữ nổi ngôi báu nặng nề? Trẫm dậy sớm thức khuya, chỉ sợ không cáng đáng nổi, vẫn nghĩ tìm **[34a]** người hiền lương quân tử để cùng giúp chính trị, đêm ngày khẩn khoản đến thế là cùng cực rồi, Kinh thi có nói "Quân tử tìm bạn, tìm mãi không được, thức ngủ không nguôi, lâu thay lâu thay". Nay trẫm suy đi tính lại một mình, duy có Trần Cảnh là người văn chất đủ vẻ, thực thể cách quân tử hiền nhân, uy nghi đường hoàng, có tư chất thánh thần văn võ, dù đến Hán Cao Tổ, Đường Thái Tông cũng không hơn được. Sớm hôm nghĩ chín từ lâu nghiệm xem nên nhường ngôi báu, để thỏa lòng trời, cho xứng lòng trẫm, mong đồng lòng hết sức, cùng giúp vận nước, hưởng phúc thái bình. Vậy bố cáo thiên hạ để mọi người điều biết". Tháng 12, ngày mồng một Mậu Dần, Chiêu Hoàng mở hội lớn ở điện Thiên An, ngự trên sập báu, các quan mặc triều phục vào chầu, lạy ở dưới sân.

Chiêu Hoàng bèn trút bỏ áo ngự mời Trần Cảnh lên ngôi hoàng đế. Đổi niên hiệu là Kiến **[34b]** trung năm thứ 1, đại xá thiên hạ, xưng là Thiện Hoàng[4], sau đổi là Văn Hoàng. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Khải Thiên Lập Cực Chí Nhân Chương Hiếu Hoàng Đế. Phong Trần Thủ Độ làm Quốc thượng phụ, nắm giữ mọi việc cai trị trong nước. Thủ Độ nói: "Hiện nay giặc cướp đều nổi, họa loạn ngày tăng. Đoàn Thượng giữ mạn đông, Nguyễn Nộn giữ mạn bắc, các châu Quảng Oai, Đại Viễn[5] cũng chưa dẹp yên. Nhà Lý suy yếu, thế nước nghiêng nguy, nữ chúa Chiêu Hoàng không gánh vác nổi, mới uỷ thác cho nhị lang [Chàng Hai]. Nhưng Nhị lang chưa am hiểu việc nước, chính sự nhiều chổ thiếu sót, vận nước mới mở,

---

[1] Theo Cương mục, Chiêu Hoàng khi nối ngôi mới lên 7 tuổi (CMCB5, 41b).

[2] Lục hỏa thị cung ngoại: sáu hỏa (có lẽ là sáu đội lính) hầu ngoài cung; Chi hậu, Nội nhân thị nội: các chức chi hậu và nội nhân hầu bên trong.

[3] Cận thị thự lực cục chi hậu: chức chi hậu ở sáu cục của cận thị thự là thự giữ việc hầu cận vua.

[4] Thiện hoàng: hoàng đế được nhường ngôi Thiện có nghĩa là nhường ngôi.

[5] Châu Đại Viễn: có lẽ muốn nói châu Đại Hoàng.

lòng dân chưa phục, mối họa không phải là nhỏ. Ta tuy là chú nhưng không biết chữ nghĩa gì, còn phải rong ruổi đông tây để chống giặc cướp, không gì bằng mời thánh phụ làm thượng hoàng tạm coi việc nước, một hai năm sau thiên hạ nhất thống, lại giao quyền chính cho Nhị lang". Các quan đều cho là phải, mời thánh phụ Trần Thừa nhiếp chính.

[35a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: "Đến thời Huệ Tông, cái độc hại cho thiên hạ đã ăn sâu lắm, mà vua không phải người giỏi giang cứng cáp, bề tôi giúp nước thì nhu nhược hèn kém, muốn chữa cái độc đã sâu thì làm thế nào được. Huống chi vua lại bị chứng hiểm, chữa không khỏi, lại không có con trai để nối nghiệp lớn, thế là điềm nguy vong đã hiện ra rồi. Tục truyền rằng Lý [Thái] Tổ khi mới được thiên hạ, xa giá về Cổ Pháp ngự chơi chùa ở hương Phù Đổng, có thần nhân đề thơ ở cột chùa rằng: "Nhất bất công đức thủy, Tuỳ duyên hoa thế gian. Quang quang trùng chiếu chúc. Một ảnh nhật đăng san". [Một bát nước công đức [của Phật], theo duyên sinh hoá ở thế gian. Sáng rực hai lần đuốc rọi, mặt trời gác núi là hết bóng]. Sư chùa là vạn hạnh đem bài thơ ấy dâng lên. Lý Thái Tổ xem xong rồi nói: "Việc của thần nhân thì không thể hiểu được". Người đời truyền tụng, không ai biết thơ ấy nói thế nào. Đến khi nhà Lý mất, mới cho bài thi8 ấy là nghiệm. Vì từ đời Huệ Tông trở lên đến Thái Tổ là tam đời mà Huệ Tông **[35b]** tên là Sảm, tức là mặt trời gác núi, hết bóng[1]. Thế thì nhà Lý được nước là tự trời, mất nước cũng là tự trời vậy.

Trở lên triều Lý, 9 vua, từ Thái Tổ năm canh Tuất [1010] đến Chiêu Hoàng năm Ất Dậu [1225], cộng 216 năm.

[1] Loại thơ sấm thường được dùng chữ theo lối đồng âm khác nghĩa và chiết tự: chữ "bát" ở câu đầu có nghĩa là cái bát (bát nước0 đồng âm với chữ "bát" là tam (tam đời). Chũ Sảm gồm phần trên là chữ "nhật" (mặt trời), phần dưới là chữ "sơn" núi= mặt trời gác núi.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển V

[1a]

Kỷ Nhà Trần

Thái Tông Hoàng Đế

Họ Trần, tên húy là Cảnh, trước tên húy là Bồ, làm Chi hậu chính triều Lý, được Chiêu Hoàng nhường ngôi, ở ngôi 33 năm [1226-1258], nhường ngôi 19 năm, thọ 60 tuổi [1218-1277] băng ở cung Vạn Thọ, táng ở Chiêu Lăng. Vua khoan nhân đại độ, có lượng đế vương, cho nên có thể sáng nghiệp truyền dòng, lập kỷ dựng cương, chế độ nhà Trần thực to lớn vậy. Song quy hoạch việc nước đều do Trần Thủ Độ làm và chốn buồng the cũng có nhiều điều hổ thẹn.

Trước kia, tổ tiên vua là người đất Mân (có người nói là người Quế Lâm), có người tên là Kinh đến ở hương Tức Mặc[1], phủ Thiên Trường, sinh ra Hấp, Hấp sinh ra Lý, Lý sinh ra Thừa, đời đời làm nghề đánh cá. Vua là con thứ của Thừa, mẹ họ Lê, sinh ngày 16 tháng 6 năm Mậu Dần, Kiến Gia thứ 8 triều Lý[2]. Vua mũi cao, mặt rộng, giống như [1b] Hán Cao Tổ. Khi mới 8 tuổi, làm Chi hậu chính chi ứng cục triều Lý. Vì có chú họ là Trần Thủ Độ làm Điện Tiền Chỉ Huy Sứ, nên vua được vào hầu trong cung. Chiêu Hoàng thấy vua thì ưa.

Năm Ất Dậu [1225], mùa đông, tháng 12, ngày 12 Mậu Dần, nhận thiền vị của Chiêu Hoàng, lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu là Kiến Trung.

Bính Tuất, Kiến Trung năm thứ 2 [1266], (Tống Bảo Khánh năm thứ 2) mùa xuân, tháng Giêng, sách phong Chiêu Hoàng làm hoàng hậu, đổi gọi là Chiêu Thánh.

Phong Trần Thủ Độ làm Thái sư thống quốc hành quân vụ chinh thảo sư.Phế thượng hoàng nhà Lý ra ở chùa Chân Giáo, gọi là Huệ Quang đại sư.

Tháng 2, định luật lệnh, điều lệ.

Sai Trần Thủ Độ đem quân đi đánh Nguyễn Nộn, Đoàn Thượng và các man.

Lúc ấy, nhân thế suy yếu của triều Lý, giặc cướp tụ tập nhiều. Người Man ở vùng núi Tản Viên, vùng núi Quảng Oai xâm phạm đánh lẫn nhau. [**2a**] Nguyễn Nộn chiếm cứ Bắc Giang[3] , Đoàn Thượng chiếm cứ Hồng Châu [4]. Thủ Độ điều động các quân đi đánh dẹp.

Bấy giờ Nộn và Thượng binh thế còn mạnh, chưa dễ hàng phục được, mới phong cho Nộn làm Hoài Đạo Vương, chia cho các huyện Bắc Giang Thượng, Bắc Giang Hạ, Đông Ngạn[5] cũng hẹn phong làm vương cho Thượng định ngày đến thề, nhưng Thượng không đến.

---

[1] Sau là xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

[2] Tức năm 1218

[3] Vùng đất của tỉnh Bắc Ninh.

[4] Vùng đất phía tây bắc và phía nam tỉnh Hải Dương

[5] Vùng đất huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Mùa hạ, tháng 5, phong em là Nhật Hiệu làm khâm Thiên Đại Vương (khi ấy mới 2 tuổi).

Trao phẩm cấp cho các quan văn võ theo hẫu theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 6, lấy ngày sinh làm tiết Càn Ninh.

Mùa thu, tháng 8, ngày mồng 10, Trần Thủ Độ giết Lý Huệ Tông ở chùa Chân Giáo.

Trước đó, Thượng hoàng nhà Lý có lần ra chơi chợ Đông, dân chúng tranh nhau chạy đến xem, có người thương khóc. Thủ Độ sợ lòng người nhớ vua cũ, sinh biến loạn, cho dời đến ở chùa Chân Giáo; bề ngoài giả vờ là để phụng sự, mhưng bên trong thực ra là để dễ bề giữ chặt.

Có lần Thủ Độ qua trước cửa chùa, thấ Huệ Tông ngồi xổm nhổ cỏ, Thủ Độ nói: "Nhổ cỏ thì phải nhổ cả **[2b]** rễ sâu".

Huệ Tông đứng dậy, phủi tay nói: "Điều ngươi nói, ta hiểu rồi".

Đến nay, sai người bày biện hương hoa đến bảo [Huệ Tông]: "Thượng phụ sai thẫn đến mời"..

Thượng hoàng nhà Lý nói: "Ta tụng kinh xong sẽ tự tử".

Nói rồi vào buồng ngủ khấn rằng: "Thiên hạ nhà ta đã vào tay ngươi, ngươi lại còn giết ta, ngày nay ta chết, đến khi thác con cháu ngươi cũng sẽ bị như thế".

Bèn thắt cổ tự tử ở vườn sau chùa.

Thủ Độ ra lệnh cho các quan đến khóc, khoét tường thành phía nam cửa (người bấy giờ gọi là "cửa khoét"), đưa linh cữu ra phường Yên Hoa để thiêu, chứa xương vào tháp chùa Bảo Quang, tôn miếu hiệu là Huệ Tông. Giáng hoàng hậu của Huệ Tông làm Thiên Cực công chúa, gả cho Trần Thủ Độ, cho châu lạng làm ấp thang mộc.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tam Đại xưa lấy được thiên hạ là vì lòng nhân. Cho nên [**3a**] những vua có đức lớn mà không làm nhiễu việc ác quá lắm thì trời chưa bao giờ vội dứt bỏ họ. Nhà Hạ nếu không có Kiệt, nhà Thương có Trụ, thì việc truyền ngôi hẵn cũng chưa hết. Xem như cuối đời nhà Chu, các nước chư hầu cưỡng bức, tiếm lấn mà ngôi chính thống vẫn truyền nối mãi mãi không dứt. Đó là do nhân sâu ơn dày của tổ tông để lại mãi đến đời sau vậy.

Họ Lý được nước không kém gì Tam Đại, truyền nối nhiều đời, đến Huệ Tông không có con trai, lại mắc bệnh tật, chắc là ơn trạch của tiên vương đến đây là hết rồi, cho nên họ Trần mới có thể lấy được nước. Đã lấy nước của người ta, lại giết vua của người ta thì thực bất nhân quá lắm.

Sau này, Phế Đế phải thắt cổ chết, Nguyên Quân bị giết[1], mình làm thế nào thì phải chịu thế ấy, đạo trời là như vậy đó. Dù không có lời nguyền của Huệ Tông, cũng tin là phải thế. Thủ Độ coi việc đó là hết lòng trung, lo việc nước, nhưng có biết đâu thiên hạ đời sau chỉ mặt [**3b**] gọi là giặc giết vua, huống chi lại còn làm thói cho lợn[2].

Đưa các cung nhân và con gái họ hàng nhà Lý Huệ Tông gả cho các tù trưởng người Man.

Mùa đông, tháng 10, tôn cha là Thừa làm Thượng hoàng, ở cung Phụ Thiên, phường Hạc Kiều phía bên tả. Hễ khi nước có việc lớn, thì ở trong đó xem xét, quyết định. Tôn mẹ là Lê thị làm Quốc Thánh hoàng thái hậu (có sách chép là Bảo Thánh Quốc mẫu).

Xuống chiếu cho dân gian dùng tiền "tỉnh bách"[3] mỗi tiền là 69 đồng. Tiền nộp cho nhà nước (tiền " thượng cung") thì mỗi tiền là 70 đồng.

---

[1] Bản chữ Hán chép Nguyên hậu, là đã nhầm chữ Quân thành chữ Hậu. Nguyên Quân tức là vua Trần Thuận Tông, sau khi nhường ngôi cho thái tử Án (Thiếu Đế), xưng vương là Thái Thượng Quân Hoàng Đế, thường được gọi là Nguyên Quân. Xem BK7.

[2] Chỉ việc Trần Thủ Độ đã giết Huệ Tông lại lấy hoàng hậu của nhà vua

[3] Tỉnh bách: có người đọc là "tỉnh mạch". Ở Trung Quốc, từ đời Ngũ Đại về sau, lấy 77 làm 100, gọi là "tỉnh bách" (nghĩa là 100 thiếu, hay 100 bớt).

Tuyển thục nữ trong nước sung làm cung nhân.

Sai Phụ quốc thái phó Phùng Tá Chu quyền Tri phủ Nghệ An, cho phép ban tước từ tá chức, xá nhân trở xuống cho người khác, rồi sau về triều tâu lên.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Ban tước cho người là quyền của thiên tử, không phải là quyền của kẻ làm tôi **[4a].** Phùng Tá Chu là bề tôi cũ triều Lý, không có việc cần phải chuyên quyền như ra ngoài cương giới, làm lợi cho quốc gia, vỗ yên trăm họ, mà lại cho phép chuyên quyền thì cả người cho phép đều sai cả.

Bề tôi nhà Trần mà biết đạo ấy, phải chăng chỉ có Quốc công Hưng Đạo Đại Vương. Thánh Tông vì thấy ông có công lao to lớn, cho phép được tự tiện phong tước cho người, nhưng chưa bao giờ ông phong cho một ai cả. Giữa lúc giặc Hồ vào cướp, cầm quân chuyên chế, lấy thóc của người giàu để cấp lương quân, nhưng cũng chỉ cho người đó làm giả Lang tướng mà không dám cho làm Lang tướng thực.

Đinh Hợi [Kiến Trung] năm thứ 3 [1227], (Tống Bảo Khánh năm thứ 3). Thi tam giáo tử (nghĩa là những nối nghiệp Nho giáo, Đạo giáo, Thích giáo).

Xuống chiếu rằng tất cả các đơn từ văn khế đều dùng phép in ngón tay vào nửa tờ giấy.

Tuyên bố các điều khoản lễ minh thệ, theo như lệ cũ của triều Lý và bắt đầu định việc thực hiện. Nghi thức lễ đó như sau:

Hàng năm vào ngày mồng 4 tháng 4, tể tướng và trăm quan đến trực ngoài cửa thành từ lúc gà gáy, **[4b]** tờ mờ sáng thì tiến vào triều. Vua ngự ở cửa Hữu Lang điện Đại Minh trăm quan mặc nhung phục lạy hai lạy rồi lui ra. Ai nấy đều thành đội ngũ, nghi trượng theo hầu ra cửa Tây thành, đến đền thờ thần núi Đồng Cổ[1], họp nhau lại uống máu ăn thề. Quan Trung thư kiểm chính tuyên đọc lời thề rằng:

"Làm tôi tận trung, làm quan trong sạch, ai trái thề này, thần minh giết chết".

Đọc xong, tể tướng sai đóng cửa điểm danh, người vắng mặt phải phạt 5 quan tiền. Ngày hôm ấy, trai gái bốn phương đứng chật ních bên đườngđể xem như ngày hội lớn.

Mậu Tý, [Kiến Trung] năm thứ 4 [1228]. (Tống Thiệu Định năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, phong Khâm Thiên Vương Nhật Hiệu làm Quận vương.

Tháng 2, thi lại viên bằng thể thức công văn (bạ đầu cách).

Mùa thu, tháng 8, phong anh là Liễu làm thái úy.

Xác định số đinh tỉnh Thanh Hóa.

Lệ cũ, hằng năm vào đầu mùa xuân, xã quan (nay là xã trưởng) [**5a**] khai báo nhân khẩu gọi là đơn sổ, rồi căn cứ vào sổ, kê rõ các loại tông thất, văn quan văn giai, võ quan võ giai, quan theo hầu, quân nhân, tạp lưu, hoàng nam, già yếu, tàn tật, phụ tịch, xiêu tán v.v... Người có quan tước, con cháu được tập ấm mới được ra làm quan, người giàu có khoẻ mạnh mà không có quan tước thì sung quân đội, đời đời làm lính.

Tháng 9, thi lại viên bằng thể thức công văn gọi là bạ đầu. Người trúng tuyển được sung làm thuộc lại ở các sảnh viện. (Việc này đã chép vào tháng 2 rồi).

Mùa đông, tháng 10, nước Chiêm Thành sang cống.

Tháng 12, Nguyễn Nộn đánh giết Đoàn Thượng.

Nộn đã phá được Thượng, nhân gộp cả quân của Thượng, cướp bắt con trai, con gái, tài sản, trâu ngựa đất Hồng Châu. Con của Thượng là Văn đem gia thuộc đến hàng.

---

[1] Núi Đồng Cổ: vốn ở THanh Hóa, tục gọi là núi Khả Phong. Đời Lý, các vua cho rằng thần núi Đồng Cỏ đã có công giúp Thái Tông đánh thắng Chiêm Thành, sau lại thác mộng báo cho biết âm mưu làm phản của ba vương Vũ Đức, Đông Chinh, Dực Thánh, nên đã dựng đền thờ trong đại nội, bên hữu chùa ThánhThọ. Hằng năm các quan phải đến thề ở đền để tỏ lòng trung thành với nhà vua. Nhà Trần cũng theo lệ ấy. (Xem Việt điện u linh, xem thêm BK2)

Thanh thế của Thượng rất lừng lẫy. Thủ Độ lo lắm, chia quân chống giữ và sai sứ đem thư đến chúc mừng, gia phong Nộn làm Hoài Đạo Hiếu Vũ Vương, đưa công chúa Ngoạn Thiềm gả cho hắn để ngầm [5b] dò la tin tức. Nộn cũng chia nha tướng riêng cho công chúa ở. Vì thế công chúa không thể báo được tin gì.

Kỷ Sửu,[Kiến Trung] năm thứ 5[1229], (Tống Thiệu Định năm thứ 2, Nguyên Thái Tông Oa Khoát Đài năm thứ1. Mùa xuân, tháng 3, nhật thực.

Nguyễn Nộn ốm chết.

Sau khi kiêm tính quân của Thương, Nộn tự xưng là Đại Thắng Vương, chè chén chơi bời bừa bãi. Nhưng Nộn cũng biết là thế không thể cùng đối lập với nhàTrần, định đến tháng 10 sẽ vào chầu, song còn do dự chưa quyết.

Đến khi ốm nặng, vua sai nội nhân tớihỏi thăm, Nộn cố gượng ăn cơm, phi ngựa để tỏ ra còn khoẻ mạnh, không bao lâu thì chết. Người dưới quyền là Phan Ma Lôi Ngầm phóng ngựa chạy trốn, không biết là đi đâu.

Ma Lôi là người Chiêm Thành, buôn bán ở Ai Lao, được Nộn nhận làm nô, có tài chủ động đánh thắng, dùng binh như thần. Sau khi Nộn chết, thiên hạ lại quy về một mối.

Sai sứ sang thăm nước Tống. Nha Tống phong vua làm An Nam Quốc Vương.

[6a] Canh Dần, [Kiến Trung] năm thứ 5 [1230], (Tống Thiệu Đinh năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 3, khảo xét các luật lệ của triều trước, soạn thành Quốc triều thống chế và sửa đổi hình luật lễ nghi, gồm 20 quyển.

Định bị đồ có mức độ khác nhau:

Loại bị đồ làm Cảo điền hoành thì thích vào mặt 6 chữ, cho ở Cảo xã (nay là xã Nhật Cảo), cày ruộng côn, mỗi người 3 mẫu, mỗi năm phải nộp 300 thăng thóc.

Loại bị đồ làm Lao thành binh thì thích vào cổ 4 chữ, bắt dọn cỏ ở Phượng Thành, thành Thăng Long, lệ vào quân Tứ sương[2].

Định các phường về hai bên tả hữu của kinh thành, bắt chước đời trước chia làm 61 phường.

Đặt ty Bình bạc[3].

Lại mở rộng phía ngoài thành Đại La, bốn cửa thành giao cho quân Tứ sương thay phiên nhau canh giữ.

Sửa đổi quan chức các phủ lộ. Đặt 2 viên An phủ sứ và An phủ phó sứ.

Trong thành dựng cung, điện, lầu, các và nhà lang vũ ở hai bên phía đông và tây. Bên tả là cung Thánh Từ (nơi thượng hoàng ở), bên hữu là cung Quan Triều (nơi vua ở).

Chép công việc của quốc triều làm bộ Quốc triều thường lễ, 10 quyển.

[**6b]** Mùa xuân, tháng 7, xuống chiếu rằng phàm người coi tục đi đòi người kiện tụng, thì cho lấy tiềncước lục tùy theo quãng đường gần hay xa.

Tháng 9, Quốc Thánh hoàng thái hậu băng, truy tôn làm Thuận Từ hoàng thái hậu.

Tân Mão, [Kiến Trung] năm thứ 7 [1231], (Tống Thiệu Định năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai NộI minh tự Nguyễn Bang Cốc (hoạn quan) chỉ huy binh lính phủ mình đào vét kênh Trầm và

---

[1] Oa Khoát Đài : hay Oát Ca Đài (đời Thanh đổi gọi là Ngạc Cách đức Y) là phiên âm tên vua Mông Cổ Ô-gô-đây là con trai thứ ba của Thành Cát Tư Hãn, Thiết Mộc Chân (Têmugin), lên ngôi năm 1228.

[2] Trấn binh của kinh đô, chuyên việc phòng vệ, canh gác.

[3] CMCB6 chú là chức kinh doãn, chuyên xét đoán việc kiện tụng ở kinh thành. Thực ra, Bình bạc ty (năm 1265 đổi thành đại an phủ sứ, sau lại đổi thành Kinh sư đại doãn) là cơ quan hành chính và tư pháp ở kinh đô Thăng Long lúc đó.

kênh Hào[1] từ phủ Thanh Hóa đến địa giớI phía nam Diễn Châu. Việc xong, thăng Bang Cốc làm Phụ Quốc thượng hầu.

Mùa thu, tháng 8, vua ngự đến hành cung Tức Mặc, dâng lễ hưởng ở tiên miếu, thết yến và ban lụa cho bô lão trong hương theo thứ bậc khác nhau.

Thượng hoàng xuống chiếu rằng trong nước hễ chổ nào có đình trạm đều phải đắp tượng phật để thờ.

Trước đây, tục nước ta vì nóng bức, nên làm nhiều đình cho người đi đường nghỉ chân, thường quét vôi trắng, gọi là đình trạm. Thượng hoàng khi còn hàn vi từng nghỉ ở đó, có một nhà sư bảo rằng : "Người trẻ tuổi này ngày sau sẽ đại quý". Nói xong **[7a]** thì không thấy nhà sư đâu nữa. Đến nay vua lấy được thiên hạ mới có lệnh này.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Việc này của Trần Thái Tông cũng giống như việc Vạn Hạnh với Lý Thái Tổ. Đó là mầm đầu tiên của sự sùng Phật ở đời Lý, đời Trần. Kể ra, người thức giả mọi việc đều biết trước, có gì lạ đâu.

Nhâm Thìn, [Kiến Trung] năm thứ 8 [1232], (Từ tháng 7 về sau là Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 1, Tống Thiệu Định năm thứ 5).

Mùa xuân, tháng giêng, bắt đầu định triều nghi.

Phong con của thượng hoàng là Bà Liệt làm Hoài Đức Vương.

Xưa Thượng hoàng còn hàn vi, lấy người con gái thôn Bà Liệt (thuộc huyện Tây Chân)[2]. Người đó có mang thì bị (Thượng hoàng) ruồng bỏ. Đến khi Bà Liệt ra đời, Thượng hoàng không nhận con. Lớn lên Bà Liệt khôi ngô, giỏi võ nghệ, xin sung vào đội đánh vật. Một hôm, bà Liệt đánh cầu với người trong đội, người kia vật ngã Bà Liệt, bóp cổ Liệt đến suýt tắt thở. Thượng hoàng thét lên : " Con ta đấy". Người ấy **[7b]** sợ hãi lạy tạ.

Ngay hôm đó, Thượng hoàng nhận Bà Liệt làm con, cho nên có lệnh này.

Tháng 2, thi thái học sinh. Đỗ đệ nhất giáp là Trương Hanh, Lưu Diễm; đệ nhị giáp là Đặng Diễn, Trịnh Phẫu; đệ tam giáp là Trần Chu Phổ.

Mùa hạ, tháng 6, ban bố các chữ quốc húy và miếu húy.

Vì Nguyên tổ tên húy là Lý, mới đổi triều Lý làm triều Nguyễn, vả lại cũng để dứt bỏ lòng mong nhớ của dân chúng đối với nhà Lý.

Tháng 8, gió lớn, dân gian phát dịch lệ, nhiều người chết.

Trần Thủ Độ giết hết tôn thất nhà Lý.

Khi ấy, Thủ Độ chuyên chính lâu ngày, đã giết Huệ Tông, tôn thất nhà Lý đều bùi ngùi thất vọng.

Mùa đông năm ấy, nhân người họ Lý làm lễ tế các vua Lý ở Thái Đường, Hoa Lâm[3], Thủ Độ ngầm đào hố sâu, làm nhà lên trên, đợi khi mọi người uống rượu say, giật máy chôn sống hết.

(Xét thời Trần Anh Tông còn có người họ Lý làm tướng, hơn nữa [Phan] Phu Tiên không ghi lại, việc này chưa chắc đã có thực, hãy tạm [**8a]** chép vào đây).

Quý Ty,Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 2 [1233], (Tống Thiệu Định năm thứ 6), sai Phùng Tá Chu duyệt định các ấp lớn phủ Nghệ An.

[1] CMCB6 chú là tên hai con kênh, thuộc huyện Ngọc Sơn (nay là tỉnh Gia), tỉnh Thanh Hóa.

[2] Sau là huyện Nam Chân, Nam Trực, tương với huyện Nam Ninh, tỉnh Hà Nam ngày nay.

[3] CMCB6 chú là thuộc huyện Đông Ngàn, nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Hoàng Thái tử Trịnh mất.

(Xét phép chép sử: Hoàng thái tử sinh, tất phải chép rõ ngày, tháng, năm sinh; khi mất cũng thế. Đây chỉ chép khi mất, có lẽ là vừa mới sinh đã chết ngay, nên không chép ngày tháng sinh).

Nước to.

Giáp Ngọ, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 3 [1234], (Tống Đoan Bình năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 18, thượng hoàng băng ở cung Phụ Thiên, thọ 51 tuổi.

Mùa thu, tháng 8, ngày 28, táng [Thượng hoàng] ở Thọ Lăng phủ Long Hưng. (Lăng ở hương Tinh Cương[1]. Ba lăng Chiêu, Dụ Đức[2] đều ở hương ấy). Miếu hiệu là Huy Tông, tên thụy là Khai Vận Lập Cực Hoằng Nhân Ứng Đạo Thuần Chân Chí Đức Thần Vũ Thánh Văn Thùy Dụ Chí Hiếu Hoàng Đế.

Lấy thái úy [Trần] Liễu làm phụ chính, sách phong làm Hiển Hoàng.

[8b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thái Tông đối với anh là Liễu, có ý muốn tôn kính khác thường, cho nên làm việc việc quá đáng này. Sách phong là Hiển Hoàng, thế là danh không chính rồi. Đã danh không chính thì nói không thuận, nói không thuận thì việc không thành. Liễu manh tâm làm loạn, vị tất đã không phải do đấy.

Phong Trần Thủ Độ làm Thống quốc thái sư, tri Thanh Hóa phủ sự.

Gia phong thái phó triều Lý là Phùng Tá Chu làm Hưng Nhân Vương; Quan nội hầu Phạm Kính Ân làm Thái phó, tước Bảo Trung quan nội hầu.

Ất Mùi, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 4 [1236], (Tống Đoan Bình năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, sét đánh 30 chỗ trong thành Đại Xá.

[9a] Bính Thân, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 5 [1236], (Tống Đoan Bình năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, định lệ cấp lương bổng cho các quan văn võ trong ngoài và các quan ở cung điện, năng miếu, chia tiền thuế, ban cấp theo thứ bậc.

Tháng 2, định quan hàm cho các đại thần.

Phàm người tôn thất vào chính phủ, hoặc là Thái sư, Thái phó, Thái bảo, Thái uý, hoặc là Tư đồ, Tả Hữu tướng quốc, đều kiêm hàm Kiểm hiệu đặc tiến nghi đồng tam ty bình chương sự[3].

Mùa hạ, tháng 6, nước to, vỡ tràn vào cung Lệ Thiên.

Bấy giờ Hiển Hoàng [Trần] Liễu làm tri Thánh Từ cung, nhân nước to, đi thuyền vào chầu, thấy người phi cũ của triều Lý liền cưỡng dâm ở cung Lệ Thiên. Đình thần hặc tâu, vì thế mới đổi tên cung Thưởng Xuân, giáng Hiển làm Hoài Vương.

Mùa thu, tháng 8, chọn các nho sinh đã thi đỗ vào chầu, sau làm định lệ.

Mùa đông, tháng 10, cho Phạm Ứng Thần làm Thượng thư tri Quốc tử viện, đưa con em văn thần và tụng thần vào học.

[**9b**] Gia phong Hưng Nhân Vương Phùng Tá Chu làm Đại Vương; Quan nội hầu Phạm Kính Ân làm Thái úy, ban cho mũ áo đại vương.

Đinh Dậu, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 6 [1237], (Tống Gia Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, xuống rằng: khi làm giấy tờ về chúc thư, văn khế ruộng đất và vay mượn tiền bạc thì người làm chứng in tay ở 3 dòng trước, người bán in tay ở 4 dòng sau.

---

[1] Vùng huyện Tiên Hưng cũ, nay thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

[2] Chiêu lang: lăng của Trần Thái Tông, Dụ lăng: lăng của Trần Thánh Tông, Đức lăng: lăng của Trần Nhân Tông.

[3] Nghi đồng tam ty: nghĩa là nghi thức ngang với nghi thức của tam ty hay tam công. Bình chương sự: nghĩa là xếp đặt cho tốt đẹp, chỉ chức tể tướng. Đồng bình chương sự: nghĩa là ngang với tể tướng.

Lập công chúa Thuận Thiên họ Lý, là vợ của Hoài Vương Liễu, anh vua, làm hoàng hậu Thuận Thiên. Giáng Chiêu Thánh làm công chúa.

Bấy giờ Chiêu Thánh không có con mà Thuận Thiên đã có mang Quốc Khang 3 tháng. Trần Thủ Độ và công chúa Thiên Cực bàn kính với vua là nên mạo nhận lấy để làm chổ dựa về sau, cho nên có lệnh ấy. Vì thế, Liễu họp quân ra sông Cái làm loạn.

Vua trong lòng áy náy, ban đêm, ra khỏi kinh thành đến chỗ quốc sư Phù Vân (quốc sư là bạn cũ của Thái Tông) trên núi Yên Tử rồi ở lại đó [10a][1].

Hôm sau, Thủ Độ dẫn các quan đến mời vua trở về kinh sư. Vua nói: "Vì trẫm non trẻ, chưa cáng đáng nổi sứ mạng nặng nề, phụ hoàng lại vội lìa bỏ, sớm mất chỗ trông cậy, nên không dám giữ ngôi vua mà làm nhục xã tắc".

Thủ Độ cố nài xin nhiều lần vẫn chưa được vua nghe, mới bảo mọi người rằng:

"Xa giá ở đâu tức là triều đình ở đó".

Thế rồi [Thủ Độ] cắm nêu trong núi, chỗ này là điện Thiên An, chỗ kia là các Đoan Minh, sai ngườ xây dựng. Quốc sư nghe thấy thế bèn, tâu rằng:

"Bệ hạ nên gấp quay xa giá trở về, chớ để làm hại núi rừng của đệ tư".

Vua bèn trở về kinh đô. Được hai tuần, Liễu tự lượng thế cô, khó lòng đối lập được, ngầm đi thuyền độc mộc giả làm người đánh cá, đến chỗ vua xin hàng.

Lúc ấy vua đang ở trong thuyền, vội vàng bảo Thủ Đô:

"Phụng Càn Vương (Phụng Càn là tên hiệu [**10b**] cũ của Liễu hồi còn nhà Lý) đến hàng đấy!" rồi lấy thân mình che đỡ cho Liễu. Thủ Độ tức lắm, ném gương xuống sông nói:

"Ta chỉ là con chó săn thôi, biết đâu anh em các người thuận nghịch thế nào?".

Vua nói giải hòa, rồi bảo Thủ Độ rút quân về.

Lấy đất Yên Phụ, Yên Dưỡng, Yên Sinh, Yên Hưng, Yên Bang[2] cho Liễu làm ấp thang mộc. Nhân đất được phong, mà Liễu có tên Hiệu là Yên Sinh Vương. Binh lính [theo Liễu] làm loạn ở sông Cái đều bị giết.

Phan Phu Tiên nói: Tam cương ngũ thường là luân lý lớn của loài người. Thái Tông là ông vua khai sáng cơ nghiệp, đáng lẽ phải dựng phép tắc để truyền lại cho đời sau, lại nghe mưu gian của Thủ Độ, cướp vợ của anh làm hoàng hậu, chẳng phải là bỏ cả luân thường, mở mối dâm loạn đó ư? Liễu từ đó sinh ra hiềm khích, cả gan làm loạn, là do Thái Tông nuôi nên tội ác cho Liễu vậy. Có người bảo Thái Tông không giết anh, thế là nhân, nhưng tôi thì cho rằng cướp vợ của anh, tội ác đã rõ ràng, không giết anh [**11a**] là vì lẽ trời chưa mất mà thôi, sao được gọi là nhân? Xét ra sau này Trần Dụ Tông dâm loạn làm càn chưa hẳn không do Thái Tông đầu têu vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thái Tông mạo nhận con của anh làm con của mình. Sau này Dụ Tông và Hiến Từ đều cho Nhật Lễ làm con của Cung Túc Vương, đến nỗi cơ nghiệp nhà Trần suýt nữa bị sụp đổ, há chẳng phải là không có ngọn nguồn của nó sau?

Các quan dâng tôn hiệu là Thống Thiên Ngự Cực Long Công Hậu Đức Hiền Công Hựu Thuận Thánh Văn Thần Vũ Hiếu Nguyên Hoàng Đế.

Ban yến cho các quan ở điện Thiên An.

---

[1] Theo Thiền Tông chỉ nam tự trong Khóa hư lục thì Trần Thát Tông trốn khỏi kinh thành vào đêm mồng 3 tháng 4 năm Bính Thân (1236) và lên đến đỉnh Yên Tử vào ngày mồng 6 tháng 4 năm ấy. Như vậy là Toàn Thư chép sự việc này muộn hơn một năm

[2] Thuộc hai huyện Đông Triều và Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

Tháng 2, dời dựng điện Linh Quang ở Đông Bộ Đầu, gọi là điện Phong Thủy. Khi xa giá dừng ở đây, các quan đưa đón, đều dâng trầu cao và trà, nên tục gọi là điện Trà.

[**11b**] Mùa hạ, tháng 5, tết Đoan ngọ làm lễ điếu Khuất Nguyên và người hiền đời xưa như Giới Tử Thôiv.v..Hằng năm cứ đến tháng này đều cử hành [lễ điếu].

Mậu Tuất, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 7 [1238], (Tống Gia Hy năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, sai Thống quốc thái sư Trần Thủ Độ duyệt định sổ đinh phủ Thanh Hoá.

Mùa thu, tháng 7, nước to, vỡ tràn vào cung Thưởng Xuân.

Tháng 8, định quy chế thuyền xe cho vương hầu, công chúa, các quan văn võ và người tông thất.

Ban yến cho các quan từ ngũ phẩm trở lên ở điện Bát Giác.

Kỷ Hợi, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 8 [1239], (Tống Gia Hy năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, lại cho Phùng Tá Chu chức Nhập nội thái phó. Sai [Chu] về hương Tức Mặc xây dựng nhà cửa, cung điện.

Tháng 2, thi thái học sinh. Đỗ đệ nhất giáp là Lưu Miễn, Vương Giát; đệ nhị giáp là Ngô Khắc; đệ tam giáp là Vương Thế Lộc.

[12a] Kiểu Hiền làm loạn.

Canh Tý, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 9 [1240], (Tống Gia Hy năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai Phùng Tá Chu dựng 5 sở hành cung ở phủ Thanh Hoá.

Mùa thu, tháng 7, gió lớn, mưa to, động đất.

Tháng 9, ngày 25, hoàng đích trưởng tử là Hoảng sinh, lập làm Đông cung thái tử. Đại xá.

Mùa đông, tháng 10, quan đóng giữ Lạng Giang sai chạy trạm tâu về việc người phương Bắc đến bắt người cướp của dân cư trong hạt ấy. Vua sai thị thần là Bùi Khâm đến biên giới phía bắc để bày tỏ.

Tân Sửu, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 10 [1241], (Tống Thuần Hựu năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, chọn người có sức khoẻ, am hiểu võ nghệ sung làm quân Túc vệ thượng đô.

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán, núi nhiều nơi bị lở, ở chợ Dừa[1], đất toác ra.

Tháng 9, xuống chiếu cho các ty xét án được lấy tiền bình bạc[2] (bình tức là xét, trước có ty bình bạc cũng là thế).

Mùa đông, tháng 10, người Man phương bắc đến cướp biên giới. Sai đốc tướng Phạm Kính Ân đi đánh lấy được các động Man rồi về.

Hoàng tử thứ ba Quang Khải sinh, là em cùng mẹ với thái tử Hoảng. Quốc Khang là anh trưởng, sau đều phong đại vương. Thứ đến Nhật Vĩnh, Ích Tắc, Chiêu Văn, đều phong vương. Thứ nữa thì phong thượng vị hầu. Con trưởng của các vương thì phong vương, các con thứ thì phong thượng vị hầu, coi đó là chế độ lâu dài.

Vua thân hành cầm quân đi đánh các trại Vĩnh An, Vĩnh Bình[3] của nước Tống phía đường bộ, vượt qua châu Khâm, châu Liêm, tự xưng là Trai Lang, bỏ thuyền lớn ở trong cõi, chỉ đi bằng các thuyền nhỏ Kim Phụng, Nhật Quang, Nguyệt Quang. Người châu ấy không biết là vua, đều sợ hãi chạy trốn. Đến sau biết là vua mới chăng xích sắt giữa sông để chặn đường thủy. [**13a**] .Khi trở về, vua sai nhổ lấy vài chục cái neo đem về.

---

[1] CMCB6 chép là phường Thịnh Quang có ô Chợ Dừa ở phía nam Hà Nội nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội.

[2] Tức tiền xét án.

[3] Trại Vĩnh An của Tống thuộc đất châu Khâm, giáp với vùng Móng Cái, Quảng Ninh của ta. Trại Vĩnh Bình của Tống thuộc đất châu Ung, giáp với vùng Lộc Bình, Lạng Sơn của ta.

Phùng Tá Chu mất.

Nhâm Dần, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 11 [1242], (Tống Thuần Hựu năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, chia nước làm 12 lộ[1]. Đặt chức an phủ, trấn phủ, có 2 viên chánh, phó để cai trị. Các xã, sách thì đặt chức đại, tiểu tư xã. Từ ngũ phẩm trở lên là đại tư xã, từ lục phẩm trở xuống là tiểu tư xã. Có người làm kiêm cả 2, 3, 4, xã, cùng xã chính, xã sử, xã giám gọi là xã quan.

Làm đơn số[2] hộ khẩu. Con trai lớn gọi là đại hoàng nam, con trai nhỏ gọi là tiểu hoàng nam, 60 tuổi gọi là lão, già lắm thì gọi là long lão. Nhân đinh có ruộng đất thì nộp tiền thóc, người không có ruộng đất thì miễn cả. Có 1, 2 mẫu ruộng thì nộp 1 quan tiền, có 3, 3 mẫu thì nộp 2 quan tiền, có từ 5 mẫu trở lên thì nộp 3 quan tiền. Tô ruộng mỗi mẫu nộp 100 thăng thóc.

Mùa hạ, tháng 4, sai [**13b**] Thân vệ tướng quân Trần Khuê Kình đem quân trấn giữ biên giới phía bắc, đánh lấy các đất thuộc lộ Bằng Trường.

Trước kia, từ sau khi Nguyên Thái Tông mất, thì cửa ải thường không thông. Nếu có sứ mệnh thì chỉ có hai viên chánh phó sứ và hai bọn người đi theo, còn sản vật tiến cống có bao nhiêu thì gói bọc đưa đến địa đầu biên giới, quan địa phương nhận giữ và chuyển nộp. Sứ thần đến kinh, chỉ dâng biểu tâu thôi, các vật tiến cống không đến nơi cả được. Đến nay, sai tướng chống giữ, đánh chiếm mới thông hiếu được với nước Tống.

Tháng 5, tháng 6, hạn hán, soát tù, đại xá.

Mùa thu, tháng 7, mưa. Miễn một nửa tô ruộng.

Tháng 9, ngày canh thìn, mồng 1, nhật thực.

Mùa đông, tháng 10, Chiêm Thành sang cống.

Tháng 12, rồng vàng hiện.

Quý Mão, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 2 [1243], (Tống Thuần Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, lệnh cho quan các lộ làm sổ dân đinh, [**14a**] hạn trong hai tháng phải xong.

Tháng 2, đắp thành nội, gọi là thành Long Phượng và trùng tu Quốc tử giám.

Mùa hạ, tháng 6, sai viên ngoại lang Trương Thất xét xử các án ở Đô vệ phủ.

Mùa thu, tháng 8, nước to, vỡ thành Đại La.

Mùa đông, tháng 10, chọn người bổ sung vào các quân bộ đ? sai khiến.

Giáp Thìn, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 13 [1244], (Tống Thuần Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai các văn thần chia nhau đi trị nhậm các phủ, lộ trong nước gồm 12 nơi. Phủ có tri phủ, lộ có thông phán, châu có tào vận sứ và phó sứ, giữ việc vận chở.

Định các cách thức về luật hình.

Tháng 3, cho Phùng Tá Khang, cha Phùng Tá Chu, làm tả nhai đạo lục, tước Tả Lang.

Bấy giờ các vương hầu bổ quan tăng đạo thì gọi la Tả nhai, vì không thể cho đứng vào hàng ngũ các quan trong triều. Tả nhai là phẩm cao nhất của tăng đạo. Không phải là người thông thạo [**14b**] tôn giáo của mình thì không được dự càn. Nay đem phong cho Tá Khang là lễ ưu hậu lắm.

Mùa đông, tháng 10, qui định lương bổng cho các quan làm việc trong ngoài và các quan túc vệ.

---

[1] CMCB6 chép danh sách 12 lộ là Thiên Trường, Long Hưng, Quốc Oai, Bắc Giang, Hải Đông, Trường Yên, Kiến Xương, Hồng Khoái, Thanh Hoá, Hoàng Giang, Diễn Châu. Danh sách này chưa hẳn đúng và đủ tên các lộ thời Trần. An Nam chí lược của Lê Trắc đưa ra một danh sách 15 lộ, nhưng chỉ có 6 lộ là có tên trong danh sách của Cương mục.

[2] Xem sự việc chép về năm Mậu Tý (1228) ở trên.

Ất Tỵ, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 14 [1245], (Tống Thuần Hựu năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, vua ngự hành cung Ứng Phong (nay là phủ Kiến Hưng)[1].

Mùa thu, tháng 8, nước to, vỡ đê Thanh Đàm[2].

Mùa đông, tháng 12, gió to, mưa lớn 3 ngày, nước sông tràn ngập, rắn, cá chết nhiều.

Bính Ngọ, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 15 [1246], (Tống Thuần Hựu năm thứ 6, Nguyên Định Tông, Quý Do[3] năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, định quy chế các quận.

Chọn người khoẻ mạnh sung làm quân Tứ thiên, Tứ thánh, Tứ thần[4] . Đinh tráng lộ Thiên Trường[5] và Long Hưng[6], sung vào các quân Thiên thuộc, Thiên cương, Chương thánh và Củng thần; lộ Hồng[7] và lộ Khoái[8] sung quân tả hữu Thánh dực; lộ Trường Yên [9]và lộ Kiến Xương[10] sung vào Thánh dực, Thần sách. Còn các lộ khác thì sung vào cấm quân trong Cấm vệ. Hạng thứ ba thì sung vào đoàn đội trạo nhi[11] [**15a**] (có sách chép là phong đội).

Tháng 3, xét duyệt các quan văn, võ, trong ngoài. .

Cứ 15 năm 1 lần xét duyệt, 10 năm thăng tước 1 cấp, 15 năm thăng chức 1 bậc. Chức quan nào khuyết thì chức chánh kiêm chức phó. Chánh phó đều khuyết thì lấy quan khác tạm giữ, đợi đủ hạn xét duyệt thì bổ chức ấy.

Bấy giờ quốc gia vô sự, nhân dân yên vui, người làm quan giữ mãi một chức, người ở quán, các 10 năm mới được xuất thân, người ở sảnh, cục 15 năm mới được xuất thân, chức tể tướng thì chọn người hiền năng trong tôn thất, có đạo đức, tài nghệ, thông hiểu thi thư thì cho làm.

Mùa hạ, thạng, tháp trên núi Long Đội đổ.

Mùa thu, tháng 7, định lệ thi tiến sĩ, cứ 7 năm 1 khoa.

Mùa đông, tháng 12, cho Trương Mông làm Ngự sử đại phu (Mông người Thanh Hóa, có hùng tài).

Đinh Mùi, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 16 [1247], (Tống Thuần Hựu năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, mở khoa thi chọn kẻ sĩ. Ban cho Nguyễn Hiền đỗ trạng nguyên [**15b**] Lê Văn Hưu đỗ bảng nhãn; Đặng Ma La đỗ thám hoa lang. Cho 48 người đỗ thái học sinh, xuất thân theo thứ bậc khác nhau.

---

[1] Phủ Kiến Hưng: hay phủ Nghĩa Hưng đời Lê là gồm đất 3 huyện: Nghĩa Hưng, Ý Yên, Vụ Bản, tỉnh Nam Hà ngày nay. Từ đời Lý đã có hành cung ở Ứng Phong, có lẽ ở trong đất huyện Ý Yên.

[2] Đê Thanh Đàm: nay là đê Thanh Trì.

[3] Quý Do tức hãn Mông Cổ Guyuk. Vì các bản khắc Toàn thư bị sứt chữ hay in không rõ, nên chữ Do ở đây dễ bị đọc nhầm thành chữ Diền (Bản dịch cũ, tậ II, 1971, tr.20).

[4] Bản dịch cũ (tập II, 1971, tr.285) chú thích Tứ thiên là 4 vệ Thanh dực, Tứ thần là 4 vệ Thần sách. Nhưng theo các quân hiệu được chép ở đây thì lại có thể nghĩ rằng: Tứ thiên là 2 vệ (tả và hữu) của quân Thiên thuộc và 2 vệ của quân Thiên Chương; Tứ thánh là 2 vệ của quân Thánh dực và 2 vệ của quân Chương thánh; Tứ thần là 2 vệ của quân Thần sách và 2 vệ củ quân Củng thần. Chú ý là đời Trần chỉ thấy nói đến các quân tả và hữu, chứ không gặp các quân tiền và hậu.

[5] Vùng tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

[6] Gồm phần lớn tỉnh Thái Bình ngày nay.

[7] Vùng tây Hải Dương.

[8] Vùng nam Hưng Yên.

[9] Vùng tỉnh Ninh Bình.

[10] Vùng nam Thái Bình ngày nay.

[11] Tức là đội chèo thuyền, thuỷ thủ của thuyền trên.

Trước đây, hai khóa Nhâm Thìn (1232) và Kỷ Hợi (1239) chia làm giáp, ất, chưa có chọn tam khôi[1]. Đến khoa này mới đặt [tam khôi].

Mùa hạ, tháng 4, động đất.

Mùa thu, tháng 8, thi các khoa thông tam giáo. Ngô Tần (người Trà Lô0 đỗ giáp khoa, Đào Diễn, Hoàng Hoan (người Thanh Hóa) và Vũ Vị Phủ (người Hồng Châu) đỗ ất khoa.

Mậu Thân, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 17 [1248], (Tống Thuần Hựu năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, đổi miế hiệu của Huy Tông gọi là Thái Tổ, Thọ Lăng gọi là Huy Lăng.

Tháng 3, lệnh các lộ đắp đê phòng lụt, gọi là để quai vạc, từ đầu nguồn đến bờ biển, để ngăn nước lũ tràn ngập.

Đặt hà đê chánh phó sứ để quản đốc. Chỗ đắp thì đo xem mất bao nhiêu ruộng đất của dân, theo giá trả lại tiền [**16a**]. Đắp đê quai vạc là bắt đầu từ đó.

Mùa hạ, tháng 4, làm cầu Lâm Ba ở chùa Chân Giáo, qua hồ Ngoạn Thiềm, đến quán Thái Thanh cung Cảnh Linh, cực kỳ tráng lệ.

Tháng 6, hoàng hậu Thuận Thiên băng, truy tôn là Hiển Tử Thuận Thiên hoàng thái hậu.

Sai các nhà phong thủy đi xem khắp núi sông cả nước, chỗ nào có vượng khí đế vương thì dùng phép thuật để trấn yểm, như các việc đào sông Bà Lễ[2] đục núi Chiêu Bạc[3] ở Thanh Hóa; còn lấp các khe ở kênh mở đường ngang dọc thì nhiều không kể xiết. Đó là làm theo lời Trần Thủ Độ.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Từ khi có trời đất này, thì đã có núi sông này, mà khí trời chuyển vận, thánh nhân ra đời, đều có số cả. Khí trời từ bắc chuyển xuống nam, hết nam rồi lại quay về bắc. Thánh nhân trăm năm mới sinh, đủ số lại trở lại từ đầu. Thời vận **[16b]** có lúc chậm lúc chóng, có khi thưa khi mau mà không đều, đại lược là thế, có can gì đến núi sông? Nếu bảo núi sông có thể lấy pháp thuật mà trấn áp, thì khí trời chuyển vận, thánh nhân ra đời có pháp thuật gì trấn áp được không? Ví như Tần Thủy Hoàng biết là phương đông nam có vượng khí thiên tử, đã mấy lần xuống phương ấy để trấn áp, mà rút cuộc Hán Cao vẫn nổi dậy, có trấn áp được đâu.

Kỷ Dậu, [Thiên Ứng Chính bình] năm thứ 18 [1249], (Tống Thuần Hựu năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, trùng tu chùa Diên Hựu, xuống chiếu vẫn làm ở nền cũ.

Đại xá.

Mùa hạ, tháng 4, ngày Nhâm Dần mồng 1, nhật thực.

Mùa thu, tháng 7, mưa đá lớn.

Canh Tuất, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 19 [1250], (Tống Thuần Hựu năm thứ 10). Mùa xuân, tháng 3 động đất.

Xuống chiếu cho thiên hạ gọi vua là quan gia[4].

Đổi Đô vệ phủ làm Tam ty viện, gồm các viện Phụng tuyên, Thanh túc, Hiến chính.

Mùa hạ, tháng 5, xuống chiếu các việc kiện tụng đã thành án, phải cùng quan thẩm hình viện xem xét định tội.

---

[1] Tam khôi: là ba bậc đỗ đầu gồm trạng nguyên, bảng nhãn và thám hoa.

[2] CMCB6 chép là sông Bà Mã. Nguyên văn: "Bà Lễ giang", có lẽ là sông Bà Mã và sông lễ gọi tắt. Bà Mã tu'c sông Mã ở Thanh Hóa, còn sông Lễ thì Cương mục chú là sông Mã, nhưng có lẽ là sông Chu.

[3] Núi Chiêu Bạc: Bản dịch cũ chú có lẽ là núi Chiếu Bạch (hiện có sông Chiếu Bạch) ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

[4] Nguyên văn là "quốc gia", ngờ là bản in nhầm. Vì 'quan gia " là tiếng để gọi vua đời Trần, thường hay gặp. Chưa có sách nào gọi vua là "quốc gia". Chúng tôi sửa lại.

[17a] cho Lê Phụ Trần làm Ngự sử trung tướng, tri Tam ty viện sự.

Mùa thu, tháng 7, cho Minh tự Lưu Miễn làm an phủ sứ phủ lộ Thanh Hóa.

Tân Hợi, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 20 [1251] (Từ tháng 2 về sau là Nguyên Phong năm thứ 1, Tống Thuần Hựu năm thứ 11, Nguyên Hiến Tông Mông Kha năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 1, đổi nguyên hiệu là Nguyên Phong (năm thứ 1).

Vua tự viết bài minh ban cho các hoàng tử, dạy về trung, hiếu, hoà, tốn, ôn, lượng, cung, kiệm.

Gả trưởng công chúa Thiên Thành cho Trung Thành Vương (không rõ tên). Con trai Yên Sinh Vương là Quốc Tuấn cướp lấy. Công chúa về với Quốc Tuấn.

Ngày 15 tháng ấy, vua mở hội lớn 7 ngày đêm, bày các tranh về lễ kết tóc[1] và nhiều trò chơi cho người trong triều ngoài nội đến xem, ý muốn cho công chúa Thiên Thành là lễ kết tóc với Trung Thành Vương.

Trước đó, vua cho công chúa Thiên Thành đến ở trong dinh Nhân Đạo Vương (Nhân Đạo Vương là cha Trung Thành Vương). Quốc Tuấn muốn lấy công chúa Thiên Thành, nhưng không làm thế nào được, mới nhân ban đêm lẻn vào **[17b]** chỗ ở của công chúa thông dâm với nàng.

Công chúa Thụy Bà (chị ruột của Thái Tông, cô của Quốc Tuấn, nuôi Quốc Tuấn làm con) liền đến gõ cửa điện cáo cấp. Người coi cửa vội vào tâu. Vua hỏi có việc gì, Thụy Bà trả lời:

"Không ngờ Quốc Tuấn ngông cuồng càn rỡ, đang đêm lẻn vào chỗ Thiên Thành, Nhân Đạo đã bắt giữ hắn rồi, e sẽ bị hại, xin bệ hạ rủ lòng thương, sai người đến cứu"

Vua vội sai nội nhân đến dinh Nhân Đạo Vương. Đến nơi, thấy yên lặng, bèn vào chỗ Thiên Thành, thì thấy Quốc Tuấn đã ở đấy. Nhân Đạo bấy giờ mới biết chuyện.

Hôm sau, Thụy Bà dâng 10 mâm vàng sống, tâu rằng: " Vì vội vàng nên không sắm được đủ lễ vật".

Vua bắt đắc dĩ phải gả công chúa Thiên Thành cho Quốc Tuấn, lấy 2000 khoảnh ruộng ở phủ Ứng Thiên[2] để hoàn lại sính vật cho Trung Thành Vương.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Con gái vua lấy kẻ bề dưới tất phải sai chư hầu cùng họ đứng ra làm chủ hôn [**18a**] theo lễ phải thế. Thái Tông đem Thiên Thành công chúa gả xuống cho Trung Thành Vương, nhưng công chúa lại về với Hưng Đạo Vương, việc hôn nhân rất là bất chính. Thế thì lễ cưới này không ai đứng chủ ư? Vì vua đã bất chính trong đạo vợ chồng, cho người làm tôi con cũng bắt chước. Vả lại, hôn nhân không lấy người khác họ mà lấy người cùng họ, thì chỉ có nhà Trần làm thế. Trong việc trái lễ, lại trái lễ nửa.

Vua ban yến ở nội điện, các quan đều dự. Đến khi say, mọi người đứng cả dậy, dang tay mà hát. Ngự sử trung tướng (sau đổi là Trung úy) Trần Chu Phổ Cũng dang tay theo mọi người, nhưng không hát câu gì khác, chỉ nói: "Sử quan ca rằng, sử quan ca rằng".

Sau này, trong yến tiệc, có người đội mo nang, cầm dùi làm tửu lệnh thì lại càng thô bỉ lắm.

[18b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Xem thế đủ thấy, tuy bấy giờ vua tôi cùng vui, không gò bó vào lễ pháp, cũng là điều giản dị, chất phát của phong tục, nhưng không còn chừng mực gì nữa. Hữu Tử nói: "Biết được hòa đồng rồi hòa đồng, nhưng không lấy lễ mà tiết chế, thì cũng không thể làm được" Ngự sử là bề tôi giữ việc can ngăn, chức

[1] Nguyên văn là "trần hợp kế đồ", có người hiểu "đồ" theo nghĩa Nôm là "đồ đạc". CMCb6 chép là "bày đồ quý báo".

[2] Tức phủ Ứng Hoa đời sau, tương ứng với các huyện Ứng Hòa, Mỹ Đức, Chương Mỹ, Thanh Oai, tỉnh Hà Tây ngày nay.

phận là phải uốn nắn, đã không nói thì thôi, lại còn vào hùa với họ thì kỷ cương của triều đình để đâu?

Mùa hạ, tháng 4, Yên Sinh Vương Liễu mất, thọ 41 tuổi, gia phong đại vương.

Phạm Kính Ân mất (Kính Ân là thái úy quan nội hầu của triều Lý cũ).

Nhâm Tý, Nguyên Phong năm thứ 2 [1252], (Tống Thuần Hựu năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng, vua thân đi đánh Chiêm Thành, sai Khâm Thiên Đại vương Nhật Hiệu làm lưu thủ.

Chiêm Thành từ khi nhà Lý suy yếu, thường đem thuyền nhẹ **[19a]** đến cướp bóc dân cư ven biển. Vua lên ngôi, lấy đức vỗ về, sai sứ sang dụ, tuy họ có thường sang cống, nhưng lại đòi xin lại đất cũ, và có ý dòm ngó [nước ta]. Vua giận, nên có viễc thân chinh này.

Mùa đông, tháng 12, bắt được vợ của chúa Chiêm Thành là Bố Da La và nhiều thần thiếp, nhân dân của y rồi về.

(Có thuyết nói bắt được chúa Chiêm Thành Bố Da La là sai. Nếu quả như thế thì Lê Văn Hưu làm Sử ký sao không dẫn để ca ngợi cùng với việc bắt được Sạ Đẩu. Nay theo [Phan] Phu Tiên là phải).

Quý Sửu, Nguyên Phong năm thứ 3 [1253], (Tống Bảo Hựu năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 4, cho Khâm Thiên Đại Vương Nhật Hiệu làm Thái úy.

Tháng 6, lập Quốc học viện. Đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Á Thánh (Mạnh Tử), vẽ tranh 72 người hiền[1] để thờ.

Muà thu, tháng 8, lập Giảng võ đường.

Tháng 9, xuống chiếu vời nho sĩ trong nước đến Quốc tử viện giảng tứ thư lục kinh.

Giáp Dần, [Nguyên Phong] năm thứ 4 [1254], (Tống Bảo Hựu năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 5, định quy chế xe kiệu, mũ áo và người hầu cho tôn thất và các quan văn võ **[19b]** theo thứ bậc khác nhau.

Từ tông thất cho đến quan ngũ phẩm đều được đi kiệu, ngựa và võng. Tôn thất thì kiệu đầu đòn chạm phượng sơn son, tướng quốc thì kiệu đầu đòn chạm vẹt sơn đen, lọng tía; từ tam phẩm trở lên thì kiệu đầu đòn chạm mây, lọng xanh; từ tứ phẩm đến lục phẩm thì kiệu đầu đòn bằng dầu; ngũ phẩm trở lên thì lọng xanh; lục thất phẩm thì lọng giấy đen. Người theo hầu nhiều thì 1.000 người, ít thì 100 người.

Bấy giờ các vương hầu phần nhiều coi việc đánh nhau bằng tay không và một mình đi cướp là dũng cảm. Vũ Uy vương Duy (con Thái Tông) cũng làm thế. Một hôm, Vũ Uy [Vương] đánh nhau tay không ở Đông Bộ Đầu, vua vi hành qua đấy trông thấy hỏi rằng:

"Người béo và trắng kia là ai, bắt lại đây để sai bảo".

Vũ Uy [Vương] nge thế trốn mất.

Tháng 6, bán ruộng công[2], mỗi diện là 5 quan tiền (bấy giờ gọi mẫu là diện), cho phép nhân dân mua làm ruộng tư.

[20a] Mùa đông, tháng 10, ban tiền cho Phạm Ứng Mộng, bảo tự hoạn để vào hầu.

Trước đó, vua nằm mơ đi chơi thấy thần nhân chỉ một người bảo vua: "Người này có thể làm hànnh khiển". Tỉnh dậy, không biết là người nào.

Một hôm tan buổi chầu, vua ngự ra ngoài thành, thấy một người con trai theo học ở cửa nam thành, hiành dáng giống hệt người trong mộng, Vua gọi đến hỏi, người đó ứng đối giống như những lời trong mộng.Vua muốn trao cho chức hành khiển, nhưng thấy khó, mới cho 400 quan tiền bảo tự hoạn,

[1] Chỉ 72 học trò xuất sắc của Khổng Tử (Thất thập nhị hiền).

[2] Nguyên văn chử Hán là "quan điiền".

ban tên là Ứng Mộng. Sau này thăng dần đến chức hành khiển. Đó là bắt chước lệ cũ của triều Lý, dùng Lý Thường Kiệt và Lý Thường Hiến vậy.

Ất Mão, [Nguyên Phong] năm thứ 5 [1255], (Tống Bảo Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, sai Lưu Miễn bồi đắp đê sông các xứ ở Thanh Hóa.

Mùa hạ, tháng 4, chọn tản quan làm hà đê chánh phó sứ các lộ. Khi việc làm ruộng nhàn rỗi **[20b]** thì đốc thúc quân lính đắp đê đập, đào mương ngòi để phòng lụt, hạn.

Hoàng tử thứ 6 Nhật Duật sinh.

Trước đó, đạo sĩ cung Thái Thanh tên là Thậm cầu tự cho vua. Đọc sớ xong [đạo sĩ] tâu vua: "Thượng đế đã y lời sớ tấu, sắp sai Chiêu Văn đồng tử giáng sinh, ở trần thế bốn kỷ". Thế rồi hậu cung có mang. Sau quả nhiên sinh con trai, hai cánh tay có chữ "Chiêu Văn đồng tử", nét tử rất rõ, vì thế đặt hiệu là Chiêu Văn (Tức là Nhật Duật). Lớn lên, nét chữ mới mất đi.

Đến năm [Nhật Duật] 48 tuổi, bị ốm hơn 1 tháng, các con ông làm chay, xin giảm tuổi thọ của mình để kéo dài tuổi thọ cho cha. Đạo sĩ đọc sớ xong, đứng dậy nói:

Thượng đế xem sớ xong, cười bảo: "Sao hắn quyến luyến trần trục muốn ở lại lâu thế, nhưng các con hắn thực lòng hiếu thảo, cũng đáng cho. Thôi cho thêm hai kỷ nữa".

Bệnh liền khỏi. Sau Nhật Duật mất, thọ 77 tuổi, thế là được đủ 6 kỷ lẻ 5 năm.

> [21a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Việc đạo sĩ cầu tự, cho là đúng như thế chăng? Thì đạo trời xa, không thể biết được. Cho là không như thế chăng? Thì lòng thành cảm hóa, xa mấy mà chẳng tới được. Song, khi đạo sĩ rạp lạy đợi mệnh trời, có lẽ trời hiện vhiêm bao để bảo cho. Kể ra số và lý nương tựa lẫn nhau, lý sinh ra từ số, số cũng chưa bao giờ không sinh ra từ lý, mệnh dài ngắn là số, lòng hiếu thành là lý. Có người bảo rằng đạo sĩ có thể nắm tính mạng bay lên được, nhưng tôi không tin.

Tháng 5, trồng 500 trượng toàn cây muỗm (suốt từ bến Hồng đến đê quai vạc Cẩu Thần).

Mùa thu, tháng 8, nước to, vua ngự chơi Hồ Tây.

Mùa đông, tháng 10, Vua ngự đến hành cung phủ Thiên Trường.

Bính Thìn, [Nguyên Phong] năm thứ 6 [1256], (Tống BẢo Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, mở khoa thi chọn kẻ sĩ. Ban cho Trần **[21b]** Quốc Lặc đỗ kinh trạng nguyên; Trương Xán đỗ trại trạng nguyên; Chu Hinh đỗ bảng nhãn; Trần Uyên đỗ thám hoa lang[1]. Lấy đỗ thái học sinh 43 người (kinh 42 người, trại 1 người), xuất thân có thứ bậc khác nhau.

Hồi quốc sơ, cử người chưa phân kinh trại, người đỗ đầu ban cho [danh hiệu] trạng nguyên. Đến nay, chia Thanh Hóa, Nghệ An làm trại, cho nên có phân biệt kinh trại.

Tháng 3, nhuận, đúc 330 quả chuông.

Mùa hạ, tháng 5, sét đánh điện Thiên An, lại đánh cung Thái Thanh, tượng Thiên Tôn gãy mất một ngán tay.

Vét sông Tô Lịch.

Mùa thu, tháng 7, Vũ Thành Vương Doãn đem cả nhà trốn sang nước Tống. Thổ quan Tư Minh là Hoàng Bính bắt lại đưa trả cho ta.

---

[1] CMCB6 chú Quốc Lặc người huyện Thanh Lâm (châu Hồng); Trương Xán người huyện Tế Giang (lộ Bắc Giang); Trần Uyên người huyện Đường Hào (châu Hồng).

(Doãn là con Yên Sinh Vương do Hiển Từ sinh. Yên Sinh có hiềm khích với vua, đến khi Hiển Từ mất, bị thất thế, nên trốn sang nước Tống). Vua thưởng vàng lụa cho Bính. Do đấy việc giữ phòng quan ải càng thêm nghiêm ngặt.

Đinh Tỵ, [Nguyên Phong] năm thứ 7 [1257], (Tống Bảo Hựu năm thứ 5).Mùa xuân, tháng 2, Hoàng Bính đem cả nhà đến cửa khuyết, dâng con gái **[22a]** vào cung. Vua nhận, sách phong làm Huệ Túc phu nhân.

Mùa thu, tháng 8, chủ trại Quy Hóa[1] là Hà Khuất sai chạy trạm tâu [vua] là có sứ Nguyên sang.

Tháng 9, xuống chiếu, lệnh tả hữu tướng quân đem quân thủy bộ ra ngăn giữ biên giới, theo sự tiết chế của Quốc Tuấn.

Mùa đông, tháng 11, lệnh truyền cả nước sắm sửa vũ khí.

Tháng 12, ngày 12, tướng Nguyên Ngột Lương Hợp Đải[2] xâm phạm Bình Lệ Nguyên[3].

Vua thân hành đốc chiến, xông pha tên đạn. Quan quân hơi núng, vua ngoảnh trông tả hữu, chỉ có Lê Phụ Trần (tức Lê Trần) một mình một ngựa, ra vào trận giặc, sắc mặt bình thản như không.

Lúc ấy, có người khuyên vua dừng lại[4] để chỉ huy chiến đấu. Phụ Trần cố sức can vua:

"Nay thì bệ hạ chỉ đánh một ván dốc túi thôi! Hãy nên tạm lánh chúng, sao lại có thể dễ dàng tin lời người ta thế!".

Bấy giờ, vua mới lui quân đóng ở sông Lô[5]. Phụ Trần giữ phía sau. Quân giặc bắn loạn xạ, Phụ Trrần lấy ván thuyền che cho vua khỏi trúng tên giặc.

Thế giặc rất mạnh, [vua] lại phải lui giữ sông Thiên Mạc[6]. Phụ Trần theo vua bàn những việc cơ mật, rất ít người biết được đều đó.

[22b] Vua ngự thuyền nhỏ đến thuyền Thái úy Nhật Hiệu hỏi kế sách (chống giặc). Nhật Hiệu đương dựa mạn thuyền, cứ ngồi chứ không đứng dậy nổi, chỉ lấy ngón tay chấm nước viết hai chỉ "nhập Tống"[7] lên mạn thuyền. Vua hỏi quân Tinh Cương ở đâu? (Tinh Cương là quân do Nhật Hiệu chỉ huy). Nhật Hiệu trả lời:

"Không gọi được chúng đến"

Vua lập tức dời thuyền đến hỏi Thái sư Trần Thủ Độ, Thủ Độ trả lời:

"Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ đừng lo gì khác".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhật Hiệu là đại thần cùng họ với vua. Giặc đến, khiếp sợ, hèn nhát, không có kế sách chống giữ, lại còn kiếm cách xui vua mình chạy đi ở nhờ nước khác, thì còn dùng hắn làm tướng làm gì?

---

[1] Trại Quy Hóa: thời Trần gồm đất tỉnh Yên Bái, phần hữu ngạn sông Hồng và đất các huyện sông Thao, Thanh Hòa và Yên Lập, tỉnh Vĩnh Phú hiện nay.

[2] Tên Mông Cổ là Uy-ry-ang-kha-đai (Uriyangqadai), có sách phiên âm là Ngột Lương Hợp Thai hay Ngột Lương Cáp Thai.

[3] Có lẽ là chổ sông Cà Lồ gặp quốc lộ số 2, tức là vùng gần Hương Canh, huyện BÌnh Xuyên (nay là huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phú).

[4] Nguyên văn: "Khuyến đế trú dịch thị chiến". "Trú dịch" nghĩa là "ở lại dịch trạm", dùng ở đây không phù hợp. Chúng tôi ngờ rằng đó là hai chữ "trú tất" có nghĩa là "dừng lại", "dừng xe ngự", một kiểu nói đối với vua. Chữ tất đã bị chép lầm thành chữ dịch do dạng chữ gần giống nhau.

[5] Thời Trần, gọi đoạn sông Hồng từ Bạch Hạc trở xuống là sông Lô.

[6] Sông Thiên Mạc: theo Cương mục là khúc sông Hồng chảy qua vùng bãi Mạn Trù, nay thuộc xã Tân Châu, huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

[7] 'Nhập Tống" nghĩa là chạy vào đất Tống. Bấy giờ nhà Tống còn giữ miền nam nước Tống.

Ngày 24, vua và Thái Tử ngự lâu thuyền, tiến quân đến Đông Bộ Đầu, đón đánh, cả phá được quân giặc. Quân Nguyên chạy trốn về, đến trại Quy Hóa, chủ trại là Hà Bổng chiêu tập người Man **[23a]** ra tập kích, lại cả phá bọn chúng.

Khi ấy, người Nguyên mới lấy được Vân Nam, bọn du binh[1] cướp đến, không có ý đánh chiếm, nên bây giờ người ta gọi chúng là "giặc Phật". Giặc rút, ban cho Bồng tước hầu.

Tha tội cho tiểu hiệu Hoàng Cự Đà.

Trước kia có lần vua ban xoài cho những người hầu cận, Cự Đà không được ăn. Đến khi quân Nguyên tới Đông Bộ Đầu, Cự Đà ngồi thuyền nhẹ chạy trốn. Đến Hoàng giang[2] gặp hoàng thái tử đi thuyền ngược lên, Đà lánh sang bờ sông bên kia, thuyền chạy rất gấp. Quan quân gọi lớn: "Quân Nguyên ở đâu".

Cự Đà trả lời:

"Không biết, đi mà hỏi những người ăn xoài ấy".

Đến đây, thái tử xin phép Cự Đà vào cực hình để răn những kẻ làm tôi bất trung. Vua nói:

"Cự Đà tội đáng giết cả họ, song đời xưa đã có chuyện Dương Châm không được ăn thịt dê, đến nỗi làm quân nước Trịnh bị thua[3]. Việc Cực Đà là lỗi ở ta, tha cho hắn tội chết, cho phép hắn đánh giặc chuộc tội".

Khi vua thân hành thống lĩnh sáu quân **[23b]** đi chống giặc, quan giữ ấn vội vàng giấu ấn báu lên rường điện Đại Minh, chỉ đem ấn nội mật đi theo. Giữa đường, ấn ấy lại mất. Giấy tờ trong quân không có ấn. Vua sai thợ khắc gỗ làm ấn. Đến khi xa giá về kinh, lại có người đem dâng con ấn bị mất, ấn báu giấu đi vẫn còn nguyên ở chổ cũ.

Mậu Ngọ, [Nguyên Phong] na8m thứ 8 [1258], (Từ tháng 3 về sau là Thánh Tông Thiệu Long năm thứ 1, Tống Bảo Hựu năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, vua ngự chínnh điện, cho trăm quan vào chầu. Trăm họ yên nghiệp như cũ.

Định công phong tước: cho Lê Phụ Trần làm Ngự sử đại phu; lại đem công chúa Chiêu Thánh gả cho. Vua nói: "Trẫm không có khanh, thì đâu có ngày nay. Khanh hãy cố gắng để cùngđược trọn vẹn về sau".

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua tôi nhà Trần coi thường đạo vợ chồng lại thấy ở đây **[24a]** lần nữa.

Sai sứ sang thông hiếu với nhà Tống.

Sai Lê Phụ Trần, Chu Bác Lãm sang Nguyên.

lúc này, sứ Nguyên sang đòi lễ vật hằng năm, đòi tăng thêm tiến cống, lung tung không định. Vua sai Lê Phụ Trần đi sứ, lấy Bác Lãm làm phó. Cuối cùng qui định 3 năm một lần tiến cống, coi là thường lệ.

Tháng 2, ngày 24, vua nhường ngôi cho Hoàng thái tử Hoảng, lui ở Bắc Cung.

Thái tử lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Thiệu Long năm thứ 1. Đại xá. Vua tự xưng là Nhân Hoàng, tôn thượng hoàng là Hiển Nghiêu Thánh Thọ Thái Thượng Hoàng Đế.

---

[1] Du binh: Cánh quân nhỏ có nhiệm vụ tuần tra hay đột kích cũng gọi là du ky.

[2] Khúc sông Hồng ở phía trên Nam Định, khoảng ngã ba Tuần Vường.

[3] Theo Tả truyện, Dương Châm là người đánh xe cho hoa Nguyên nước Tống. Tống và trịnh sắp đánh nhau, Hoa Nguyên làm thịt dê cho binh sĩ ăn, nhưng không cho Dương Châm dự. Khi đánh nhau, Dương Châm nói: Thịt dê hôm trước là quyền ở ngoài, đánh nhau hôm nay là việc của tôi, rồi đánh xe chạy theo quân Trịnh, nước Tống do vậy bị thua. Chữ "Trịnh" ở Toàn thư phải sửa là chữ "Tống".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Từ khi Hạ Vũ truyền ngôi cho con thì cha chết con nối, anh chết em thay, đã thành phép thường mãi mãi.

Gia pháp họ Trần lại khác thế: con đã lớn [**24b**] thì cho nối ngôi chính, còn cha lui ở cung Thánh Từ, xưng là Thượng hoàng, cùng trông coi chính sự. thực ra truyền ngôi chỉ để yên việc sau, phòng lúc vội vàng, chứ mọi việc đều do Thượng hoàng quyết định. Vua kế vị không khác gì hoàng thái tử cả. Như vậy thì có hợp đạo không?

Có lẽ là lấy nghĩa quẻ Càn lui ở phương tây bắc và quẻ Chấn tiến ra phương đông[1]. Nhưng chưa đến lúc già nua thì không được lười mỏi. Sao bằng cứ truyền nối như Tam Vương để đúng lẽ thủy chung là hơn cả. Mạnh Tử nói: "Theo phép của Tiên Vương mà lỗi lầm thì chưa bao giờ có thế".

Các quan dâng tôn hiệu là Hiến Thiên Thể Đạo Đại Minh Quang Hiếu Hoàng đế.

Mùa thu, tháng 8, gió to, đỉnh tháp Báo Thiên rơi xuống.

Lấy con gái thứ năm của Yên Sinh Vương là Thiều làm Thiên Cảm phu nhân. Ít lâu sau, phong làm hoàng hậu.

Mùa đông, tháng 11, ngày 11, hoàng trưởng tử Khâm sinh.

Phong em là Quang Khải làm Chiêu Minh Đại Vương.

[**25a**] THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tê**n húy là Hoảng, con trưởng dòng đích của Thái Tông. Mẹ là Hiển Từ Thuận Thiên hoàng thái hậu Lý thị, nhân Thái Tông chiêm bao thấy thượng đế trao cho gươm báo, hậu có mang. Năm Canh Tý, Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 9 (1240) tháng 9, ngày 25, giờ Ngọ sinh, sau đó lập làm hoàng thái tử. Thái Tông băng[2], liền lên ngôi báu, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 13 năm, thọ 51 tuổi, băng ở cung Nhân Thọ, táng ở Dụ Lăng. Vua trung hiếu nhân thứ, tôn hiền trọng đạo, cha khai sáng trước, con kế thừa sau, cơ nghiệp nhà Trần được bền vững vậy! Nhưng ưu du tam muội[3], tìm dấu đạo nhất thừa[4] thì không phải phép trị nước hay của đế vương.**

Kỷ Mùi, Thiệu Long năm thứ 2 [1259], (Tống Khai Khánh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, phu nhân Trần Thủ Độ là Linh Từ quốc mẫu Trần thị mất.

Trần thị được gọi là quốc mẫu vì đó vốn là hiệu của Ngô phu nhân trước kia, tức là hoàng hậu [**25b**] Thái Tông thấy Linh Từ đã từng làm hoàng hậu của Lý Huệ Tông, không nỡ gọi là công chúa, cho nên phong làm quốc mẫu, cũng là biệt danh của hoàng hậu. Xe kiệu, mũ áo, quân hầu của bà đều ngang với hoàng hậu.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Linh Từ trước lấy Lý Huệ Tông là bất chính, sau lấy Trần Thủ Độ là thất tiết. Thế nhưng con gái bà là Chiêu Hoàng nhường ngôi cho nhà Trần. Thuận Thiên lại là hoàng hậu của Thái Tông, sinh ra thánh Tông. Yên Sinh Vương

---

[1] Trong Bát quái, quẻ Càn chỉ cha, quẻ Chấn chỉ con trưởng.

[2] Đúng ra là Thái Tông nhường ngôi.

[3] Tam muội: (hay Tam ma địa, Tam ma đế...) là phiên âm tiếng Phạn Samàdhi, có nghĩa là tập trung tư tưởng cao độ, được coi là thiền định (dhyàna) ở bậc cao. Theo Phật giáo, đạt được phép Tam muội thì lìa dứt được mọi tạp niệm, tà đoan, tâm linh không còn bị xao động nữa.

[4] Nhất thừa: tiếng Phạn là ekayàna, có nghĩa là "cỗ xe duy nhất". Phật giáo quan niệm giáo pháp của mình là cỗ xe duy nhất có thể chở người ta đến Nát Bàn. Ở đây có nghĩa là giáo lý của nhà Phật.

có hiềm khích với Thái Tông, Linh Từ đã điều đình hòa giải, lại tình nghĩa anh em như xưa.

Đến khi người Nguyên tắt đường vào cướp, kinh thành thất thủ, Linh Từ ở Hoàng Giang, giữ gìn hoàng thái tử, cung phi, công chúa và vợ con các tướng soái thoát khỏi giặc cướp, lại khám xét thuyền các nhà chứa giấu quân khí đều đưa dùng vào việc quân. Công của bà giúp nhà Trần trong việc nội trị thì nhiều mà phần báo đáp nhà Lý thì [**26a**] không được bằng. Thế mới biết trời sinh Linh Từ là để mở nghiệp nhà Trần. Việc thì giống như Đồ Sơn dấy nhà Hạ[1], mà đức thì không giống. Đạo biến của trời nhhư thế đấy, huyền vi thay!

Mùa hạ, tháng 6, cho Nguyên Giới Huân làm Đại hành khiển, Thượng thư tả phụ, Lê Phụ Trần làm Thủy quân đại tướng quân.

Mùa thu, tháng 7, bái yết sơn lăng. Đặt quan sơn lăng và phong cung tần của tiên đế để thờ phụng.

Tháng 9, lấy ngày sinh làm tiết Hưng Thiên.

Mùa đông, thánng 10, ngày mồng 4, Thượng hoàng ngự Bắc cung (tức cung Thánh Từ), các quan đến chầu mừng.

Canh Thân,[Thiệu Long] năm thứ 3 [1260], (Tống Cảnh Định năm thứ 1. Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt [2] Trung Thống năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, ngày mồng 1 Mậu Thìn, nhật thực.

Ngày 25, mặt trời có hai quầng, quầng bên trong có sắc vàng.

Tân Dậu, [Thiệu Long] năm thứ 4 [1261], (Tống Cảnh Định năm thứ 2, Nguyên Trung Tống năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, chọn đinh tráng các lộ làm lính. [**26b**] còn thì sung làm sắc dịch các sảnh, viện, cục và đội tuyển phong các phủ, lộ, huyện.

Thi lại viên bằng viết chử và làm tính. Người đỗ sung làm duyên lại nội lệnh sử. Các ty thái y, thái chúc, khảo thi những người tinh thông nghề mình để bổ các chức.

Mùa hạ, tháng 6, nhà Nguyễn sai Lễ bộ lang trung Mạnh Giáp, Viên ngoại lang Lý Văn Tuấn, đưa thư sang dụ.

(Thư đại lược nói: Quan liêu sĩ thứ An Nam, phàm các việc mũ áo, lễ nhạc, phong tục đều căn cứ theo lệ cũ của nước mình, không phải thay đổi. Huống chi, nước Cao Ly mới rồi sai sứ sang xem, đã xuống chiếu cho hết thảy đều theo lệ ấy. Ngoài ra đã răn bảo biên tướng ở Vân Nam không được tự tiện đem quân lấn cướp nơi cương giới, quấy nhiễu nhân dân. Quan liêu sĩ thứ nước ngươi hãy yên ổn làm ăn như cũ)[3].

Đãi yến bọn Mạng Giáp ở cung Thán Từ.

Sai Thông thị đại phu Trần Phụng Công, Chư vệ ký ban Nguyễn Thám, Viên ngoại lang Nguyễn Diễn mang thư sang Nguyên thông hiếu.

Nhà Nguyên phong vua làm An Nam Quốc Vương, ban cho 3 tấm gấm tây, 6 tấm gấm kim thục.

Cho Chiêu Minh Đại Vương Quang Khải làm Thái úy. Bấy giờ, anh vua [**27a**] là Quốc Khang lớn tuổi hơn, nhưng tài năng tầm thường, nên phong Quang Khải làm tướng.

[1] Theo truyền thyết Trung Quốc, Đại Vũ thay Cổn trị thủy, đến Đồ Sơn, gặp người con gái biến thànnh con cáo trắng 9 đuôi, Vũ lấy người đó. Người con gái Đồ Sơn đã giúp Vũ hoàn thành công việc trị thủy. Sau Vũ được vua Thuấn truyền ngôi, trở thành ôn g vua đầu tiên của nhà Hạ.

[2] Tên Mông Cổ là Khu-bi-lai (Qubilai), thư tịch Trung Quốc phiên âm là Hốt Tất Liệt hay Hốt Tất Lai. Hốt Tất Liệt lên ngôi năm 1260, miếu hiệu là Nguyên Thế Tổ, niên hiệu là Trung Thống.

[3] Đây là nội dung tóm tắt tờ chiếu thư của Hốt Tất Liệt. Nguyên văm xem An Nam chí lược, quyển 2, phần Đại Nguyên chiếu thế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Theo quy chế nhà Trần, các vương hầu đều ở phủ đệ nơi hương ấp của mình, khi chầu hầu thì đến kinh đô, xong việc lại về phủ đệ. Như Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp, Thủ Độ ở Quắc Hương, Quốc Chẩn ở Chí Linh đều thế cả. Đến khi vào triều làm tể tướng, mới thống lĩnh việc nước. Nhưng cũng chỉ nắm đại cương thôi, còn quyền thì thuộc về hành khiển. Người khinh lại thành trọng, người trọng lại thành khinh, mà không phải lo thêm một tầng công việc, cũng là có ý bảo toàn vậy. Vả lại, như năm Đinh Tỵ đời Nguyên Phong, giặc Nguyên sang cướp, các vương hầu cũng đem gia đồng và hướng binh thổ hào làm quân cần vương. Trong sự biến đời Đại Định[1] lại đem người thôn trang sắm sửa nghi trượng đi đón vua, đó cũng làm vững cái thế"duy thành"[2] vậy.

[**27b**] **Nhâm Tuất,** [Thiệu Long] năm thứ 5 [1262], (Tống Cảnh Định năm thứ 3, Nguyên Trung Thống năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, thượng hoàng ngự đến hành cung Tức Mặc, ban tiệc lớn. Các hương lão từ 60 tuổi trở lên, mỗi người được ban tước hai tư[3], đàn bà được hai tấm lụa.

Đổi hương Tức Mặc làm phủ Thiên Trường, cung gọi là Trùng Quang. Lại xây riêng một khu cung khác cho vua nối ngôi ngự khi về chầu, gọi là cung Trùng Hoa. Lại làm chùa ở phía tây cung Trùng Quang gọi là chùa Phổ Minh. Từ đó về sau, các vua nhường ngôi đều ngự ở cung này. Do đó, đặt sắc dịch hai cung để hầu hạ, lại đặt quan lưu thủ để trông coi.

Tháng 3, xuống chiếu cho các quân chế tạo vũ khí, chiến thuyền. Quân thủy, lục tập trận ở chín bãi phù sa sông Bạch Hạc [4].

Mùa thu, tháng 9, soát tù, kẻ nào khi giặc Bắc sang mà đầu hàng quân Nguyên thì không tha.

Chiêm thành sang cống.

Mùa đông, tháng 11, nước Nguyên sai bọn Mã Hợp Bộ[5] 10 người sang hỏi về lễ khánh hạ.

Tháng 12, [**28a**] mưa gió to.

Quý Hợi, [Thiệu Long] năm thứ 6 [1263], (Tống Cảnh Định năm thứ 4, Nguyên Trung Thống năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai Điện tiền chỉ huy sứ Phạm Cự Địa và Trần Kiều sang Nguyên. Vua Nguyên xuống chiếu ưu đãi, cho 3 năm một lần cống.

Tháng 2, mưa đá.

Tháng 3, sét đánh điện Thiên An

Mùa hạ, tháng 4, cho Lê Cư làm trại chủ Thanh Hoá

Mùa thu, tháng 7, Thủ Độ đi tuần các nguồn sông ở Lạng Sơn.

Tháng 9, có bệnh dịch

Mùa đông, tháng 12, gió lớn, mưa to.

Thổ quan phủ Tư Minh[6] nước Tống là Hoành Bính dâng sản vật địa phương vàđem 1200 bộ thuộc sang quy phụ.

---

[1] Bản khắc Toàn thư đã khắc nhầm chử Đại? thành chử Thiên?. Đại Định là niên hiệu của Dương Nhật Lễ. Dương Nhật Lễ là con người phường chèo, cướp ngôi nhà Trần (1369), các vương hầu tôn thất nhà Trần đem quân dàn các nơi đón Trần Phủ (Trần Nghệ Tông) từ trấn Đà Giang về kinh đô giành lại ngôi vau cho nhà Trần.

[2] Thi Kinh, Tiểu nhã có câu: "Tông Tử duy thành" thường được hiểu với ý nghĩa là người tôn thất như bức thành bảo vệ triều đình, ý nói vương hầu tôn thất nhà Trần là bức tường thành bảo vệ ngai vàng vua Trần.

[3] Quan chức đời xưa, mỗi cấp bậc chia làm nhiều tư, đủ số tư nhất định thì thăng một cấp.

[4] Nguyên văn: "Bạch Hạc giang cửu phù sa", chưa rõ nghĩa, tạm dịch như trên.

[5] Mã Hợp Bộ: là phiên âm của Mahmud (Ma-hơ-mút), một tín đồ HồI giáo làm quan cho Hốt Tất Liệt.

[6] Thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Giáp tý,[Thiệu Long] năm thứ 7 [1264], (Tống Cảnh Định năm thứ 5, Nguyên Chí Nguyên năm thứ nhất). Mùa xuân, tháng giêng, Thái sư Trần Thủ Độ chết (thọ 71 tuổi), truy tặng Thượng phụ Thái sư Trung Vũ Đại Vương.

Thủ Độ tuy không có học vấn, nhưng tài lược [**28b**] hơn người, làm quan triều lý được mọi người suy tôn. Thái Tông lấy được lấy được thiên hạ đều nhờ mưu sức của ông cả. Vì thế ông được nhà nước dựa cậy, quyền át cả vua.

Bấy giờ có kẻ đàn hặc ông, vào gặp Thái Tông khóc mà nói rằng :

"Bệ hạ còn thơ ấu mà Thủ Độ qyuền át cả vua, xã tắc rồi sẽ ra sao"?.

Thái Tông lập tức lệnh xe ngự đến dinh Thủ Độ, bắt cả người đàn hặc ấy đem theo và nói hết những lời người ấy nói cho Thủ Độ biết. Thủ Độ trả lời: "Đúng như nhữnglời hắn nói ".

Rồi lấy ngay tiền lụa thưởng cho người ấy.

Linh từ quốc mẫu có lần ngồi kiệu đi qua thềm cấm, bị quân hiệu ngăn lại,về dinh khóc bảo Thủ Độ:

" Mụ này làm vợ ông, mà bị bọn quân hiệu khinh nhờn đến thế ".

Thủ Độ tức giận, sai đi bắt. Người quân hiệu ấy nghĩ rằng mình chắc phải chết. Khi đến nơi, Thủ Độ vặn hỏi trước mặt, người quân hiệu ấy cứ theo sự thực trả lời. Thủ Độ nói:" Ngươi ở chức thấp mà giữ được luật pháp, ta còn trách gì nữa ". Lấy vàng lụa thưởng cho rồi cho về.

[**29a**] Thủ Độ có lần duyệt định số hộ khẩu, quốc mẫu xin riêng cho một người làm câu đương [1]. Thủ Độ gật đầu, rồi ghi họ tên quê quán của người đó. Khi xét duyệt đến xã ấy, hỏi tên mỗ ở đâu, người đó mừng rỡ bảo hắn:

"Ngươi vì có công chúa xin cho được làm câu đương, không thể ví những câu đương khác được, phải chặt một ngón chân để phân biệt với người khác".

Người đó kêu van xin thôi mãi mới tha cho. Từ đó không ai dám đến thăm vì việc riêng nữa.

Thái Tông có lần muốn cho người anh của Thủ Độ là An Quốc làm tể tướng. Thủ Độ tâu :

" An Quốc là anh thần, nếu cho giỏi hơn thần thì thần xin trí sĩ, nếu cho thần giỏi hơn An Quốc thì không thể cử An Quốc. Nếu anh em đều làm tể tướng cả thì việc triều đình sẽ ra làm sao?".

Vua bèn thôi.

Thủ Độ tuy làm tể tướng, nhưng mọi việc không việc gì không để ý. Vì thế đã giúp nên vương nghiệp và giữ được tiếng tốt cho đến lúc mất. Thái Tông [**29b**]có làm bài văn bia ở sinh từ để tỏ lòng đặc biệt quý mến ông. Thế nhưng cái tội giết vua và thông dâm với hoàng hậu thì khó lẩn tránh với đời sau vậy.

Tháng 2, sao Chổi hiện ở phương đông bắc.

Tháng 3, lấy Khâm Thiên Đại Vương Nhật Hiệu làm Tướng quốc thái úy, nắm chung việc nước.

Bấy giờ, vua cho Nhật Hiệu làm Thái sư , nhưng Nhật Hiệu cố ý từ chối không nhận vì xấu hổ về việc viết chữ lên mạn thuyền. Vua tuy cho ông không nhận chức Thái sư, nhưng lại ban thêm hai chữ "Tướng quốc", thành "Tướng quốc thái uý".

---

[1] Câu đương: chức dịch trong xã, giữ việc bắt bớ, giải tống.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 6, Thượng hoàng ban yến cho các quan ở điện Diên Hiền. Yến chưa xong, bỗng có sao Chổi xuất hiện ở phương đông bắc, đuôi dài suốt trời. Thượng hoàng ra xem và bảo :

" Ta xem sao Chổi này rất sáng, mà đuôi rất dài, không phải là tai họa của nước ta".

Lệnh cứ dự xong yến.

Tháng 10, mùa đông năm ấy, vua Tống băng.

Ất Sửu, [Thiệu Long] năm thứ 8 [1265], (Tống Độ Tông Cơ, Hàm Thuần năm thứ nhất, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, nước Chiêm Thành sai sứ [**30a**] sang cống.

Tháng 3, đổi Bình bạc ty ở Kinh sư làm Đại an phủ sứ.

Theo chế độ trước, An phủ sứ qua trị nhậm các lộ , đủ lệ khảo duyệt thì vào làm An phủ sứ phủ Thiên Trường, lại đủ lệ khảo duyệt nữa thì bổ làm việc ở Thẩm hình viện, rồi mới được làm An phủ sứ Kinh sư.

Mùa thu, tháng 7, nước to, vỡ ở phường Cơ Xá. Người và súc vật bị chết đuối nhiều.

Đại xá.

Hoàng tử Đức Việp sinh .

Bính Dần,[Thiệu Long]năm thứ 9 [1266],(Tống Hàm Thuần năm thứ 2, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 3). Mùa xuân,tháng giêng, sứ thần Chiêm Thành là Bố Tin, Bố Hoằng, Bố Đột đến cống.

Tháng 2,nhà Nguyên sai Nậu Lạt Đinh[1] sang bảo:

"Trước kia, ta đã sai sứ sang thông hiếu, kẻ thừa hành u mê không cho sứ trở về[2] do đó ta mới có việc dụng binh năm trước[3]"

Vua sai Dương An Dưỡng và Vũ Hoàn sang Nguyên đáp lễ.

Tháng 3, mở khoa thi chọn học trò, Ban đỗ kinh trạng nguyên Trần Cố, trại trạng nguyên Bạch Liêu; bảng nhãn (khuyết tên họ); thám hoa lang Hạ Nghi; thái học sinh [**30b**] 47 người, xuất thân theo thứ bậc khác nhau.

Liêu người Nghệ An, tính thông minh nhớ lâu, đọc sách ngàn dòng một mạch. Bấy giờ, thượng tướng Quang Khải coi Nghệ An, Liêu làm môn khách mà không làm quan.

Tháng 2, thủy quân lộ Đông Hải đi tuần biên giới đến núi Ô Lôi do đó biết được kỳ hạn quân Nguyên sang xâm lược.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu cho vương hầu, công chúa, phò mã, cung tần chiêu tập dân phiêu tán không có sản nghiệp làm nô tỳ để khai khẩn ruộng bỏ hoang, lập thành điền trang.Vương hầu có trang thực bắt đầu từ đấy.

Đinh Mão,[Thiệu Long]năm thứ 10 [1267], (Tống Hàm Thuần năm thứ 3, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành sang cống.

Tháng 3, định ngọc diệp[4] phái chính dòng họ vua của vương hầu, công chúa để phong ấm, gọi là "kim chi ngọc diệp"[1]. Cháu 3 đời được phong tước hầu hay quận vương, cháu 4 đời được ban tước minh tự , cháu đời ban tước thượng phẩm [**31a**]. Tước phong theo ngũ phục đồ[2].

---

[1] Nậu Lạt Đinh là phiên âm từ Nu-rát-Din (Nurad-Din), một tín đồ Hồi Giáo làm quan cho nhà Nguyên, Nguyên sử phiên âm là Nột Lạt Đinh.

[2] Trước lần xâm lược Đại Việt năm 1258, nhà Nguyên sai sứ sang doạ nạt, yêu sách. Nhà Trần đã bắt giam bọn chúng.

[3] Chỉ lần tiến quân xâm lược Đại Việt năm 1258 của quân Nguyên do Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy.

[4] Phả hệ của Hoàng gia gọi là "ngọc diệp".

Mùa hạ, tháng tư, chọn dùng nho sinh hay chữ sung vào quán, các, sảnh, viện.

Bấy giờ Đặng Kế làm Hàn lâm viện học sĩ, Đỗ Quốc Tá làm trung thư sảnh trung thư lệnh, đều là nho sĩ văn học.

Theo chế độ cũ, không phải là nội nhân (hoạn quan) thì không được làm hành khiển, chưa bao giờ dùng nho sĩ văn học. Bắt đầu từ đây, nho sĩ văn học mới giữ được quyền bính.

Tháng 5, phong em là Ích Tắc làm Chiêu Quốc Vương.

Ích Tắc là con thứ của Thượng hoàng, thông minh hiếu học, thông hiểu lịch sử, lục nghệ, văn chương nhất đời. Dù nghề vặt như đá cầu, đánh cờ, không nghề ghì không thông thạo; từng mở học đường ở bên hữu phủ đệ, tập hợp văn sĩ bốn phươngcho học tập, cấp cho ăn mặc, đào tạo thành tài như bọn Mạc Đĩnh Chi ở Bàng Hà, Bùi Phóng ở Hồng Châu v.v . . . gồm 20 người, đều được dùng cho đời.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu định quân ngũ, mỗi quân 30 đô, mỗi đô 80 người, [**31b**] chọn người tôn thất giỏi võ nghệ, tinh binh pháp để chỉ huy.

Phong em là Nhật Duật làm Chiêu Văn Vương.

Bọn Dương An Dưỡng từ nước Nguyên trở về, mang theo luôn lễ vật của vua Nguyên đáp lại[3].

Mậu Thìn, [Thiệu Long] năm thứ 11 [1269], (Tống Hàm Thuần năm thứ 4, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 5). Mùa Xuân, tháng giêng, vua từng nói với tôn thất rằng:

"Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông, người nối nghiệp của tổ tông phải cùng hưởng phú quý với anh em trong họ. Tuy bên ngoài có một người ở ngôi tôn, được cả thiên hạ phụng sự, nhưng bên trong thì ta với các khanh là đồng bào ruột thịt. Lo thì cùng lo, vui thì cùng vui. Các khanh nên truyền những lời này cho con cháu để chúng đừng bao giờ quên, thì đó là phúc muôn năm của tông miếu xã tắc ".

Đến đây, xuống chiếu cho các vương hầu tôn thất, khi bãi triều thì vào trong điện và lan đình. Vua cùng ăn uống với họ. Hôm nào trời tối không về được thì xếp gối dài, trải chăn rộng, kê giường liền cùng ngủ với nhau để tỏ hết lòng yêu quý nhau.

[**32a**] Còn như trong các lễ lớn như triều hạ, tiếp tân, yến tiệc thì phân biệt rõ ngôi thứ, cấp bậc cao thấp. Vì thế, các vương hầu thời ấy không ai là không hòa thuận, kính sợ và cũng không phạm lỗi khinh nhờn, kiêu căng.

Muà hạ, tháng 6, đại hạn.

Ngoại thích là Lý Cát phạm tội ngồi vào ngai vua ở điện Thiên An. Khi xét hỏi trị tội thấy hắn có chứng điên, bèn đánh trượng rồi tha.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Tướng quốc thái úy Nhật Hiệu chết, thọ 44 tuổi, truy tặng Tướng quốc thái sư.

Mùa đông, tháng 10, vua cùng anh là Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang cùng vui đùa trước mặt Thượng hoàng. Thượng hoàng lúc bấy giờ mặc áo vải bông trắng. Tĩnh Quốc múa điệu múa của người Hồ, Thượng hoàng cởi áo ban cho Quốc Khang. Vua cũng múa điệu múa của người Hồ để xin chiếc áo ấy. Quốc Khang nói:

"Cái quý nhất là ngôi hoàng đế, hạ thần còn không tranh với chú hai. Nay đức chí tôn ban cho thần một vật nhỏ mọn mà chú hai cũng muốn cướp lấy chăng ?".

---

[1] Cành vàng lá ngọc, chỉ dòng dõi quyền quí. Ở đây là dòng dõi nhà vua.

[2] Tức là đồ dẫn về tang phục theo 5 bậc, ứng với quan hệ gần xa đối với người chết.

[3] Nguyên sử, q.209 chép việc này vào tháng 9 năm Chí Nguyên năm thứ 4 (1267).

Thượng cả cười nói:" Thế ra mày coi ngôi vua[**32b**] với cái áo xoàng này chẳng hơn kém gì nhau".

Khen ngợi hồi lâu rồi [thượng hoàng] cho Tĩnh Quốc chiếc áo ấy.Trong chỗ cha con, anh em hòa thuận vui vẻ như vậy đấy.

Đói to.

Kỷ Tỵ, [Thiệu Long] năm thứ 12 [1269], (Tống Hàm Thuần năm thứ 5, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 6). Mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành dâng voi trắng.

Mùa hạ, tháng 5, đất nứt, sao băng.

Tháng 6, hạn hán. Soát tù. Có mưa. Đến tháng 7, mùa thu, dân mới cày cấy được.

Tháng 8, nước to.

Tháng 9, phong Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang làm Vọng Giang phiêu kỵ đô thượng tướng quân.

Mùa đông, tháng 10, được mùa nhỏ.

Tháng 12, sứ Nguyên Lung Hải Nha[1] sang dụ về việc biên giới. Vua sai Lê Đà, Đinh Củng Viên sang Nguyên.

Canh Ngọ,[Thiệu Long] năm thứ 13 [1270], (Tống Hàm Thuần năm thứ 6, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 3, Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang dựng phủ đệ ở Diễn Châu, hành lang, điện vũ bão quanh, tráng lệ khác thường.Vua nghe tin ,sai người đến [**33a**] xem .Tĩnh Quốc sợ, mới tạc tượng phật để đó (nay là chùa Thông).

Mùa hạ, tháng 4, Chiêm Thành sang cống.

Mùa thu, tháng 7, nước to. Các đường phố ở kinh đô phần nhiều phải đi lại bằng thuyền bè.

Tháng 9 ,Vua ngự đến hành cung Thiên Trường.

Tân Mùi, [Thiệu Long] năm thứ 14 [1271], (Tống Hàm Thuần năm thứ 7, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, soát tù.

Tháng 2, ngày mồng 1, động đất.

Tháng 3, phong Chiêu Minh Đại Vương Quang Khải làm Tướng quốc thái úy, nắm giữ việc nước.

Năm ấy, Mông Cổ đặt quốc hiệu là Đại Nguyên, sai sứ sang dụ vua vào chầu. Vua lấy cớ có bệnh từ chối không đi.

Nhâm Thân, [Thiệu Long] năm thứ 15 [1272], (Tống Hàm Thuần năm thứ 8, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 9) .Mùa Xuân, tháng giêng, Hàn lâm viện học sĩ kiêm Quốc Sử viện giám tu Lê Văn Hưu vâng sắc chỉ soạn xong bộ Đại việt sử ký từ Triệu Vũ [**33b**] đế đến Lý Chiêu Hoàng, gồm 30 quyển, dâng lên. Vua xuống chiếu khen ngợi.

Mùa hạ, tháng 4, sứ Nguyên Ngột Lương[2] sang dụ, hỏi giới hạn cột đồng cũ. Vua sai Viên ngoại lang Lê Kính Phu đi hội khám. [Phu] trở về nói rằng, cột đồng Mã Viện dựng lâu năm đã bị mai một, không còn tung tích gì nữa.

Tháng 6, ngày 23, giờ Mùi, mặt trời rung động.

Sai Đồng Tử Dã, Đỗ Mộc sang Nguyên[3].

---

[1] Tức Hốt Lung Hải Nha trong Nguyên sử, phiên âm từ tiếng M

[2] Phiên âm từ tiếng Mông Cổ U-ry-ang (Uriyang).

[3] Nguyên văn chép: "Khiển Đồng Tử Đỗ Dã Mộc như Nguyên". Có người hiểu là sai đồng tử (tức trẻ con) tên là Đỗ Dã Mộc sang Nguyên (Bản dịch cũ q.II, 1971, tr.42 và tr.290). Nhưng An Nam chí lược q.14, chép rõ: "Sai đại phu Đồng Tử Dã, Đỗ Mộc Cống".

Mùa động, tháng 10, xuống chiếu tìm người tài giỏi, đạo đức, thông hiểu kinh sách làm Tư nghiệp Quốc tử giám, tìm người có thể giảng bàn ý nghĩa của tứ thư , ngũ kinh sung vào hầu nơi vua đọc sách.

Quý dậu, Bảo Phù năm thứ 1 [1273], (Tống Hàm Thuần năm thứ 9, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu.

Tháng 3, ngày 19, sét đánh 7 chỗ ngoài cửa Đại Hưng.

Mùa đông, tháng 11, cho Nhân Túc Vương Toản làm Nhập nội phán đại tông chính phủ đại tông chính.

[**34a**] **Giáp Tuất,** Bảo Phù năm thứ 2 [1274], (Tống Hàm Thuần năm thứ 10, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 11). Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, người Tống sang quy phụ.

(Trước đó, nước Tống ở mé Giang Nam, người Nguyên thường hay lấn đánh. Đến đây, họ đem 30 chiếc thuyền biển chở đầy của cải và vợ con, vượt biển đến La Cát Nguyên. Đến tháng 12, dẫn về kinh, an trí ở phường Nhai Tuân, họ tự xưng là người Hồi Kê[1]. Người nưước ta gọi người tống là kê quốc, vì người tống có các hàng vải lụa, dược phẩm, bày hàng mở chợ buôn bán riêng).

Tháng 12, sách phong hoàng trưởng tử Khâm làm hoàng thái tử, lấy con gái trưởng của Hưng Đạo Vương làm phi cho thái tử.

Chọn người nho học có đức hạnh trong thiên hạ vào hầu Đông Cung[2].

Lấy Lê Phụ Trần làm Thiếu sư, kiêm Trừ cung giáo thụ[3]. lấy bọn Nguyễn Thánh Huấn, Nguyễn Sĩ Cố sung Nội thị nội thị học sĩ (Phụ Trần người Ái Châu). Vua tự làm thơ để dạy hoàng tử và viết Di hậu lục 2 quyển.

Ất Hợi, [Bảo Phù] năm thứ 3 [1275], (Tống Cung Đế Hiển Đức Hựu năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 2, mở khoa thi chọn học trò. [**34b**] Ban đỗ trạng nguyên Đào Tiêu ; bảng nhãn (khuyết họ tên); thám hoa lang Quách Nhẫn ; thái học sinh 27 người, xuất thân có thứ bậc khác nhau.

Hai Khoa Bính Thìn, Bính Dần trước kia có chia kinh trạng nguyên và trại trạng nguyên, đến nay lại hợp nhất.

Muà hạ, tháng 6, ngày Canh Tý mồng 1, nhật thực, mặt trời bị che hết [4].

Mùa đông, tháng 11, tướng thần ở biên giới phía bắc chạy trạm tâu báo người Nguyên đi tuần biên giới, xem xét địa thế.

Sai Lê Khắc Phục và Lê Túy Kim sang Nguyên.[5]

Nguyên sử q.209 cũng chép việc Đồng Tử Dã và Lê Văn Ân vào cống năm Chí Nguyên thứ 11 (1274). Như vậy Đồng Tử Dã là tên người và được chép đúng. Ở đây, Toàn thư đã chép lẫn lộn tên hai người. Phải sửa cho đúng là: "Sai Đồng Tử Dã và Đỗ Mộc sang Nguyên".

[1] Lời chú Bản dịch cũ (q.II, 1971, tr.209) ngờ rằng tên Hồi Kê ? là Hồi Cốt ?). Hồi Cốt hay Hồi Hột, Hồi Hoạn là dân tộc Uigur ở Tân Cương. Chẳn người Tống nhận mình là người Hồi Hột để tránh quân Nguyên.

[2] Tức thái tử.

[3] Trừ cung: cũng là thái tử. Trừ cung giáo thụ là chức thày học của thái tử.

[4] Tức nhật thực toàn phần.

[5] An Nam chí lược chép: "...sai đại phu Lê Khắc Phục, Lê Văn Túy đi cống". Nguyên sử chép: "...sai Lê Khắc Phục, Văn Túy vào cống". Lê Túy Kim chắc là Lê Văn Túy.

Bính Tý, [Bảo Phù] năm thứ 4 [1276], (Tống Đức Hựu năm thứ 2, từ tháng 5 về sau là Tống Đoan Tông Cảnh ViêM năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 13). Mùa xuân, tháng 2, sai Đào Thế Quang sang Long châu mượn cớ đi mua thuốc để thăm dò tình hình người nguyên.

Tháng 3, mặt trời có chấm đen to bằng quả trứng gà, lay động hồi lâu. Có 2 ngôi sao đấu nhau ở giữa trời, một ngôi sa xuống.

Mùa hạ, tháng 4, Nguyên Thế Tổ đánh Giang Nam, sai Hợp Tán Nhi Hải Nha [1] sang dụ 6 việc như điều dân, giúp quân v.v . . . Vua đều không nghe.

Mùa thu, tháng 9, ngày 17, hoàng trưởng tôn Thuyên sinh, lập làm hoàng thái tôn, ít lâu sau lập làm Đông cung hoàng thái tử.

Đinh Sửu, [Bảo Phù] năm thứ 5 [1277], (Tống Cảnh Viêm năm thứ 2, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 14). Muà xuân, tháng 2, vua thân chinh đánh người Man, Lạo ở động Nẫm Bà La[2] , bắt sống bộ đảng hơn 1.000 người giải về.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1 , Thượng hoàng băng ở cung Vạn Thọ

Trước đó, Thượng hoàng đến ngự đường, bỗng thấy con rết bò trên áo ngự. Thượng hoàng sợ, lấy tay phủi nó rơi đánh "keng" xuống đất, nhìn xem thì hóa ra cái đinh sắt, đoán là điềm năm Đinh.

Lại có lần đùa sai Minh tự Nguyễn Mặc Lão dùng phép nghiệm quan nghiệm xem điềm lành hay điềm dữ. Hôm sau Mặc lão tâu : "Thấy một chiếc hòm vuông bốn mặt đều có [**35b**] chữ "nguyệt" , trên hòm có một cái kim, một chiếc lược".

Thượng hoàng lại đoán: "Hòm tức là quan tài, chữ " nguyệt" (tháng) ở bốn bên tức là tháng 4, cái kim có thể cắm vào vật gì, tức là nhập vào quan tài, chữ "sơ" là chiếc lược, đồng âm với "sơ" là xa tức là sẽ xa rời các ngươi".

Lại lúc ấy đương có trò múa rối, thường có câu : "Mau đến ngày mồng 1 thay phiên". Thượng hoàng lại đoán : "Thế là ngày mồng 1 ta chết".

Năm trước, có một hôm thượng hoàng chợt bảo tả hữu : "Tháng 4 sang năm ta tất chết". Đến nay quả như vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Điềm lành hay tai họa, chỉ có người thành tâm mới biết trước được. Vì thế, Đại truyện trong kinh dịch có nói : "Hình dung sự vật thì biết được vật thực, chiêm đoán sự vật thì mới biết được tương lai". Nhưng tất là phải sau khi đã suy xét trong lòng, nghiền ngẫm trong óc. Thái Tông biết được việc tương lai là chiêm đoán sự vật đấy. Nhưng nếu không phải là người lý sáng, lòng thành, mà cứ thấy việc là phỏng đoán mò để rồi khẳng định, thì chưa bao giờ không chuốc lấy tai họa về sau .[**36a**]. Đó là chỗ khác nhau giữa cái học sấm ký thuật số với cái học thánh hiền chăng?

Tháng 5, nước to. Đất nứt sâu 7 trượng (chưa rõ chỗ nào), súc vật, tôm cá chết nhiều.

Mùa đông, tháng 10 ngày mồng 4, táng [thượng hoàng] ở Chiêu Lăng, miếu hiệu là Thái Tông, tên thụy là Thống Thiên Ngự Cực Long Công Mậu Đức Hiển Hòa Hựu Thuận Thần Văn Thánh Võ Nguyên Hiếu Hoàng đế.

Sử thần ngô sĩ liên nói: Dụ Tông có thơ ca ngợi Thái Tông:

Đường Việt khai cơ lưỡng Thái Tông

Bỉ xưng Trinh Quán ngã Nguyên Phong.

[1] Tức Kha-xa Kha-y-a (Qasar Qaya), tên này được Hốt Tất Liệt cử làm Đạt lỗ hoa xích ở Đại Việt từ tháng 3 năm 1275. Toàn thư chép lầm 1 năm.Yêu sách 6 điểm của Hốt Tất Liệt là: quân trưởng phải vào chầu, con em phải làm con tin, kê sổ hộ khẩu, thu nộp thuế má, điều động quân giúp việc binh, đặt chức Đạt lỗ hoa xích để thống trị (Theo an Nam chí lược q.2, Đại Nguyên chiếu chế).

[2] CMCB7 chú là động Man ở phủ lộ Bố Chính, tức vùng Quảng Bình ngày nay.

Kiến Thành tru tử Yên Sinh tại,

Miếu hiệu tuy đồng đước bất đồng.

(Sáng nghiệp Việt Đường hai Thái Tông

Kia xưng Trinh Quán, ta Nguyên Phong

Kiến Thành[1] bị giết, Yên Sinh[2] sống,

Miếu hiệu như nhau, đức chẳng đồng).

Đức của Thái Tông sở dĩ được thế, tuy tấm lòng hiếu đễ bắt nguồn từ tính trời, nhưng cũng do Linh Từ quốc mẫu điều đình [B] hòa giải. Việc cướp vợ của anh cũng do Linh Từ và Thủ Độ. Thế là Thái Tông mắc vào tội lỗi là do người dẫn lối, mà ẩn nhẫn để trọn nghĩa anh em cũng lại là do người dẫn lối. Đó là vì tuy có tư chất tốt đẹp trời phú cho, nhưng chưa có học thức. Đến khi tuổi cao, lý lẽ sáng tỏ, đạo đức tăng tiến, thì phải chăng điều đó có được là từ thánh học[3]?

Hôm thượng hoàng băng, công chúa Thiều Dương (con gái thứ của Thượng hoàng tên là Thúy) đương ở cữ, bỗng nghe tiếng chuông liên hồi, mới hỏi: "Có thể nào không phải là tin dữ chăng"?.

Những người hầu bên cạnh nói dối, nhưng công chúc chúa không nghe, cứ thương khóc, kêu gào, mắt nhắm nghiền rồi mất.

Trước đó, Thương hoàng không khỏe. Lúc ấy công chú đã lấy thượng vị Văn Hưng hầu (khuyết danh), công chúa nhiều lần sai người đến thăm hỏi, nhưng người hầu cạnh đều trả lời là Thượng hoàng đã bình phục, không việc gì. Đến khi nghe tiếng chuông, thương khóc kêu gào mãi rồi mất. Người trong nước ai cũng thương.

Bấy giờ Uy Văn Vương [**37a**] Toại lấy con gái của Thượng Hhàng là công chúa Thụy Bảo. Toại ham học, hay thơ, có câu:

Pha lạp ngũ hồ vinh bội ấn ,
Tang ma tế dã thắng phong hầu.
(Tơi nón năm bồ hơn giữ ấn,
Dâu giai nội vượt phong hầu),

[Toại] tự hiệu là Sầm Lâu, có Sầm Lâu tập lưu hành ở đời.

Vua từng hỏi ông nghĩa chữ "Quan gia". Ông đáp:

"Năm đời đế lấy thiên hạ làm của công (quan), ba đời vương lấy thiên hạ làm của nhà (gia) nên gọi là quan gia".

Vua khen ông kiến thức rộng. Không may chết sớm (24 tuổi), người trong nước ai cũng thương tiếc.

Mậu Dần, [Bảo Phù] năm thứ 6 [1278], (Tống Cảnh Viêm năm thứ 3, từ tháng 5 về sau là Đế Bính Tường Hưng năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 15). Mùa xuân, tháng 2, dân chết nhiều vì bệnh đậu mùa.

Hồi đó, nhà dân ở kinh thành thường bị cháy về ban đêm. Vua ra ngoại thành xem chữa cháy, Nội thư gia Đoàn Khung đi theo. Vua sai điểm xem người nào đến chữa cháy và kiểm xem ai đến trước . Khung ấn đầu từng người một bảo ngồi xuống để đếm , đếm xong tâu rõ người nào đến trước , người nào đến sau .

---

[1] Thái Tông nhà Đường tên là Lý Thế Dân, sau khi cha là Lý Cao Tổ chết, Thế Dân đem quân phục ở cửa Huyền Vũ, giết hai người anh là Kiến Thành và Nguyên Cát để đoạt ngôi vua.

[2] Yên Sinh: là thực thấp của Trần Liễu, sau khi Liễu nổi loạn chống lại Trần Thái Tông. Khi Trần Liễu chết, được truy phong tước vương, nhân đất phong mà gọi là Yên Sinh Vương.

[3] Chỉ Khổng giáo hay Nho giáo.

Vau hỏi : " Tại sao mà biết ?".

Khung trả lời :" Thần ấn đầu người nào mà thấy mồ hôi thấm tóc và có tro bụi bám [**37b**] vào thì đó là những người đến trước và cố sức chữa, người nào đầu tóc không có mồ hôi mà tro bụi bay rơi là người đến sau không kịp chữa, vì thế mà biết ". Vua cho là giỏi , có ý cất nhắc để dùng .

(Thời Anh Tông, Khung làm kiểm pháp quan, khi xét án , hễ Anh Tông hỏi về điển lệ cũ , Khung đều dẫn được án cũ làm chứng , có khi dẫn nhiều đến 5 , 6 án . Anh Tông khen Khung thông minh nhớ lâu).

Phong con thứ là Đức Việp làm Tá Thiên Đại Vương .

Tháng 3, phu nhân Lê Phụ Trần là công chúa Chiêu Thánh Lý thị mất

Công chúa lấy Phụ Trần hơn 20 năm, sinh con trai là thượng vị hầu Tông, con gái là Ứng Thụy công chúa Khuê. Đến nay 61 tuổi thì mất .

Mùa hạ , lúa mất mùa.

Tháng 6, có ngôi sao lớn sa về phương nam rơi xuống biển, hơn ngàn ngôi sao nhỏ rơi theo, tiếng khêu như sấm đến vài khắc mới hết .

Mùa thu, tháng 8, động đất 3 lần, nhiều súc vật chết .

Mùa đông, tháng 10, ngày 22, vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Khâm.

[**38a**] Khâm lên ngôi Hoàng đế, xưng là Hiếu Hoàng, tôn Thượng hoàng là Quang Nghiêu Từ Hiếu Thái Thượng Hoàng Đế , tôn Thiên Cảm hoàng hậu làm Nguyên Thánh Thiên Cảm Hoàng Thái Hậu . Bầy tôi dâng tôn hiệu là Pháp Thiên Ngực Cực Anh Liệt Vũ Thánh Minh Nhân Hoàng Đế .

Vua Nguyên nghe tin Thái Tông băng, có ý mưa tính nước ta, sai Lễ bộ thượng thư Sài Xuân[1] (tức Sài Trang Hương) sang ta.

Bấy giờ sứ nước ta là Lê Khắc Phục đang trở về, gặp quân Nguyên đánh nước Tống, liền theo đường Hồ Quảng mà về nước , Xuân cùng đi với Khắc Phục sang ta [Nhà Nguyên] lấy cớ vua không xin mệnh mà tự lập, dụ bảo phải sang chầu. Vua không nghe, sai Trịnh Đình Toản, Đỗ Quốc Kế sang Nguyên. Nguyên giữa Đình Toản không cho về[2] .

NHÂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Khâm, con trưởng của Thánh Tông, mẹ là Nguyên Thánh Thiên Cảm hoàng thái hậu, sinh năm Mậu Ngọ, Nguyên Phong năm thứ 8, tháng 11, ngày 11, được tinh anh thánh nhân, thuần túy đạo mạo, sắc thái như vàng, thể chất hoàn hảo, thần khí tươi sáng. Hai cung[3] đều cho là lạ, gọi là Kim Tiên [38b] đồng tử. Trên vai bên trái có nốt ruồi đen, cho nên có thể cáng đáng được việc lớn, ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi, băng ở am Ngoạ Vân núi Yên Tử, đưa về táng ở Đức Lăng. Vua nhân từ hòa nhã, cố

---

[1] Nguyên sử chép là Sài Thung, hai chữ Thung và Xuân gần giống như nhau nên dễ lẫn. Trước đây, các sứ bộ của Đại Việt và Mông Cổ đều đi qua đường Côn Minh (Vân Nam). Lần này, bọn Sài Thung đi thẳng từ Giang Lăng (Hồ Bắc), qua Ung Châu (Quảng Tây) để vào nước ta, nên Toàn thư mới nói là đi theo đường Hồ Quảng về nước.

[2] Nguyên sử chép là Trịnh Quốc Toản.

[3] Thượng hoàng Thái Tông và vua Thánh Tông.

kết lòng dân, sự nghiệp trùng hưng sáng ngời thuở trước, thực là bậc vua hiền của nhà Trần. Song để tâm nơi kinh phật, tuy nói là để siêu thoát, nhưng đó không phải là đạo trung dung của thánh nhân.

Kỷ Mão, [Thiệu Bảo] năm thứ 1 [1279], (Tống Tường Hưng năm thứ 2, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu, đại xá.

Chiêm Thành sai Chế Năng, Tra Diệp sang cống. Bọn Chế Năng xin ở lại làm nội thần, vua không nhận.

Lập bà phi Trần thị làm hoàng hậu.

Người Nguyên đánh úp quân Tống Nhai Sơn[1]. Quân Tống thua, Tả thừa tướng nhà Tống là Lục Tú Phu cõng vua Tống nhảy xuống biển chết. Hậu cung và các quan chết theo rất nhiều. Qua 7 ngày có đến hơn 10 vạn xác chết nổi lên mặt biển. Xác vua Tống cũng ở trong số đó. Thế là ứngv điềm sao sa xuống biển. Năm ấy nhà Tống mất.

[**39a**] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Trong khoảng trời đất, chỉ có hai khí âm dương mà thôi. Người làm vua đạt đến mức trung hòa thì trời đất định vị, vạn vật sinh sôi, và hai khí cũng được điều hòa. Nếu khí âm thịnh mà phạm bừa vào khí dương, thì trời đất tất xuất hiện tai biến để tỏ cho người làm vua biết. Cho nên tai biến xuất hiện trước rồi sau đó sẽ có chứng nghiệm ngay. Lúc bấy giờ nào nhật thực, nào mặt trời lay động, nào đất nứt, nào mưa đá, sao sa, đều là khí âm thịnh hơn khí dương cả. Nếu không phải là triệu chứng tôi con mưu hại vua cha thì cũng là điềm di địch xâm lấn Trung Quốc. Phàm người làm vua thận trọng trước sự răn bảo của trời, lo lắng làm hết phận sự của người thì đó là đạo vãn hồi tai biến của trời vậy. Nhà Tống đã không vãn hồi được tai biến của trời, mà nước Việt ta rồi cũng bị giặc Hồ[2] xâm lấn. May mà vua tôi cùng lo, quân dân chung sức, cuối cùng diệt trừ được giặc Bắc và hoàn thành võ công đại định. Vì thế mới nói: Thận trọng trước sự răn bảo của trời, làm hết phận sự của người là cái đạo vãn hồi tai biến của trời vậy.

[**39b**] Mùa đông, tháng 10, lấy ngày sinh làm tiết Thọ Thiên.

Canh Thìn, [Thiệu Bảo] năm thứ 2 [1280], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 17). Mùa xuân, tháng giêng, ban thước gỗ, thước lụa cùng một kiểu.

Tháng 2, xét duyệt sổ đinh và các sắc dịch trong nước.

Mùa đông, tháng 10, được mùa to. Lúa ruộng ở Trà Kiều thuộc Khoái Lộ một giò 2 bông.

Em Đỗ Khắc Chung là Đỗ Thiên Thư kiện nhau với người, tình lý đều trái. Người kia đón xa giá để kêu bày. Vua hỏi quan xử kiện. [Viên quan đó] trả lời:

" Án xử đã xong, nhưng hình như quan thoái thác không chịu chuẩn định đó thôi". Vua nói:

" Đó là do sợ mà né tránh Khắc Chung đấy".

Lập tức, đang trên đường đi, sai Chánh crưởng nội thư hỏa là Trần Hùng Thao kiêm chức kiểm pháp quan để chuẩn định, thì Thiên Thư quả thực là trái, Quan áo xanh (tức là hoạn quan) được làm việc kiểm pháp bắt đầu từ Hùng Thao.

Sử Thần Ngô Sĩ Liên nói: Người kiện có điều oan uổng mà được dễ dàng kêu bày, hình quan để chậm [**40a**] án, không thấy có lời trách hỏi, hoạn quan nội thần lạm cử làm pháp quan, vua làm việc này có có ba lầm lỗi kèm theo, nhưng như vậy thì dân tình được thấu lên trên. Viếch cai trị kẻ dưới thà sai để khoan thứ để cho án kiện đọng lại được xử ngay, cũng thấy được lòng trung hậu của vua.

Trịnh Giác Mật ở đạo Đà Giang làm phản.

---

[1] Nhai Sơn: ở phía nam huyện Tân Hội, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

[2] Chỉ quân xâm lược Nguyên Mông 3 lần sang đánh nước Đại Việt vào các năm 1258,1285, 1288 và đều bị thất bại.

Vua sai Chiêu Văn Vương Nhật Duật đi dụ hàng. Bấy giờ, Nhật Duật coi đạo Đà Giang, ngầm đem quân thuộc hạ đến.

Trịnh Giác Mật sai người đến quân doanh, bày tỏ lòng thành:"Mật không giám trái mệnh. Nếu ân chúa một mình một ngựa đến thì Mật xin hàng".

Nhật Duật nhận lời, chỉ đem 5, 6 tiểu đồng cùng đi. Quân sĩ ngăn lại, Nhật Duật nói:

"Nếu nó giáo giở với ta thì triều đình còn có vương khác đến".

Khi tới trại, người Man dàn vây mấy chục lớp và đều cầm đao thương chĩa vào phía trong. Nhật Duật đi thẳng vào, trèo lên trại. Mật mời ông ngồi. Nhật Duật thạo biết [**40b**] tiếng nói và am hiểu phong tục của nhiều nước, cùng ăn bốc, uống bằng mũi với Mật. Người Man thích lắm. Khi Nhật Duật trở về, Mật đem gia thuộc đến doanh trại đầu hàng. Mọi người đều vui lòng kính phục vì không mất một mũi tên mà bình được Đà Giang. Đến khi về kinh sư, [Nhật Duật] đem Mật và vợ con hắn vào chầu, vua rất khen ngợi ông. Sau đó, vua cho Mật về nhà, giữ con hắn ở lại kinh đô. Nhật Duật mến nuôi hết lòng, xin triều đình ban tước thượng phẩm và cho vào trông ao cá, sau cũng cũng cho về nhà.

Tân Tỵ, [Thiệu Bảo] năm thứ 3 [1281], Nguyên Chí Nguyên năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 29 hoàng tử Quốc Chẩn sinh.

Sai chú họ là Trần Di Ái (tức Trần Ải) và Lê Mục, Lê Tuân sang Nguyên.

Nhà Nguyên lập Di Ái làm Lão hầu, cho Mục làm Hàn lâm học sĩ , Tuân làm Thượng thư[1], lại sai Sài Xuân đem 1000 quân[2] hộ tống về nước. Xuân ngạo mạn vô lễ, cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh [**41a**]. Quân sĩ Thiên Trường ngăn lại, Xuân dùng roi ngựa quất họ bị thương ở đầu. Đến điện Tập Hiền, thấy chăng bày màn trướng, hắn mới chịu xuống ngựa. Vua sai Quang Khải đến sứ quán khoản tiếp. Xuân nằm khểnh không ra, Quang Khải vào hẳn trong phòng, hắn cũng không dậy tiếp. Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn nghe thấy thế, tâu xin đến sứ quán xem Xuân làm gì. Lúc ấy Quốc Tuấn đã gọt tóc, mặc áo vải. Đến sứ quán, ông đi thẳng vào trong phòng. Xuân đứng dậy vái chào mời ngồi. Mọi người đều kinh ngạc, có biết đâu gọt tóc, mặc áo vải là hình dạng nhà sư phương Bắc. Ông ngồi xuống pha trà, cùng uống với hắn. Người hầu của Xuân cầm cái tên đứng sau Quốc Tuấn, chọc vào đầu đến chảy máu, nhưng sắc mặt Quốc Tuấn vẫn không hề thay đổi. Khi trở về, Xuân ra cửa tiễn ông.

Lập nhà học ở phủ Thiên Trường, cấm người hương Thiên Thuộc không được vào học. (Lệ cũ nhà Trần, quân sĩ Thiên Thuộc không được học tập văn chương nghệ thuật vì sợ khí lực kém đi).

[**41b**] **Nhâm Ngọ,** [Thiệu Bảo] năm thứ 4 [1282], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 19). Mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành sai bọn bọn Bố Bà Ma Các một trăm người sang dâng voi trắng.

Mùa hạ, tháng 4, bọn Trần Di Ái đi sứ về nước.

Tháng 6, trị tội bọn phán thủ Trần Ải[3]. Ải phải đồ làm khao giáp binh Thiên Trường, Lê Tuân phải đồ làm Tống binh[4].

Mùa thu, tháng 8, thú thần Lạng Châu[5], là Lương Uất chạy trạm tâu báo rằng, Hữu thừa tướng Nguyên là Toa Đô đem 50 vạn quân, nói phao là mượn đường đi đánh Chiêm Thành, nhưng thực ra là sang xâm lược nước ta[6].

---

[1] An Nam chí lược và Nguyên sử chép là: ... phong Di Ái làm An Nam Quốc Vương, Lê Mục làm Hàn lâm học sĩ, Lê Tuân làm Thượng thư...

[2] Bản dịch cũ (tập II, 1967. tr.47) in nhầm là 5.000 quân.

[3] Tức Trần Di Ái

[4] Có lẽ lả đạo quân Tống lưu vong do nhà Trần thu nạp.

[5] Tức Lạng Sơn.

[6] Toa Đô: tên Mông Cổ là Xôghetu (Sôgatu). Thực ra Toa Đô mang 5.000 quân đi đường thủy từ Quảng Châu đánh Chiêm Thành từ tháng 11 năm Nhâm Ngọ (1282), còn kẻ chỉ huy 50 vạn quân Nguyên xâm lược Đại Việt là Thoát Hoan và Lý Hải Nha.

Bấy giờ có cá sấu đến sông Lô[1]. Vua sai Hình bộ thượng thư Nguyễn Thuyên làm bài văn ném xuống sông, cá sấu bỏ đi. Vua cho việc này giống như việc của Hàn Dũ[2], bèn ban gọi là Hàn Thuyên. Thuyên lại giỏi làm thơ phú quốc ngữ. Thơ phú nước ta dùng nhiều quốc ngữ, thực bắt đầu từ đấy.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự ra Bình Than[3] đóng ở vũng Trần Xá[4] họp vương hầu và trăm quan, bàn kế sách công thủ và chia nhau đóng giữ [42a] những nơi hiểm yếu.

Lấy Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư làm Phó đô tướng quân.

Lần trước, quân Nguyên vào cướp, Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư nhân sơ hở đánh úp quân giặc. Thượng hoàng khen ông có trí lược, lập làm Thiên tử nghĩa nam[5]. Sau đó, đánh người Man ở vùng núi, thắng lớn, được phong làm Phiêu Kỵ đại tướng quân. Chức Phiêu Kỵ tướng quân nếu không phải là hoàng tử thì không được phong. Vì Khánh Dư là Thiên tử nghĩa nam cho nên mới có lệnh đó. Rồi từ trật hầu thăng mãi đến tử phục thượng vị hầu, quyền chức phán thủ. Sau Khánh Dư thông dâm với công chúa Thiên Thuỵ.

Bấy giờ Hưng Vũ Vương Nghiễn vì là con trai Quốc Tuấn, được lấy công chúa Thiên Thuỵ, lại công đánh giặc. Vua sợ phật ý Quốc Tuấn, mới sai người đánh chết Khánh Dư ở Hồ Tây, nhưng lai dặn chớ đánh đau quá, để không đến nỗi chết. Ít lâu sau xuống chiếu đoạt hết quan tước, quân tịch thu tài sản không để lại cho một chút gì. Châu Chí Linh vốn là của riêng của Thượng tướng Trần Phó Duyệt, nên Khánh Dư mới giữ lại được. Khánh Dư lui về ở [**42b**] Chí Linh, cùng bọn hèn hạ làm nghề bán than.

Lúc đó, thuyền vua đỗ ở bến Bình Than, nước triều rút, gió thổi mạnh, có chiếc thuyền lớn chở than củi, người lái thuyền đội nón lá, mặc áo ngắn. Vua chỉ và bảo quan thị thần:

" Người kia chẳng phải là Nhân Huệ Vương đó sao?".

Lập tức sai người chèo thuyền nhỏ đuổi theo. Đến cửa Đại Than thì kịp. Quân hiệu gọi:

"Ông lái ơi, có lệnh vua triệu".

Khánh Dư trả lời:"Lão là người buôn bán, có việc gì mà phải triệu".

Quân hiệu trở về tâu thực như thế. Vua bảo:

"Đúng là Nhân Huệ đấy, ta biết người thường tất không dám nói thế". Vua lại sai nội thị đi gọi. Khánh Dư mặc áo ngắn, đội nón lá [đến gặp vua]. Vua nói:

" Nam nhi mà đến nỗi này thì thực là cùngcực rồi", bèn xuống chiếu tha tội cho ông. Khánh Dư lên thuyền lạy tạ. Vua ban cho áo ngự, cho ngồi các hàng dưới các vương, trên các công hầu, cùng bàn việc nước, nhiều điều hợp ý vua.

Đến đây, tháng 10, lại cho Khánh Dư làm Phó tướng quân. Nhưng rốt cuộc Khánh Dư cũng không sửa đổi được những lỗi lầm cũ.

[**43a**] Lại khi ấy, vua thấy Hoài Văn Hầu Quốc Toản, Hoài Nhân Vương Kiện đều còn trẻ tuổi, không cho dự bàn. Quốc Toản trong lòng hổ thẹn, phẫn kích, tay cầm quả cam, bóp nát lúc nào không biết. Sau đó [Quốc Toản] lui về, huy động hơn nghìn gia nô và thân thuộc, sắm vũ khí, đóng chiến thuyền, viết lên cờ 6 chữ :"Phá cường địch, báo hoàng ân" (phá giặc mạnh, báo ơn vua). Sau này, khi đối trận với giặc, tự mình xông lên trước quân sĩ, giặc trông thấy phải lui tránh, không giám đối địch. Đến khi mất, vua rất thương tiếc, thân làm văn tế, lại gia phong tước vương.

---

[1] Tức sông Hồng.

[2] Hán Dũ: tên tự là Thối Chi, người Nam Dương, Trịnh Châu đời Đường, có tài văn thơ. Tương truyền rằng: Khi làm quan ở Triệu Châu, thấy nơi đó có nhiều cá sấu, Hàn Dũ làm bài văn tế cá sấu ném xuống nước, cá sấu liền bỏ đi hết.

[3] Đoạn sông Lục Đầu chảy qua huyện Chí Linh tỉnh Hải Hưng ngày nay.

[4] Vũng Trần Xá: (Trần Xá loan), có lẽ là chổ hợp lưu hai con sông Thái Bình và Kinh Thầy. Chỗ này về sau vẫn còn xã Trần Xá.

[5] Thiên tử nghĩa nam: con nuôi của vua.

Lấy Thái úy Quang khải làm Thượng tướng thái sư, Đinh Củng Viên làm Hàn lâm viện học sĩ phụng chỉ.

Quý Mùi, [Thiệu Bảo] năm thứ 5 [1283], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 20). Mùa xuân, tháng giêng, Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang dâng rùa vàng, hình dáng như con trai lớn, trên lưng có 7 ngôi sao, ngực có chữ "nhũng" bụng có chữ "Vương".

Tháng 2, [**42b**] trị tội thượng vị hầu Trần Lão, cho Lão chuộc tội 1.000 quan tiền, đồ làm lính, lăng trì tên Khoáng là gia nô của Lão ở chợ Đông, vì tội làm thư nặc danh phỉ báng nhà nước.

Mưa đá lớn.

Mùa hạ, tháng 6, cá hồ Thủy Tinh chết.

Mùa thu, tháng 7, sai trung phẩm Hoàng Ư Lệnh, nội thư gia Nguyễn Chương sang Nguyên, gặp thái tử A Thai[1], Bình Chương A Lạt[2], ở Hồ Quảng[3], hội 50 vạn quân ở các xứ định sang năm vào cướp nước ta.

Mùa đông, tháng 10, vua thân hành dẫn các vương hầu điều quân thủy bộ tập trận.

Tiến phong Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn làm Quốc công tiết chế, thống lĩnh quân đội toàn quốc, sai chọn các quân hiệu có tài chỉ huy, chia đi nắm giữ các đơn vị.

Giáp Thân, [Thiệu Bảo] năm thứ 6 [1284], Nguyên Chí Nguyên năm thứ 21). Mùa xuân, tháng giêng, vét sông Tô Lịch.

Tháng 2, đất ở Xã [**44a**] đàn[4] nứt ra, dài 7 thước, rộng 4 tấc, sâu không thể lường.

Mùa thu, tháng 8, Hưng Đạo Vương điều các quân của vương hầu, duyệt binh lớn ở Đông Bộ Đầu[5], chia các quân đóng giữ Bình Than và những nơi xung yếu khác.

Tháng 9, ngày mồng 4, mặt trăng và sao Kim mọc ban ngày ở phương Tây Nam chỉ cách nhau độ 1 thước .

Mùa đông, tháng 11, sai Trần Phủ sang hành tỉnh Kinh Hồ[6], nước Nguyên xin hoãn binh[7].

Tháng 12, Trần Phủ từ Nguyên trở về, tâu rằng vua Nguyên sai bọn thái tử Trấn Nam Vương Thoát Hoan[8], Bình Chương A Lạt và A Lý Hải Nha[9] đem quân lấy cớ mượn đường đi đánh Chiêm Thành, chia đường vào cướp nước ta.

Thượng hoàng triệu phụ lão trong nước họp ở thềm điện Diên Hồng, ban yến và hỏi kế đánh giặc. Các phụ lão điều nói "đánh", muôn người cùng hô một tiếng, như bật ra từ một cửa miệng.

---

[1] KHông có tên thái tử Nguyên nào là A Thai. Cương mục q.7 cho là do sử của ta lầm. Trong cuộc chiến tranh này, tướng chỉ huy của quân Nguyên là Thoát Hoan và A Lý Hải Nha.

[2] A Lạt: hay A Lý Hải Nha, là phiên âm tên quan Bình chương nhà Nguyên A-ríc Kha-y-a (Ariq-Qaya). Toàn thư có chỗ lầm thành hai người.

[3] Hồ Quảng: gồm Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây của Trung Quốc ngày nay. Nhà Nguyên đặt Hồ Quảng hành trung thư tỉnh, gọi tắt là hành tỉnh Hồ Quảng để thống trị khu vực đất đai nói trên và phụ trách việc thôn tính các nước Đông Nam Á, cũng gọi là hành tỉnh Kinh Hồ hoặc là hành tỉnh Kinh Hồ-Chiêm Thành

[4] Xã Đàn: tức Xã tắc đàn là nơi vua chúa phong kiến tế lễ thần đất và thần mùa màng ngày xưa, đắp bằng đất, có 2 bậc, nên gọi là "đàn".

[5] Đông Bộ Đầu: tức bến sông Hồng phía trên cầu cầu Long Biên gần dốc Hàng Than, Hà Nội ngày nay.

[6] Hành tỉnh Kinh Hồ cũng là hành tỉnh Hồ Quảng: xem chú thích về Hồ Quảng ở BK5, 43b.

[7] Theo An Nam chí lược và Nguyên sử, Trần Phủ tức Trần Khiêm Phủ, tước trung đại phu.

[8] Tên Mông Cổ là Tô-gan (Toghan), thư tịch Trung Quốc phiêm âm là Thoát Hoan, là con của Hốt Tất Liệt.

[9] Ở đây Toàn thư nhầm, A Lạt và A Lý Hải Nha chỉ là một người, tức Ariq-Qaya.

Sử Thần Ngô Sĩ Liên nói: Giặc Hồ vào cướp nước là nạn lớn nhất của đất nước. Hai vua hiệp mưu, [**44b**] bầy tôi họp bàn há lại không có kế sách gì chống giặc mà phải đợi đến ban yến hỏi kế ở các phụ lão hay sao? Là vì Thánh Tông muốn làm thế để xét lòng thành ủng hộ của dân chúng, để dân chúng nghe theo lời dụ hỏi mà cảm kích hăng hái lên thôi. Đó là giữ được cái nghĩa người xưa nuôi người già để xin lời hay vậy.

Ngày 26, giặc đánh vào các ải Vĩn Châu, Nội Bàng[1], Thiết Lược, Chi Lăng[2], Quan quân đánh bất lợi lui về đóng ở bến Vạn Kiếp[3].

Lúc đó, vua ngự thuyền nhẹ ra Hải Đông[4], chiều rồi mà vẫn chưa ăn cơm sáng. Có người lính là Trần Lai dâng cơm gạo xấu, vua khen là trung, ban cho chức thượng phẩm , kiêm chức tiểu tư xã xã Hữu Triều Môn ở Bạch Đằng.

Hưng Đạo Vương vâng mệnh điều quân dân các lộ Hải Đông, Vân Trà, Ba Điểm[5], chọn những người dũng cảm làm tiền phong, vượt biển vào Nam, thế quân lên dần. Các quân thấy vậy, không đạo quân nào mà không tới tập hợp. Vua làm thơ đề ở [**45a**] đuôi thuyền rằng:

Cối kK cựu sự quân tu ký,
Hoan Diễn do tồn thập vạn binh.
(Cối Kê[6] chuyện cũ người lên nhớ,
Hoan Diễn[7] còn kia chục vạn quân)

Hưng Vũ Vương Nghiễn, Minh Hiến Vương Uất, Hưng Nhượng Vương Tảng, Hưng Trí Vương Hiện đốc suất 20 vạn quân các xứ Bàng Hà[8], Na Sầm[9], Trà Hương, Yên Sinh, Long Nhãn[10] đến hội ở Vạn Kiếp, theo quyền điều khiển của Hung Đạo Vương để chống quân Nguyên.

Trước đây, Hưng Đạo Vương có người nô là Dã Tượngvà Yết Kiêu[11], đối xử rất hậu. Khi quân Nguyên tới, Yết Kiêu giữ thuyền ở Bãi Tân[12], Dã Tượng thì đi theo. Đến lúc quan quân thu trận, thuỷ quân tan cả. [Hưng Đạo] Vương định rút theo lối chân núi. Dã Tượng nói:

"Yết Kiêu chưa thấy Đại Vương thì nhất định không dời thuyền".

Vương đến Bãi Tân, chỉ có thuyền Yết Kiêu vẫn còn ở đó. Vương mừng lắm, nói :

"Chim hồng hộc muốn bay cao phải nhờ ở sáu trụ cánh. Nếu không có sáu chiếc trụ cánh ấy thì cũng chim thường thôi".

Nói xong cho chèo thuyền đi, Kỵ binh giặc đuổi theo không kịp. Vương đến Vạn Kiếp, chia quân đón giữ ở Bắc [**45b**] Giang[1].

---

[1] Ải Nội Bàng: vùng Chũ, tỉnh Hà Bắc ngày nay, nơi đóng bản doanh của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.

[2] Ải Chi Lăng: thuộc huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.

[3] Vạn Kiếp: nay là vùng Vạn Yên, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng.

[4] Hải Đông: Chỉ chung vùng Hải Dương cũ (nay thộc tỉnh Hải Hưng) và Hải Phòng hiện nay.

[5] Vân Trà, Ba Điểm: là hai hương thuộc lộ Hải Đông bấy giờ. Hương Vân Trà hay Trà Hương là vùng Kim Thành, tỉnh Hải Hưng ngày nay.

[6] "Chuyện cũ Cối Kê": là chuyện Câu Tiễn, vua nước Việt thời Chiến Quốc, đánh nhau với nước Ngô, chỉ còn một ngàn quân lui giữ Cối Kê, mà sau đánh bại Ngô Phù Sai, khôi phục được đất nước.

[7] Hoan, Diễn: chỉ vùng Nghệ Tỉnh ngày nay.

[8] Bàng Hà: đất huyện Thanh Hà cũ nay thuộc huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng và huyện Tiên Lãng, Hải Phòng.

[9] Na Sầm: tức Na Ngạn, thuộc đất huyện Lục Ngàn, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

[10] Long Nhãn: nay thuộn Yên Dũng, tỉnh Hà Bắc.

[11] Dã Tượng: nghĩa là voi rừng, Yết Kiêu: là tên loài chó săn ngắn mõm. Dùng tên thú đặt cho người, nói lên địa vị làm "nô" thấp kém của họ. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên đời Trần, các nô tỳ có một vai trò rất lớn.

[12] Bãi Tân: là một địa điểm trên sông Lục Nam.

Sai Hàn lâm [viện] phụng chỉ Đinh Củng Viên quyền coi việc Bắc cung Nội sát viện.

Ất Dậu, [Thiệu Bảo] năm thứ 7 [1285], (từ tháng 9 về sau là Trùng Hưng năm thứ nhất, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 6, tướng Ô Mã Nhi[2] đánh vào các xứ Vạn Kiếp và núi Phả Lại[3],

quan quân vỡ chạy[4].

Ngày 12, giặc đánh vào Gia Lâm, Vũ Ninh[5], Đông Ngàn[6], bắt được quân của ta, thấy người nào cũng thích hai chữ "Sát Thát"[7] bằng mực vào cánh tay, chúng tức lắm, giết hại rất nhiều. Rồi chúng đến Đông Bộ Đầu, dựng một lá cờ lớn:

Vua muốn sai người dò xét tình hình giặc mà chưa tìm được ai. Chi hậu cục thủ Đỗ Khắc Chung tiến lên tâu rằng:

"Thần hèn mọn bất tài, nhưng xin được đi".

Vua mừng, nói rằng:

"Ngờ đâu trong đám ngựa xe kéo xe muối lại có ngựa kỳ, ngựa ký như thế!"[8]

Rồi sai đem thư xin giảng hoà.

Ô Mã Nhi hỏi [Chung]:

"Quốc Vương ngươi vô lễ, sai người thích chữ "Sát Thát", khinh nhờn thiên binh, lỗi ấy to lắm".

Khắc Chung đáp:

"Chó nhà cắn người lạ không phải [**46a**] tại chủ nó. Vì lòng trung phẫn mà họ tự thích chữ thôi, Quốc Vương tôi không biết việc đó. Tôi là cận thần, tại sao lại không có?".

Nói rồi giơ cánh tay cho xem. Ô Mã Nhi nói:

"Đại quân từ xa tới, nước ngươi sao không quay giáo đến hội kiến, lại còn chống lệnh. Càng bọ ngựa cản bánh xe liệu sẽ ra sao?".

Khắc Chung nói :

" Hiền tướng không theo cái phương sách Hàn Tín bình nước Yên [9], đóng quân ở đầu biên giới, đưa thư tin trước, nếu không thông hiếu thì mới là có lỗi. Nay lại bức nhau, người ta nói thú cùng thì chống lại, chim cùng thì mổ lại, huống chi là người".

Ô Mã Nhi nói:

---

[1] Bắc Giang: tức là vùng đất tỉnh Bắc Ninh cũ, nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

[2] Ô Mã Nhi: phiên âm từ tên Hồi giáo Omar.

[3] Núi Phả Lại: tức là núi ở xã Phả Lại, cạnh sông Lục Đầu, đối diện với thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng.

[4] Thực ra, ngày mồng 6 tháng giêng mới chỉ là ngày Ô Mã Nhi đánh vào phòng tuyến sông Bình Than. Mãi đến ngàu mồng 9 (14-2-1258), sau trận thủy chiến lớn, quân ta mới rút.

[5] Vũ Ninh: sau là Võ Giàng, nay là huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

[6] Đông Ngàn: tức là huyện Từ Sơn, nay là huyện Tiên Sơn, tỉnhBắc Ninh.

[7] Thát: tức là Thát Đát, phiên âm từ Ta-ta (Tatar hay Tarta) chỉ người Mông Cổ. Sát Thát nghĩa là giết giặc Thát Đát.

[8] Ngựa kỳ, ngựa ký: chỉ những loại ngựa quý, ngựa tốt.

[9] Hàn Tín: là tướng của Hán Cao Tổ, muốn đánh nước Yên, theo kế của Lý Tả Xa viết thư dụ trước, quả nhiên nước Yên đầu hàng.

"Đại quân mượn đường để đi đánh Chiêm Thành, Quốc Vương ngươi nếu đến hội kiến thì trong cõi yên ổn, không bị xâm phạm mảy may. Nếu cứ chấp nê thì trong khoảnh khắc núi sông sẽ thành đất bằng, vua tôi sẽ thành cỏ nát".

Khắc Chung về rồi, Ô Mã Nhi bảo các tướng rằng:

"Người này ở vào lúc bị uy hiếp [**46b**] mà lời lẽ tự nhiên, không hạ chủ nó xướng là Chích[1], không nịnh ta lên là Nghiêu[2], mà chỉ nói "Chó nhà cắn người"; giỏi ứng đối. Có thể nói là không nhục mệnh vua. Nước nó còn có người giỏi, chưa dễ mưu tính được".

Sai người đuổi theo Khắc Chung nhưng không kịp.

Ngày 13, giờ mão, Khắc Chung từ chỗ quân Nguyên trở về. Giặc đuổi đến, đánh nhau với quan quân.

Ngày 28, Hưng Đạo Vương bàn xin Thượng tướng thái sư Quang Khải chặn đánh cánh quân của Nguyên soái Toa Đô ở Nghệ An[3].

Tháng 2, ngày Giáp Thìn mồng 1, con thứ của Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang là thượng vị Chương Hiến hầu [Trần] Kiện và liêu thuộc là bọn Lê Trắc đem cả quân đầu hàng quân Nguyên[4].

Toa Đô sai đưa bọn Kiện về Yên Kinh[5]. Thổ hào Lạng Giang[6] là bọn Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Lĩnh, tập kích ở trại Ma Lục[7] . Gia nô của Hưng Đạo Vương là Nguyễn Địa Lô bắn chết Kiện. Trắc đưa xác Kiện lên ngựa, trốn đi đêm, chạy được vài chục dặm, tới Khâu Ôn [**47a**] chôn Kiện tại đó.

Sai người đưa công chúa An Tư (em gái út của Thánh Tông) đến cho Thoát Hoan, là muốn làm thư giãn loạn nước vậy.

Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng (Vương là dòng dõi Lê Đại Hành, chồng sau của công chúa Thuỵ Bảo, ông cha làm quan đời Thái Tông, được ban quốc tính) đánh nhau với giặc ở bãi Đà Mạc, nay là bãi Mạn Trù) bị chết.

Khi bị bắt, Vương không chịu ăn, giặc hỏi việc nước, Vương không trả lời, giặc hỏi Vương:" Có muốn làm vương đất Bắc không?".

Vương thét to:"Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất bắc", rồi bị giết.

Thế giặc bức bách, hai vua ngầm đi chiếc thuyền nhỏ đến Tam Trĩ nguyên[8], sai người đưa thuyền ngự ra Ngọc Sơn[9] để đánh lừa giặc.

Lúc ấy, xa giá nhà vua phiêu giạt, mà Quốc Tuấn vốn có kỳ tài, lại còn mối hiềm cũ của Yên Sinh Vương[1], nên có nhiều người nghi ngại. Quốc Tuấn theo vua, tay cầm chiếc gậy có bịt sắt nhọn. Mọi

---

[1] Chích: Là một tên cướp sừng sỏ trong truyền thuyết Trung Quốc.

[2] Nghiêu: Là vị hoàng đế lý tưởng trong truyền thuyết Trung Quốc.

[3] Cánh quân do Toa Đô chỉ huy, được lệnh từ Chiêm Thành, đánh chiếm các châu lộ phía nam của ta, rồi tiến ra bắc, phối hợp với các đạo quân của Thoát Hoan bao vây tiêu diệt vua tôi và quân đội nhà Trần.

[4] Trần Kiện vốn có hiềm khích vơí hoàng tử Đức Việp. Khi giặc Nguyên sang, Kiện được lệnh đóng giữ Thanh Hóa, Toa Đô tiến ra Thanh Hóa, Kiện đem bọn liêu thuộc đầu hàng giặc.

[5] Yên KInh: tức kinh đô nhà Nguyên.

[6] Lạng Giang: tức Lạng Sơn ngày nay.

[7] Trại Ma Lục: Ở Chi L:ăng thuộc châu Lạng Giang thời đó, nay là tỉng Lạng Sơn.

[8] Tam Trĩ nguyên: là sông Ba Chẽ, ở huyện Ba Chẽ, thuộc tỉnh Quảng Ninh.

[9] Ngọc Sơn: tên mũi biển thuộc châu Vạn Ninh tỉnh Quảng Yên đời sau, gần Móng Cái, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

người điếu gườm mắt nhìn. Quốc Tuấn liền rút đầu sắt nhọn vứt đi chỉ chống gậy không mà đi, còn nhiều việc đại loại như thế.

[**47b**] Sử Thần Ngô sĩ Liên nói: Bậc đại thần ở vào hoàn cảnh bị hiềm nghi nguy hiểm, tất phải thành thực tin nhau, sáng suốt khéo xử, như hào cửu tứ của quẻ Tuỳ[2] thì mới có thể giữ tròn danh dự, làm nên sự nghiệp. Nếu không thế thì nhất định sẽ mang tai họa. QuáchTử Nghi nhà Đường, Trần QuốcTuấn nhà Trần đã làm được như vậy.

Tháng3, ngày Giáp Tuất, mồng 1 hai vua bỏ thuyền đi bộ đến Thuỷ Chú[3]. Lấy thuyền ra sông Nam Triệu[4] (tức huyện Thuỷ Đường) vượt biển Đại Bàng[5] vào Thanh Hóa.

Thượng vị Văn Chiêu hầu [Trần] Lộng đầu hàng Thoát Hoan. Kế đó, Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc và bọn Phạm Cự Địa, Lê Diễn, Trịnh Long đem gia thuộc đầu hàng quân Nguyên.

Trước kia, khi Ích Tắc chưa sinh. Thái Tông mộng thấy thần nhân ba mắt từ trên trời xuống nói với Thái Tông:

" Thần bị thượng đế quở trách, xin thác sinh là con vua, sau lại trở về phương Bắc".

Đến khi Ích Tắc sinh, giữa trán có vài vết lờ mờ như hình con bắt, [**48a**] hình dáng giống hệt người trong mộng. Đến 15 tuổi, thông minh hơn người, làu thông kinh sử và các thuật, vẫn còn có ý tranh đoạt ngôi trưởng đích. Ích Tắc đã từng gửi thư riêng cho khách buôn ở Vân Đồn xin quân Nguyên xuống nam. Đến nay, người Nguyên vào cướp, Ích Tắc xin hàng chúng để mong được làm vua. Người Nguyên phong làm An Nam Quốc Vương. Sau khi quân Nguyên thất bại, Ích Tắc trong lòng hổ thẹn, chết ở đất Bắc.

Nguyên soái Toa Đô đem 50 vạn quân từ Vân Nam qua nước Lão Qua[6], thẳng đến Chiêm Thành[7], hội với quân Nguyên ở Châu Ô Lý[8] rôi cướp châu Hoan, châu Ái[9], tiến đóng ở Tây Kết[10], hẹn trong ba năm sẽ san phẳng nước ta.

Vua bàn với bầy tôi rằng: "Bọn giặc nhiều năm phải đi xa, lương thảo chuyên chở hàng vạn dặm, thế tất mỏi mệt. Lấy nhàn chống mệt, trước hết hãy làm chúng nhụt chí, thì ắt là đánh bại được chúng".

Mùa hạ, tháng 4, vua sai bọn Chiêu Thành Vương (khuyết danh), Hoài Văn hầu Quốc Toản, tướng quân Nguyễn Khoái đem tiệp binh đón đánh giặc [**48b**] ở bến Tây Kết.

Quan quân giao chiến với quân Nguyên ở Hàm Tử Quan[11]. Các quân đều có mặt. Riêng quân của Chiêu Văn Vương Nhật Duật có cả người Tống, mặc quần áo Tống, cầm cung tên chiến đấu. Thượng

---

[1] Chỉ việc Thái Tông cướp vợ của Yên Sinh Vương Trần Liễu, thân phụ Hưng Đạo Vương.

[2] Lời hào cửu tứ, quẻ Tùy của Kinh dịch: "hữu phu, tại đạo, dĩ minh, bà cửu", nghĩa là: "Thành thực, phải đạo, sáng suốt sử trí thì sao có lỗi".

[3] Thủy Chú: có lẽ ở vào khoảng huyện lỵ Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

[4] Sông Nam Triệu: thời bấy giờ là con sông từ ngã ba Nam Triệu nay là xã Vũ Yên, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng chảy ra biển.

[5] Cửa biển Đại Bàng nay là cửa Văn Úc thuộc huyện Kiến An, Hải Phòng. Biển Đại Bàng là vùng biển ngoài cửa Văn Úc.

[6] Lão Qua: tức nước Lào ngày nay.

[7] Các sử tịch Trung Quốc đều chép là Toa Đô xuất phát từ Quảng Châu theo đường biển tiến đánh Chiêm Thành vào tháng 11 năm Nhâm Ngọ (1282).

[8] Ô Lý: tức vùng nam tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên-Huế ngày nay.

[9] Châu Hoan: là vùng Nghệ Tỉnh ngày nay, Châu Ái: là tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

[10] Tây Kết: ở ven sông Hồng, khoảng thôn Đông Kết, xã Đông Bình, huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng. Ngày nay, thôn này cách sông Hồng 3km, đất bãi (tức bãi Mạn Trù, nay thhuộc xã Tân Châu), nhưng xưa kia sông kề thôn.

[11] Hàm Tử Quan: ở xã Hàm Tử, huyện Châu Giang, Hải Hưng bên sông Hồng.

hoàng sợ các quân có thể không phân biệt được, sai người dụ rằng:"Đó là quân Thát[1] của Chiêu Văn đấy, phải nhận kỹ chúng".

Vì người Tống và người Thát, tiếng nói và y phục giống nhau. Quân Nguyên trông thấy [quân Tống] đều rất kinh hãi, bảo nhau là người Tống sang giúp, vì thế thua chạy. Trước kia, nhà Tống mất, nhiều người Tống theo ta, Nhật Duật thu nạp họ, có Triệu Trung làm gia tướng. Cho nên chiến công đánh bại giặc Nguyên, Nhật Duật lập được nhiều hơn cả.

Tháng 5, ngày mồng 3, hai vua đánh bại giặc ở phủ Trường Yên[2], chém đầu cắt tai giặc nhiều không kể xiết.

Ngày mồng 7, thám tử báo tin: Toa Đô từ Thanh Hoá tới.

Ngày mồng 10, có người từ chỗ giặc trốn về đến ngự doanh tâu báo:

Thượng tướng Quang Khải, Hoài Văn Hầu Quốc Toản và Trần Thông, Nguyễn Khả Lạp cùng [**49a**] em là Nguyễn Truyền đem dân binh các lộ đánh bại quân giặc ở các xứ Kinh Thành, Chương Dương[3]. Quân giặc tan vỡ lớn. Bọn thái tử Thoát Hoan, Bình chương A Lạt rút chạy qua sông Lô[4].

Ngày 15, hai vua bái yết các lăng ở Long Hưng.

Ngày 17, Toa Đô và Ô Mã Nhi lại từ biển đánh vào sông Thiên Mạc, muốn hội quân ở Kinh sư, để chi viện cho nhau.

Du binh giặc đến huyện Phù Ninh[5], viên phụ đạo huyện ấy là Hà Đặc lên núi Trĩ Sơn cố thủ. Giặc đóng ở động Cự Đà[6]. Hà Đặc lấy tre đan thành những hình người to lớn, cho mặc áo, cứ đến chiều tối thì dẫn ra dẫn vào. Lại dùi thủng cây to, cắm tên người lớn vào giữa lỗ để giặc ngờ là sức bắn khoẻ xuyên suốt được. Giặc sợ không dám đánh nhau với Đặc. Quân ta hăng hái xông ra đánh bại được giặc. Đặc đuổi đánh đến A Lạp, bắc cầu phao qua sông, hăng đánh quá bị tử trận. Em là Chương bị giặc bắt, lấy trộm được cờ xí , y phục của giặc trốn về, đem [**49b**] dâng lên, xin dùng cờ ấy giả làm quân giặc, đến doanh trại giặc. Giặc không ngờ là quân ta, do vậy ta cản phá được chúng.

Ngày 20, hai vua tiến đóng ở Đại Mang Bộ[7]. Tổng quản giặc Nguyên là Trương Hiển đầu hàng. Hôm đó, ta đánh bại giặc ở Tây Kết, giết và làm bị thương rất nhiều, chém đầu Nguyên Soái Toa Đô[8]. Nửa đêm Ô Mã Nhi trốn qua cửa sông Thanh Hoá, hai vua đuổi theo nhưng không kịp bắt được hơn 5 vạn dư đảng giặc đem về, Ô Mã Nhi chỉ còn một chiếc thuyền vượt biển trốn thoát.

Hưng Đạo Vương lại giao chiến với Thoát Hoan và Lý Hằng ở Vạn Kiếp, đánh bại được, giặc chết đuối rất nhiều. Lý Hằng đem quân hộ vệ Thoát Hoan chạy về Tư Minh. Quân ta lấy tên tẩm thuốc độc bắn trúng đầu gối bên trái của Hằng, Hằng chết. Tỳ tướng Lý Quán thu nhặt 5 vạn quân còn lại, giấu Thoát Hoan vào một đồ đồng, chạy chốn về Bắc. Đến Tư Minh, Hưng Vũ Vương đuổi kịp, dùng tên tẩm thuốc độc bắn trúng Lý Quán, Quán chết. Quân Nguyên [**50a**] tan vỡ lớn.

Vua trông thấy thủ cấp của Toa Đô, thương hại nói: "Người làm tôi phải nên như thế này".

---

[1] Thát: tức Thát Đát, xem chú thích 6, tr.50. Ở đây chỉ quân Tống tham gia hàng ngũ chiến đấu của Nhật Duật.

[2] Trường Yên: vùng đất tỉnh Ninh BÌnh.

[3] Chương Dương: theo CMCB7 thì Chương Dương là tên bến. Nay ở huyện Thường Tín, tỉnh Hà Sơn Bình còn có tên xã Chương Dương ở ven sông Hồng.

[4] Sông Lô: tức sông Hồng.

[5] Phù Ninh: thuộc tỉnh Phú Thọ. Cánh quân giặc đến Phù Ninh hẳn là cánh quân rút chạy về Vân Nam.

[6] Động Cự Đà: có lẽ thuộc xã Tử Đà, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú ngày nay. Theo thần tích địa phương thì Hà Đặc là người xã Tử Đà.

[7] Đại Mang Bộ: là tên bến trên sông Hồng, chưa rõ ở đâu.

[8] Có tài liệu ghi là Toa Đô phóng ngựa rơi xuống nước chết (An Nam chí lược), lại có tài liệu ghi là Toa Đô chết ở sông Cầu (Nguyên sử)

Rồi cởi áo ngự, sai quân đem liệm chôn, nhưng ngầm sai lấy đầu Toa Đô đem tẩm dầu để răn, vì cớ Toa Đô mượn đường vào cướp nước ta đã ba năm vậy[1].

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Than ôi! Câu nói ấy của vua thực là câu nói của bậc đế vương ! Nói rõ đại nghĩa để người bề tôi muôn đời biết rằng trung với vua, chết vì phận sự là vinh, tuy chết mà bất hủ, mối quan hệ lớn lắm vậy. Huống chi lại cởi áo ngự, sai người liệm chôn nữa. Làm vậy có thể khích lệ sĩ khí để trừ giặc mạnh là phải lắm.

Tháng 6, ngày mồng 6, hai vua trở về kinh sư, Thượng tướng Quang Khải làm thơ rằng:

Đoạt sáo Chương Dương độ,
Cầm hồ Hàm Tử quan.
Thái bình tu trí lực,
Vạn cổ thử giang san.
(Bến Chương Dương cướp giáo.
Cửa Hàm tử bắt thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước cũ muôn thu).

[**59b**] Ngày hôm ấy nước to.

Sai Trung phẩm phụng ngự Đặng Du Chi đưa bọn tề thần của Chiêm Thành là Bà Lậu, Kê Na Liên 30 người về nước, vì đi theo Toa Đô nên bị bắt.

Mùa thu, tháng 8, sai Tả bộc xạ Lưu Cương Giới tuyên phong công thần theo thứ bậc khác nhau và trị tội những kẻ hàng giặc.

Tháng 9, đổi niên hiệu là Trùng Hưng năm thứ 1. Đại xá

Bia chùa Bảo Thiên gãy làm đôi. Núi Cảo Sơn lở.

Ngày 12, gia tôn huy hiệu cho các tiên đế và tiên hậu

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu định hộ khẩu trong nước. Triều thần can là dân vừa lao khổ, định hộ khẩu thực không phải là việc cần kíp. Vua nói.

"Chỉ có thể định hộ khẩu vào lúc này, chẳng nên qua đó mà xem xét [tình trạng] hao hụt, điêu tàn của dân ta hay sao?". Quần thần đều khâm phục.

[**51a**] **Bính Tuất,** Trùng Hưng năm thứ 2 [1286], Nguyên Chí Nguyên năm thứ 23). Mùa xuân, tháng giêng, thả quân Nguyên về nước.

Tháng 2, sứ Nguyên là Hợp Tán Nhi Hải Nha[2] đến.

Tháng 3, vua Nguyên sắc phong cho Thượng thư tỉnh Áo Lỗ Xích[3], Bình Chương sự Ô Mã Nhi, Đại tướng Trương Văn Hổ điều 50 vạn quân, hạ lệnh Hồ Quảng đóng 300 chiếc thuyền biển, hẹn tháng 8 hội cả ở Khâm Châu, Liêm Châu. Lại ra lệnh quân ba hành tỉnh Giang Chiết, Hồ Quảng, Giang Tây xâm lược phương Nam, mượn cớ đưa người đầu hàng là Trần Ích Tắc về nước lập làm An Nam Quốc Vương.

Mùa hạ, tháng 6, lệnh cho vương hầu, tôn thất mộ binh, thống lĩnh thuộc hạ của mình.

Vua hỏi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn:

"Thế giặc năm nay thế nào?".

QuốcTuấn trả lời:

---

[1] Toa Đô xuất phát từ Quảng Châu để đánh Chiêm Thành từ năm 1282, đến khi đánh bại, bị chém đầu ở trận Tây Kết năm 1285, tức là đã 3 năm.

[2] Phiên âm từ tiếng Mông Cổ Kha-xa Kha-ya (Qasar - Qaya).

[3] Tên MÔng Cổ là A-gu-rúc-tri (Auruyvci).

"Nước ta thái bình lâu ngày, dân không biết việc binh. Cho nên, năm trước quân Nguyên vào cướp, thì có kẻ đầu hàng chốn chạy. Nhờ uy tín của tổ tông và thần võ của bệ hạ, nên quét sạch được bụi Hồ. Nay nếu nó lại sang thì quân ta đã quen việc chiến trận, mà quân nó thì sợ phải đi xa. Vả lại, chúng còn nơm lớp cái thất bại của Hằng, Quán[1] [**51b**] không còn chí chiến đấu. Theo như thần thấy, phá được chúng là điều chắc chắn".

Vua lệnh cho Hưng Đạo Vương đốc thúc vương hầu tôn thất điều động quân lính, chế tạo vũ khí, thuyền bè.

Mùa đông, tháng 10, kiểm duyệt, diễn tập quân lính điều động được.

Đinh Củng Viên xin thôi quyền trông coi việc Nội mật viện. Vua y cho, ban [cho Viên] tước Nội minh tự.

Đinh Hợi, Trùng Hưng năm thứ 3 [1287], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 24). Muà xuân, tháng 2, Nguyên Thánh Thiên Cảm hoàng thái hậu băng.

Tháng 2, cá nhà táng chết cạn ở sông Bạch Đằng, dài 2 trượng 6 thước, dày 6 thước.

Nhà Nguyên Phát Quân Mông Cổ, quân Hán Nam[2], 3 hành Tỉnh GiangHoài, Giang Tây, Hồ Quảng, lính Vân Nam, lính người Lê ở 4 châu ngoài biển[3], chia đường vào cướp. Sai bọn vạn hộ Trương Văn Hổ đi đường biển, chở 70 vạn thạch lương[4] theo sau. Lại đặt Chinh Giao Chỉ hành thượng thư tỉnh [**52a**] do Bình chương sự Áo Lỗ Xích, các Tham tri chính sự Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp thống lĩnh và chịu tiết chế của Trần Nam Vương.

Quan chấp chính xin bọn tráng đinh sung quân để tăng quân số lên nhiều. Trần Hưng Đạo nói :"Quân quý ở tinh nhuệ, không quý ở số đông. Dẫu đến 100 vạn quân mà như Bồ Kiên[5] thì cũng làm gì được?".

Tháng 3, ân xá .

Mùa hạ, tháng 4, lấy Tá Thiên Đại Vương Đức Việp quyền tướng quốc sự.

Duyệt binh. Xử án. Định các danh sách.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, nhật thực.

Tháng 11, ngày 11, giờ Mùi, mặt trời rung thành 4 góc.

Ngày 14, Trịnh Xiển tâu rằng thái tử Nguyên A Thai[6] xâm phạm ải Phú Lương.

Vua hỏi Hưng Đạo Vương:"Giặc tới, liệu tình hình thế nào".

Vương trả lời: "Năm nay đánh giặc nhàn".

Ngày 24, lệnh cho cấm quân giữ ải Lãnh kinh[7].

---

[1] Chỉ Lý Hằng và Lý Quán bị chết trong cuộc chiến tranh 1285.

[2] Quân Hán Nam: là quân người Hán ở nam Trung Quốc, trong khu vực đất nhà Nam Tống cũ, thư tịch Trung Quốc đời Nguyên thường gọi là quân tân phụ.

[3] Tức bốn châu Nhai, Quỳnh, Đạm, Vạn trên đảo Hải Nam.

[4] Thạch: là đơn vị đo lường thời xưa, mỗi thạch có 10 đấu.

[5] Bồ Kiên: là vua tiền Tần (một nước do tộc Đê lập nên ở bắc Trung Quốc) đem 100 vạn quân đánh Đông Tấn (Hán tộc), bị các tướng Tấn như Tạ Thạch, Tạ Huyền đánh tan tác trong trận Phì Thủy nổi tiếng. Bồ Kiên sau trận này chỉ còn mười vạn tàn quân chạy trốn về Lạc Dương.

[6] Theo Nguyên sử q.149, trong lần xâm lược này có một chư vương A Thai đi theo cánh quân Vân Nam do Ái Lỗ chỉ huy, có lẽ Toàn thư lầm ra là thái tử.

[7] Ải Lãnh Kinh: có lẽ vào khoảng Đáp Cầu, trên sông Cầu (Hà Bắc), cấm quân đóng ở đây để chặn đánh cánh quân Nguyên từ Vĩnh Bình, Chi Lăng đánh xuống.

Hưng Đức hầu Quán đem quân đón đánh, dùng tên tẩm thuốc độc bắn giặc chết và bị thương rất nhiều. Giặc lui về đóng ở ải Vũ Cao.

[**52b**] Ngày 28, Phán thủ thượng vị Nhân Đức hầu Toàn đem thuỷ quân đánh ở vụng Đa Mỗ[1] giặc chết đuối rất nhiều, ta bắt sống 40 tên và thu được thuyền ngựa, khí giới đem dâng.

Tháng 12, ngày 16, chiếu sai minh tự Nguyễn Thức đem quân Thánh dực dũng nghĩa đến chỗ Hưng Đạo Vương để giữ cửa Đại Than[2].

Ngày 26, [quân ta] gặp giặc, đánh bại chúng.

Ngày 30, thái tử Nguyên A Thai[3] cùng Ô Mã Nhi họp 30 vạn quân đánh vào Vạn Kiếp rồi thuận dòng xuôi về phía đông. Người các hương Ba Điểm, Bàng Hà đều đầu hàng chúng.

Khi ấy, thủy quân Nguyên đánh vào Vân Đồn, Hưng Đạo Vương giao hết công việc biên thùy cho Phó tướng Vân Đồn là Nhân Huệ Vương Khánh Dư. Khánh Dư đánh thất lợi[4] thượng hoàng được tin, sai trung sứ xiềng Khánh Dư giải về kinh. Khánh Dư nói với trung sứ:

"Lấy quân pháp mà xử, tôi cam chịu tội, nhưng xin khất hai, ba ngày, để [**53a**] mưu lập công rồi về chịu tội búa rìu cũng chưa muộn".

Trung sứ theo lời xin đó.

Kháng Dư liệu biết quân giặc đã qua, thuyền vận tải tất theo sau, nên thu thập tàn binh đợi chúng. Chẳng bao lâu thuyền vận tải quả nhiên đến, [Khánh Dư] đánh bại chúng, bắt được quân lương khí giới của giặc nhiều không kể xiết, tù binh cũng rất nhiều. Lập tức sai chạy ngựa mang thư về báo. Thượng hoàng tha cho tội trước không hỏi đến và nói:

"Chỗ trông cậy của quân Nguyên là lương thảo khí giới, nay đã bị ta bắt được, sợ nó chưa biết, có thể còn hung hăng chăng?".

Bèn tha những tên bị bắt về doanh trại quân Nguyên để báo tin. Quân Nguyên quả nhiên rút lui. Cho nên, năm này, vết thương không thảm như năm trước, Khánh Dư có phần công lao trong đó.

Trước đây, Khánh Dư trấn giữ Vân Đồn, tục ở đó lấy buôn bán làm nghề nghiệp sinh nhai, ăn uống, may mặc đều dựa vào khách buôn phương Bắc, cho nên quần áo, đồ dùng theo tục người Bắc. Kháng Dư duyệt quân các trang, ra lệnh: "Quân trấn giữ Vân Đồn là để ngăn phòng giặc [**53b**] Hồ, không thể đội nón của phương Bắc, sợ khi vội vàng khó lòng phân biệt, nên đội nón Ma Lôi (Ma Lôi là tên một hương ở Hồng Lộ, hương này khéo nghề đan cật tre làm nón, cho nên lấy tên hương làm tên nón), ai trái tất phải phạt".

Nhưng Khánh Dư đã sai người nhà mua nón Ma Lôi từ trước, chở thuyền đến đậu trong cảng rồi. Lệnh vừa ra, sai người ngầ2m báo dân trong trang: "Hôm qua thấy trước vụng biển có thuyền chở nón Ma Lôi đậu".

Do đấy, người trong trang nối gót trrranh nhau mua nón, ban đầu muaa không tới 1 tiền, sau giá đắt, bán 1 chiếc nón giá 1 tấm vải. Số vải thu được tới hàng ngàn tấm. Thơ mừng của một người khách phương Bắc câu: "Vân Đồn kê khuyển diệc giai kinh" (Vân Đồn gà chó thảy đều kinh) là nói thác sợ phục uy danh của Kháng Dư mà thực là châm biếm ngầm ông ta. Kháng Dư tính tham lam, thô bỉ, những nơi ông ta trấn nhậm, mọi người đều rất ghét. Nhân Tông chỉ tiếc ông có tài làm tướng, nên không nỡ bỏ mà thôi.

---

[1] Đầy là trận chặn đánh cánh quân thủy do Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp chỉ huy ở vùng mũi Ngọc gần Móng Cái bây giờ.

[2] Đại Than: là tên xã, ở huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc, gần chỗ sông Đuống chảy ra sông Lục Đầu. Cửa Đại Than tức là cửa sông Đuống.

[3] Ở đây, Toàn thư đã chép nhầm Thoát Hoan thành A Thai. Khi Thoát Hoan tiến quân đến Vạn Kiếp, thì cánh quân phía tây của Trình Bằng Phi và cánh thủy quân của Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp cũng đến hội quân ở đấy.

[4] Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư chịu trách nhiệm giữ vùng bờ biển, không chặn nổi thủy quân giặc, để chúng qua được cửa An Bang tiến về Vạn Kiếp. Vân Đồn nay tức là Vân Hải, tỉnh Quảng Ninh.

[**54a**] **Mậu Tý,** [Trùng Hưng] năm thứ 4 [1288], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 25). Mùa xuân, tháng giêng, Ô Mã Nhi đánh vào phủ Long Hưng[1].

Ngày mồng 8, quan quân hội chiến ngoài biển Đại Bàng, bắt được 300 chiếc thuyền giặc, 10 thủ cấp giặc, quân Nguyên bị chết đuối rất nhiều[2].

Tháng 2, ngày 29, Ô Mã Nhi đánh vào trại Yên Hưng[3].

Tháng 3, ngày mồng 8, quân Nguyên hội ở sông Bạch Đằng để đón thuyền lương của bọn Trương Văn Hổ nhưng không gặp. Hưng Đạo Vương đánh bại chúng.

Trước đó, Vương đã đóng cọc ở sông Bạch Đằng, phủ cỏ lên trên. Hôm ấy, nhân lúc nước triều lên, Vương cho quân khiêu chiến rồi giả cách thua chạy, bọn giặc đuổi theo, quân ta cố sức đánh lại. Nước triều xuống, thuyền giặc vướng cọc hết. Nguyễn Khoái chỉ huy quân Thánh dực dũng nghĩa đánh nhau với giặc, bắt sống Bình chương Áo Lỗ Xích[4]. Hai vua đem quân tiếp đến, tung quân đánh lớn, quân Nguyên chết đuối nhiều không kể xiết, nước sông do vậy đỏ ngầu cả. Đến khi Văn Hổ tới quân mai phục hai bên bờ hăng hái xông ra đánh, [**54b**], lại đánh bại chúng. Nước triều rút nhanh, thuyền lương của Văn Hổ mắc trên cọc, nghiêng đắm gần hết. Quân Nguyên chết đuối rất nhiều. Bắt được 400 chiếc thuyền. Nội Minh tự Đỗ Hành bắt được Ô Mã Nhi và Tích Lê Cơ Ngọc[5] dâng lên thượng hoàng[6]. Thượng hoàng sai dẫn lên thuyền ngự, cùng ngồi nói chuyện với chúng và uống rượu vui vẻ. Thoát Hoan và A Thai dẫn quân trốn về Tư Minh, thổ quan là Hoàng Nghệ bắt được đem dâng[7].

Hai vua trở về phủ Long Hưng.

Ngày 17, đem các tướng giặc bị bắt là Tích Lệ Cơ Ngọc, Nguyên soái Ô Mã Nhi, Tham chính Sầm Đoàn, Phàn Tiếp, Nguyên soái Điền, các Vạn hộ, Thiên hộ làm lễ dâng thắng trận ở Chiêu Lăng.

Trước đó quân Nguyên đã khai quật Chiêu Lăng muốn phá đi, nhưng không phạm được tới quan tài. Đến khi giặc thua, chân ngựa đá [ở lăng] đều bị lấm bùn. Đó là thần linh giúp ngầm vậy. Khi vua cử lễ bái yết, có làm thơ rằng:

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cổ điện [**55a**] kim âu.
(Xã tắc hai phen bon ngựa đá,
Non sông ngàn thuở vững âu vàng[8].

Ngày 27, xa giá hai vua trở về kinh sư.

Mùa hạ, tháng 4, Thượng hoàng ngự ở hành lang Thị Vệ (vì cung điện bấy giờ đã bị giặc đốt hết), đại xá thiên hạ. Những nơi bị binh lửa, cướp phá thì miễn giảm theo mức độ khác nhau.

Vua dụ ty Hành khiển giao hảo với viện Hàn lâm.

---

[1] Phủ Long Hưng: là đất huyện Tiên Hưng cũ, nay thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, nơi có lăng mộ của họ Trần. Bọn Ô Mã Nhi đã khai quật lăng Trần Thái Tông để trả thù lần thất bại trước.

[2] Trận Đại Bàng là trận thủy chiến giữa thủy quân nhà Trần với bọn Ô Mã Nhi khi bọn này đi đón thuyền lương của Trương Văn Hổ. Cửa Đại Bàng nay là cửa Văn Úc ở huyện Kiến An, Hải Phòng.

[3] Trại Yên Hưng: ở vùng huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Sau khi đón thuyền lương của Trương Văn Hổ không kết quả. Ô Mã Nhi trở về Vạn Kiếp. Trên đường về, hắn cho quân đi cướp phá một số nơi thuộc An Bang (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh) như trại Yên Hưng.

[4] Thực ra, Áo Lỗ Xích theo Thoát Hoan trốn thoát chứ không bị bắt.

[5] Nhiều tài liệu khác đều ghi là Tích Lê Cơ, hay Tích Lê Cơ Đại Vương. Viên tướng Mông Cổ này tên là Tích Lê Cơ, còn Vương là tước hiệu. Chữ Ngọc? chép lầm từ chữ Vương?.

[6] Đoạn này có nhiều sai lầm, đã chép lẫn lộn việc Ô Mã Nhi đi đón thuyền lương của Trương Văn Hổ với trận phục kích đánh bọn Ô Mã Nhi khi chúng rút chạy về nước.

[7] Thoát Hoan theo đường bộ chạy trốn, đã thoát được, chứ không bị bắt.

[8] Âu vàng (kim âu): Là biểu tượng sự toàn vẹn và vững chắc của lãnh thổ một nước.

Lệ cũ, mỗi khi tuyên đọc lời vua, thì viện Hàn lâm lĩnh đưa bản thảo tờ chiếu cho Hành khiển để giảng tập trước. Đến khi tuyên đọc, thì giảng cả âm nghĩa cho dân thường dễ hiểu, vì chức Hành khiển để dùng hoạn quan thôi. Bấy giờ, Lê Tòng Giáo làm tả phụ, vốn bất hòa với Hàn kâm phụng chỉ Đinh Củng Viên. Ngày tuyên đọc lời vua đã đến rồi mà Củng Viên vẫn cố ý không đưa bản thảo. Tòng Giáo đòi nhiều lần vẫn không được.

Hôm ấy, xa giá sắp ra ngoài cung, Củng Viên mới đưa bản thảo. Tòng Giáo tuyên đọc tờ chiếu đại xá, không hiểu âm nghĩa, phải im lặng. Vua [**55b**] gọi Củng Viên đứng đằng sau, nhắc bảo âm nghĩa. Tòng Giáo rất thẹn. Tiếng nhắc của Củng Viên to dần, mà tiếng đọc của Tòng Giáo lại nhỏ đi, trong triều chỉ còn nghe thấy tiếng của Củng Viên thôi. Vua về trong cung, gọi Tòng Giáo dụ bảo:

"Củng Viên là sĩ nhân, ngươi là trung quan[1] sao lại bất hòa đến thế? Ngươi là lưu thủ Thiên Trường, dùng con rươi quả quýt đi lại, đưa tặng lẫn nhau thì có việc gì?".

Từ đó, Tòng Giáo và Củng Viên giao hảo với nhau càng gắn bó.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua bảo kẻ thần hạ tặng biếu giao hảo với nhau, thì chẳng phải là gây cái tệ tư giao giữa người làm tôi với nhau sao?

Xin thưa, giao hảo với tư giao, việc thì giống nhau, nhưng tình thì có khác. Đem tư tâm mà kết ngầm với nhau, đó là tư giao, như Kinh Xuân thu chê Thái Bá đến nước Lỗ là thế[2] . Lấy tình nghĩa giao hoan với nhau thì không phải là tư giao, như thi nhân ngâm vịnh việc tặng dưa tặng mận[3] cho nhau [**56a**] là vậy. Vua bảo bề tôi giao hảo với nhau là để cùng nhau làm tốt việc của nhà vua. Nhà Trần trung hậu như thế [qua việc này] có thể thấy được. Nhưng lấy hoạn quan không biết chữ làm Hành khiển thì cũng không phải.

Mù thu, tháng 9, phu nhân Hưng Đạo Vương Nguyên từ quốc mẫu Trần thị (tức công chúa Thiên Thành) mất.

Mùa đông, tháng 10, sai Đỗ Thiên Hư (Thiên Hư là em Khắc Chung) sang Nguyên. Đỗ Khắc Chung [trước đây] đi sứ sang Nguyên có công, đến nay, tiến cử em là Thiên Hư. Vua nghe theo.

Kỷ Sửu, Trùng Hưng năm thứ 5 [1289], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 26). Mùa xuân, tháng 2, sai Nội thư Hoàng Tá Thốn đưa bọn Ô Mã Nhi về nước, dùng kế của Hưng Đạo Vương, lấy người giỏi bơi lặn, sung làm phu thuyền, ban đêm dùi thuyền cho đắm, bọn Ô Mã Nhi đều chết đuối cả.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Chữ tín là vật báu của nước, mà làm cho người khác phục mình sâu sắc thì đó là gốc của vương chính. [**56b**] Hưng Đạo Vương dùng bá thuật[4], muốn được thành công trong một thời mà không biết làm như thế là đã thất tín với muôn đời. Đã nói là đưa về nước lại dùng mưu kế để giết đi, thì thực quỷ quyệt quá lắm. Thái Tổ Cao Hoàng Đế nước Đại Việt ta[5] đang khi dẹp loạn, định tha người Minh về nước. Bọn nguỵ quan có kẻ viện dẫn cho người Minh nghe câu chuyện dùi thuyền của Hưng Đạo Vương khi trước nhằm ngăn cản ý muốn về nước của họ. Nhưng lòng tín thực của Thái Tổ thấu đến cả muông thú, nên rốt cuộc ngườu Minh tin theo không ngờ vực. Thế mới là làm cho người khác phục mình sâu sắc và là cội gốc của vương chính. Đâu có thể nói [chữ tín] chỉ là chuyện nhỏ nhặt.

Tháng 3, ngày mồng 1, nhật thực.

Mùa hạ, tháng 4, định công dẹp giặc Nguyên.

---

[1] Trung quan: tức là hoạn quan.

[2] Thái Bá làm khanh sĩ của nhà Chu, không có lệnh của vua nhà Chu, tự tiện sang nước Lỗ, như vậy là tư giao (Xem Tả truyện, Lỗ An Công năm thứ nhất).

[3] Thi Kinh có bài Mọc qua, ngâm vịnh việc tặng dưa tặng mận cho nhau, ca ngợi quan hệ hữu hảo tốt đẹp.

[4] Bá thuật: là những thủ đoạn xảo trá để đạt mục đích nhất thời, bất chấp nhân nghĩa. Đối lập với bá thuật là vương đạo, vương chính, nghĩa là đường lối chân chính, trọng nhân nghĩa, trọng tín lễ, làm cho người khác thực lòng tin phục.

[5] Chỉ Lê Lợi: Trong khi vây đánh thành Đông Quan, Lê Lợi nhiều lần viết thư dụ hàng bọn Vương Thông, hứa sẽ cho chúng an toàn về nước. Có lần Vương Thông định nghe theo, nhưng bọn nguỵ quan Lương Nhữ Hốt dẫn việc Hưng Đạo Vương dùi thuyền giết tù binh, Vương Thông lại ngoan cố chống lại. Sau khi hai cánh viện binh thất bại, Vương Thông mới chịu đầu hàng.

Tiến phong Hưng Đạo Vương làm Đại Vương, Hưng Vũ Vương làm Khai Quốc công, Hưng Nhượng Vương làm Tiết độ sứ. Người nào có công lớn thì được ban quốc tính. Khắc Chung được dự trong số đó, lại được nhận chức Đại hành khiển. Đỗ Hành chỉ được phong [**57a**] Quan nội hầu, vì khi bắt được Ô Mã Nhi không dâng lên quan gia[1], lại dâng lên Thượng hoàng. Hưng Trí Vương không được thăng trật, vì đã có chiếu cho người Nguyên về nước, các tướng không được cản trở, mà lại còn đón đánh chúng. Cho Man trưởng Lạng Giang Lương Uất làm trại chủ Quy Hóa. Hà Tất Năng làm Quan phục hầu vì đã chỉ huy người Man đánh giặc.

Việc thưởng tước đã xong, vẫn còn có người chưa bằng lòng. Thượng hoàng dụ rằng:

"Nếu các khanh biết chắc là giặc Hồ không vào cướp nữa thì nói rõ cho trẫm biết, dù có thăng đến cực phẩm trẫm cũng không tiếc. Nếu không thế mà đã vội thưởng hậu, vạn nhất giặc Hồ trở lại, và các khanh lại lập công nữa thì trẫm lấy gì mà thưởng để khuyến khích thiên hạ".

Mọi người đều vui vẻ phục tùng.

Tháng 5, trị tội những kẻ đã hàng giặc. Chỉ quân lính và dân thường được miễn tội chết, nhưng bắt chở gỗ đá, xây cung điện để chuộc tội, quan viên phạm tội [**57b**] [hàng giặc] thì tùy tội nặng nhẹ mà xét xử.

Lấy Phùng Sĩ Chu làm Hành hiển.

Sĩ Chu người [xã] Cổ Liễu, Trà Hương. Khi người Nguyên sang, vua sai Sĩ Chu bói. Sĩ Chu đoán rằng: "Thế nào cũng đại thắng".

Vua mừng bảo; "Nếu đúng như lời đoán, sẽ có trọng thưởng".

Giặc yên, vua nói: "Thiên tử không có nói đùa". Do đấy, có lệnh này. Sĩ Chu là người trung hiếu, có tài văn nghệ, làm quan đến Thiếu phó, hiệu là Tốn Trai tiên sinh.

Gia phong Nguyễn Khoái làm liệt hầu, ban cho một quận thang mộc, gọi là Khoái Lộ?, sau đổi thành Khoai Lộ? (nay là phủ Khoái Châu).

Định các công thần [đánh Nguyên] lần trước và lần sau. Người nào xông lên trước phá trận giặc, lập kỳ công thì chép vào tập Trung hưng thực lục lại sai vẽ hình.

Xử tội đồ quân dân hai hương Ba Điểm và Bàng Hà, làm thang mộc binh[2], không được làm quan, ban cho tể thần làm sai sử hoành[3].

Trướóc kia, người Nguyên vào cướp, vương hầu, quan lại nhiều người đến doanh trại giặc xin hàng. Đến khi giặc thua [**58a**] bắt được cả một hòm biểu xin hàng. Thượng hoàng sai đốt hết đi để yên lòng những kẻ phản trắc. Chỉ có kẻ nào đầu hàng trước đây, thì dẫu bản thân ở triều đình giặc, cũng kết án vắng mặt, xử tội đi đày hoặc tử hình, tịch thu điền sản, sung công, tước bỏ quốc tính. Như Trần Kiện là con của Tĩnh Quốc thì đổi làm họ Mai. Người khác cứ theo lệ ấy mà đổi, như bọn Mai Lộng, Ích Tắc là chỗ tình thân cốt nhục, tuy trị tội cũng thế, nhưng không nỡ đổi họ xóa tên, chỉ gọi là Ả Trần, có ý chê hắn hèn nhát như đàn bà vậy. Vì thế, những ghi chép đương thời đều gọi là Ả Trần, Mai Kiện...

Có tên Đặng Long là cận thần của vua, rất giỏi văn học, tước đến hạ phẩm, đã được ghi chú để cất nhắc. Vua định cho làm Hàn lâm học sĩ, nhưng lâm học sĩ, nhưng Thượng hoàng ngăn lại. Hắn mang dạ bất bình, đến giờ cũng hàng giặc. Giặc thua, hắn bị bắt, đem chém để răn bảo kẻ khác.

Thượng hoàng ngự đến hành cung Thiên Trường, có làm bài thơ rằng:

Cảnh thanh u vật diệc thanh u,
Thập nhất [**58b**] tiên châu, thử nhất châu.

---

[1] Thời Trần gọi vua là Quan gia.

[2] Thang mộc binh: Lính hầu trong các ấp thang mộc, tức đất phong của vương hầu.

[3] Sai sử hoành: nô tỳ dùng để sai khiến.

Bách bộ sênh ca, cầm bách thiệt,
Thiên hàng nô bộc quất thiên đầu
Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự,
Thủy hữu thu hàm thiên hữu thu.
Tứ hải dĩ thanh trần dĩ tính,
Kim niên du thắng tích niên du

(Cảnh thanh u, vật cũng thanh u,
Mười một tiên châu, đây một châu.
Trăm giọng chim ca, trăm bộ sáo
Ngàn hàng cây quýt ngàn tên nô
Trăng vô sự soi người vô sự,
Nước vẻ thu ngậm trời vẻ thu.
Bốn biển đã quang, trần đã lặng.
Chuyến đi nay thắng chuyến đi xưa).

Vì là xúc cảm về hai lần đánh giặc đã qua mà phát thành thơ vậy.

Hạn từ tháng 6 mùa hạ đến tháng 10 mùa đông.

Canh Dần, [Trùng Hưng] năm thứ 6 [1290], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 27). Mùa xuân, tháng 2, chọn quan văn chia đi cai trị các lộ.

Vua thân đi đánh Ai Lao. Triều thần can rằng: "Giặc Hồ vùa rút, vết thương chưa lành, đâu đã có thể dấy binh đao!".

Vua nói:

"Chỉ có thể lúc này ra quân thôi. Vì sau khi giặc rút, ba cõi tất cho là lính tráng, ngựa chiến của ta đã chết cả, thế không thể lên nổi, sẽ có sự khinh nhờn từ bên trong, cho nên phải cất quân lớn để thị uy".

Bầy tôi đều nói:

"Nhà vua há chẳng biết làm nhọc dân là việc đáng lo, nhưng còn có việc đáng lo lớn hơn [**59a**] thế nữa. Thánh nhân lo xa, bọn thần không thể nghĩ đến được".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bây giờ, triều thần can việc thân chinh chưa phải là sai lắm, đến khi nghe lời Nhân Tông mà vội tán tụng là "thánh nhân lo xa" thì gần như là nịnh hót rồi.

Tháng 3, gia phong Tá Thiên Đại Vương Đức Việp làm Nhập nội Kiểm hiệu thái úy.

Mùa hạ, tháng 4, sông Tô Lịch chảy ngược (sôngnày hễ có mưa to thì nước rút, tràn và chảy ngược).

Tháng 5, ngày 25, Thượng hoàng băng ở cung Nhân Thọ.

Lấy Hạ phẩm phụng ngự Phạm Ngũ Lão chỉ huy Hữu vệ Thánh dực quân.

Mùa thu, tháng 8, sai Ngô Đình Giới sang cáo phó với nước Nguyên.

Tháng 9, để tang Thánh Tông mới hơn 3 tháng, Ngự sử đại phu Đỗ Quốc Kế tâu rằng:

"Phàm để tang không nên [**59b**] làm thương tổn người sống. Nay thiên tử đều dùng kiệu khiêng, thế là người sống bị tổn thương, xin hãy cưỡi ngựa". Vua nghe theo, chỉ dùng yên trắng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Xem lời tâu của Quốc Kế, chẳng những học vấn nông cạn mà kiến thức cũng thấp hèn. Cưỡi ngựa không phải là điều nên làm trtong tang chế mà cứ xin cưỡi ngựa; làm thương tổn người [sống] có người là hủy thân thể, diệt sinh mạng, mà lại bảo [đi kiệu] là thương tổn người [sống]! Học vấn của hắn như thế, kiến

thức của hắn như thế thì việc sửa lầm, nắn lỗi sẽ ra sao? Nhân Tông đang có tang, không nhận ra điều sai trái đó mà lại lầm lẫn làm theo thì cũng không phải.

Đói to, 3 thăng gạo giá 1 quan tiền, dân nhiều người bán ruộng đất, và bán con trai con gái làm nô tỳ cho người, mỗi người giá 1 quan tiền.

Xuống chiếu phát thóc công chẩn cấp dân nghèo và [**60a**] miễn thuế nhân đinh.

Mùa đông, tháng 12, ngày 15, táng [Thượng hoàng] ở Dụ Lăng, miếu hiệu là Thánh Tông, truy tôn là Huyền Công Thịnh Đức Nhân Minh, Văn Vũ Tuyên Hiếu Hoàng Đế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thánh Tông nối nghiệp Thái Tông, giữa chừng gặp tai họa giặc vào cướp, đã ủy nhiệm tướng thần, cùng với Nhân Tông chung sức, cùng nhau vượt qua, khiến cho thiên hạ đã tan mà lại họp, xã tắc đã nguy mà lại yên, suốt đời Trần, không còn nạn xâm lược của giặc Hồ[1] nữa. Công lao ấy to lớn lắm.

Tân Mão,[Trùng Hưng] năm thứ 7 [1291], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 28). Năm này lại đói to, ngoài đường nhiều người chết đói.

Nhà Nguyên sai Lễ bộ thượng thư Trương Lập Đạo sang dụ vua vào chầu[2]. Năm sau, (vua) sai Nguyễn Đại Phạp sang Nguyên từ chối, lấy cớ có tang.

[**60b**] **Nhâm Thìn,** [Trùng Hưng] năm thứ 8 [1292], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 29). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, nhật thực.

Lấy Phí Mạnh làm An phủ Diễn Châu, giữ chức chưa bao lâu, có tiếng đồn là tham ô, vua triệu về, đánh trượng, lại sai đi trấn trị. Sau được tiếng là công bằng thang liêm. Người Diễn Châu vì thế có câu rằng: "Diễn Châu an phủ thanh như thủy" (An Phủ Diễn Châu trong tựa nước).

Lấy Trần Thì KIến làm An phủ lộ Yên Khang[3], nhưng tên huyện đã bỏ và đất chia nhập vào huyện Tam Điệp và huyện Kim Sơn.

Trước đây, quân Nguyên vào cướp, vua sai Thì Kiến bói, được quẻ Dự biến sang quẻ Chấn, đoán là tốt. Mùa hạ năm sau, quân Nguyên đại bại, quả đúng như lời đoán. Mùa thu năm Trùng Hưng thứ 2, quân Ngyên lại vào cướp, vua lại sai bói, được quả Quan biến sang quẻ Hoán, [Kiến] đoán: "Hoán nghĩa là tan, là điềm giặc tan". Sau quân Nguyên đến sông Bạch Đằng, quả nhiên tan chạy. Vua khen tài của Kiến, cho nên có lệnh này.

Tháng 2, ngày mồng 3, lập Đông cung thái tử Thuyên làm Hoàng thái tử. Lấy con gái trưởng [**61a**] của Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng làm phi cho thái tử.

Lấy Đinh Củng Viên làm Thái tử thiếu bảo, thăng tước Quan nội hầu.

Tháng 3, xuống chiếu rằng phàm văn tự bán đứt hoặc cầm đợ thì phải làm hai bản giống nhau, mỗi bên cầm một bản.

Xuống chiếu cho những mua dân lương thiện làm nô tỳ thì phải cho chuộc lại; ruộng đất, nhà cửa không theo luật này. Vì là nạn đói hai năm Canh Dần và Tân Mão, nhiều người chết, [nên có chiếu này].

Vua từng ngự chơi bên ngoài, giữa đường, hễ gặp gia đồng của vương hầu thì tất gọi chúng mà hỏi: "Chủ mày đâu?", rồi răn các vệ sĩ không được thét đuổi. Đến khi về cung, bảo tả hữu rằng:

"Ngày thường thì có thị vệ tả hữu, khi quốc gia lắm hoạn nạn thì chỉ có bọn chúng có mặt". Vì là vua cảm mến bọn chúng đi theo bảo vệ mình hồi phải chạy ra khỏi kinh thành mà nói thế.

---

[1] Giặc Hồ ở đây chỉ quân xâm lược Nguyên Mông.

[2] Theo An Nam chí lược, mãi đến ngày 18 tháng 3 năm Nhâm Thìn (1292), Trương Lập Đạo mới tới Khâu Ôn (Ôn Châu, Lạng Sơn).

[33]Yên Khang: là huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Nguyễn Đại Phạp đến nước Nguyên, người Nguyên gọi là Lão lệnh công. Đại Phạp tới Ngọc Châu, vào yết kiến các quan bình chương ở hành tỉnh. Lúc ấy Chiêu QuốcVương Ích Tắc cũng ngồi ở đó. Đại Phạp [**61b**] chỉ không chào một mình hắn. Ích Tắc hỏi:

"Ngươi không phải là tên biên chép ở nhà Chiêu Đạo Vương đó ư?" (Chiêu Đạo Vương trước tên là Quang Xưởng, là con thứ của Thái Tông, anh cùng mẹ của Ích Tắc). Đại Phạp trả lời"

"Việc đời đổi thay, Đại Phạp trước vốn là tên biên chép cho Chiêu Đạo Vương, nay là sứ giả, cũng như Bình chương xưa kia là con vua, nay lại là người đầu hàng giặc".

Ích Tắc có vẻ hổ thẹn. Từ đấy về sau, sứ ta đến, hắn không còn ngồi ở tỉnh đường nữa.

Quý Ty, [Trùng Hưng] năm thứ 9 [1293], (từ tháng 3 trở đi là Anh Tông Hưng Long năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 30). Mùa xuân, tháng 3, ngày mồng 9, vua nhường ngôi cho Hoàng thái tử Thuyên. [Hoàng thái tử Thuyên] lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Hưng Long năm thứ 1, đại xá, tự xưng là Anh Hoàng, tôn Thượng hoàng làm Hiến Nghiêu Quang Thánh Thái Thượng Hoàng Đế, tôn Bảo Thánh hoàng hậu làm Khâm Từ Bảo Thánh hoàng thái hậu. Quần thần dâng tôn hiệu là Ứng Thiên Quảng Vận Nhân Minh Thánh Hiếu Hoàng Đế. Phong bà phi làm Văn Đức phu nhân, rồi lại phế đi, lấy em gái Văn Đức làm Thánh [**62a**] Tư phu nhân.

Mùa thu, tháng 9, ngày 13, Khâm từ bảo thánh hoàng thái hậu băng ở Lỗ Giang, phủ Long Hưng, tạm quàn ở cung Long Hưng.

Thái hậu nhu mì đức tốt, thông minh sáng suốt, nhân hậu với kẻ dưới.

Thượng hoàng có lần làm chuồng hổ ở thềm Vọng Lâu, sai quân sĩ đánh nhau với hổ, [thượng hoàng] ngự trên lầu để xem, thái hậu và phi tần đều theo hầu. Lầu thấp, song chuồng hổ và thềm cũng thấp, hổ bỗng nhiên thoát khỏi chuồng trèo lên lầu. Người trên lầu đều tan chạy cả. Chỉ có Thượng hoàng và Thái hậu cùng 4, 5 thị nữ còn ở đó. Thái hậu nghĩ không khỏi bị hại, mới lấy chiếc chiếu che cho Thượng hoàng và tự che mình. Hổ lên lầu gầm rống rồi nhảy xuống không vồ hại ai cả.

Lại một lần Thượng hoàng ngự điện Thiên An xem đấu voi ở Long Trì. Con voi bỗng nhiên xổng thoát,xông tới, định lên điện, tả hữu đều sợ hãi tan chạy cả, chỉ có Thái hậu vẫn ở đó.

> [**62b**] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Hổ hay vồ, voi hay quật, há chẳng đáng khiếp sợ sao. Thế mà Thái hậu đương lúc chúng lồng lộn xông xáo, tâm thần không dao động, bình tĩnh đối phó vì bà suy nghĩ chín chắn, lý lẽ đã sáng tỏ vậy.

Kể người đàn bà dáng điệu mềm yếu mà có thể như thế, so với nàng Tiệp Dư ngày xưa đứng chắn gấu [cho vua][1], có lẽ cũng không thẹn gì. Kẻ sĩ đại phu, há chẳng nghĩ làm thế nào đạt đến mức suy nghĩ chín chắn, lý lẽ sáng tỏ, để đối phó với mọi chuyển biến của sự cơ hay sao?

Có người nói Nhân Tông xem đánh hổ, đấu voi, nếu Thái hậu quả là nguười hiền, thì nên can ngăn đi, can mà [vua] không nghe, thì cởi trâm hoa dể tạ tội là phải[2]. Nay lại đi theo để xem, đến lúc nguy cấp, thoát khỏi tai họa là may, sao lại được gọi là hiền?

Xin thưa: Đó là những lời trách quá đáng, không phải là lời bàn thường tình.

[**63a**] Chiêm Thành sang cống.

Sao Chổi xuất hiện ở vùng sao Tử Vi, sát tới sao Đẩu, sao Khôi, tia sáng hơn 1 thước, đến trăm ngày mới tắt.

Nhà Nguyên sai Binh bộ thượng thư Lương Tằng dụ vua vào chầu. Vua lấy cớ có bệnh từ chối, sai Đào Tử Kỳ sang tặng phương vật. Nhà Nguyên giữ Tử Kỳ ở Giang Lăng, lập An Nam hành tỉnh, lấy

---

[1] Phùng Tiệp Dư, là một cung nhân của Hán Nguyên Đế; đứng hầu Nguyên Đế xem chuồng gấu, gấu bỗng xổng thoát, định trèo lên điện, Tiệp Dư đứng chắn trước vua, ngăn không cho gấu đụng đến vua.

[2] Theo tích Khương Hậu, vợ Chu Tuyên Vương, Khương Hậu thấy vua hay dậy trưa, khuyên mãi không được, bèn cởi bỏ trâm hoa mà tạ tội. Tuyên Vương từ đấy chăm chính sự, ra chầu sớm, bãi chầu muộn.

bọn Bình chương Lưu Nhị Bạt Đô[1] cầm quân đóng ở Tĩnh Giang[2], đợi lệnh tiến đánh. Tháng giêng năm năm sau, nguyên Thế Tổ băng. [Nguyên] Thành Tông[3] lên ngôi, xuống chiếu bãi binh, thả Tử Kỳ về nước.

Phong em là Quốc Chẩn làm Huệ Vũ Đại Vương.

[1] Tức Lưu Quốc Kiệt, Bạt Đô là phiên âm tiếng Mông Cổ (baatur), có nghĩa là "dũng sĩ". "người dũng cảm", là danh hiệu của Lưu Quốc Kiệt.

[2] Tĩnh Giang: tức là huyện Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[3] Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt chết ngày Quý Dậu, tháng giêng, năm Giáp Ngọ (18 tháng 2 năm 1294). Nguyên Thành Tông tức là Thiết Mộc Nhĩ (Tamur) lên ngôi, ra lệnh bãi binh đánh Đại Việt.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển VI

[1a]

Kỷ Nhà Trần

Anh Tông Hoàng Đế

Tên là Thuyên, con trưởng Nhân Tông, mẹ là Khâm Từ Bảo Thánh hoàng thái hậu, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 6 năm, thọ 45 tuổi, băng ở cung Trùng Quang, phủ Thiên Trường, táng ở Thái Lăng. Vua khéo biết kế thừa, cho nên thời cuộc đi tới thái bình, chính trị trở nên tốt đẹp, văn vật chế độ ngày càng thịnh vượng, cũng là bậc vua tốt của triều Trần. Song tụ họp nhà sư trên núi Yên Tử, làm nhọc sức dân dựng gác Ánh Vân, thì chẳng phải là tỳ vết nhỏ trong đức lớn đó sao?

Giáp Ngọ, Hưng Long năm thứ 2 [1294], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 31). Mùa xuân tháng 2, ngày mồng 7 ban bố các chữ quốc húy: chữ húy của vua là Thuyên, của Nhân Tông là Khâm, của Thánh Tông là Hoảng; của Thái Tông là Cảnh, của Thái Tổ là Thừa, của Nguyên Tổ là Lý; các chữ nội húy: Thánh Từ hoàng hậu là Phong, Thuận Từ hoàng hậu là Diệu, Hiển Từ hoàng hậu là Oanh, Nguyên Thánh hoàng hậu là **[1b]** Hâm.

Tháng 3, lấy Nhập nội phán thủ thượng vị Chiêu Hoài hầu Hiện làm Đô áp nha, coi giữ các sắc mục trong ngoài cung Thánh Từ, lấy con Văn Túc Vương[1] là Văn Bích làm Thượng vị Uy Túc hầu.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 3, Thượng tướng thái sư Chiêu Minh Đại Vương Quang Khải mất, thọ 54 tuổi.

Quang Khải lúc mới sinh, phát chứng kinh suýt chết, Thái Tông lấy áo của Thượng hoàng và thanh gươm báu truyền quốc để bên cạnh rồi bảo ông: "Nếu sống lại, sẽ ban cho những thứ này".

Đến khi sống lại, Thái Tông nói:

"Gươm báu truyền quốc, không thể trao bừa, chỉ ban cho áo của Thượng hoàng thôi".

Quang Khải có học thức, hiểu tiếng nói của các phiên[2]. Trước kia, Thánh Tông thân đi đánh giặc, Quang Khải theo hầu, ghế tể tướng bỏ không, vừa lúc có sứ phương Bắc đến. Thái Tông gọi Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn tới bảo:

"Thượng tướng đi theo hầu vắng, trẫm định lấy khanh làm Tư đồ để tiếp sứ phương Bắc".

Quốc Tuấn trả lời:

"Việc tiếp **[2a]** sứ giả, thần không dám từ chối, còn như phong thần làm Tư đồ thì thần không dám vâng chiếu. Huống chi Quan gia đi đánh giặc xa, Quang Khải theo hầu mà bệ hạ lại tự ý phong chức, thì tình nghĩa trên dưới, e có chỗ chưa ổn, sẽ không làm vui lòng Quan gia và Quang Khải. Đợi khi xa giá trở về, sẽ xin vâng mệnh cũng chưa muộn".

---

[1] Văn Túc Vương: tên là Đạo Tái, con của Trần Quang Khải.

[2] Chỉ các dân tộc ít người sống trên lãnh thổ Đại Việt thời đó. Nhật Duật còn biết tiếng của nước xung quanh Đại Việt, như Hán, Chăm-pa.

Đến khi Thánh Tông trở về, việc ấy lại bỏ đấy, vì hai người vốn không ưa nhau.

Một hôm, Quốc Tuấn từ Vạn Kiếp tới, Quang Khải xuống thuyền chơi suốt ngày mới trở về. Lại Quang Khải vốn sợ tắm gội, Quốc Tuấn thì thích tắm thơm, từng đùa bảo Quang Khải:

"Mình mẩy cáo bẩn, xin tắm giùm", rồi cởi áo Quang Khải ra, dùng nước thơm tắm cho ông và nói:

"Hôm nay được tắm cho Thượng tướng".

Quang Khải cũng nói: "Hôm nay được Quốc công tắm rửa cho".

Từ đó, tình nghĩa qua lại giữa hai người càng thêm mặn mà. Bản thân làm tướng văn, tướng võ, giúp rập nhà vua, hai ông đứng hàng đầu.

Quang Khải ham học hay thơ, có Lạc đạo **[2b]** tập lưu hành ở đời. Con ông là Văn Túc Vương Đạo Tái cũng nổi tiếng về văn học thời đó, được Thượng hoàng ưu ái hơn các em thúc bá khác.

Bấy giờ, Thượng hoàng đến Vũ Lâm[1] vào chơi hang đá, cửa núi đá hẹp, thượng hoàng ngự chiếc thuyền nhỏ, Tuyên Từ thái hậu ngồi đằng đuôi thuyền, gọi Văn Túc Vương lên mũi thuyền, chỉ để một người chèo thuyền thôi. Đến khi thượng hoàng xuất gia, sắp ra đi, mời Đạo Tái vào điện Dưỡng Đức cung Thánh Từ cho ngồi ăn các món hải vị, làm thơ rằng:

Hồng thấp bác quy cước,
Hoàng hương chích mã an,
Sơn tăng trì tịnh giới,
Đồng tọa bất đồng xan.
(Quy cước[2] bóc đỏ ướt,
Mã yên nướng vàng thơm,
Sơn tăng giữ trai giới,
Cùng ngồi chẳng cùng ăn).

Tin yêu, quý mến Đạo Tái đến như vậy, định dùng ông vào chức to, nhưng trời không cho sống lâu. Cháu [Quang Khải] là Uy Túc công Văn Bích làm Thái bảo thời Minh Tông, chắt là Chương Túc quốc thượng hầu Nguyên Đán là Từ đồ đời Nghệ Tông cũng có danh tiếng. Đức trạch [của Quang Khải] thực sâu dày, cùng hưởng phúc với nhà vua từ trước đến sau.

[3a] Tháng 8, Thượng hoàng đích thân đi đánh Ai Lao, bắt được người và súc vật nhiều không kể xiết. Trong chiến dịch này, Trung Thành Vương (không rõ tên) làm tiên phong, bị quân Ai Lao bao vây, Phạm Ngũ Lão dẫn quân ập tới, giải vây, rồi tung quân nghênh chiến, đánh bại quân Ai Lao. Ban kim phù cho Ngũ Lão.

Tháng 9, lấy ngày sinh làm tiết Sùng Thiên.

Thiếu bảo Đinh Củng Viên mất, vua tôn trọng không gọi tên ông.

Ất Mùi, [Hưng Long] năm thứ 3 [1295], (Nguyên Thành Tông Mộc Nhĩ Nguyên Trinh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 1, sứ Nguyên Tiêu Thái Đăng sang.

Vua sai Nội viên ngoại lang Trần Khắc Dụng, Phạm Thảo cùng đi theo, nhận được bộ kinh Đại Tạng đem về để ở phủ Thiên Trường, in bản phó để lưu hành.

Mùa hạ, tháng 6, Thượng hoàng trở về kinh sư. Vì [trước] đã xuất gia ở hành cung Vũ Lâm rồi lại trở về.

Bấy giờ, Tuyên Từ thái hậu từ khi Khâm Từ băng, phải quản việc trong cung, tính người khó khăn nóng nảy, dạy bảo rất nghiêm, mà vua vâng theo rất kính cẩn. Thượng hoàng **[3b]** nói [với vua]:

[1] Tức là xã Vũ Lâm huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

[2] Quy cước, mã yên: là hai món ăn. Quy cước là món sò huyết, mã yên: chưa rõ món gì.

"Cha tự thẹn xưng là Hiếu Hoàng, nên dùng danh hiệu ấy để gọi Quan gia thì phải".

Ngày 13, người đàn bà ở phường Tây Nhai phía hữu kinh thành là Lê Thị Ta nghe tin chồng là Phạm Mưu đi sứ nước Nguyên ốm mất, thương nhớ không ăn 3 ngày rồi cũng mất. Việc ấy tâu lên, [vua] cho bạc lụa để viếng.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Công chúa Thiều Dương nghe tin Thái Tông băng, kêu gào mãi rồi chết; Lê thị nghe tin chồng chết, không ăn mà chết; Mỵ Ê phu nhân tiết nghĩa không thờ hai chồng, nhảy xuống sông mà chết; vợ Ngô Miễn là Nguyễn Thị không phụ nghĩa chồng, cũng nhảy xuống sông chết theo chồng. Mấy người này đức hạnh thuần hiếu, trinh tiết, trên đời thực không có nhiều. Các vua đương thời nêu khen họ để khuyến khích đời sau thực là phải lắm! Nhưng Thiều Dương và Nguyễn thị chưa được nêu khen, cho nên bàn chung cả ở đây.

Truy tặng Đinh Củng Viên làm Thiếu phó.

Mùa thu, tháng 8, thi con trai các quan văn từ miện sam[1] trở xuống **[4a]**ở nha An Hoa, sung bổ làm thuộc viên nha ấy.

Bính Thân, [Hưng Long] năm thứ 4 [1269], (Nguyên Trinh năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, Thượng phẩm Nguyễn Hưng đánh bạc, [vua sai] đánh chết.

> Phan Phu Tiên nói: Luật pháp nhà Trần nghiêm cấm đánh bạc đến như vậy, thế mà đến đời Dụ Tông lại công nhiên làm bậy, gọi là những người giàu vào cung đánh bạc, rồi sau người trong nước bắt chước cái dở ấy, không thể ngăn cấm được nữa. Cuối cùng vì tệ đánh bạc mà rồi mất nước.

Nhân Huệ Vương Khánh Dư từ Bài Áng vào chầu.

Người trong trấn kiện Khánh Dư tham lam thô bỉ. Hành khiển đem sự trạng tâu lên. Khánh Dư nhân đó tâu vua:

"Tướng là chim ưng, dân lính là vịt, dùng vịt để nuôi chim ưng thì có gì là lạ?".

Vua không hài lòng, Khánh Dư bèn trở về. Khánh Dư vào chầu không quá 4 ngày đã trở về, vì sợ ở lâu bị vua khiển trách.

Mùa thu, tháng 7, vua **[4b]** ngự đến Đông Bộ Đầu xem đua thuyền. Được mùa to.

Đinh Dậu, [Hưng Long] năm thứ 5[1279], (Nguyên Đại Đức năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, duyệt định dân binh các xã trong cả nước, bắt đời đời làm lính, không được làm quan theo quy chế cũ.

Đổi giáp thành hương.

Sai Chiêu Văn Vương Nhật Duật đi đánh sách A Lộc. Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng đi đánh sách Sầm Tử.

Ai Lao xâm phạm sông Chàng Long. Phạm Ngũ Lão đánh bại chúng, lấy lại được đất cũ. Ban vân phù cho Phạm Ngũ Lão.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Trần Thì Kiến làm Kiểm pháp quan, nhậm chức Đại an phủ Kinh sư.

Thì Kiến tính người cương trực, trước kia làm môn khách của Hưng Đạo Vương, Vương tiến cử ông, được cất nhắc làm An phủ sứ Thiên Trường. Có người trong hương, nhân ngày giỗ đem biếu mâm cỗ, Thì Kiến hỏi vì cớ gì mà biếu. Người ấy trả lời là vì ở gần trị sở [nên đem biếu] chứ không kêu xin gì. Mấy ngày sau, quả nhiên có việc kêu xin. Thì Kiến **[5a]** móc họng mửa ra. Đến đây lại được thăng làm Kiểm pháp quan. Mỗi khi có kiện tụng, thì dùng lý lẽ mà bắt bẻ, việc đến thì tìm phương pháp để ứng phó. Người đời đều cho là giỏi xét đoán kiện tụng (Thì Kiến người Cự Sa, huyện Đông Triều).

---

[1] Theo Cương mục thì miện sam là chức hiệu thư quyền miện, người đỗ thám hoa được bổ chức ấy. Sam là chức bạ thư mạo sam, người đỗ bảng nhãn được bổ chức ấy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thì Kiến hành động lạ lùng quá mức để uốn nắn cái tệ xin xỏ của người bấy giờ, cũng như Án Anh tằn tiện quá mức để uốn nắn cái thói xa xỉ tiếm lễ của Quan Trọng vậy.

Mùa đông, tháng 10, sai phủ tông chính khảo chính phả hệ của họ nhà vua.

Mậu Tuất, [Hưng Long] năm thứ 6 [1298], (Nguyên Đại Đức năm thứ 2). Mùa xuân, ban hai chữ húy là Ngụy và Châu.

Mùa thu, tháng 8, cấm mọi người không được xưng là "thần" với các nhà đại thần tôn thất.

Thi đánh gậy.

Tháng 9, gió lớn mưa to.

Mùa đông, tháng 10, đánh Ai Lao. Tướng Nguyên đầu hàng là Trương Hiển chết tại trận, được tặng tước minh tự, cho thờ ở Thái Thường.

Lấy Phạm Ngũ Lão làm Hữu kim ngô vệ đại **[5b]** tướng quân. Đặt [các quân hiệu] Thượng đô[1], Thủy dạ xoa đô, Chân kinh đô, thích các chữ như "Chân kim"... lên trán.

Tháng 12, sao Chổi mọc ở phương đông. Vua lánh không ở chính điện, giảm món ăn.

Lấy Ngự sử đại phu Trần Khắc Chung làm Đại an phủ Kinh sư.

Lấy Trần Thì Kiến làm Nhập nội hành khiển hữu gián nghị đại phu. Vua ban cho ông cái hốt có khắc bài minh ngự chế.

Thái sơn trinh cao,
Tượng hốt trinh liệt,
Linh trãi tiến giác,
Vi hốt nam chiết.
(Thái sơn rất cao,
Hốt ngà rất cứng,
Linh trãi[2] dâng sừng,
Làm hốt khó gãy).

Kỷ Hợi, [Hưng Long] năm thứ 7 [1299], (Nguyên Đại Đức năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 4, ngày 12, xuống chiếu cấm chữ húy của Khâm Minh Đại Vương và Thiện Đạo quốc mẫu (Khâm Minh tên húy là Liễu, Thiện Đạo tên húy là Nguyệt; Thiện Đạo là phu nhân của Liễu) khi làm văn không được dùng. Các các chữ Ngụy, Thấp, Nam, Càn, Tô, Tuấn, Anh, Tảng khi làm văn phải viết bớt nét. Nhà Trần kiêng tên huý họ ngoại bắt đầu từ đây.

Lấy Phạm Ngũ Lão làm Thân vệ tướng quân kiêm quản quân Thiên thuộc phủ Long Hưng.

[6a] Tháng 5, lấy Đoàn Nhữ Hải làm Ngự sử trung tán.

Bấy giờ Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường trở về kinh sư. Các quan trong triều không ai biết cả, vua thì uống rượu xương bồ say khướt. Thượng hoàng thong thả đi thăm khắp các cung điện, từ giờ Thìn đến giờ Tỵ. Cung nhân dâng bữa, Thượng hoàng ngoảnh nhìn không thấy vua, lấy làm lạ, hỏi là Quan gia ở đâu? Cung nhân vào trong nội đánh thức, nhưng ngài không tỉnh. Thượng hoàng giận lắm, lập tức trở về Thiên Trường, xuống chiếu cho các quan ngay ngày mai đều phải tới phủ Thiên Trường để điểm danh, ai trái lệnh sẽ bị xử tội.

Đến giờ Mùi vua mới tỉnh, cung nhân đem việc ấy tâu lên. Vua sợ quá, đi rảo ra khỏi cửa cung không thấy ai coi giữ; qua chùa Tư Phúc, thấy học sinh Đoàn Nhữ Hài ở cửa chùa. Vua hỏi: "Sao người

[1] Cương mục chép là Thượng chân đô.

[2] Theo truyền thuyết Trung Quốc, trãi là loài thú không chân, có 1 sừng, hễ gặp người không chính trực thì húc nên dùng trãi làm biểu tượng cho quan ngự sử giữ việc đàn hặc, hay gián quan giữ việc khuyên can vua.

lại ở đây?". Nhữ Hài vội vàng lạy rạp xuống đất tâu: "Thần vì mãi học, đi lỡ ra đây". Vua bèn dẫn Nhữ Hài vào buồng ngủ và bảo:

"Vừa rồi trẫm vì say rượu, có tội với Thượng hoàng, giờ trẫm định đến **[6b]** trước mặt ngài tạ tội, ngươi hãy thảo cho trẫm bài biểu".

Nhữ Hài đứng trước mặt vua, soạn xong tờ biểu. Vua bèn lấy thuyền nhẹ đi ngay, cho Nhữ Hài theo mình.

Sáng sớm hôm sau, vua tới phủ Thiên Trường, dâng biểu tạ tội. Thượng hoàng thấy Nhữ Hài, liền hỏi là người nào. Nội nhân trả lời là người dâng biểu của Quan gia. Thượng hoàng không nói gì.

Buổi chiều, mưa gió ập đến. Nhữ Hài vẫn cứ quỳ không nhúc nhích. Thượng hoàng hỏi: "Người ở trong sân có còn đấy không?". Nội nhân đáp rằng còn. Thượng hoàng bèn sai nhận biểu để xem, thấy lời lẽ khẩn thiết cho gọi vua vào bảo:

"Trẫm còn có con khác, cũng có thể nối ngôi được. Trẫm đang sống mà ngươi còn như thế, huống chi sau này?".

Vua rập đầu tạ tội. Thượng hoàng hỏi: "Ai soạn biểu cho ngươi".

Vua thưa: "Đó là thư sinh Đoàn Nhữ Hài".

(Sử cũ chép việc này vào năm Mùi đời Minh Tông nay xét nên để ở đây).

Thượng hoàng bèn gọi Nhữ Hài vào và bảo: "Bài biểu ngươi soạn, rất hợp lòng trẫm".

Rồi xuống chiếu cho Quan **[7a]** gia lại vẫn làm vua; các quan về triều như cũ.

Vua từ Thiên Trường trở về [Kinh], phong Nhữ Hài làm Ngự sử trung tán. Bấy giờ có người ghen Nhữ Hài tuổi trẻ làm quan to, làm thơ chế giễu rằng:

Phong hiến luận đàm truyền cổ ngữ,
Khẩu tồn nhữ xú Đoàn trung tán.
(Ôn câu chữ cổ: Đài ngự sử,
Miệng sữa còn hôi: Trung tán Đoàn).

Nhữ Hài là cận thần của vua. Vua nói năng hành động gì đều được biết cả. Đến khi nhận chức này, xem thực lục của sử thần chép, có chổ lầm lẫn, bèn sửa lại cho đúng, rồi đốt bỏ bản thảo cũ đi.

Vua bái yết sơn lăng.

Tháng 6, tế khắp các thần kỳ núi sông.

Mùa thu, tháng 7, xây am Ngự Dược trên núi Yên Tử.

Tháng 8, Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường lại xuất gia vào núi Yên Tử tu khổ hạnh.

Thượng hoàng có lần ngự cung Trùng Quang, vua đến chầu, quốc công Quốc Tuấn đi theo. Thượng hoàng nói:

"Nhà ta vốn là người hạ lưu (thủy tổ người Hiền Khánh), đời đời chuộng dũng cảm, thường xăm hình rồng vào đùi. Nếp nhà theo nghề võ, nên **[7b]** xăm rồng vào đùi để tỏ là không quên gốc".

Bấy giờ thợ xăm đã đợi mệnh ở ngoài cửa cung. Vua rình lúc Thượng hoàng quay nhìn chỗ khác, về ngay cung Trùng Hoa. Một lúc lâu, Thượng hoàng hỏi Quan gia đâu rồi, các quan tả hữu thưa là đã về cung Trùng Hoa. Thượng hoàng bảo: "Quan gia đã trốn rồi chăng? thì xăm cho Huệ Vũ Quốc Chẩn vậy".

Quốc phụ có xăm hình rồng ở đùi, mà về sau nối ngôi không xăm ở đùi nữa là bắt đầu từ Anh Tông.

Lại hồi quốc sơ, quân sĩ đều xăm hình rồng ở bụng, ở lưng và hai bắp đùi, gọi là "thái long" (rồng hoa).Vì khách buôn người Tống thấy dân Việt ta xăm hình rồng, lỡ gặp gió bão thuyền đắm, thuồng luồng không dám phạm tới, cho nên gọi là "thái long".

Vua thích vi hành, cứ đêm đến, lại lên kiệu, cùng với hơn chục thị vệ đi khắp trong kinh kỳ, gà gáy mới trở về cung. Có đêm, ra đến quân phường, bị bọn vô lại ném gạch **[8a]** trúng vào đầu vua. Người theo hầu thét lên: "Kiệu vua đấy". Bọn chúng biết nhà vua, mới tan chạy cả. Một hôm, thượng hoàng thấy đầu vua có vết thương, vặn hỏi, vua cứ thực mà thưa. Thượng hoàng giận giữ hồi lâu.

In các sách Phật giáo pháp sư, Đạo trường tân văn và Công văn cách thức ban hành trong cả nước.

Tháng 9, xuống chiếu rằng từ năm Canh Dần (1290), Tân Mão (1291) đến nay, phàm bán ruộng đất và mua gia nhân làm nô thì cho được chuộc, nếu để quá năm nay thì không cho chuộc nữa.

Xuống chiếu cho sĩ nhân trong nước ôn luyện để đợi thi.

Lấy nội quan Trần Hùng Thao làm Tham tri chính sự, đồng tri Thánh Từ cung tả ty sự. Sau Hùng Thao can tội phê án tha người nên bãi chức.

Canh Tý, [Hưng Long] năm thứ 8 [1300], (Nguyên Đại Đức năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 27, động đất 3 lần, suốt từ giờ thân đến giờ tý mới thôi.

Tháng 3 nhuận, Trần Quốc Khang chết.

Quốc Khang từng cai trị Diễn Châu, chọn **[8b]** con gái đẹp trong châu làm vợ lẽ nàng hầu, nên các con thứ như Huệ Nghĩa, Quốc Trinh đều do các bà Diễn Châu sinh ra. Về sau chức Tri châu Diễn Châu đều do con cháu Quốc Khang làm cả. Đến khi dòng giống thiếu người nối dõi, mới dùng người trong châu làm chức ấy.

Mùa hạ, tháng 4 (không chép ngày), mặt trời rung động.

Tháng 5, ngày 16, xuống chiếu rằng các quan văn võ trong triều ai mới có chữ phê mà không có ấn trướng hạ[1] thì phải giảm 1 tư, người có công đánh dẹp thì không phải giảm (đó là xét những thiếp ban cho trong thời gian mất ấn).

Người đàn bà lộ Hồng đẻ một con trai có hai đầu.

Tháng 6, ngày 24, sao sa.

Hưng Đạo Vương ốm. Vua ngự tới nhà thăm, hỏi rằng:

"Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào".

Vương trả lời:

"Ngày xưa Triệu Vũ dựng nước, vua Hán cho quân đánh, nhân dân làm kế "thanh dã"[2], đại quân ra Khâm Châu, Liêm Châu đánh vào Trường Sa, còn đoản binh thì đánh úp phía sau. Đó là **[9a]** một thời. Đời Đinh, Lê dùng người tài giỏi, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì mệt mỏi suy yếu, trên dưới một dạ, lòng dân không lìa, xây thành Bình Lỗ[3] mà phá được quân Tống. Đó lại là một thời. Vua Lý mở nền, nhà Tống xâm phạm địa giới, dùng Lý Thường Kiệt đánh Khâm, Liêm, đến tận Mai Lĩnh[4] là vì có thế.

Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt. Đó là trời xui nên vậy. Đại khái, nó cậy trường trận, ta dựa vào đoản binh. Dùng đoản [binh] chế trường [trận] là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như các tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, cóđược đội quân một lòng như cha

[1] Ấn trướng hạ: con dấu đóng trong khi hành quân, đánh dẹp.

[2] Thanh dã: làm vườn không nhà trống, khiến quân xâm lược tới không có một nguồn hậu cần tại chổ nào.

[3] Thành Bình Lỗ: chưa biết là ở đâu, nhưng có lẽ là nằm ở trong vùng hương Bình Lỗ hay quận Bình Lỗ đời Lê Đại Hành, tức khu vực nằm giữa sông Cầu và sông Cà Lô, gần Phù Lỗ, nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

[4] Đèo Mai Lĩnh: tức đèo Đại Du, phía nam huyện Đại Dũ, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

con thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân **[9b]** để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy".

Quốc Tuấn là con Yên Sinh Vương, lúc mới sinh ra, có một thầy tướng xem cho và bảo: "[Người này] ngày sau có thể giúp nước cứu đời".

Đến khi lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người, đọc rộng các sách, có tài văn võ. Yên Sinh Vương trước đây vốn có hiềm khích với Chiêu Lăng[1], mang lòng hậm hực, tìm khắp những người tài nghệ để dạy Quốc Tuấn. Lúc sắp mất, Yên Sinh cầm tay Quốc Tuấn giối giăng rằng:

"Con không vì cha lấy được thiên hạ, thì cha chết dưới suối vàng cũng không nhắm mắt được?.

Quốc Tuấn ghi điều đó trong lòng, nhưng không cho là phải.

Đến khi vận nước lung lay, quyền quân quyền nước đều do ở mình, ông đem lời cha dặn nói với gia nô là Dã Tượng, Yết Kiêu. Hai người gia nô can ông:

"Làm kế ấy tuy được phú quý một thời nhưng để lại tiếng xấu ngàn năm. Nay Đại Vương há chẳng đủ phú và quý hay sao? Chúng tôi thề xin chết già làm gia nô, chứ không **[10a]** muốn làm quan mà không có trung hiếu, chỉ xin lấy người làm thịt dê là Duyệt làm thầy mà thôi[2].

Quốc Tuấn cảm phục đến khóc, khen ngợi hai người.

Một hôm Quốc Tuấn vờ hỏi con ông là Hưng Vũ Vương:

"Người xưa có cả thiên hạ để truyền cho con cháu, con nghĩ thế nào?".

Hưng Vũ Vương trả lời:

"Dẫu khác họ cũng không nên, huống chi là cùng một họ!".

Quốc Tuấn ngẫm cho là phải.

Lại một hôm Quốc Tuấn đem chuyện ấy hỏi người con thứ là Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng. Quốc Tảng tiến lên thưa:

"Tống Thái Tổ vốn là một ông lão làm ruộng, đã thừa cơ dấy vận nên có được thiên hạ"[3].

Quốc Tuấn rút gươm kể tội:

"Tên loạn thần là từ đức con bất hiếu mà ra", định giết Quốc Tảng, Hưng Vũ Vương hay tin, vội chạy tới khóc lóc xin chịu tội thay, Quốc Tuấn mới tha. Đến đây, ông dặn Hưng Vũ Vương:

"Sau khi ta chết, đậy nắp quan tài đã rồi mới cho Quốc Tảng vào viếng".

Mùa thu, tháng 8, ngày 20, Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn mất ở phủ đệ Vạn Kiếp, được tặng Thái sư **[10b]** thượng phụ thượng quốc công Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương.

Thánh Tông có soạn bài văn bia ở sinh từ [của Quốc Tuấn], ví ông với Thượng phụ [ngày xưa][4]. Lại vì ông có công lao lớn, gia phong là Thượng quốc công, cho phép ông được quyền phong tước cho người khác, từ minh tự trở xuống, chỉ có tước hầu thì phong tước rồi tâu sau. Nhưng Quốc Tuấn chưa bao giờ phong tước cho một người nào. Khi giặc Hồ vào cướp, Quốc Tuấn lệnh cho nhà giàu bỏ thóc ra cấp lương quân, mà cũng chỉ cho họ làm lang tướng giả chứ không cho họ tước lang thực, ông kính cẩn giữ tiết làm tôi như vậy đấy.

---

[1] Tức Trần Thái Tông.

[2] Sở Chiêu Vương chạy loạn ra nước ngoài, có người làm thịt dê tên là Duyệt đi theo. Sau Chiêu Vương trở về nước, ban thưởng cho Duyệt. Duyệt từ chối và nói: "Nhà vua mất nước, tôi không được giết dê, nay vua về nước, tôi lại được làm nghề giết dê, tước lộc thế là đủ còn thưởng gì nữa".

[3] Cao Tổ nhà Hậu Tống Tên là Lưu Dụ vốn là người làm ruộng, sau nhân dịp loạn lạc, nổi lên giành được thiên hạ.

[4] Thượng phụ: tức Lã Vọng, giúp Chu Vũ Vương giành được thiên hạ, Vũ Vương tôn làm thầy, gọi là Thượng phụ.

Quốc Tuấn lại từng soạn sách để khích lệ tướng sĩ dưới quyền, dẫn chuyện Kỷ Tín chết thay để cứu thoát Hán Cao[1], Do Vu giơ lưng chịu giáo để cứu Sở Tử[2] Thế là dạy đạo trung đó.

Khi sắp mất, ông dặn con rằng: Ta chết thì phải hỏa táng, lấy vật tròn đựng xương, bí mật chôn trong vườn An Lạc, rồi san đất và trồng cây như cũ, để người đời không biết chỗ nào, lại phải [làm sao cho] mau phục **[11a]**.

Quốc Tuấn giữ Lạng Giang, người Nguyên hai lần vào cướp, ông liên tiếp đánh bại chúng, sợ sau này có thể xảy ra tai họa đào mả chăng. Ông lo nghĩ tới việc sau khi mất lại như thế đấy.

Ông lại khéo tiến cử người tài giỏi cho đất nước, như Dã Tượng, Yết Kiêu là gia thần của ông, có dự công dẹp Ô Mã Nhi, Toa Đô. Bọn Phạm Ngũ Lão, Trần Thì Kiến, Trương Hán Siêu, Phạm Lãm, Trịnh Dũ, Ngô Sĩ Thường, Nguyễn Thế Trực vốn là môn khách của ông, đều nổi tiếng thời đó về văn chương và chính sự, bởi vì ông có tài mưu lược, anh hùng, lại một lòng giữ gìn trung nghĩa vậy. Xem như khi Thánh Tông vờ bảo Quốc Tuấn rằng: "Thế giặc như vậy, ta phải hàng thôi". Quốc Tuấn trả lời: "[Bệ hạ] chém đầu tôi trước rồi hãy hàng". Vì thế, đời Trùng Hưng, lập nên công nghiệp hiếm có. Tiếng vang đến giặc Bắc, chúng thường gọi ông là An Nam Hưng Đạo Vương mà không dám gọi tên. Sau khi mất rồi, các châu huyện ở Lạng Giang hễ có tai nạn bệnh dịch, nhiều người cầu đảo ông. Đến nay, mỗi khi **[11b]** đất nước có giặc vào cướp, đến lễ ở đền ông, hễ tráp đựng kiếm có tiếng kêu thì thế nào cũng thắng lớn.

Quốc Tuấn từng soạn sách Binh gia diệu lý yếu lược để dạy các tỳ tướng, dụ họ rằng bài hịch như sau:

"Ta từng nghe, Kỷ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế; Do Vu giơ lưng chịu giáo che chở cho Chiêu vương; Dự Nhượng nuốt than báo thù cho chủ[3]; Thân Khoái chặt lấy tay cứu nạn cho nước[4]; Kính Đức, một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung[5]; Cảo Khanh, một bề tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc[6]. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nhi nữ thường tình thì cũng chết uổng nơi xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, để cùng bất hủ với đất trời?.

Các ngươi vốn nòi võ tướng không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy, nửa tin nửa ngờ **[12a]**. Thôi việc đời trước, hãy tạm không bàn. Nay ta lấy chuyện Tống, Thát[7] mà nói: Vương Công Kiên là người thế nào; tỳ tướng của ông là Nguyễn Văn Lập (có thuyết cho là Sơn Lập) lại là người thế nào, mà lấy thành Điếu Ngư nhỏ như cái đấu chống lại quân Mông Kha đông hàng trăm vạn; khiến cho sinh linh bên Tống đến nay còn đội ơn sâu[8]. Cốt Đãi Ngột Lang[9] là người thế naò, tỳ tướng của ông là Cân Ty

---

[1] Hán Cao Tổ bị Hạng Vũ Vương bao vây, bề tôi là Kỷ Tín giả là Hán Cao Tổ ra hàng. Cao Tổ do đó trốn thoát, còn Kỷ Tín đã bị thiêu chết.

[2] Do Vu: là bề tôi của Sở Chiêu Vương thời Xuân Thu, Sở Chiêu Vương lúc lánh nạn bị kẻ cướp đâm. Do Vu đã giơ lưng ra chịu đâm để cứu Chiêu Vương Sở Tử tức Sở Chiêu Vương.

[3] Dự Nhượng: là gia thần của Trí Bá nước Tấn thời Chiến Quốc. Trí Bá bị Triệu Tương Tử giết, Dự Nhượng đã nuốt than cho khác giọng, giả làm hành khất, mưu giết Trưng Tử để báo thù cho chủ.

[4] Thân Khoái: là viên quan giữ ao cá cho Tề Trang Công đời Xuân Thu. Khi Trang Công bị Thôi Trữ giết, Thân Khoái cũng chết theo.

[5] Kính Đức tức Uất Trì Cung là tướng của Đường Thái Tông (lúc ấy còn gọi là Đức xông lên chém tướng giặc, hộ vệ Thái Tông bị Vương Thế Sung vây đánh, Kính Đức xông lên chém tướng giặc, hộ vệ Thái Tông thoát khỏi vòng vây.

[6] Nhan Cảo Khanh làm thái thú Thường Sơn, khi An Lộc Sơn nổi loạn đánh bị bắt, Cảo Khanh luôn miệng chửi An Lộc Sơn, bị Lộc Sơn cắt lưỡi.

[7] Thát: tức Thát Đát, chỉ Mông Cổ.

[8] Vương Công Kiên tức Vương Kiên, trị châu Hợp Châu (Tứ Xuyên) đã huy động nhân dân anh dũng chiến đấu ở núi Điếu Ngư, cầm cự với đạo quân Mông Cổ do vua Nguyên Mông Ke chỉ huy trong 4 tháng trời, cho đến khi Mông Ke ốm chết dưới thành Điếu Ngư, quân Mông Cổ phải rút.

[9] Tức Uryangkhađai (Uriyangqadai), tên tướng Mông Cổ đã đánh chiếm vùng Vân Nam và tiến quân vào nước ta năm 1258. Tên của Uryangkhađai ở các thư tịch có nhiều phiên âm: Ngột Lương Hợp Đãi, Ngột Lương Hợp Thai, Ngột Lương Cáp Đãi, Ô Đặc Lý Cáp Đạt, Ô Lan Cáp Đạt...

Tư[1] lại là người thế nào, mà xông pha lam chướng trên đường muôn dặm, phá quân Nam Chiếu trong khoảng vài tuần, khiến cho quân trưởng người Thát đến nay vẫn còn lưu tiếng tốt[2].

Huống chi ta cùng các ngươi, sinh ra phải thời rối ren, lớn lên gặp buổi khó nhọc, ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn tấc lưỡi cú diều mà lăng nhục triều đình, ỷ cái thân dê chó mà bắt nạt tể phụ. Thác lênh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa để thỏa lòng tham khôn cùng **[12b]**, giả hiệu Vân Nam Vương[3] mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào ném thịt cho hổ đói, giữ sao cho khỏi tai vạ về sau!.

Ta từng tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, nước mắt đầm đìa, ruột đau như cắt, chỉ giận không được ăn thịt, nằm da, nuốt gan, uống máu quân thù, dẫu trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác ta bọc trong da ngựa, cũng nguyện xin làm.

Các ngươi ở lâu dưới trướng, nắm giữ binh quyền, người không có áo, ta cho áo mặc, kẻ không có ăn, ta cấp cơm ăn. Quan thấp thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa; lúc trận mạc thì cùng nhau sống chết, khi ở nhà thì cùng nhau vui cười, nếu so với Công Kiên đãi kẻ tỳ tướng, Ngột Lang đãi người phụ tá, cũng chẳng kém gì.

[13a] Nay các ngươi ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn, làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức, nghe nhạc thái thường thết yến sứ ngụy mà không biết căm, hoặc lấy chọi gà làm vui, hoặc lấy đánh bạc làm thú, hoặc chăm chút vườn ruộng để nuôi gia đình, hoặc quyến luyến vợ con chỉ vì ích kỷ, hoặc lo làm giàu mà quên việc quân việc nước, hoặc ham săn bắn mà bỏ việc đánh việc phòng, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mẹo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh, vườn ruộng giàu không thể chuộc được tấm thân ngàn vàng, vợ con bận không ích gì cho việc quân quốc. Tiền của dẫu nhiều, khôn mua được đầu giặc; chó săn tuy khỏe, khôn đuổi được **[13b]** quân thù. Chén rượu ngon không đầu độc được quân thù, tiếng hát hay không chọc thủng được tai giặc. Lúc bấy giờ, chúa tôi nhà ta đều bị bắt, đau xót biết dường nào! Chẳng những thái ấp của ta bị tước, mà bổng lộc các ngươi cũng về tay kẻ khác, chẳng những gia quyến ta bị đuổi, mà vợ con các ngươi cũng bị người khác bắt đi, chẳng những xã tắc tổ tông của ta bị người khác bới đào, chẳng những thân ta kiếp này bị nhục, dẫu trăm đời sau, tiếng nhơ khôn rửa, tên xấu mãi còn, mà đến gia thanh các ngươi cũng không khỏi mang tiếng là viên bại tướng. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi có muốn thỏa lòng vui thú, phỏng có được không?.

Nay ta bảo rõ các ngươi: Nên nhớ chuyện "đặt mồi lửa vào dưới đống củi"[4], làm nguy cơ, nên lấy điều "kiềng **[14a]** canh nóng mà thổi rau nguội"[5] làm răn sợ. Hãy huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên, khiến cho người người giỏi như Bàng Mông[6], nhà nhà đều là Hậu Nghệ, để có thể bêu đầu Hốt Tất Liệt dưới cửa khuyết, phơi xác Vân Nam Vương ở Cảo Nhai[7]. Như vậy, chẳng những thái ấp của ta mãi mãi lưu truyền, mà bổng lộc các ngươi cũng đời đời được hưởng, chẳng những gia quyến của ta được yên ấm gối chăn, mà vợ con các ngươi cũng được bách niên giai lão, chẳng những tông miếu của ta được muôn đời tế lễ, mà ông cha các ngươi cũng được thờ cúng quanh năm, chẳng những thân ta kiếp này đắc chí, mà các ngươi trăm năm về sau tiếng thơm vẫn còn. Chẳng những danh hiệu ta lưu truyền

---

[1] Bản Hoàng Việt văn tuyển chép là Xích Tu Tư.

[2] Năm 1253, Hốt Tất Liệt và tướng Uryangkhađai vượt sông Kim Sa đánh chiếm thủ đô nước Đại Lý. Chỉ trong vài tuần, nước Đại Lý bị chinh phục, vua Đại Lý là Đoàn Hưng bị bắt và đầu hàng. Nam Chiếu nói đến trong bài hịch là chỉ nước Đại Lý bấy giờ, ở vùng Vân Nam, Trung Quốc.

[3] Vân Nam Vương: tên là Hốt Kha Xích (Hugodi), con trai của Hốt Tất Liệt. Cuối năm 1267, Hốt Tất Liệt phong Hốt Kha Xích làm Vân Nam vương, đem quân đóng giữ đất nước Đại Lý cũ ở Vân Nam.

[4] Câu trong sách Hán thư: "Ôm mồi lửa đặt dưới đống củi rồi nằm lên trên, lửa chưa kịp cháy vẫn cho là yên".

[5] Câu từ Sở từ: "Kẻ sợ canh nóng thường thổi cả rau nguội".

[6] Bàng Mông, Hậu Nghệ: là hai nhân vật bắn cung giỏi trong thần thoại Trung Quốc.

[7] Vốn là nơi trú ngụ của các vua "man di" khi vào chầu vua Hán ở Trường An. Ở đây chỉ nơi dành cho các sứ bộ nhà Nguyên lưu trú trong kinh thành bấy giờ.

mãi mãi, mà họ tên các ngươi cũng sử sách lưu thơm. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi không muốn vui thú phỏng có được không?.

Nay ta chọn binh pháp các nhà, soạn thành một quyển, gọi là **[14a]** Binh thư yếu lược. Các ngươi nếu biết chuyên tập tập sách, theo lời ta dạy bảo, thì trọn đời là tôi chủ, nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời ta dạy bảo, thì trọn đời là cừu thù.

Vì sao vậy? Vì giặc Mông Thát là kẻ thù không đội trời chung, mà các người cứ điềm nhiên không nghĩ rửa nhục, không lo trừ hung, lại không dạy quân sĩ, thế là quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc, khiến cho sau khi dẹp giặc, muôn đời để nhơ, thì còn mặt mũi nào đứng trong cõi trời che đất chở nữa? Cho nên, ta viết bài hịch này để các ngươi biết rõ lòng ta!:.

Quốc Tuấnlại sưu tập binh pháp các nhà, làm thành Bát quái cửu cung đồ, đặt tên là Vạn Kiếp tông bí truyền thư. Nhân Huệ Vương Khánh Dư viết bài tựa cho sách ấy như sau:

"Người giỏi cầm quân thì không cần bày trận, người giỏi bày trận thì không cần phải đánh, người giỏi đánh thì không thua, người khéo thua thì không chết.

Ngày xưa Cao Dao làm sĩ **[15a]** sư[1] mà không ai dám trái mệnh, đến Vũ Vương, Thành Vương nhà Chu làm tướng cho Văn Vương, Vũ Vương[2], ngầm lo sửa đức, để lật đổ nhà Thương mà dấy nên vương nghiệp, thế là người giỏi cầm quân thì không cần phải bày trận vậy. Vua Thuấn múa mộc và múa lông trĩ mà họ Hữu Miêu đến chầu[3], Tôn Vũ nước Ngô đem người đẹp trong cung thử tập trận mà phía tây phá nước Sở mạnh, phía bắc uy hiếp nước Tấn, nước Tần, nổi tiếng chư hầu[4], thế là người khéo bày trận không cần phải đánh vậy. Đến Mã Ngập[5] nước Tấn theo bát trận đồ, đánh vận động hàng ngàn dặm, phá được Thụ Cơ Năng để thu phục Lương Châu. Thế gọi là người đánh giỏi không bao giờ thua vậy.

Cho nên trận nghĩa là "trần", là bày ra, là khéo léo. Ngày xưa, Hoàng Đế lập phép tỉnh điền [6] để đặt binh chế. Gia Cát [7] xếp đá sông làm bát trận đồ, Vệ Công [8] sửa lại làm thành Lục hoa trận. Hoàn Ôn [9] lập ra Xà thế trận có vẽ các thế trận hay, trình bày thứ tự, rõ ràng, trở thành khuôn phép. Nhưng người đương thời ít ai hiểu được, thấy muôn đầu ngàn mối, cho là rối rắm, chưa từng biến đổi. **[15b]** Như Lý Thuyên [10] có soạn những điều suy diễn của mình, những người đời sau cũng không hiểu ý nghĩa. Cho nên Quốc công ta mới hiệu đính, biên tập đồ pháp của các nhà, soạn thành một sách, tuy ghi cả những việc nhỏ nhặt, nhưng người dùng thì nên bỏ bớt chỗ rườm rà, tóm lược lấy chất thực.

[Sách] gồm đủ ngũ hành tương ứng [11], cửu cung suy nhau [1], phối hợp cương nhu, tuần hoàn chẵn lẻ. Không lẫn lộn âm với dương, thần với sát, phương với lợi, sao lành, hung thần, ác tướng, tam

---

[1] Theo truyền thuyết Trung Quốc, Cao Dao làm sĩ sư thời Ngu Thuấn. Sĩ sư là chức đứng đầu về việc hành ngục thời đó.

[2] Vũ Vương làm tướng cho Văn Vương, Thành Vương làm tướng cho Vũ Vương, đều là những người có công lớn khai sáng ra nhà Chu.

[3] Theo truyền thuyết Trung Quốc, Hữu Miêu là một tộc ở phía Nam, nổi lên chống lại Thuấn, Thuấn dùng thủ đoạn vỗ về để thu phục.

[4] Tôn Vũ là người nước Tề, làm tướng cho Ngô Vương Hạp Lư (đời Xuân Thu) lấy cung nhân của Hạp Lư, tập trận bày đánh trận, về sau giúp nước Ngô thu phục chư hầu, mở rộng đất đai.

[5] Sách Tấn thư (q.27) chép là Mã Long.

[6] Đây là truyền thuyết. Thực ra phép tỉnh điền có từ đời Chu.

[7] Gia Các Lượng: Tên tự là Khổng Minh, người đời Tam Quốc, giúp Lưu Bị dựng nên nước Thục, cùng hai nước Ngô và Nguỵ tạo thành thế chân vạc.

[8] Vệ Công: Tức Lý Tĩnh đời Đường Thái Tông, đã mô phỏng bát trận đồ của Gia Cát Lượng làm ra Lục hoa trận, trận lớn bọc trận nhỏ, gọi là Lý Vệ Công binh pháp.

[9] Hoàn Ôn: Tên tự là Nguyên Tử, một danh tướng đờ Tấn, làm đến chức Đại tư mã, đã đánh Nguỵ, Tiền Tần... nổi tiếng thời đó.

[10] Lý Thuyên: Người đời Đường, soạn sách Thái bạch âm kinh nói về mưu chước dùng binh.

[11] Ngũ hành: Là thuỷ, thổ, kim, mộc, hoả. Ở đây là vận dụng thuyết ngũ hành tương ứng trong binh pháp.

cát, ngũ hung [2], đều rất rõ ràng, ngang với Tam Đại, trăm đánh trăm thắng. Cho nên, đương thời có thể phía bắc trấn ngự Hung Nô [3], phía nam uy hiếp Lâm Ấp [4]". Rồi dùng sách này dạy bảo [con cháu] làm gia truyền, không tiết lộ ra ngoài. Lại có lời dặn rằng: "Sau này, con cháu và bồi thần của ta, ai học được bí thuật này phải sáng suốt mà thi hành, bày xếp [thế trận]; không được ngu dốt mà trao chữ truyền lời. Nếu không thế thì mình chịu tai ương mà vạ lây đến con cháu. Thế gọi là tiết lộ thiên cơ đó".

[16a] Ngày 21, hoàng tử Mạnh sinh.

Bấy giờ, các hoàng tử đều không nuôi được, đến khi Mạnh sinh, vua nhờ công chúa Thụy Bảo [tức là cô của Nhân Tông] nuôi hộ. Nhưng công chúa cho là bấy giờ bà đương có vận hạn, lại nhờ Nhật Duật nuôi. (Nhật Duật là anh công chúa Thụy Bảo). Nhật Duật coi là trách nhiệm của mình, chăm sóc, nuôi nấng, không khác gì con mình. Nhật Duật nghĩ rằng con trưởng của mình tên là Thánh An, con gái tên là Thánh Nô, mới đặt tên cho hoàng tử là Thánh Sinh, vì muốn [tên hoàng tử[cũng giống với tên con mình. Hoàng tử từ bé nhờ nuôi nấng, đến khi lên ngôi vua, công chăm nom của Nhật Duật rất nhiều.

Mùa đông, tháng 10, quy định kiểu mũ áo mới của quan văn võ. Quan văn thì đội mũ chữ đinh màu đen, tụng quan thì đội mũ toàn hoa màu xanh vẫn như quy chế cũ. Ống tay áo của các quan văn võ rộng 9 tấc đến 1 thước 2 tấc, không cho dùng từ 8 tấc trở xuống. Các quan văn võ không được mặc xiêm, tụng quan không được mặc thường (mũ toàn hoa xanh có hai vòng vàng đính vào hai bên).

[16b] Tân Sửu, [Hưng Long] năm thứ 9 [1301], (Nguyên Đại Đức năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu rằng các quan văn võ đều đội mũ chữ đinh, thêm miếng lụa bọc tóc màu tía xen màu biếc.

Gả công chúa Thiên Trân cho Uy Túc công Văn Bích[5], phong Văn Bích làm Phò ký lang.

Lấy Trần Thì Kiến làm Tham tri chính sự. Trước đó, khi Thì Kiến làm gián ngị, can tội chứa giấu dân đinh bị bãi chức, vua nghĩ không phải là cố ý, nên có lệnh này.

Tháng 2, Chiêm Thành sang cống .

Tháng 3, Thượng hoàng vân du các nơi, sang Chiêm Thành.

Ai Lao sang cướp Đà Giang, sai Phạm Ngũ Lão đi đánh, gặp quân giặc ở Mường Mai[6], giao chiến, bắt được rất nhiều. Phong Ngũ Lão làm Thân vệ đại tướng quân, ban cho quy phù.

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán. Soát tù. Có mưa.

Phong con trưởng của Hưng Nhượng Đại Vương là Quang Triều làm Văn Huệ Vương.

Mùa đông, tháng 11, Thượng hoàng từ Chiêm Thành trở về.

Trần Hùng Thao lại được làm Tham tri chính sự, rồi được cử làm Tả bộc xạ.

[17a] Đói to.

---

[1] Cửu cung: 9 cung. Khái niệm cửu cung ban đầu được đưa ra một cách mơ hồ trong Cần tạo độ của Kinh Dịch: "Thái Nhất lấy số của nó để đi qua cửu cung, 4 chính và 4 duy đều hợp thành 15". Trịnh Huyền chú thích là thần Thái Nhất (hay Thái Ất) ở cung giữa, lần lượt tuần hành 8 cung bát quái ở chung quanh. Cũng từ đó, người Hán lập thành cửu cung số, gồm 9 cung, tức 9 ô vuông trong một hình vuông, 3 ô hàng trên mang các số 4, 9, 2; 3 ô hàng giữa mang các số 3, 5, 7; 3 ô hàng dưới mang các số 8, 1, 6. Như vậy đó là một ma trận (ảo phương) mà tổng các cột ngang, dọc và chéo đều bằng 15. Người ta thần bí hoá cửu cung và về sau đến đời Tống, người ta lại coi cửu cung số là "Lạc thư".

[2] Cương nhu, chẵn lẻ, âm dương, thần sát, phương hướng, tinh tú, hung thần, ác tướng, tam cát, ngũ hung... đều là các khái niệm được dùng trong việc lập trận đồ thời xưa.

[3] Chỉ nước Nguyên.

[4] Chỉ vương quốc Chiêm Thành (Chăm-pa).

[5] Văn Bích: là con Đạo Tái, cháu Quang Khải.

[6] Mường Mai: nay là đất huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

Nhâm Dần, [Hưng Long] năm thứ 10 [1302], (Nguyên Đại Đức năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, lấy thái úy Đức Việp làm thống chính thái sư; Huệ Võ Đại Vương Quốc Chẩn làm Nhập nội bình chương; Chiêu Văn Vương Nhật Duật làm Thái úy quốc công.

Theo quy chế cũ: Tân vương[1] vào làm tể tướng thì gọi là Quốc công thượng hầu, nếu vào nội đình thì gia phong Quan nội hầu.

Có đứa nghịch thần tên là Biếm làm loạn. Sai Phạm Ngũ Lão đi đánh, Biếm bị giết. Phong Phạm Ngũ Lão làm Điện súy, ban cho hổ phù.

Bấy giờ có người đạo sĩ phương Bắc là Hứa Tông Đạo theo thuyền buôn sang ta, cho ở bến sông Yên Hoa[2]. Phép phù thủy, đàn chay bắt đầu thịnh hành từ đó.

Quý Mão, [Hưng Long] năm thứ 1 [1303], (Nguyên Đại Đức năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 15, thượng hoàng ở phủ Thiên Trường **[17b]**, mở hội Vô lượng pháp ở chùa Phổ Minh, bố thí vàng bạc tiền lụa để chẩn cấp dân nghèo trong nước và giảng kinh Giới thí.

Tháng 2, lấy Đô áp nha thượng vị Chiêu Hoài hầu Hiện làm Nhập nội phụ quốc thái bảo.

Mùa đông, tháng 10, quy định kiểu mũ của vương hầu: người tóc dài đội mũ triều thiên, người tóc ngắn đội mũ bao.

Lấy Trần Khắc Chung làm Nhập nội đại hành khiển.

(Chức hành khiển mà có thêm 2 chữ "nhập nội" là theo triều Lý, chuyên dùng hoạn quan làm chức ấy. Thời Thánh Tông, thượng tướng Quang Khải khi mới được phong làm nhập nội thái úy, kiêm làm hành khiển còn có 2 chữ "nhập nội", liền tâu rằng: "Thần từ bên ngoài vào, cho nên thêm hai chữ "nhập nội", còn các hành khiển khác đều là hoạn quan, sao lại thêm chữ "nhập nội", xin bỏ chữ "nhập nội", Thánh Tông nghe theo. Từ đó, hàm hành khiển chỉ gọi là nội hành khiển. Đến đây, thượng hoàng mới lấy Khắc Chung làm hành khiển, lại thêm 2 chữ "nhập nội" như xưa và dùng cả sĩ phu làm hành khiển).

Lấy Đoàn Nhữ Hài làm Tham tri chính sự.

Trước đây, vua sai Nhữ Hài đi sứ Chiêm Thành, Nhữ Hài xin yết kiến Thượng hoàng ở chùa Sùng Nghiêm núi Chí Linh, suốt ngày không được gặp. Một lát sau, pháp giá ra chơi, Nhữ Hài đến bái yết **[18a]**. Thượng hoàng nói chuyện với Nhữ Hài có đến một giờ. Khi trở về, Thượng hoàng bảo tả hữu:

"Nhữ Hài đúng là người giỏi, hẳn được Quan gia sai khiến là phải".

Trước đây, sứ nước ta tới Chiêm Thành, đều lạy chúa Chiêm trước, rồi sau mới mở chiếu thư. Đến khi Nhữ Hài tới, liền bưng ngay chiếu thư để lên trên án và nói với chúa Chiêm:

"Từ khi sứ thiên triều mang chiếu thư của thiên tử sang, xa cách ánh sáng lâu ngày, nay mở chiếu thư, thực như trông thấy mặt thiên tử, tôi phải lạy chiếu thư đã, rồi mới tuyên đọc sau". Rồi lập tức hướng vào tờ chiếu mà lạy. Lúc ấy, chúa Chiêm đứng bên cạnh, lạy thế không khỏi có chút chưa ổn, nhưng lấy cớ mà lạy chiếu thư thì về lý là thuận, mà sứ tiết cũng không phải khuất.

Hôm sau, Nhữ Hài treo bảng cấm buôn bán ở Tỳ Ni[3] (bến cảng của Chiêm Thành, nơi tụ tập các thuyền buôn), tuyên đọc xong, treo bảng lên, lại gọi viên coi cảng đến bảo:

"Chỗ này người buôn bán tụ họp phức tạp, lại là bến tàu xung yếu, khó giữ gìn, **[18b]** sứ thần về rồi, cất ngay bảng đi, đừng để mất".

---

[1] Bản dịch cũ chữa là "Thân vương", có lẽ đúng hơn.

[2] Yên Hoa: nay là Yên Phụ ở Hà Nội. Thực ra không phải năm này (1302), đạo sĩ Hứa Tông Đạo mới đến Đại Việt. Theo bài minh trên chuông Thông Thánh Quán ở Bạch Hạc (Việt Trì), do chính Hứa Tông Đạo soạn năm Đại Khánh thứ 8 (1321), thì ông đã đến Đại Việt vào năm Bính Tý (1276). Ông là người hương Thái Bình, huyện Phúc Thanh, Phúc Châu, lộ Phúc Kiến.

[3] Tỳ Ni còn gọi là Thi Lị bBì Nại hay Thi Nại (Sri Vinaya), tức là cửa Quy Nhơn ngày nay.

Ý ông cho rằng Chiêm Thành tuy đã thần phục, nhưng thực ra chưa chịu nội phụ, bảng cấm rốt cục cũng bị bỏ đi, cho nên nói trước như vậy, không để tự họ làm như thế. Sau này, đi sứ Chiêm Thành, không lạy chúa Chiêm là bắt đầu từ Nhữ Hài. Khi về nước, vua rất khen ngợi ông và quyết ý dùng vào chức to, cho nên có lệnh này.

Giáp Thìn, [Hưng Long] năm thứ 12 [1304], (Nguyên Đại Đức năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, người đàn bà là Lê thị, phường Các Đài, ở cầu bên hữu kinh thành đẻ con gái có hai đầu, bốn chân, bốn tay.

Tháng 2, lấy Bùi Mộc Đạc làm Chi hậu bạ thư chánh chưởng trông coi cung Thánh Từ.

Mộc Đạt tên tự là Minh Đạo (người Hoàng Giang), họ Phí, tên là Mộc Lạc, có tài năng. Thượng hoàng cho rằng họ Phí từ xưa không thấy có, mới đổi làm họ Bùi, cái tên Mộc Lạc là điềm chẳng lành[1] , mới đổi thành Mộc Đạc, sai theo hầu ngày đêm. Đến nay, trao cho chức ấy. Sau này, người **[19a]** họ Phí hâm mộ danh tiếng của Mộc Đạc, nhiều người đổi làm họ Bùi.

Tháng 3, thi kẻ sĩ trong nước. Ban cho trạng nguyên. Mạc Đĩnh Chi chức Thái học sinh hỏa dũng thủ, sung làm nội thư gia; bảng nhãn Bùi Mộ chức chi hậu bạ thư mạo sam, sung làm nội lệnh thư gia; thám hoa lang Trương Phóng chức Hiệu thư quyền miện, sung làm nhị tư; Nguyễn Trung Ngạn đỗ hoàng giáp; tất cả 44 người đỗ thái học sinh.

Dẫn 3 người đỗ đầu ra cửa Long Môn của Phượng Thành đi du ngoạn đường phố 3 ngày. Còn 330[2] người khác thì ở lại học tập.

Trung Ngạn mới 16 tuổi, đương thời gọi là thần đồng.

Về phép thi: Trươc hết thi ám tả thiên Y quốc và truyện Mục Thiên tử[3] để loại bớt. Thứ đến kinh nghi[4], kinh nghĩa[5], đề thơ (tức thể cổ thi ngũ ngôn trường thiên) hỏi về "vương độ khoan mãnh"[6], theo luật "tài nan xạ trĩ[7], về phú thì dùng thể 8 vần "đế đức hiếu sinh, hiệp vụ dân tâm"[8]. Kỳ thứ ba thi chế, chiếu, biểu. Kỳ thứ tư thi đối sách.

(Đĩnh Chi người Chí Linh **[19b]**, Mộ người Thanh Oai, Phóng người Thanh Hóa).

Sư Du Già nước Chiêm sang ta, chỉ ăn sữa bò.

Thi các thủ phân (thủ phân tức là quan lại nắm việc hình pháp) hỏi phép đối án.

Mùa thu, tháng 7, xuống chiếu rằng các chữ huý về miếu hiệu, tên vua, thì viết bớt nét.

Tháng 8, cấm chữ huý miếu hiệu nhà Lý 8 chữ: Uẩn, Mã, Tôn, Đức, Hoán, Tộ, Cán, Sảm, viết bớt nét.

Tháng 9, xuống chiếu rằng, khi áp tay vào giấy tờ hình án hay văn tự thì dùng hai đốt của ngón tay vô danh[9] bên trái.

Mùa đông, tháng 11, xuống chiếu thi kẻ sĩ trong nước, hỏi về 7 khoa.

---

[1] Mộc Lạc: có nghĩa là "cây đổ, cây rụng".

[2] Nguyên bản in là tam bách tam thiên, hẳn là chữ thiên? in nhầm từ chữ thập?. Các bản in đời Nguyễn đã chữa lại là tam bách tam thập.

[3] Y thiên quốc, lấy ở Quốc ngữ, nội dung nói về đạo trị nước. Mục thiên tử truyện bộ tiểu thuyết cổ của Trung Quốc, do Quách Phác đời Tấn chú giải, chép truyện Mục Vương đời Chu. Bản nhầm chữ thiên tử thành thái tử.

[4] Kinh nghi: những điều nghi vấn trong kinh điển nho gia.

[5] Kinh nghĩa: bàn về nghĩa lý trong kinh điển nho gia.

[6] Chế độ rộng, ngặt.

[7] Tài khó bắn trĩ.

[8] Đức độ đế vương vốn ưa sự sống, phù hợp với lòng dân.

[9] Cũng gọi là ngón đeo nhẫn, ngón áp út.

Tháng 12, sao Chổi mọc ở phương nam.

Trần Hùng Thao xin từ chức Tả bộc xạ, y cho.

Lấy Đoàn Nhữ Hài tri Khu mật viện sự.

Vua đối với người tôn thất như Bảo Hưng (không rõ tên) thân yêu hết mực, nhưng không trao cho việc chính sự, vì không có tài. Còn như Nhữ Hài chỉ là một nho sinh thôi, nhưng vì có tài, nên không ngại trong việc ủy dụng nhanh vọt.

[20a] Xuống chiếu cho phủ Tông chính soạn ngọc phả của họ vua.

Ất Tỵ, [Hưng Long] năm thứ 13 [1305], (Nguyên Đại Đức năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, sách phong hoàng tử thứ tư là Mạnh làm Đông cung thái tử, (vua) làm bài Dược thạch châm[1] ban cho.

Tháng 2, Chiêm Thành sai Chế Bồ Đài và bộ đảng hơn trăm người dâng hiến vàng bạc, hương quý, vật lạ làm lễ vật cầu hôn. Các quan trong triều đều cho là không nên, duy có Văn Túc Vương Đạo Tái chủ trương bàn việc đó, Trần Khắc Chung tán thành, việc bàn mới quyết.

Tháng 3, nước La Hồi[2] sai người dâng vải liễn la và các thứ khác.

Lấy Trần Thì Kiến làm Tả bộc xạ.

Bấy giờ có viên độc bạ là Trần Cụ tính khoan hậu, cẩn thận, thật thà, giỏi nghề đánh cá, bắn nỏ và chơi cầu. Vua sai dạy thái tử các nghề ấy.

Cụ mỗi khi sắp đánh đàn, thì trước hết cắt đầu dây, buộc lại cho chặt dây rồi sau mới gảy. Có người hỏi **[20b]** cớ làm sao, Cụ trả lời: "Nếu khúc đàn chưa hết mà dây đứt thì làm thế nào?".

Cụ làm cầu thì cân nhắc các múi da, cho mười hai múi cân nhau, duy ba múi ở miệng cầu lỗ là chỗ bỏ cái bong lợn vào thì hơi mỏng và nhẹ, để cân với sức nặng ở đầu bong bóng, cho nên khi đá cầu, múi nào ở trên đến lúc rơi xuống đất lại nguyên như cũ, không bao giờ chuyển khác.

Người đời bắn nỏ, chân đứng cũng như bắn cung, tức là kiểu chữ "đinh" không thành, chữ "bát" không ngay. Cụ thì đứng ngay ngắn mà bắn và bảo mọi người:"Phàm bắn cung thì tay trái giơ ra phía trước nắm lấy thân cung, tay phải kéo dây cung về phía sau, mình đã nghiêng thì chân cũng phải lệch, còn bắn nỏ thì đưa cân bằng ra phía trước, cho nên khi cầm nỏ mà bắn, thân mình ngay ngắn, thì cớ gì chân lại phải đứng lệch?".

Nhà ông ta ở và thuyền ông ta đi, đều có hai cửa đối nhau, xếp đặt, bày biện các thứ cũng cân đối và phải ngay ngắn, vì là bản **[21a]** tâm như vậy, cho nên biểu hiện ở mọi việc làm cũng như vậy.

Cụ người Cứu Liên, vốn có mối hận với Cứu Liên, thề rằng chân không giẫm lên đất ấy nữa. Sau này trở về Cứu Liên thì đi thuyền, đến khi lên bộ thì đi kiệu vào cửa, tới giường mới xuống kiệu, thức ngủ, ăn uống đều ở trên giường. Khi nào chơi xem vườn ao thì sai khiêng giường đến chỗ đó, hết hứng thì trở về, lại ngồi kiệu, lên thuyền... Cứ như thế cho đến hết đời, chưa hề giẫm một bước xuống đất [Cứu Liên]. Ông ta giữ lòng bền rắn một mực như vậy đó, đời xưa gọi thế là người gàn.

Bính Ngọ, [Hưng Long] năm thứ 14 [1306], (Nguyên Đại Đức năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, Thống chính thái sư Tá Thiên Đại Vương Đức Việp mất (thọ 42 tuổi).

Mùa hạ, tháng 6, gả công chúa Huyền Trân cho chúa Chiêm Thành Chế Mân.

Trước đây, Thượng hoàng vân du sang Chiêm Thành, đã hứa gã rồi. Các văn sĩ trong triều ngoài nội **[21b]** nhiều người mượn chuyện vua Hán đem Chiêu Quân gả cho Hung Nô làm thơ, từ bằng quốc ngữ để châm biếm việc đó.

---

[1] Dược thạch châm: nghĩa là bài châm khuyên răn, có tác dụng như thuốc thang.

[2] La Hồi: có lẽ là nước La Hộc (Lava) ở Laphuri, Thái Lan.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Ngày xưa, Hán Cao hoàng vì nước Hung Nô nhiều lần làm khổ biên cương, mới lấy con gái nhà dân làm công chúa gả cho Thiên Vu [1].

Kết hôn với người không cùng giống nòi, các tiên nho đã từng chê trách, song dụng ý là muốn binh yên, dân nghỉ, thì còn có thể nói được. Nguyên Đế thì vì Hô Hàn [2] sang chầu, xin làm rể nhà Hán, nên lấy Vương Tường mà ban cho, cũng là có cớ.

Nhân Tông đem con gái gả cho chúa Chiêm Thành là nghĩa làm sao? Nói rằng nhân khi đi chơi đã trót hứa gả, sợ thất tín thì sao không đổi lại lệnh đó có được không? Vua giữ ngôi trời mà Thượng hoàng đã xuất gia rồi, vua đổi lại lệnh đó thì có khó gì, mà lại đem gả cho người xa không phải giống nòi để thực hiện lời hứa trước, rồi sau lại dùng mưu gian trá cướp về, thế thì tín ở đâu?

[22a] Mùa thu, tháng 9, ngày 15, giờ Tuất, nguyệt thực.

Sai thiên chương học sĩ Nguyễn Sĩ Cố giảng Ngũ Kinh. Sĩ Cố thuộc dòng Đông Phương Sóc [3], giỏi khôi hài, hay làm thơ phú quốc ngữ. Nước ta làm nhiều thơ phú bằng quốc ngữ bắt đầu từ đó.

Hành khiển trí sĩ Nguyễn Kim Ngô về chầu, tự xưng là Liễu Nhiễu. Kiên Ngô tính thẳng thắn, vua ưu đãi, quý trọng, không gọi tên để khuyến khích những người tuổi già vẫn giữ quyền vị.

Lấy Trần Hùng Thao làm Thiếu bảo.

Sai Hàn lâm học sĩ Lê Tông Nguyên, Trung thị đại phu Bùi Mộc Đạc sang Nguyên đáp lễ.

Đinh Mùi, [Hưng Long] năm thứ 15 [1307], (Nguyên Đại Đức năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, đổi hai châu Ô, lý thành châu Thuận và châu Hoá. Sai Hành khiển Đoàn Nhữ Hài đến vỗ yên dân hai châu đó.

Trước đấy chúa Chiêm Thành Chế Mân đem đất hai châu đó làm lễ vật dẫn cưới, nhưng người các thôn La Thuỷ, Tác Hồng, Đà Bồng không chịu theo. Vua **[22b]** sai Nhữ Hài đến tuyên dụ đức ý [của nhà vua] chọn người trong bọn họ trao cho quan tước, lại cấp ruộng đất, miễn tô thuế 3 năm để vỗ về.

Tháng 3, ngày 17, giờ Tỵ, mặt trời có hai quầng, như hình hai cầu vòng giao nhau.

Mùa hạ, tháng 5, chúa Chiêm Thành Chế Mân chết.

Mùa thu, tháng 9, nước to, vỡ đê Đam Đam.

Thế tử Chiêm Thành Chế Đa Da sai sứ thần Bảo Lộc Kê sang dâng voi trắng.

Mùa đông, tháng 10, sai Nhập nội hành khiển thượng thư tả bộc xạ Trần Khắc Chung, An phủ Đặng Văn sang Chiêm Thành đón công chúa Huyền Trân và thế tử Đa Da về.

Theo tục lệ Chiêm Thành, chúa chết thì bà hậu của chúa phải vào giàn thiêu để chết theo. Vua biết thế, sợ công chúa bị hại, sai bọn Khắc Chung, mượn cớ là sang viếng tang và nói với [người Chiêm]: "Nếu công chúa hỏa táng thì việc làm chay không có người chủ trương, chi bằng ra bờ biển chiêu hồn ở ven trời, đón linh **[23a]** hồn cùng về, rồi sẽ vào giàn thiêu".

Người Chiêm nghe theo.

Khắc Chung dùng thuyền nhẹ cướp lấy công chúa đem về, rồi tư thông với công chúa, đi đường biển loanh quanh chậm chạp, lâu ngày mới về đến kinh đô.

Hưng Nhượng Đại Vương ghét lắm, mỗi khi thấy Khắc Chung thì mắng phủ đầu:

---

[1] Thiên Vu: tên gọi chúa Hung Nô.

[2] Ho Hàn: tức Hô Hàn Da, một thiền vu Hung Nô. Đời Hán Nguyên Đế, Hô Hàn Da sang chầu và xin làm rể nhà Hán, Nguyên Đế đem Vương Tường (tức Chiêu Quân) gả cho.

[3] Đông Phương Sóc: tên tự là Mạn Thiến, người đời Hán, giỏi khôi hài, hoạt kê, từng làm Kim mã môn thị trung cho Hán Vũ Đế.

"Thằng này là điểm chẳng lành đối với nhà nước. Họ tên nó là Trần Khắc Chung[1] thì nhà Trần rồi mất về nó chăng?". Khắc Chung thường sợ hãi né tránh.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thói gian tà của Trần Khắc Chung thực quá quắt lắm! Không những hắn giở trò chó lợn ở đây mà sau này còn vào hùa với Văn Hiến vu hãm quốc phụ thượng tể[2] vào tội phản nghịch, làm chết oan đến hơn trăm người. Thế mà hắn được trọn đời phú quý. Khổng tử nói: Kẻ gian tà được sống sót là may mà thoát tội chăng?".

Song, sau khi hắn chết, gia nô của Thiệu Vũ [Vương][3] đào xác hắn lên mà vằm nhỏ ra thì lời thánh nhân càng đáng tin.

[23b] Đói.

Mậu Thân, [Hưng Long] năm thứ 16 [1308], (Nguyên Vũ Tông Hải Sơn, Chí Đại năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Trương Hán Siêu làm Hàn lâm học sĩ.

Mùa thu, tháng 11, ngày mồng 1, mặt trời có hai quầng.

Ngày mồng 3, Thượng hoàng băng ở am Ngọa Vân núi Yên Tử.

Bấy giờ Thượng hoàng xuất gia, tu ở ngọn Tử Tiêu núi Yên Tử, tự hiệu là Trúc Lâm đại sĩ[4]. Bà chị là Thiên Thụy ốm nặng, Thượng hoàng xuống núi, tới thăm và bảo:

"Nếu chị đã đến ngày đến giờ thì cứ đi, thấy âm phủ có hỏi thì trả lời rằng: Xin đợi một chút, em tôi là Trúc Lâm đại sĩ sẽ tới ngay".

Nói xong, Thượng hoàng trở về núi, dặn dò người hầu là Pháp Loa[5] các việc về sau, rồi bỗng nhiên ngồi mà hóa. Thiên **[24a]** Thụy cũng mất vào hôm đó.

Pháp Loa thiêu [xác Thượng hoàng] được hơn ba ngàn hạt xá lỵ[6] mang về chùa Tư Phúc ở kinh sư. Vua có ý ngờ. Các quan nhiều người xin bắt tội Pháp Loa. Hoàng thái tử Mạnh mới 9 tuổi, đứng hầu bên cạnh, chợt thấy có mấy hạt xá lỵ ở trước ngự[7], đưa ra cho mọi người xem, kiểm lại trong hộp, thì đã mất một số ít hạt. Vua xúc động đến phát khóc, trong lòng mới khỏi nghi ngờ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhân Tông trên thờ Từ Cung làm sáng đạo hiếu, dưới dùng người giỏi, lập nên võ công. Nếu không có tư chất nhân, minh, anh, võ, thì sao được như thế? Chỉ có một việc xuất gia là không hợp đạo trung dung, là cái lỗi của bậc hiền giả[8].

Sứ Nguyên là Thượng thư An Lỗ Khôi[9] sang báo tin Vũ Tông lên ngôi. Vua sai Mạc Đĩnh Chi sang Nguyên.

---

[1] "Trần Khắc Chung" theo tiếng Hán có nghĩa là nhà Trần sắp chấm dứt.

[2] Tức Huệ Vũ đại vương Trần Quốc Chẩn.

[3] Thiệu Vũ Vương là con của Quốc Chẩn.

[4] Thượng hoàng Nhân Tông là tổ thứ nhất của phái Thiền Trúc Lâm đời Trần.

[5] Sư Pháp Loa trước là đệ tử của Trúc Lâm đại sĩ, sau trở thành vị tổ thứ hai của phái Trúc Lâm.

[6] Xá lỵ: phiên âm tiếng Phạn sarira, nghĩa là thân thể, thuật ngữ Phật giáo, chỉ những phần còn lại sau khi thiêu xác, thường là những hạt nhỏ, được gọi là xá lỵ. Bản in khắc nhầm chữ Xá lỵ thành Xá sát.

[7] Câu chuyện trên cũng được chép trong Nam ông mộng lục của Hồ Nguyên Trừng. Theo sách này (chuyện Tô linh định mệnh), xá lỵ bay vào ống tay áo hoàng tử Mạnh.

[8] Nguyên văn: "Hiền giả quá chi dã". Theo chúng tôi, có lẽ Toàn thư đã khắc nhầm từ câu: "Hiền giả chi quá dã", nên dịch như trên.

[9] Nguyên bản Toàn thư chép là An Lỗ Uy, nhầm chữ Khôi ra chữ Uy. Nguyên sử, Bản kỷ (Vũ Tông) chép rằng năm Chí Đại thứ 1 (1308), Lễ bộ thượng thư A Lý sang nước ta. A Lý Khôi hay A Lặc Khôi là những tên phiên âm khác nhau của người Mông Cổ Alqui.

Đĩnh Chi người thấp bé, người Nguyên khinh ông. Một hôm viên tể tướng mời ông vào phủ cho **[24b]** cùng ngồi. Lúc ấy, đương hồi tháng 5, tháng 6. Trong phủ có bức trướng mỏng thêu hình con chim sẽ vàng đậu cành trúc. Đĩnh Chi vờ ngỡ con chim sẽ thực, vội chạy đến bắt. Người Nguyên cười ồ, cho là người phương xa bỉ lậu. Đĩnh Chi kéo bức trướng xuống xé đi. Mọi người đều lấy làm lạ hỏi tại sao. Đĩnh Chi trả lời:

"Tôi nghe người xưa vẽ cành mai và chim sẽ, chứ chưa thấy vẽ chim sẻ đậu cành trúc bao giờ. Nay trong bức trướng của tể tướng lại thêu cành trúc với chim sẽ. Trúc là bậc quân tử, chim sẽ là kẻ tiểu nhân. Tể tướng thêu như vậy là để tiểu nhân trên quân tử, sợ rằng đạo của tiểu nhân sẽ mạnh, đạo của quân tử sẽ suy. Tôi vì thánh triều mà trừ giúp bọn tiểu nhân".

Mọi người đều phục tài của ông.

Đến khi vào chầu, gặp lúc nước ngoài dâng quạt, vua Nguyên sai làm bài minh. Đĩnh Chi cầm bút viết xong ngay, lời bài minh như sau:

"Lưu kim thước thạch, thiên vị địa lô, nhĩ ư tư thì hề, Y Chu cự nho.

Bắc phong kỳ lương, vũ tuyết tái đồ, nhĩ ư tư thì hề, Di **[25a]** Tề ngã phu.

Y! dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ, hữu như thị phù".

(Chảy vàng tan đá, trời đất như lò, ngươi bấy giờ là Y Chu[1] đại nho.

Gió bấc căm căm, mưa tuyết mịt mù, ngươi bấy giờ là Di Tề đói xo[2].

Ôi, được dùng thì làm, bỏ thì nằm co, chỉ ta cùng ngươi là thế ru!).

Người Nguyên lại càng thán phục.

Kỷ Dậu, [Hưng Long] năm thứ 17 [1309], (Nguyên Chí Đại năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, đại xá.

Sách phong Đông cung thái tử Mạnh làm Hoàng thái tử. Truy tôn Khâm Từ Bảo Thánh thái hậu làm Thái hoàng thái hậu. Sách phong Thánh Bà phu nhân làm Thuận Thánh hoàng hậu.

Thứ phi của vua là Phạm thị, là con gái Phạm Ngũ Lão, không có con, xin xuất gia, vua cho.

Mùa đông, tháng 11, trị tội những kẻ đại nghịch là bọn tên Hân.

Tên Hân bị chém ở cầu Giang Khẩu[3], tên Trù ở cửa thành chợ Dừa[4], tên Tổng ở cửa thànhh Tây Dương[5], tên Dung ở cửa thành Vạn Xuân[6]. Tên Hân vì ngày trước có công lớn, được miễn tịch thu gia sản. Còn bọn tên Lệ 6 người bị đày ra châu Ác Thuy (Ác Thủy thuộc huyện Yên Bang[7]. Người bị đày ra đó, **[25b]** không một ai sống nổi). Tên Lệ là dòng cuối trong họ nhà vua, được miễn thích chữ vào mặt. Bọn tên Đảo 4 người bị đày ra châu xa, tên Ma vì sai vợ là Thị Vĩnh ra thú trước, được tha tội. Theo lệ cũ, những kẻ có tội đều bị tước bỏ họ, chỉ gọi tên thôi. Tội đồ thì tuy còn đề họ, nhưng cũng chỉ gọi tên không.

---

[1] Y: Y Doãn, công thần khai quốc của nhà Thương; Chu: là Chu công, công thần của nhà Chu.

[2] Di Tề: tức Bá Di, Thúc Tề hai bề tôi trung của nhà Thương, không chịu thần phục nhà Chu, bỏ lên núi Thú Dương ở ẩn, bị chết đói ở đó.

[3] Cầu Giang Khẩu: cầu ở vùng của sông Tô Lịch, thuộc phường Giang Khẩu, tức vùng phố Hàng Buồm, Hà Nội ngày nay.

[4] Cửa thành chợ Dừa: ở Ô Chợ Dừa, Hà Nội ngày nay.

[5] Cửa thành Tây Dương: ở cửa Ô Cầu Giấy, Hà Nội ngày nay.

[6] Cửa thành Vạn Xuân: ở phía ngoài phường Ông Mạc, tức Ô Đống Mác ở Hà Nội ngày nay.

[7] Nguyên bản chép là huyện Yên Bang, nhưng thực ra Yên Bang là tên lộ thời Trần và tên đạo thời Lê, tức đất tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Trong Dư địa chí của Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn có nói: "Yên Bang là nơi hiểm ác, gọi là viễn châu (châu xa), các triều đại đều đày người đến ở đó".

Phu nhân Uy Túc công[1] là công chúa Thiên Trân mất. Vua thương xót, đến đưa đám.

(Lệ cũ: Những người lấy công chúa, nếu mất mất hay bỏ nhau, thì đều không được lấy vợ khác, nếu có lén lấy vợ khác, thì phải giấu giếm vụng trộm. Thiên Trân mất, Uy Túc lăn ra đất khóc lóc không đứng dậy được. Vua đến đưa đám, phải người đỡ hai bên mới ra tiếp được, ai cũng bảo là [Uy Túc] nhất định sẽ không lấy vợ khác nữa, thế mà Uy Túc sau lại lấy Huy Thánh. Văn Huệ công Quang Triều[2] lấy công chúa Thượng Trân. Công chúa mất, Minh Tông đến điếu tang, Văn Huệ ra đón tiếp tâu bày, như không có vẻ gì đau buồn, mọi người đều cho là (Văn Huệ) thế nào cũng lại lấy vợ khác. Nhưng sau Văn Huệ đi tu đến trọn đời).

Lấy Bùi Mộc Đạc làm Trung thư thị lang.

Canh Tuất, [Hưng Long] năm thứ 18 [1310], (Nguyên Chí Đại năm thứ 3). Mùa thu, tháng 9, ngày 16, rước linh cữu thượng hoàng **[26a]** về chôn ở lăng Quy Đức, phủ Long Hưng, xá lỵ thì cất ở bảo tháp am Ngọa Vân; miếu hiệu là Nhân Tông, tên thụy là Pháp Thiên Sùng Đạo Ứng Thế Hóa Dân Long Từ Hiển Hiệu Thánh Văn Thần Võ Nguyên Minh Duệ Hiếu Hoàng Đế. Đem Khâm Từ Bảo Thánh thái hoàng thái hậu hợp táng ở đấy.

Trước đó, linh cữu Nhân Tông tạm quàn ở điện Diên Hiền. Khi sắp đưa rước, đã đến giờ rồi mà quan lại và dân chúng còn đứng chật cả cung điện. Tể tướng cầm roi xua đuổi mà vẫn không giãn ra được. Vua cho gọi Chi hậu thánh chưởng Trịnh Trọng Tử tới bảo:

"Linh cữu sắp đưa rồi mà dân chúng đầy nghẽn như vậy thì làm thế nào? Ngươi hãy làm cho họ tránh ra".

Trọng Tử lập tức đến thềm Thiên Trì, gọi quân Hải khẩu và quân Hổ dực (quân do Trọng Tử trông coi) đến ngồi thành hàng trước thềm, sai hát mấy câu điệu Long Ngâm. Mọi người đều kinh ngạc, kéo nhau đến xem, cung điện mới giãn người, bèn rước [linh cữu thượng hoàng] về lăng Quy Đức.

Trọng Tử lo dọc đường thế nào cũng có chỗ cao thấp quanh co, nếu nghiêm túc im lặng, thì sợ có sự nghiêng lệch, nếu truyền gọi bảo ban thì lại e ồn ào, bèn đem những lời dặn về cách đi đứng dàn hàng, phổ vào khúc hát Long Ngâm, sai người hát lên để bảo nhau. Người thời ấy rất ca ngợi ông. Ý tứ khéo léo của ông đại loại như vậy. Vua gọi ông là con nhà trời, vì ông hiểu khắp mọi nghề, lớn nhỏ đều thạo, không việc gì là không biết **[26b]**.

(Trọng Tử nhiều tài nghệ, như cưỡi ngựa lạ không cần người giỏi cưỡi ngựa chỉ bảo, chỉ nghĩ cách phòng giữ cho ngựa khỏi lồng chạy đá cắn thôi, thế mà thuật cưỡi ngựa không có gì là không biết.

Học thuốc thì không cần hỏi thầy thuốc, cứ theo bài thuốc trong sách, xét chứng xem mạch rồi bốc thuốc, mà cũng không sai lầm. Lại đựng vị xuyên khung trong túi vải, cho gia đồng mang theo để lấy hơi người, không sinh mối mọt.

Học đánh cờ thì vẽ bàn cờ và quân cờ lên trần nhà, rồi ngồi nhìn và suy tính kỹ càng, người đương thời khen là giỏi cờ.

[Trọng Tử] thường mời đạo sĩ làm phép trấn yểm, đạo sĩ vào chổ ngồi, nhưng mọi việc đều do Trọng Tử làm cả, mà đạo sĩ thì không phải nói một lời nào. Khi công chúa Thiên Trân mất, các vương hầu đều tới điếu viếng, thầy cúng làm phép "hú vía", nhưng thiếu người trả lời. Trọng Tử cố hỏi là người trả lời phải đứng ở chỗ nào, rồi đến ngay chỗ khuất người để trả lời, mọi người đều che miệng cười. Đại khái, tài khéo léo của ông đều như thế cả).

[27a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Triều đình cốt phải nghiêm. Rước đưa linh cữu thì cần gì phải đến tể tướng dẹp người, hữu ty dùng kế mới đi được? là bởi nhà trần khoan hậu thì có thừa mà nghiêm khắc thì không đủ vậy!.

---

[1] Uy Túc công: tức Trần Văn Bích, con Trần Đạo Tái, cháu Trần Quang Khải.

[2] Văn Huệ công: tức Trần Quang Triều, con Trần Quốc Tảng, cháu Trần Quốc Tuấn. Ở trên, đã chép.

Xá lỵ của Nhân Tông đưa cất vào bảo tháp, có sư Trí Thông phụng hầu. Trước đây, khi Nhân Tông xuất gia, sư chùa Siêu Loại là Trí Thông tự đốt cánh tay mình, từ bàn tay đến tận khuỷu tay, vẫn ung dung không biến sắc. Nhân Tông vào xem, Trí Thông đặt chỗ cho vua ngồi, lạy và nói: "Thần tăng đốt đèn đó! Đốt đèn xong, về viện ngũ kỹ, ngũ dậy, chỗ bỏng lửa phồng lên sẽ khỏi hết".

Đến đây, Nhân Tông băng, Trí Thông liền sai vào núi Yên Tử ở hầu bảo tháp chứa xá lỵ. Đến đời Minh Tông, ông tự thiêu mà chết.

Năm này nước to, đói.

[27b] Tân Hợi, [Hưng Long] năm thứ 19 [1311], (Nguyên Chí Đại năm thứ 4). Đặt đô Toàn kim cương, thích ba chữ ở trán, theo lệ Chân thượng đô, Quân Thiên thuộc có đô Phù đồ thượng và đô Phù đồ hạ.

Nhận con gái của nhà sư người Hồ là Du Chi Bà Lam vào cung.

Sư đã sang ta vào thời Nhân Tông, vẻ người già nua, tự nói là 300 tuổi, có thể ngồi xếp bằng nổi trên mặt nước, lại có thể thu cả ngũ tạng lên ngực, làm cho trong bụng lép kẹp, chỉ còn da bụng và xương sống thôi. Sư chỉ ăn lưu hoàng, mật, rau dưa, ở mấy năm thì về nước, đến nay lại sang ta. Vua lấy con gái sư là Đa La Thanh vào cung. Nhà sư sau mất ở Kinh sư.

(Đời Minh Tông có sư người Hồ là Bồ Đề Thất Lý sang ta, cũng có thể giống nổi trên mặt nước, nhưng nằm ngửa mà nổi, không giống nhà sư Du Chi).

Mùa đông, tháng 12, vua thân đi đánh Chiêm Thành, vì chúa nước ấy là Chế Chí? (có sách ghi là phan trắc).

Nhâm Tý, [Hưng Long] năm thứ 20 [1312], (Nguyên Nhân Tông Ái Dục Lê Bạt Lực Bát Đạt Hoàng Khánh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 17, mặt trời **[28a]** rung động.

Mùa hạ, tháng 5, dụ bắt được chúa Chiêm Thành Chế Chí đem về; phong em hắn là Chế Đà A Bà Niêm làm Á hầu trấn giữ đất ấy.

Trước đó, Chế Chí sai người sang cống. Người ấy là trại chủ Câu Chiêm. Vua sai Đoàn Nhữ Hài bí mật ước hẹn với hắn. Đến khi vua đích thân đi đánh, đến phủ Lâm Bình, chia quân làm ba đường: Huệ Vũ Vương Quốc Chẩn theo đường núi, Nhân Huệ Vương Khánh Dư theo đường biển, vua tự dẫn sáu quân theo đường bộ; thủy bộ, cùng tiến. Lấy Đoàn Nhữ Hài làm Thiên tử chiêu dụ sứ đi trước.

Vua đến Câu Chiêm dừng lại. Nhữ Hài sai người tới chỗ trại chủ, nói rõ ý yêu cầu quốc chủ ra hàng. Trại chủ báo cáo với Chế Chí. Chế Chí nghe theo, đem gia thuộc đi đường biển tới hàng. Nhân Huệ Vương đem quân đuổi theo. Nhữ Hài lập tức chạy thư tâu rằng:

"Khánh Dư định cướp công vua".

Vua giận lắm, sai bắt giám quân của Khánh Dư là Nguyễn Ngỗi đem chặt **[28b]** chân. Nhân Huệ sợ, đến ngự doanh tạ tội và nói rằng:

"Thần sợ nó đến giữa biển lại đổi bụng khác, nên mới chặn đằng sau thôi".

Vua nguôi giận, sai chia quân đi tuần các bộ lạc. Người Chiêm tụ tập định đánh vào ngự doanh. Tiếng voi đã gần, quân sĩ có vẻ lo sợ. Được vài hôm, quân của Huệ Vũ Vương ự tìm đường mà tới, người Chiêm chạy tan. Trận này không mất một mũi tên mà Chiêm Thành bị dẹp, đó là công sức của Nhữ Hài.

Ngày vua đóng ở Câu Chiêm, Minh Hiến Vương Uất (con út của Thái Tông) ở trong doanh trại, bàn tán biện bác, mê hoặc lòng quaân. Vua giận, đuổi ra khỏi dinh, lệnh cho các quân không được thu nhận. Minh Hiến bèn cùng vài mươi gia đồng ngủ ở ngoài nội. Phạm Ngũ Lão nghe tin ấy vội mời vào trong quân và bảo mọi người:

"Thánh thượng vừa quở trách ân chúa và đuổi ra ngoài, lỡ ra bị giặc bắt được, thì chúng nói là bắt được hoàng tử, chứ biết đâu là bị vua **[29a]** quở trách! Ngũ Lão thà chịu tội trái lệnh, chứ không nỡ làm lợi cho giặc".

Vua nghe biết, cũng không quở trách ông, Minh Hiến với Ngũ Lão tình nghĩa thì rất thân nhưng lễ ý thì rất sơ sài. Minh Hiến đến nhà Ngũ Lão, thường cùng ngồi với nhau một chiếu, khi về [Ngũ Lão] lại đem biếu tặng vàng bạc, hễ [Minh Hiến] cần gì, cũng không có ý sẻn tiếc. Cho nên Minh Hiến thích chơi với ông.

Vua có lần đã trách Ngũ Lão:

"Minh Hiến là hoàng tử, sao ngươi lại khinh xuất thế!". Sau Minh Hiến lại đến nhà, Ngũ Lão vẫn cùng ngồi như xưa, chỉ nói: "Ân chúa nhớ đến nhà tôi nữa mà Thánh thượng quở trách tôi".

Nhưng Minh Hiến vẫn lui tới thường xuyên, mà Ngũ Lão cũng không đổi nết cũ. Ấy là vì một người thì cậy của mà giữ lễ tiết sơ sài, một người thì ham của mà quên mất cả phận trên dưới vậy.

Nhà Nguyên sai Lễ bộ thượng thư Nãi Mã Đài[1] sang báo việc Nhân Tông lên ngôi.

Xa giá trở về, dâng lễ thắng trận **[29b]** ở các lăng phủ Long Hưng.

Đến sông Thâm Thị[2], bỗng gặp mưa gió sấm chớp, ban ngày mà tối đen như đổ mực, trong khoảng gang tấc cũng không nhìn thấy nhau. Dây buộc thuyền đều bị đứt cả. Thuyền ngự chìm ở giữa dòng. Vua bám lấy mũi thuyền leo lên mui, đưa chân cho các cung nữ, nữ quan bám lấy để cùng leo lên mui. Các thuyền khác đều giạt sang bãi cát. Vua truyền chỉnh đốn lại nghi trượng để về kinh đô.

Tháng 6, vua từ Chiêm Thành về (đến kinh đô). Các quan bái yết đều mặc áo ngắn cả, vì đồ quân phục đều bị ướt hết.

Bấy giờ Hoàng thái tử giám quốc, Chiêu Văn Đại Vương Nhật Duật và Nghi Võ hầu Quốc Tú chỉ huy quân tả hữu Thánh dực ở lại giữ nước.

Vua có chiếu tuyên dụ rằng: "Công lao của các quan ở lại giữ nước và các tướng theo ta đi đánh trận là ngang nhau. Vì thái tử còn trẻ dại, nên việc ở lại giữ nước lúc này không giống với các lúc khác, còn các tướng đi theo thì cũng có công". [Nhưng rồi] cũng không tiến hành ban thưởng nữa.

Sai sứ sang Nguyên.

Phong Chế Chí làm Hiệu Trung Vương, **[30a]** lại đổi làm Hiệu Thuận Vương.

Tôn thêm huy hiệu cho các tiên đế, tiên hậu và gia phong danh thần các xứ.

Lập đền thờ thần ở cửa biển Cần Hải[3].

Trước đây, vua đi đánh Chiêm Thành, đến cửa biển Cần Hải (trước là Càn, tránh tên huý đổi là Cần), đóng quân lại, đêm nằm mơ thấy một thần nữ khóc lóc nói với vua: "Thiếp là cung phi nhà Triệu Tống, bị giặc bức bách, gặp phải sóng gió, trôi giạt đến đây. Thượng đế phong thiếp làm thần biển đã lâu. Nay bệ hạ mang quân đi, thiếp xin giúp đỡ lập công". Tỉnh dậy, vua cho gọi các bô lão tới hỏi sự thực, cho tế, rồi lên đường. Biển vì thế không nổi sóng. [Quân nhà vua] tiến thẳng đến thành Đồ Bàn[4], bắt được [chúa Chiêm] đem về. Đến nay, sai hữu ty lập đền, bốn mùa cúng tế.

Truy tôn Chiêu Vương làm Nguyên Tổ Hoàng Đế, Cung Vương làm Ninh Tổ Hoàng Đế, Ý Vương làm Mục Tổ Hoàng Đế[5].

[30b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vũ Vương nhà Chu lên ngôi, truy tôn hai tổ làm vương; Thái Tổ nhà Tống được nước, truy tôn bốn đời làm đế. Bởi vì tổ tông tích lũy

---

[1] Nãi Mã Đại: các bản Toàn thư khắc nhầm thành Nãi Mã Phản, do chữ Đãi gần giống chữ Phản. Nãi Mã Đãi là phiên âm tên Mông Cổ Naimatai (có nghĩa là "người của bộ lạc Naiman").

[2] Theo chú thích của CMCB9 thì ở huyện Thanh Trì, Hà Nội, có xã Thâm Thị. Sông Thâm Thị có lẽ là đoạn sông Hồng chảy qua xã này.

[3] Cửa biển Cần Hải: tức Cửa Cờn, nay thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[4] Đồ Bàn: là kinh đô của Chiêm Thành, nay thuộc tỉnh Bình Định.

[5] Chiêu Vương tức là Trần Lý, Cung Vương là Trần Hấp, Ý Vương là Trần Kinh.

công đức, nhân nghĩa nên mới có được thiên hạ, thì việc truy tôn huy hiệu cho các miếu thờ là việc cần phải làm gấp. Nhà Trần có thiên hạ, đã lên ngôi đế mà tước vương truy phong cho ba đời đã là việc không thỏa lòng người, đến nay mới truy tôn đế hiệu thì lại có lỗi là để chậm chạp.

Quý Sửu, [Hưng Long] năm thứ 2 [1313], (Nguyên Hoàng Khánh năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, [truy] tôn Ninh Tổ phu nhânlàm Ninh Từ hoàng hậu, Mục Tổ phu nhân làm Mục Từ hoàng hậu.

Tháng 2, Hiệu Thuận Vương Chế Chí đến hành cung Gia Lâm, chết, đem hỏa táng.

Tháng 3, sao Chổi mọc ở phương tây.

Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng mất.

Mùa hạ, tháng 6, ngày 20, sét đánh Tam ty viện, thủ phân Lương Lang chết. Truyền cho bản ty bỏ tiền ra làm chay lễ tạ.

Theo lệ[1] cũ, sét đánh cung điện, đường vũ, **[31a]** phải làm chay cầu phúc trừ tà thì hữu ty lo đồ bày biện, còn lễ vật cần ùng thì do kho công ban cấp. Các xứ khác thì do bản ty bỏ tiền làm chay lễ tạ.

Mùa đông, tháng 10, duyệt định Vũ quân, đổi quân Vũ tiệp thành quân Thiết ngạch, lấy Đại liêu ban Trần Thanh Ly làm Vũ vệ đại tướng quân thống lĩnh quân này.

Lấy An phủ sứ Đỗ Thiên Hư làm Kinh lược sư. Bấy giờ Chiêm Thành bị người Xiêm xâm lược, vua sai Thiên Hư đi kinh lược Nghệ An, Lâm Bình để sang cứu. Sau này mọi kế hoạch, lo liệu về biên giới phía tây, Minh Tông đều ủy cho Thiên Hư.

Tháng 12, Phụ quốc thái bảo Chiêu Hoài hầu Hiện mất.

Lấy Trần Khắc Chung làm Tả phụ, tước Quan Phục hầu.

Giáp Dần, [Hưng Long] năm thứ 22 [124], (từ tháng 3 trở đi là Đại Khánh năm thứ 1, Nguyên Diên Hựu năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, sắc cho Trung thư ban tên húy của bản triều, thêm các tên húy của Ninh Hoàng và của hai thái hậu Tuyên Từ, Bảo Từ[2].

[31b] Ngày 18, vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Mạnh. [Thái tử] Mạnh lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Đại Khánh năm thứ 1. Đại xá. [Vua tự] xưng là Ninh Hoàng, tôn Thượng hoàng là Quang Nghiêu Duệ Vũ Thái Thượng Hoàng Đế; tôn Thuận Thánh hoàng hậu là Thuận Thánh Bảo Từ Thái Thượng hoàng hậu. Quần thần dâng tôn hiệu là Thể Thiên Sùng Hóa Khâm Minh Duệ Hiếu Hoàng Đế.

Truy tặng Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng làm Thái úy.

Mùa đông, tháng 10, thi thái học sinh. Ban tước bạ thư lệnh, sai cục chính Nguyễn Bính giảng dạy để sau này bổ dụng.

Xuống chiếu cho tam phẩm phụng ngự lập Dung đô để chờ sung bổ.

Đặt đô Phù liễn làm Long vệ tướng. Chọn con trai cấm quân và những người đã thích chữ Kim cương trong quân Thiết ngạch để sung bổ vào.

Sau khi vua nhận nhường ngôi, sứ Nguyên sang, làm lễ đọc quốc thư xong, hôm sau ban yến. Vua mặc áo tràng vạt bằng là màu vàng, đội mũ có thao, sứ giả khen **[32a]** vua là "thanh thoát như thần tiên". Đến khi về nước, [sứ giả] thường nói đến vẻ người thanh tú của vua.

Sau này, sứ ta sang [Nguyên], có người hỏi rằng: "Tôi nghe nói thế tử vẻ người thanh tú nhẹ nhõm như thần tiên có đúng không?".

Sứ ta trả lời: "Đúng như thế, song cũng là tiêu biểu cho phong thái cả nước".

---

[1] Nguyên văn là chữ "lễ", chúng tôi cho rằng Toàn thư in lầm.

[2] Tuyên Từ: là bà hậu của Nhân Tông, Bảo Từ: là mẹ đích của Minh Tông.

Sau Nguyễn Trung Ngạn và Phạm Mại sang Nguyên đáp lễ.

MINH TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Mạnh, con thứ tư của Anh Tông, mẹ đích là Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu Trần thị, con gái của Hưng Nhượng Đại Vương Quốc Tảng, mẹ sinh là Chiêu Hiến hoàng thái hậu Trần thị, con gái của Bảo Nghĩa Vương Bình Trọng. Ở ngôi 15 năm, nhường ngôi 28 năm, thọ 58 tuổi, băng ở cung Bảo Nguyên, táng ở Mục Lăng. Vua đem văn minh sửa sang đạo trị nước, làm rạng rỡ công nghiệp của người xưa, giữ lòng trung hậu, lo nghĩ sâu xa, trong yên ngoài phục, kỷ cương đủ bày. Tiếc rằng không nhận biết mưu gian của Khắc Chung, để đến nỗi Quốc Chẩn phải chết, đó là chỗ kém thông minh vậy.

Ất Mão, [Đại Khánh] năm thứ 2 [1315], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 7, đua thuyền.

Tháng 5, **[32b]** xuống chiếu cấm cha con, vợ chồng và gia nô không được tố cáo lẫn nhau.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua vốn nhân hậu với họ hàng, nhất là đối với bậc bề trên mà hiển quý lại càng tôn kính. Kẻ thần hạ hễ ai cùng tên (với họ hàng nhà vua) đều phải đổi cả, như Độ đổi thành Sư Mạnh vì là cùng tên với thượng phụ[1], Tung đổi thành Thúc Cao vì là cùng tên với Hưng Ninh Vương[2] (con trưởng của An Ninh vương)[3]. Lại các tên của chú bác, cô cậu, khi nói đến vẫn kiêng cả. [Vua] có quyển sổ nhỏ biên những chữ húy không được nói đến, trao cho các hoàng tử và cung phi. Chỉ vì ngài có tấm lòng ấy, nên đã có chính tích ấy.

Tháng 6, hạn hán.

Bấy giờ Trần Khắc Chung làm Hành khiển. Quan ngự sử dâng sớ nói:

"Chức vụ tể tướng, trước hết phải điều hoà âm dương. Nay Khắc Chung ở ngôi tể tướng, không biết phối hợp đất trời [33a] cho khí tiết điều hòa, để đến nỗi mưa nắng trái thời, thế là làm quan không được công trạng gì".

Khắc Chung nói:

"Tôi lạm giữ chức tể tướng, chỉ biết có sức làm những việc mà chức vụ phải làm, còn như hạn hán thì hỏi ở Long Vương. Khắc Chung đâu phải là Long Vương mà đổ tội được?".

Sau nước sông lên to, vua đích thân đi xem đắp đê. Quan ngự sử tâu:

"Bệ hạ nên chăm sửa đức chính, xem làm gì việc đắp đê nhỏ nhặt".

Khắc Chung nói:

"Khi dân bị nạn lụt, người làm vua phải cứu giúp tai họa khẩn cấp đó, sửa đức chính không gì lớn hơn việc đó, cần gì phải ngồi thinh, tư lự rồi bảo là "sửa đức chính?".

Có người bàn rằng: "Khắc Chung đổ lỗi cho Long Vương, đài quan chê [đắp đê] là việc nhỏ nhặt, [hai bên] đều sai cả".

Mùa thu, tháng 8, lấy ngày sinh làm tiết Ninh Thiên.

Tháng 9, có sâu ăn lúa.

Mùa đông, tháng 10, có sâu ăn lúa.

---

[1] Tức Trần Thủ Độ.

[2] Hưng Ninh Vương, tức Trần Tung, có tên hiệu Phật giáo là Tuệ Trung thượng sĩ.

[3] Đúng ra là An Sinh Vương, tức Trần Liễu. Ở đây Toàn thư nhầm chữ Sinh thành chữ Ninh.

Ban cho Trần Khắc Chung tước Á quan nội hầu.

[33b] Bính Thìn, [Đại Khánh] năm thứ3 [1316], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, xét duyệt quan văn và[1] hộ khẩu có mức độ khác nhau.

Các quan xét duyệt cho rằng những tấm thiếp đóng ấn gỗ vào năm Nguyên Phong [1251 - 1258] là giả tạo. Thượng hoàng nghe tin ấy, bảo họ:

"Đó đúng là những tấm thiếp của nhà nước đấy". Nhân ôn chuyện xưa[2] mà dụ rằng:

"Những người ở trong triều mà không am hiểu điển cũ thì lỡ việc nhiều lắm".

Mùa đông, tháng 11, sai tể thần, tôn thất và các quan gặt ruộng tịch điền.

Sai Nhân Huệ Vương Khánh Dư đi Diễn Châu xét duyệt sổ lính, sổ dân, lấy Nội thư hỏa chánh chưởng phụng ngự Nguyễn Bính làm phó.

Xong việc về triều, Bính đem tiền bổng dâng nộp. Vua sai hữu ty nhận lấy. Có người hỏi: "Bính nộp tiền bổng mà bệ hạ nhận, thần chưa hiểu là cớ làm sao?".

Vua đáp: "Bính nộp tiền bổng là thành thực, nếu trẫm không nhận, thì hãm Bính vào tội dối trá, cho nên nhận lấy để tỏ rõ Bính không gian dối".

Bính là cận **[34a]** thần của Thượng hoàng, tính người trong sạch thẳng thắn, năm trước đứng đầu hành nhân sang sứ nước Nguyên, trở về không mua thứ gì, Thượng hoàng khen ngợi, đặc cách ban thưởng 2 tư. Theo lệ cũ, những người đi sứ Nguyên về, mỗi người được ban tước 2 tư, người đứng đầu hành nhân trở xuống, mỗi người 1 tư. Bính là người trong sạch thẳng thắn nên được 2 tư.

Lấy Trần Hùng Thao làm Thiếu phó.

Đinh Tỵ, [Đại Khánh] năm thứ 4 [1317], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 3, làm lễ thành hôn cho năm công chúa là Thiên Chân, Ý Trinh, Huy Chân, Huệ Chân, Thánh Chân.

Huy Chân lấy Uy Giản hầu (không rõ tên). Trước đây, mẹ thân sinh Huy Chân là Trần Thị Thái Bình làm cung tần của Thượng hoàng, tính tham lam, thường chiếm đoạt ruộng đất của dân. Có người kiện, vua không giao cho hữu ty, gọi Uy giản tới đưa đơn kiện cho xem và dụ rằng:

"Trẫm không giao cho quan lại xét, sợ làm nhục phi tần của tiên hoàng, ngươi nên theo đơn mà trả [ruộng cho] dân".

Uy Giản lập tức **[34b]** vâng chiếu trả lại ruộng. Sau Thái Bình chết, Uy Giản đem tất cả ruộng [bà] chiếm đoạt khi trước trả lại cho chủ cũ. Vua vì thế khen ông.

Thượng hoàng ngự cung Trùng Quang. Hình bộ lang trung Phí Trực theo hầu. Chức an phủ Thiên Trường khuyết, sai Trực kiêm làm.

Bấy giờ trộm cướp bắt đầu nổi lên, tên Văn Khánh là đầu sỏ bọn cướp. Có người khai là bắt được một tên cướp, giải lên nộp quan và bảo nó là Văn Khánh. Đến lúc tra hỏi, tên ấy nhận ngay, ai cũng cho là thực, duy có mỗi Trực vẫn ngờ. Án ấy để lâu không giải quyết. Thượng hoàng hỏi chuyện đó, Trực trả lời:

"Mạng người rất trọng, lòng tôi còn có chỗ ngờ, không dám liều lĩnh xử quyết".

Không bao lâu, Thượng hoàng hỏi lại, Trực trả lời như lần trước. Thượng hoàng giận bảo:

"Nó đã nhận như thế, còn ngờ gì nữa". Trực tâu:

"Nó không bị tra tấn khổ sở mà điềm nhiên thú nhận, thần trộm lấy làm ngờ".

---

[1] Dịch chữ "cập"? trong nguyên văn. Cương mục sửa lại là "cấp"?. Bản dịch cũ: "... xét định lại quan văn, cấp cho hộ khẩu theo thứ bậc khác nhau".

[2] Năm Nguyên Phong thứ 7 (1257), trong lúc hành quân chống quân Mông Cổ, ấn vua bị mất, phải khắc ấn gỗ để dùng trong giấy tờ việc quân (xem Toàn thư, BK5, 23b).

Một tháng sau, Văn Khánh quả nhiên bị bắt. Thượng hoàng do đó khen Trực **[35a]** có tài.

Thượng hoàng có lần ban bữa ăn cho vua. Vua nhai rất kỹ, Thượng hoàng nói: "Đàn ông phải ăn như rồng nuốt, cọp cắn, cần gì phải nhai kỹ?". Khi ban bữa ăn cho vương hầu, thượng hoàng cũng dụ như thế.

Mậu Ngọ, [Đại Khánh] năm thứ 5 [1318], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, ngày 18, đem trưởng công chúa Thiên Chân gả cho Huệ Chính vương (không rõ tên). Phong Huệ làm Phò ký lang.

Mùa thu, tháng 8, ngày 19, Tuyên Từ thái hậu băng.

Sai Huệ Vũ Đại Vương Quốc Chẩn đi đánh Chiêm Thành. Tộc tướng nhà Lý là Hiếu Túc hầu Lý Tất Kiến chết tại trận. Quản Thiên võ quân Phạm Ngũ Lão tung quân đánh phía sau giặc. Quân giặc thua chạy, bắt được rất nhiều. Phong Ngũ Lão tước Quan nội hầu, ban cho phi ngư phù và cho con ông làm quan.

Bấy giờ, Thượng hoàng có ý xuất gia, nên sai cung nhân ăn chay. Các cung nhân đều ngần ngại, duy có nữ quan Nguyễn Thị Diên chặt ngón tay **[35b]** đem dâng. Thượng hoàng ngợi khen, ban cho 40 mẫu ruộng làm lương ăn tu hành ngày sau. Rồi Thị Diên quả nhiên đi tu cho đến lúc mất, Phật hiệu là Tịnh Quang ni.

Mùa đông, phụ táng Tuyên Từ thái hậu ở cạnh lăng Nhân Tông.

Trước đây, Nhân Tông từng dặn lại Anh Tông ngày sau phải đem dì (tức là thái hậu) táng ở cạnh lăng và vẽ bản đồ chôn cất thành huyệt hình thước thợ trao lại. Đến đây, Thượng hoàng theo di mệnh, đào cạnh lăng để chôn. Đất lăng nhiều bùn lầy, tiếng đào đắp vang động cả khu lăng. Thượng hoàng có vẻ lo. Trước đây, khi sắp chôn thái hậu [vào đấy], các quan tâu rằng không nên làm kinh động lăng tẩm. Thượng hoàng nói:

"Tiên đế có lệnh, ta không dám trái. Nếu có tổn hại gì, ta sẽ chịu cả".

Sau khi chôn không được bao lâu, Thượng hoàng bị bệnh, đầy năm thì băng.

Kỷ Mùi, [Đại Khánh] năm thứ 6 [1319], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 6). Mùa hạ, tháng 4, bến Đông Thiên Vương ở Đống Lâm lở 10 trượng.

[36a] Tháng 5, ngày 17, hoàng thái tử Vượng sinh tên hiệu là Thiên Kiến.

Nước to.

Mùa đông, tháng 11, hoàng thái tử Nguyên Trác sinh.

Canh Thân, [Đại Khánh] năm thứ 7 [1320], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 3, ngày 16, thượng hoàng băng ở cung Trùng Quang phủ Thiên Trường, rước linh cữu vào cửa Tường Phù, quàn tại cung Thánh Từ.

Thượng hoàng tính tình khiêm tốn hoà nhã, hoà mục với người trong họ, mọi việc của triều đình đều tự mình quyết đoán. Khi thư rỗi trong muôn việc bận, Thượng hoàng để tâm tới việc trước thuật. Nhưng viết được gì, vẽ được gì, ngài đều đốt cả. Tập thơ ngự chế tên là Thủy vân tùy bút, trước khi mất, cũng đốt đi.

Hồi còn trẻ, thích uống rượu, Nhân Tông răn bảo chuyện đó, từ đấy không bao giờ uống nữa. Ngài từng ban tước hơi nhiều cho các quan trong triều. Nhân Tông biết được, sai lấy sổ xem rồi ghi vào trong đó rằng:

"Sao lại có một nước bé bằng bàn tay mà phong quan tước nhiều như thế", từ đó lại càng **[36b]** thận trọng khi ban chức tước. Ngài không ngại sửa lỗi như vậy đó!.

Quan nô là Hoàng Hộc và Thiên Kiện dùng mưu kế xảo trá, đánh lừa hình quan, người trong hương rốt cuộc phải chịu tội vu cáo. Thượng hoàng biết chuyện, bảo hình quan rằng:

"Tên Hộc gian ngoan xảo quyệt đến thế mà ngục quan không biết suy xét tình lý. Tình ngay lý gian thì không được lấy lý bỏ tình. Phải suy xét cả tình và lý, tình lý không xung đột thì mới là giỏi xử án. Nếu biết tình không gian, thì theo lý mà làm là phải, nếu tình quả là gian rồi, thì lại phải suy xét xem lý ngay hay cong, như vậy, điều gian dối sẽ tự khắc hiện ra, càng không nên tách rời tình lý làm hai mà xét".

Ngài sáng suốt, thận trọng về hình phạt lại như thế đấy.

Huy Tư được phong hoàng phi, thi theo hầu [thượng hoàng] chưa được ngồi kiệu. Bảo Từ lấy kiệu mình vẫn đi ban cho bà thì ngài trách rằng:

"Bảo Từ có thương yêu Huy Tư thì cho thứ khác là phải, chứ cái kiệu ngồi còn điển chế cũ, không thể **[37a]** cho được!".

Nguyễn Sĩ Cố, Chu Bộ là cận thần của thái tử. Đến khi thái tử lên ngôi. Cố và Bộ đều vì không có đức hạnh nên đều không được cất nhắc. Cố làm đến Thiên chương các học sĩ, chức này thực đặt làm vì, chứ không có quyền hành gì. Bộ thì chỉ coi mấy bộ cấm binh Khôi. Khi thượng hoàng thân đi đánh Chiêm Thành, Bộ chết trận, Cố thì chết trên đường đi. Hai người này phục vụ Thượng hoàng khó nhọc lâu ngày, nhưng vì tài không thể dùng được, nên đặc họ vào chức nhàn tản và đều cho bổng lộc tước trật ưu hậu cả mà không trao cho thực quyền.

Nguyễn Quốc Phụ làm Nội thư chánh chưởng, là cận thần của Nhân Tông. Khoảng năm Hưng Long [1293 - 1314] khuyết chức Hành khiển. [Có lần] Thượng hoàng chầu Nhân Tông ở chùa Sùng Nghiêm, Nhân Tông bảo: "Quốc Phụ được đấy!" [Thượng hoàng thưa:

"Nếu lấy ngôi thứ mà bàn, thì [Quốc Phụ] được rồi, chỉ hiềm hắn nghiện rượu thôi!".

Nhân Tông im lặng rồi không dùng. Quốc Phụ cuối cùng vẫn giữ chức cũ cho đến khi chết. Ngài thận trọng đối với những chức vị quan trọng lại như thế đấy.

Bấy giờ rước linh cữu [thượng hoàng] **[37b]** đưa về Thiên Trường. Thuyền của Bảo Từ thái hậu có 8 dây kéo, thuyền của Huy Tư hoàng phi có 2 dây kéo. Người coi cấm quan có ý nịnh vua, lấy dây buộc thêm vào thuyền của hoàng phi. Tướng quân Trần Hựu nói:

"Thuyền của thái hậu có 8 dây kéo là quy chế của nhà Trần để tỏ rõ danh phận trên dưới", lập tức rút gươm cắt dây bỏ bớt đi. Việc đến tai vua, vua khen ông trung thành. Hựu là viên quan cận thần của Thượng hoàng.

Mùa hạ, tháng 6, nước to.

Mùa thu, tháng 8, gió to.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu rằng những người tranh nhau ruộng đất, nếu khám xét thấy không phải của mình mà cố tranh bậy thì bị truy tố, tính giá tiền ruộng đất, bắt đền gấp đôi. Nếu làm văn khế giả, thì bị chặt một đốt ngón tay bên trái.

Tháng 11, Điện súy thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão mất tại phũ đệ vua ban ở vườn cau trong thành, thọ 66 tuổi. Vua nghỉ chầu 5 ngày, đó là ân điển đặc biệt.

Ngũ Lão [người làng] Phù Ủng, [huyện] Đường Hảo [châu] Thượng Hồng, lúc hơn hai mươi tuổi, **[38a]**, Hưng Đạo Vương thấy và cho là có kỳ tài, đem con gái nuôi gả cho. [Ngũ Lão] nhân đó, làm gia thần cho vương, được vương dạy bảo thêm, tài nghệ tuyệt vời. Vương tiến cử ông.

Ngũ Lão xuất thân trong hàng quân ngũ, nhưng rất thích đọc sách, là người phóng khoáng, có chí lớn, thích ngâm thơ, tựa như không để ý đến việc võ bị. Nhưng quân ông chỉ huy, thực là đội quân phụ tử, hễ đánh là thắng. Ông có làm bài thơ:

Hoành sáo giang sơn cáp kỷ thu,
Tam quân tỳ hổ khí thôn ngưu.
Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.

(Vung giáo non sông trải mấy thu,
Ba quân tựa cọp nuốt trôi trâu.
Trai chưa trả nợ công danh được,
Còn thẹn khi nghe chuyện Vũ hầu)[1].

Ông huấn luyện quân đội rất có kỷ luật, đối đãi tướng hiệu tực như người nhà, cùng đồng cam cộng khổ với binh sĩ, cho nên quân đi tới đâu, không ai dám chống; tất cả chiến lợi phẩm thu được đều sung vào kho quân, coi của cải như không, là bậc danh tướng của một thời vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tôi từng thấy các danh tướng nhà Trần như Hưng Đạo Vương thì học vấn **[38b]** tỏ ra ở bài hịch, Phạm điện súy thì học vấn biểu hiện ở câu thơ, không chỉ có chuyện về nghề võ. Thế mà dùng binh tinh diệu, hễ đánh là thắng, đã tấn công là chiếm được, người xưa cũng không một ai vượt nổi các ông. Lê Phụ Trần thì dũng lược đứng đầu ba quân, một mình một ngựa xông pha trong lúc gian nguy, mà tài văn học của ông đủ để dạy bảo thái tử. Đủ biết, nhà Trần dùng người, vốn căn cứ vào tài năng của họ để trao trách nhiệm. Còn như quân Thiên thuộc (tức là quân Thiên vũ) mà cấm không được vào học. Giả sử có người văn võ toàn tài sinh ra ở trong đó, thì chẳng bị kìm hãm lắm sao!

Tháng 12, ngày 12, táng Thượng hoàng vào Thái lăng ở Yên Sinh (Thái Lăng ở núi Yên Sinh, hai lăng Mục Lăng và Phụ Lăng cũng ở đó), miếu hiệu là Anh Tông, thụy hiệu là Hiển Văn Duệ Vũ Khâm Minh Nhân Hiếu Hoàng Đế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Gốc của thiên hạ là ở nước, gốc của nước là ở nhà, **[39a]** gốc của nhà là ở mình. Có dạy được người trong nước. Đời Đường Ngu thịnh trị chẳng qua cũng là như vậy. Kinh Thư ca ngợi Đế Nghiêu dẫn dắt muôn dân bỏ ác làm thiện, đi tới thịnh trị, thì hẳn là vì trước hết ông biết thân yêu họ hàng[2], cũng tức là đã thực hiện giáo hóa bắt đầu từ trong nhà vậy. Tôi đọc sử chép về Anh Tông, thấy không ngần ngại sửa bỏ lỗi lầm, kính cẩn thờ phụng cha mẹ, hòa mục với họ hàng, truy tôn tổ tiên làm đế làm hậu, chu đáo trong cúng tế, thận trọng trong tang lễ, đều là phải đạo; trong nhà đủ làm khuôn phép, người ngoài bắt chước theo. Cho nên trên thì Nhân Tông khen là hiếu, dưới thì Minh Tông tuân theo khuôn phép. Nước trở nên văn minh,dân tới chỗ giàu thịnh. Như thế chẳng phải là hiệu quả trị nước vốn ở gốc tu thân tề gia là gì? Dù lời khen trong Thi, Thư[3] cũng không hơn thế.

Lại nói: Thiên tử mất 7 tháng thì chôn, nay để hơn 9 tháng mới chôn. Có lẽ thế là theo thuyết âm dương chăng[4].

[39b] Trước đây, Anh Tông không khoẻ, vua ngày đêm ơ luôn ngoài cửa phòng ngủ của Thượng hoàng, mỗi khi vào thăm thì cùng đi với Quốc Chẩn. Vì Anh Tông tin cậy Quốc Chẩn hơn cả, định đem vua gửi gắm Quốc Chẩn, cho nên không cho vào thăm một mình, mà phải cùng đi với Quốc Chẩn, cốt để cho tình nghĩa vua tôi được khăng khít và không còn nghi ngại gì nữa.

Bấy giờ, Bảo Từ thái hậu cho gọi sư Phổ Huệ đến chùa Phổ Minh mở hội Quán đính[5]. Anh Tông bệnh vừa chuyển nặng. Phổ Huệ xin được gặp để trình bày việc sống chết. [Anh Tông] sai trả lời rằng:

---

[1] Vũ hầu: tức Gia Cát Lượng, tướng nước Thục thời Tam Quốc.

[2] Nguyên văn là "Cửu tộc" tức họ 9 đời gồm cao, tằng, tổ, khảo bản thân và con, cháu, chắt, chút, ở đây chỉ họ hàng nói chung.

[3] Thư Kinh (Nghiêu điển) ca ngợi vua Nghiêu: "Làm sáng đức lớn để thân yêu hòa hợp được họ hàng, họ hàng hòa mục rồi, lại làm cho trăm họ tốt đẹp, trăm họ sáng tỏ rồi lại hòa hợp với muôn nước chư hầu. Dân chúng trong thiên hạ đều bỏ ác làm thiện, trở nên yên vui hưng thịnh".

[4] Thuyết âm dương: ở đây là chỉ quan niệm của các nhà chiêm tinh thuật số cho rằng người chết phải chọn ngày, chọn giờ để chôn, nếu không được ngày giờ lành, sẽ có thể gây ra tai họa cho người sống.

[5] Quán đính:(Abhiseka) là một nghi lễ Phật giáo, dùng nước hoặc sữa gội lên đỉnh đầu.

"Sư hãy đến đây, ta chết rồi, Quan gia có sai bảo gì, thì cứ việc làm. Còn như chuyện sau khi chết, thì sư cũng chưa chết, biết đâu mà trình bày việc chết với ta?".

Thái học sinh Đặng Tảo thường xuyên đứng hầu bên giường ngự để viết di chiếu. Anh Tông băng, vua đích thân khâm liệm. Chỉ có Quốc phụ cùng Tảo và gia nhi chủ nô là Lê Chung tham gia việc này. Đến khi rước linh cữu về sơn lăng, Tảo, Chung đều tới hầu **[40a]** lăng tẩm. Hàng năm, khi vua bái yết lăng, Tảo thườn lánh đi chổ khác, chỉ có ý nguyện ở lại phụng thờ lăng tẩm mà thôi, chứ không đòi xin gì khác.

Vua thương Tảo nghèo, ban cho 20 mẫu ruộng, sai Trần Thế Hưng mang giấy cho. Ruộng này khi trước đã ban cho thứ phi của vua là Thiên Xuân. Thiên Xuân cứ giữ giấy cũ mà cày cấy, thế mà Tảo vẫn không tranh chấp với bà. Thế Hưng biết chuyện, tâu thực với vua. Vua lập tức thu lại giấy của Thiên Xuân, đem ruộng trả cho Tảo, Tảo cũng chẳng lấy làm mừng.

Chung thì dời mồ mả tổ tiên, bán ruộng đất, nhà cửa, đem gia quyến vợ con đến Yên Sinh, chôn cất và làm nhà ở đấy. Cả hai người đều ở Yên Sinh cho đến khi mất. Sau này Nghệ Hoàng đến Yên Sinh, tưởng nhớ hai người bề tôi đó, liền sai Trần An trùng tu chùa cũ của Tảo và Chung, lại cấp ruộng để thờ cúng, ban tên chùa là chùa Trung Tiết.

Đổi đô Phù Liễn làm Khấu mã quân.

Đói.

Lấy Bùi Mộc Đạc tri Thẩm hình viện sự, kiêm [40b] Chuyển vận sứ lộ Hoàng Giang Hạ.

Tân Dậu, [Đại Khánh] năm thứ 8 [1321], (Nguyên Anh Tông Thạc Đức Bạt Lạt Chí Trị năm thứ 10). Mùa xuân, tôn Thuận Thánh Bảo Từ thái thượng hoàng hậu làm Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu, tôn mẹ thân sinh là Huy Tư hoàng phi làm Huy Tư hoàng thái phi (tức là Chiêu Từ hoàng thái hậu).

Tháng 2, gạo 1 thăng nhỏ trị giá 1 quan tiền.

Mùa hạ, lúa chiêm được mùa to.

Mùa đông, tháng 12, hoàng tử thứ ba là Phủ sinh.

Thi các tăng nhân, hỏi kinh Kim Cương.

Ban cho Trần Khắc Chung tước Quan nội hầu.

Sai sứ sang Nguyên mừng Anh Tông lên ngôi.

Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Ngự sử đài thị ngự sử.

Nhâm Tuất, [Đại Khánh] năm thứ 9 [1322], (Nguyên Chí Trị năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Huệ Túc Đại Vương Niên làm Phó ký lang.

Tháng 3, sét đánh tháp Báo Thiên, sụt mất 2 tầng góc bên đông.

Mùa hạ, người Nguyên **[41a]** tranh chấp biên giới. Sai Hình bộ thượng thư, ty Hành khiển là Doãn Bang Hiến sang Nguyên tranh biện. Hiến mất trên đường đi, vua rất thương tiếc.

Quý Hợi, [Đại Khánh] năm thứ 10 [1323], (Nguyên Chí Trị năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 8, ngày 22, vua ngự đến nhà Thái học. Có tên Mặc trong quân Thiên thuộc ở Hoàng Giang đỗ khoa thi Thái học sinh, vua xuống chiếu bắt trở lại quân ngũ, làm quân lại quân Thiên đình, đến khi thi đánh gậy, [Mặc] lại đỗ cao.

Bấy giờ tuyển chọn các quân, lấy người béo trắng làm hạng trên, cho nên quân sĩ không xăm mình nữa là bắt đầu từ đấy.

Xuống chiếu rằng khi tranh ruộng mà ruộng có lúa, thì hãy chia làm 2 phần, bồi thường cho người cày 1 phần, còn 1 phần lưu lại. Đó là theo lời tâu của Đại an phủ Kinh sư kiêm Kiểm pháp quan Nguyễn Dũ. Dũ nổi tiếng ngang với Thiên Hư. Khi Thiên Hư thôi chức Kinh lược sứ Nghệ An, Lâm Bình, vua sai Dũ kế chức ấy. Người Chiêm **[41b]** cũng sợ phục.

Bấy giờ, quan trong triều như bọn Trần Thì Kiến, Đoàn Nhữ Hài, Đỗ Thiên Hư, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Dũ, Phạm Mai, Phạm Ngộ, Nguyễn Trung Ngạn, Lê Quát, Phạm Sư Mạnh, Lê Duy (Duy người xã Cổ Định, huyện Nông Cống), Trương Hán Siêu, Lê Cư Nhân nối nhau vào triều, nhân tài rộ nở.

Anh em Ngộ, Mại vốn trước là họ Chúc, khi Nhân Tông xuất gia, làm nội học sinh theo hầu. Vua cho rằng họ Chúc không phải là họ lớn, mới đổi cho thành họ Phạm. Ngộ trước tên là Kiên, Mại trước tên là Cố, đều theo học Nguyễn Sĩ Cố. Kiên tránh tên của phán thủ Huệ Nghĩa đổi là Ngộ, Cố tránh tên của thầy, đổi là Mại. Mại ở ngự sử đài[1], cương trực dám nói, có phong cách người bề tôi can ngăn ngày xưa". Sau vào chính phủ, không được mấy năm bị bãi chức.

Trung Ngạn tên cũ là Cốt. Khi Anh Tông ngự cung Trùng Quang, có ý muốn xuất gia, có làm bài thơ "Chiêu ẩn"[2] ban cho Trung Ngạn, Trung Ngạn từ chối không vâng mệnh.

Đĩnh Chi là người liêm khiết, **[42a]** sống rất đạm bạc. Vua rất hiểu ông, sai người ban đêm đem 10 quan tiền bỏ vào nhà ông. Hôm sau, Đĩnh Chi vào chầu, tâu vua hay chuyện đó. Vua bảo: "Không ai đến nhận, cho khanh lấy mà tiêu". Thời Hiến Tông, ông làm Nhập nội hành khiển Hữu ty lang trung rồi thăng Tả ty lang trung.

Mùa đông, tháng 11, đúc tiền kẽm.

Tháng 12, sách phong con gái trưởng của Huệ Vũ Đại Vương Quốc Chẩn là Huy Thánh công chúa làm Lê Thánh hoàng hậu (tức là Hiến Từ thái hậu).

Lấy Uy Giản hầu (không rõ tên) làm Tham thị triều chính trị quân quốc sự. Thân thuộc có kẻ chê chức ấy thấp. Uy Giản bảo chúng:

"Bọn bay ngu quá, phàm bề tôi được chúa thượng trông tới, đều do ở lòng thánh lựa chọn, chứ không phải là sức người làm nổi, sao lại được càn rỡ nghĩ xằng? Ta may được đội ơn yêu quý, thực đã quá lòng mong muốn rồi, bàn chi đến chức cao hay thấp".

Vua nghe biết, cho là những lời nói phải.

[42b], Giáp Tý, [Khai Thái] năm thứ 1 [1324], (Nguyên Thái Định năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu.

Xét duyệt các sắc mụ nội thị tạp lưu.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Huệ Vũ Đại Vương Quốc Chẩn làm Nhập nội quốc phụ thượng tể, Kiểm hiệu thái úy Nhật Duật làm Tá thánh thái sư; Uy Túc công Văn Bích làm Nhập nội phụ quốc thái bảo, Văn Huệ công Quang Triều làm Nhập nội hiệu tư đồ.

Vua Nguyên sai Mã Hợp Mưu[3], Dương Tông Thụy sang báo tin lên ngôi[4] và trao cho 1 quyển lịch.

Bọn Mưu đi ngựa đến tận đường ở cầu Tây Thấu Trì không xuống. Những người biết tiếng Hán, vâng lệnh tiếp chuyện, từ giờ Thìn đến giờ Ngọ, khí giận càng tăng.

Vua sai Thị ngự sử Nguyễn Trung Ngạn ra đón. Trung Ngạn lấy lẽ bẻ lại, Hợp Mưu đuối lý, phải xuống ngựa bưng chiếu đi bộ. Vua rất hài lòng.

Rồi sau bàn việc trái ý vua, [Ngạn] bị giáng làm Thông phán châu Viêm Lãng, **[43a]** được tiếng là chính sự giỏi. Ít lâu sau, được thăng làm Thiêm tri Thánh Từ cung sự.

---

[1] Theo Nam ông mộng lục của Hồ Nguyên Trừng thì Phạm mại làm ngự sử trung thừa, bị cách chức trong vụ án Huệ Vũ Vương Quốc Chẩn. Sau khi Quốc Chẩn được minh oan, Mại được thăng làm tham tri chính sự.

[2] Chiêu ẩn: có nghĩa là mời bậc ẩn sĩ ra làm quan. Hoài Nam vương An đời Hán có thiên "Chiêu ẩn sĩ", Tống Văn Đế có xây Chiêu Ẩn quán cho Lôi Thứ Tông ở Chung Sơn.

[3] Phiên âm tên Hồi giáo Mahmud.

[4] Vua Nguyên lên ngôi nói ở đây là NguyênThái Định Đế.

Ban cho Trần Bang Cẩn bức tranh và bài thơ. Bấy giờ, Bang Cẩn làm Đại hành khiển thượng thư tả bộc xạ, là người tín thực giữ gìn, giản dị điềm tĩnh, không xa hoa. Vua ban cho bức tranh và bài thơ rằng:

Hình dung cốt cách nại đông hàn,

Tướng mạo đình đình diệc khả khan.

Phong lưu nhất đoạn hồn miêu tận,

Tâm lý nan miêu cảnh cảnh đan.

(Cốt cách dáng hình chịu rét đông,

Hiên ngang tướng mạo thực nên trông.

Phong lưu mọi vẻ đều nên cả,

Vẽ sao canh cánh tấm lòng trung).

Mùa đông, tháng 12, cấm tiền kẽm.

Năm này hạn hán, sâu bọ; trâu bò, gia súa chết nhiều.

Ất Sửu, [Khai Thái] năm thứ 2 [1325], (Nguyên Thái Định năm thứ 2). Mùa xuân, đặt ty Liêm phỏng ở các lộ. Lấy Đặng Lộ làm Liêm phỏng sứ hai lộ Đại Hoàng và An Tiêm.

Mùa thu, tháng 8, ban xuống các điều lệ mới quy định.

Theo quy chế cũ, Hành khiển ty ở cung Quan Triều và Thánh Từ, cùng Nội thư hỏa cục thì gọi chung là Nội mật viện. Đến nay, đổi Hành khiển ty thành Môn hạ sảnh, còn Nội thư hỏa cục vẫn là Nội mật **[43b]** viện.

Tư đồ Văn Huệ công Quang Triều mất (thọ 39 tuổi).

Bính Dần, [Khai Thái] năm thứ 3 [1326], (Nguyên Thái Định năm thứ 3). Từ tháng 2, mùa xuân, đến tháng 6 không mưa.

Tháng 3, Trung thư thị lang tri Thẩm hình viện sự Bùi Mộc Đạc mất.

Trước đây, khi Anh Tông sắp băng có bảo vua:

"Mộc Đạc trải thờ ba triều, là người cung kính, thận trọng, giữ gìn, học thức khả quan, nên đãi ngộ cho khéo, chớ để bị người ta ngăn trở".

Vua sai vẽ chân dung Mộc Đạc cất ở nhà sách, có ý định dùng vào chức to, nhưng chưa kịp thăng thì mất (thọ 62 tuổi).

Mùa thu, tháng 7, xét duyệt các quan văn võ.

Lấy Nội thư hỏa chánh chưởng phụng ngự Tạ Bất Căng làm Nhập nội hành khiển, hành Tả ty lang trung. Lấy Trần Khắc Chung làm thiếu bảo, hành Thánh Từ cung Tả ty sự, ban tên tự là Văn Tiết, hàm Đồng trung thư môn hạ bình chương sự.

Buổi quốc sơ, theo quy chế cũ của nhà Lý, hàm Hành khiển có thêm các chữ Trung thư môn hạ bình **[44a]** chương sự. Từ khi thượng tướng Quang Khải ở ngôi tể tướng, chê chức hành khiển và chức tể tướng ngang hàng nhau, mới tâu xin đổi thành Trung thư môn hạ công sự để cho có phân biệt.

Đến đây, vua cho Khắc Chung thăng chức Thiếu bảo, nhưng vẫn làm việc hành khiển; để ưu đãi, nên đặc cách thêm các chữ Trung thư môn hạ bình chương sự, là theo quy chế cũ.

Giáng Nguyễn Trung Ngạn làm An phủ sứ Thanh Hóa.

Trung Ngạn có tính hay sơ xuất. Bấy giờ, Bảo Vũ Vương được ban tước Tạo y thượng vị hầu[1], Trung Ngạn ghi sổ, lại xếp vào hàng Tử y[2]. Vua thương ông có tài, vả lại cũng là do lầm lỡ, không bắt tội, nên đuổi ra làm quan bên ngoài. Trung Ngạn từng làm bài thơ tự phụ rằng:

Giới Hiên tiên sinh lang miếu khí,

Diệu kinh dĩ hữu thốn ngưu chí.

Niên phương thập nhị thái học sinh,

Tài đăng thập lục sung đình thí.

Nhị thập hựu tứ nhập gián quan,

Nhị thập hựu lục Yên kinh sứ.

(Giới Hiên tiên sinh tài lang miếu[3],

Có chí nuốt trâu từ niên thiếu.

Tuổi mới mười hai thái học sinh,

Vừa đến mười sáu dự thi đình.

Hai mươi bốn tuổi làm quan gián,

Hai mươi sáu tuổi sứ Yên Kinh)[4].

Ông kiêu căng như vậy đấy. Về sau, hai lần sung chức **[44b]** Hựu sảnh[5]. Đến thời Dụ Tông, vào chính phủ, giữ trọn tiếng tốt, không phụ là bậc nho giả, thọ hơn 80 tuổi. Có Giới Hiên tập lưu hành ở đời.

Bấy giờ Trương Hán Siêu làm Hành khiển. Một hôm, Siêu nói trong triều rằng hình quan Phạm Ngộ và Lê Duy ăn hối lộ. Vua lập tức sai điều tra. Hán Siêu nói kín với người khác:

"Tôi làm việc ở chính phủ, được chúa thượng tin dùng, cho nên mới nói thế, biết đâu lại có chuyện tra xét này!".

Vua nghe vậy nói: "Hành khiển là quan ở sảnh, Thẩm hình là quan ở viện, ta đều tín nhiệm cả. Sao lại làm ta tin quan sảnh mà ngờ quan viện?".

Đến khi tra hỏi, Hán Siêu đuối lý phải phạt 300 quan tiền.

Ít lâu sau, lấy Phạm Ngộ làm Tham tri chính sự đồng tri thượng thư Tả ty sự, chức ngang với Hán Siêu. Ngộ tuy học vấn không bằng Hán Siêu, nhưng làm quan thanh liêm cẩn thận, được tiếng khen ở thời đó.

Huệ Túc Vương đánh Chiêm Thành không thắng lợi **[45a]** trở về. Vua nói:

"Tiên đế tắm mưa gội gió mới bắt được chúa nước nó. Quốc phụ là một trọng thần, phụng mệnh đi đánh[6], khiến chúa nước giặc là Chế Năng phải chạy sang nước khác (Chế Năng chạy sang Trảo Oa cầu cứu), lập tù trưởng A Nan làm Hiệu Thánh á vương. Nay Huệ Túc chỉ là một vương thôi, uy vọng không

[1] Tạo y thượng vị hầu: tước vị hầu mặc áo đen.

[2] Tử y thượng vị hầu: tước thượng vị hầu mặc áo tía.

[3] Lang miếu: là triều đình, câu thơ có ý "Tiên sinh Giới Hiên là nhân tài của triều đình".

[4] Năm 26 tuổi, Nguyễn Trung Ngạn được lệnh đi sứ sang kinh đô nhà Nguyên, bấy giờ là Yên Kinh (nay là Bắc Kinh).

[5] Hựu sảnh: tức là Nội mật viện.

[6] Toàn thư chép năm Mậu Ngọ (1318). Sai Huệ Vũ Vương Quốc Chẩn đi đánh Chiêm Thành (q.6, tờ 35a). Toàn thư cũng chép năm Giáp Tý (1424) lấy Huệ Vũ Vương Quốc Chẩn làm Nhập nội quốc phụ thượng tể. Như vậy Quốc phụ ở đây là Quốc Chẩn và lần đi đánh Chiêm Thành này xảy ra vào năm 1318.

thể sánh với Quốc phụ, thế mà ta cứ ở yên trong cung, trao cho chuyên việc đánh dẹp, muốn bắt sống chúa nó thì làm nổi chăng?".

Đinh Mão, [Khai Thái] năm thứ 4 [1327], (Nguyên Thái Định năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 5, sét đánh lăng tẩm. Quần thần bàn việc ấy. Xuống chiếu phạt bọn Thiếu bảo Trần Khắc Chung, Hành khiển Đoàn Nhữ Hài theo mức độ khác nhau.

Sau hôm sét đánh, các quan họp bàn ở Nội nhân văn cục. Các vương hầu cùng giải lao với Trần Khắc Chung và Đoàn Nhữ Hài. Khắc Chung nói chuyện có giọng hài hước. Nhữ Hài vội đứng dậy bỏ đi. Khắc Chung nói xong mọi người đều cười, **[45b]** bị quan Ngự sử hặc tội. Xuống chiếu phạt Khắc Chung và Nhữ Hài. Nhữ Hài cãi:

"Lúc cười đùa thì thần đã đi rồi".

Vua nói:

"Nhữ Hài nghe biết là đùa cợt, không ngăn, lại bỏ mà đi, thế là cố ý hãm mọi người vào tội lỗi mà tính kế tránh lỗi cho mình".

Rốt cuộc vẫn phạt Nhữ Hài.

Có viên quan tên là Hiệu Khả ca ngợi vua giỏi hơn Anh Tông. Vua biến sắc mặt, ngăn không cho nói và bảo:

"Ai mà khen người khác là giỏi hơn cha, thì người ấy hẳn là bất hiếu với cha mẹ, cho nên mới nói ra câu ấy".

Hiệu Khả không biết chiều cha mẹ, nên vua nói thế để răn đe y.

(Hiệu Khả là người trong lòng trí trá. Có lần, vua lấy ra hai chiếc hòm đựng áo mặc, sai Hiệu Khả xếp loại tốt xấu và bảo Khả: "Một cái do chính tay Thái thượng tự làm, một cái do nội nhân Lê Kế làm, cả hai đều tinh xảo cả, ngươi chỉ xem cái nào khéo hơn".

Hiệu Khả xem đi xem lại hai ba lần rồi nói úp mở theo kiểu nước đôi: "Chúa thượng có cái khép của chúa thượng, bề tôi cũng có cái khéo của bề tôi".

Vua cũng phải phì cười.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Câu nói ấy của vua, tuy là nhất thời nói ra với Hiệu Khả, [46a] nhưng tấm lòng trung hậu qua đó cũng đủ rõ.

Mậu Thìn, [Khai Thái] năm thứ 5 [1328], (Nguyên Trí Hoà năm thứ 1, từ tháng 9 trở đi là Văn Tông Đồ Thiếp Mục Nhĩ năm Đại Lịch thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, giết Quốc phụ thượng tể Quốc Chẩn.

Bấy giờ, vua ở ngôi đã 15 năm, tuổi đã cao mà vẫn chưa lập thái tử. Cha hoàng hậu là Quốc Chẩn giữ ý định đợi hoàng hậu có con rồi sẽ lập. Cương Đông Văn Hiến hầu (không rõ tên) là con (có sách chép là em) của Tá Thánh thái sư Nhật Duật, muốn đánh đổ hoàng hậu để lập hoàng tử Vượng, mới đem 100 lạng vàng đút lót cho gia thần của Quốc Chẩn là Trần Phẫu, bảo nó vu cáo Quốc Chẩn âm mưu phản loạn. Vua tin là thực, giam Quốc Chẩn ở chùa Tư Phúc rồi đem việc ấy hỏi Thiếu bảo Trần Khắc Chung. Khắc Chung cùng cánh với Văn Hiến, lại cùng mẹ với Vượng, đều là người Giáp Sơn và đã từng làm thầy dạy Vượng, liền trả lời: "Bắt hổ thì dễ, thả hổ thì khó". **[46b]** Vua mới cấm tuyệt không cho Quốc Chẩn ăn uống, bắt phải tự tử. Hoàng hậy lấy áo tẩm nước cho Quốc Chẩn uống, uống xong thì chết. Bắt bớ đến hơn trăm người liên can. Mỗi khi xử án, bị can phần nhiều đều kêu oan.

Vài năm sau, gặp khi vợ cả vợ lẽ tên Phẫu ghen nhau, đem chuyện Văn Hiến đút vàng tâu lên vua. Phẫu bị hạ ngục. Ngục quan Lê Duy là người cương trực, xét xử ngay ngày hôm ấy. Tên Phẫu bị lăng trì, nhưng chưa kịp hành hình thì gia nô của Thiệu Võ (không rõ tên) là con của Quốc Chẩn đã ăn sống hết cả thịt của nó. Văn Hiến được miễn tội chết, bị giáng làm dân thường, xóa tên trong sổ [hoàng tộc].

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Ngôi thái tử là gốc của nước, không thể không lập sớm. Phận chính đích không thể để chi thứ phạm bừa. Vua ở ngôi đã lâu, con thứ đã lớn rồi

mà con chính đích chưa sinh, thì làm thế nào? Tòng quyền là phải. Đợi con đích là chấp chính[1], lập [47a] con thứ là tòng quyền. Đến khi con đích sinh ra, lớn lên, thì gia phong cho con thứ tước vương, còn ngôi thái tử trả về con đích, ai bảo là chẳng nên?.

Có người hỏi rằng: "Lỡ có chuyện không lành, vua cha mất trước thì nguy lắm".

Xin thưa: Hãy chămchú vào lời dạy thường ngày, nhận rõ lấy những lời trong di chiếu, chọn người bề tôi xã tắc, ủy cho việc gửi gắm con côi, thì không có lo gì. Huống chi Minh Tông chính mình ở vào cảnh ấy rồi, tất nhiên có thể xử trí được ổn thỏa. Quốc Chẩn là người cố chấp không linh hoạtt, để cho kẻ gian thần thừa dịp gieo vạ, đáng thương thay!.

Kinh dịch có câu: "Xét xem có chỗ sáng tỏ thông suốt mà thi hành điển lễ". Quốc Chẩn có lẽ chưa nghe bao giờ! Nhưng mối oan của ôn không thể không làm cho rõ.

Còn như Trần Khắc Chung cũng là nhân vật của một thời, vua trao cho hắn chức vị sư bảo[2], và đem việc nước hỏi hắn, đáng lẽ phải hết lòng trung khuyên can, để cho vua mình trở thành Nghiêu Thuấn mới phải. Thế mà lại vào hùa với kẻ **[47b]** quyền quý, làm hại người ngay thẳng, đi theo bọn gian tà, đẩy người lành tới nỗi oan khiên, hãm đức vua vào việc làm tội lỗi. Việc ấy mà nhẫn tâm làm được, thì còn việc gì mà không nhẫn tâm làm nữa? Sau lại xui vua cầu công đi đánh Chiêm Thành, thì cái thói nịnh hót lại lộ ra nữa. Cho nên, bậc làm vua khi dùng người hiền, phải xét kỹ họ, là bởi sợ rằng có đứa tiểu nhân như bọn Khắc Chung có thể lọt vào trong đó vậy.

Lập hoàng tử Vượng làm Đông cung thái tử; phong con thứ là Nguyên Trác làm Cung Tĩnh Đại Vương.

Kỷ Tỵ, [Khai Thái] năm thứ 6 [1329], (từ tháng 2 trở đi là Khai Hựu năm thứ 1, Nguyên Đại Lịch năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 7, sách phong Đông cung thái tử Vượng làm Hoàng thái tử.

Ngày 15, vua nhường ngôi, Vượng lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Khai Hựu năm thứ 1. Đại xá. (Vua tự) xưng là Triết Hoàng, Tôn Thượng hoàng là Chương Nghiêu Văn Triết Thái Thượng **[48a]** Hoàng Đế. Tôn Lệ Thánh hoàng hậu làm Hiến Từ thái thượng hoàng hậu (Hiến có sách chép là Huệ). Quần thần dâng tôn hiệu là Thể Nguyên Ngự Cực Duệ Thánh Chí Hiếu Hoàng Đế.

Rước thượng hoàng về ở hành cung Thiên Trường. Các hoàng tử chầu hầu.

Thượng hoàng thường hay bàn đến các nhân vật của bản triều. Thái bảo Uy Túc Văn Bích nói:

"Xét bàn nhân vật để dạy hoàng tử, chỉ nên nhắc tới người thiện, còn kẻ ác hãy bỏ chớ bàn đến, sợ các hoàng tử nghe được, có thể sẽ có người bắt chước".

Thượng hoàng nói:

"Thiện ác đều phải nêu để đối chiếu, không thể bỏ một bên nào. Nếu con ta quả là hiền, thì nghe điều thiện tất phải theo mà học tập, nghe điều ác tất phải ghét mà tránh xa; thiện, ác đều có thể làm gương được cả. Nếu (con ta) không hiền, thì đợi gì thấy kẻ ác rồi mới làm điều ác? Như Thái Khang[3] thất đức, là bởi các vua trước chơi bời mà bắt chước hay sao? Tùy Dưỡng Đế[4] luôn mồm nói đến Nghiêu Thuấn, nhưng mọi việc làm của ông ta thì lại như Kiệt, Trụ, có phải là ông ta thấy điều thiện mà bắt chước hay sao".

---

[1] Kinh, quyền là hai khái niệm thường gặp trong kinh điển nho gia. Kinh là những nguyên tắc, nguyên là lý về đạo nghĩa, pháp chế không thể thay đổi được, bất di bất dịch, đòi hỏi mọi người phải luôn luôn tuân thủ (chấp kính). Quyền là quyền biến, là những biện pháp linh hoạt có lúc cần phải theo (tòng quyền), để đạt được mục đích (đạo), dù những biện pháp ấy có thể trái với các nguyên lý, nguyên tắc kinh điển.

[2] Khắc Chung được phong Thiếu bảo năm Khai Thái thứ 3 (1326), lại là thầy dạy (sư) của hoàng tử (sau là thái tử) Vượng nên gọi là "sư bảo".

[3] Theo truyền thuyết Trung Quốc: Thái Khang là vua nhà Hạ, con của Khải, chơi bời vô độ, sau bị chư hầu họ Hữu Cùng là Hậu Nghệ đuổi đi.

[4] Tùy Dưỡng Đế Dương Quảng là một tên vua vô đạo, giết cha là Văn Đế để cướp ngôi vua, cực kỳ xa hoa, tàn bạo, sau bị giết.

Uy Túc cúi đầu nhận là phải.

Lại một hôm, [thượng hoàng] mời Huệ Túc Vương vào tẩm điện, bảo ông ngồi. Thượng hoàng đang ăn chay. Huệ Túc Vương vốn bài xích Phật Lão, nhân nói:

"Thần không biết ăn chay thì có ích lợi gì?".

Thượng hoàng đoán biết ý ông, liền dụ rằng:

"Ông cha ta ngày xưa thường ăn cơm chay, cho nên ta bắt chước đó thôi, còn ích lợi gì thì ta không biết".

Huệ Túc im lặng rồi lui ra.

Phong Tá thánh thái sư Nhật Duật làm Đại Vương.

Mùa đông, Thượng hoàng đi tuần thú đạo Đà Giang, đích thân đi đánh man Ngưu Hống, sai Thiêm tri Nguyễn Trung Ngạn đi theo để biên soạn thực lục.

Trước đó, thời Nhân Tông, Ngưu Hống cùng Đạo Mật vào chầu, cho trở về. Đến nay, chúng làm phản, thả sức cướp bóc; đất cõi Đà Giang về tay chúng cả[1] lại mưu cướp nhà Hoài Trung. Thượng hoàng quyết định thân chinh. Trần Khắc Chung can rằng:

"Đà Giang vốn có tiếng là đất lam chướng, lại nhiều ghềnh thác chảy xiết, không **[49a]** lợi cho việc hành quân. Chiêm Thành không có lam chướng, khí độc, vả lại đế vương đời trước thân chinh, nhiều lần bắt được chúa nó. Chi bằng bỏ Ngưu Hống đấy mà đánh ChiêmThành là hơn. Thượng hoàng nói:

"Trẫm là cha mẹ dân, nếu sinh dân mắc vào cảnh lầm than thì phải cứu gấp, chả lẽ đi so đo khó dễ lợi hại hay sao?". Khắc Chung lạy tạ tâu rằng:

"Lòng thánh che chở, nuôi dưỡng rộng khắp, không phải là điều mà trí ngu tối của thần có thể nghĩ tới được".

Trước đây, khi Thượng hoàng sắp đi đánh Ngưu Hống, người Chiêm Chiêu đế cửa khuyết dâng thư, đinh ninh rằng sẽ xin đem cả trại ra hàng, nên đã khắc phù[2] làm tin. Thượng hoàng đang muốn lên trên thành trại của họ, bắt chước chuyện vua Hán Vũ Đế lên đài của chúa Hung Nô ngày xưa. Đến khi thân chinh, sai Chiêm Nghĩa tiến sang để tiếp ứng quân nhà vua và dặn rằng:

"Trại Chiêm Chiêu đã ước hẹn xin hàng, phải đợi quân ta tới, không được hành động liều".

Thượng hoàng đến Mường Việt[3], đóng quân lại, ban tên [cho đất ấy] là phủ Thái Bình; [ở đây] có suối Bác Tử, ban tên là suối Thanh Thủy **[48b]**. Chiêu Nghĩa hầuj tới Chiêm Chiêu, muốn tâng công, tấn công trại, bị thua. Tuyên uy tướng quân Vũ Tư Hoằng liều sức chiến đấu, chết tại trận. Thượng hoàng nghe tin nói: "Đã lỡ rồi!".

Song chiến dịch này, Thượng hoàng đích thân chỉ huy, hiệu lệnh nghiêm minh, uy thanh vang dội, Ai Lao nghe tiếng chạy tan.

Khi về đến sông Bạch Hạc, giữa sông có đá ngầm dọc theo dòng chảy. Thuyền đi thường bị chạm phải hay mắc cạn. Nghe nói thần sông ấy là Phụ Vũ Đại Vương. Thượng hoàng khấn thầm: "Nếu thuyền ngự đi được an toàn thì sẽ khen thưởng".

Sau này Hưng Hiếu Vương đi đánh man Đà Giang, đỗ thuyền trên sông Bạch Hạc, đêm thấy thần báo mộng rằng: "Năm trước vua có lệnh khen thưởng mà đến nay vẫn chưa thấy gì".

---

[1] Nguyên văn là "Bản giang chi địa...", chúng tôi cho rằng bản chữ "bản" vốn là chữ "Đà" Toàn thư chép lẫn.

[2] Phù là vật để làm tin, thường làm bằng tre, gỗ, đồng, ngọc có khắc chữ, chia làm hai, mỗi bên cầm một nữa, lúc cần chứng thực thì đem hai nửa ghép lại.

[3] Mường Việt: nay là đất huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Hưng Hiếu Vương về tâu lại, Thượng hoàng bèn phong thêm cho hai chữ: Quỷ thần thiêng liêng, ứng nghiệm, quả không sai là ngoa vậy.

Lấy Vũ Nghiêu Tá làm Nhập nội hành khiển Môn hạ hữu ty lang trung.

Nghiêu Tá (người Hồng Châu) với em là Nông, **[50a]**, đều đỗ cùng một khoa hồi Thượng hoàng còn ở ngôi vua. Anh em đều nổi tiếng văn học, Nghiêu Tá làm Hành khiển đồng tri Nội mật viện sự. Đến nay, trao cho chức này.